NGUYỄN VĂN KHOAN
(Sưu tầm và biên soạn)

Việt - Lào
Hai nước chúng ta

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Việt - Lào
Hai nước chúng ta

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung

Giám đốc - Tổng biên tập:

TRẦN CHÍ ĐẠT

Biên tập nội dung:

NGUYỄN THỊ LÊ – MAI QUỐC BẢO

Trình bày:

MAI QUỐC BẢO

Kỹ thuật sách điện tử:

HÀ MẠNH TOÀN

Thiết kế bìa:

TRẦN HỒNG MINH

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 4646-2018/CXBIPH/6-217/TTTT

Số quyết định xuất bản: 140/QĐ-NXB TTTT ngày 31 tháng 12 năm 2018

Nộp lưu chiểu Quý I năm 2019

Mã ISBN: 978-604-80-3600-3

NGUYỄN VĂN KHOAN
(Sưu tầm và biên soạn)

Việt - Lào
Hai nước chúng ta

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

SƯU TẦM VÀ BIÊN SOẠN

- NGUYỄN VĂN KHOAN	Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam
- NGUYỄN TỬ QUÝ	Lão thành cách mạng
- HOÀNG NGỌC BÁ	Đại tá, cựu chiến binh
- HỒNG DUNG	Viện Lịch sử quân sự

BIÊN MỤC TRÊN XUẤT BẢN PHẨM CỦA THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM

Nguyễn Văn Khoan

Việt - Lào: Hai nước chúng ta/ Nguyễn Văn Khoan s.t., b.s.

- H.: Thông tin và Truyền thông, 2018. - 420tr.; 21cm.

ISBN: 9786048018634

1. Quan hệ ngoại giao 2. Việt Nam 3. Lào

327.5970594 - dc23 TIF0024p-CIP

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cùng nằm trên bán đảo Đông Dương, núi liền núi, sông liền sông, cùng uống chung nước dòng sông Mê Kông, cùng tựa lưng vào dãy Trường Sơn, Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng rất gần gũi và thân thiết.

Là điểm giao thoa, cầu nối giữa nhiều phần của đại lục châu Á, được các nhà địa chính trị Pháp coi là gốc của châu Á, hai dân tộc Việt Nam và Lào đã có sự liên hệ trong lịch sử trường kỳ dựng và giữ nước. Như một nhu cầu tự phát và dần hướng tới tự giác, khi hữu sự, bị đe dọa xâm lược, hoặc bị xâm lược, hai dân tộc đã tìm đến nhau, giúp đỡ lẫn nhau.

Thế kỷ XV, đã chứng kiến sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa nghĩa quân Lam Sơn và nhân dân các bộ tộc Lào, cả về vũ khí, đạn dược, trang bị lẫn xây dựng căn cứ chiến đấu. Sang thế kỷ XIX, vận mệnh của hai dân tộc lại gắn bó với nhau khi có kẻ thù chung là thực dân Pháp. Nhiều cuộc khởi nghĩa yêu nước của nhân dân Việt Nam đã được nhân dân các bộ tộc Lào che chở, giúp đỡ. Phong trào Cần Vương của vua quan triều đình Huế cũng đã nhận được sự hỗ trợ rất nhiều từ các bộ tộc Lào anh em nơi vùng biên. Các nghĩa quân của các bộ tộc Lào chống Pháp cũng nhận được sự giúp đỡ, phối hợp của các lực lượng yêu nước chống Pháp ở các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào. Sự hợp tác

tự nguyện và tự giác ban đầu đó đã đặt nền móng vững chắc cho bước phát triển mới trong quan hệ giữa hai nước, hai dân tộc ở thế kỷ XX khi hoàn cảnh lịch sử đặt ra cho mỗi dân tộc và cả hai dân tộc những thách thức hết sức khó khăn cần phải vượt qua.

Cuốn sách "***Việt - Lào: Hai nước chúng ta***", do tác giả Nguyễn Văn Khoan sưu tầm và biên soạn, tập hợp một số công trình khoa học viết về một số chủ đề đã công bố trên các sách báo, tạp chí, được sắp xếp theo thời gian lịch sử đáp ứng yêu cầu của bạn đọc khao khát tìm hiểu một vấn đề lớn của lịch sử hai nước, đồng thời có thêm tài liệu nghiên cứu, tham khảo về lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào.

GS. Đinh Xuân Lâm - Nguyên Phó Chủ tịch Hội Khoa học lịch sử Việt Nam đã có những nhận định và đánh giá về cuốn sách này trong lần xuất bản đầu tiên: "*Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước lâu dài và anh dũng của nhân dân hai nước Việt - Lào, mối tình đoàn kết chiến đấu đã không ngừng được củng cố và phát triển. Đặc biệt từ khi bước vào thời kỳ cận đại, trước nguy cơ xâm lược của chủ nghĩa tư bản phương Tây - trực tiếp là chủ nghĩa tư bản Pháp - hai dân tộc Việt - Lào càng phải tăng cường đoàn kết, thắt chặt tình hữu nghị để chung sức, chung lòng chống lại kẻ thù chung… Chính trên cơ sở vận dụng tư tưởng đúng đắn đó mà cả ba dân tộc Việt - Lào (và cả Miên) đã cùng nhau đoàn kết kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ thắng lợi và ngày nay đang đi vào xây dựng phát triển. Thế kỷ XXI mở ra cho hai nước Việt - Lào*

một triển vọng phát triển mới, nhưng cũng đặt ra những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng cần được giải quyết. Trước đây, nhân dân hai nước đã từng cùng nhau chung sức chống thực dân đế quốc thì ngày nay càng phải tăng cường đoàn kết, thắt chặt hữu nghị trên một trình độ cao hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ dựng nước và giữ nước, trước mắt là chống nghèo nàn, lạc hậu, cùng nhau xây dựng nước mạnh, dân giàu, văn minh, sánh vai với các nước trong khu vực và trên thế giới và "Việt - Lào: Hai nước chúng ta" đã thể hiện đầy đủ nội dung lịch sử trên".

Hi vọng, cuốn sách này sẽ góp phần hiện thực hóa đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước nói chung, với đất nước Lào nói riêng; nhằm không ngừng củng cố, tăng cường và phát triển hơn nữa mối quan hệ đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện giữa hai nước Việt Nam - Lào, đúng như mong muốn và lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

"Việt - Lào hai nước chúng ta

Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc!

Hà Nội, tháng 12 năm 2018

NHÀ XUẤT BẢN
THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

MỘT TƯ LIỆU QUÝ VỀ TÌNH HỮU NGHỊ VIỆT - LÀO

Nguyễn Văn Khoan[1]

I. BỐI CẢNH VÀ XUẤT XỨ CỦA VĂN BẢN

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của Việt Nam thành công, tháng 12/1945 nhân dân các bộ tộc Lào cũng giành được độc lập. Tuy nhiên, thực dân Pháp không chịu từ bỏ ý đồ chiếm lại Đông Dương, tháng 9/1946 sau khi chiếm Huội Sai, quân Pháp chiếm lại nước Lào.

Chiếm Lào, thực dân Pháp thực hiện thế bao vây Việt Nam ở phía Tây. Truyền thống láng giềng và mối quan hệ đặc biệt cùng với thực tế lịch sử đã liên kết hai nước lại với nhau. Một hiệp ước về phối hợp bảo vệ chủ quyền quốc gia giữa Việt Nam và Lào đã được ký kết giữa Hoàng thân Xuphanuvông thay mặt Chính phủ Lào độc lập và Trần Đức Vịnh, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong Hiệp ước này có điều khoản thành lập liên quân Lào - Việt gồm các đơn vị bộ đội Ítxala và các đơn vị vũ trang người Việt cư trú tại Lào và Thái Lan.

Tình hình cách mạng hai nước phát triển, đòi hỏi có chế độ làm việc thống nhất cho cả hai bên. Theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh "giúp bạn là tự giúp mình",

[1] Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.

tháng 5/1953, Văn phòng Trung ương Đảng bấy giờ do đồng chí Nguyễn Khang, Ủy viên Trung ương Đảng phụ trách đã đệ trình lên Người văn bản nói trên.

II. TOÀN VĂN VĂN BẢN: "ĐỀ NGHỊ VỀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA CỐ VẤN VÀ CÁN BỘ VIỆT NAM VỚI CHÍNH PHỦ VÀ CÁN BỘ LÀO"

1. Phương châm

Đứng trên tinh thần quốc tế vô sản và lợi ích chung của cách mạng Lào - Việt để giúp đỡ và củng cố đoàn kết Lào - Việt.

2. Nguyên tắc

- Giúp toàn diện kết hợp với giúp đỡ có trọng điểm (tham gia mọi mặt công tác nhưng cũng tùy từng nơi, từng lúc, mà nắm lấy phần chính công tác để cùng với Lào bắt tay vào làm cho đến nơi đến chốn).

- Giúp từ nguyên tắc đến cụ thể.

- Những việc mà Lào có thể làm thì giúp ý kiến và kế hoạch để Lào tự làm lấy.

- Đặc biệt chú ý đào tạo cán bộ và xây dựng cơ sở nhân dân và lực lượng vũ trang.

3. Phương pháp công tác

- Đối với mọi việc chủ yếu là Lào nêu vấn đề trước, có chuẩn bị và đề án gửi trước để nghiên cứu. Song, đối với

những vấn đề quan trọng và cấp bách, nếu Việt Nam thấy thì cũng đề ra, đề nghị Lào chuẩn bị ý kiến, đồng thời Việt Nam cũng chuẩn bị ý kiến để bàn định.

- Lào cung cấp cho Việt Nam các tài liệu về tình hình công tác và tư tưởng cán bộ. Đồng thời Việt Nam cũng sẽ trao đổi tài liệu về các mặt đối với Lào. Các công văn của Lào gửi xuống cấp dưới thì cho cả cán bộ Lào và Việt ở cùng cấp đó biết.

- Hai bên thống nhất một chương trình công tác hàng năm và chia ra từng thời kỳ.

- Các việc có tính chất phương châm, nguyên tắc thì sẽ bàn ở Chính phủ. Các việc thuộc về chuyên môn thi hành thì các cơ quan liên quan của hai bên sẽ trực tiếp bàn với nhau.

- Định kỳ hai bên cùng nhau kiểm thảo về công tác và quan hệ với nhau hàng tháng và ba tháng và sau mỗi một công tác lớn.

4. Hệ thống công tác

- Việt Nam sẽ phái cán bộ xuống các cấp tỉnh, huyện, xã.

- Chỗ nào cán bộ Lào có đủ khả năng độc lập công tác và Chính phủ Lào đề nghị hoặc đồng ý thì sẽ rút cán bộ Việt Nam về.

Ngày 05 tháng 5 năm 1953

III. LƯU BÚT SỬ BỔ SUNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Ngoài văn bản được đánh máy trên một máy chữ tiếng Pháp nên không có các dấu hỏi, ngã, nặng…, có một số phụ âm Việt được thay bằng phụ âm Pháp như F thay cho Ph, giữa một số danh từ có gạch ngang, bản thảo này còn lưu bút một số đoạn, chữ Bác Hồ sửa chữa, thêm, bớt như sau:

A. Những chỗ sửa

1. Bản đánh máy: "Đặc biệt chú ý giúp đào tạo cán bộ và xây dựng lực lượng vũ trang" có thêm mấy chữ viết tay sau hai chữ "xây dựng" cơ sở nhân dân và…

2. Bản đánh máy: "Các công văn của Lào gửi xuống cấp dưới".

B. Những chữ viết tay bên lề

1. Phía trên bên trái có chữ "Mật".

2. Dưới đó có dòng chữ "Kính gửi Bác và TƯ cho ý kiến.

Khang"

(Nguyễn Khang - Chánh Văn phòng TƯ Đảng)

3. Bên lề trái có dòng chữ: "Văn kiện này cũng cần giữ bí mật. Cán bộ Việt - Lào cần biết nhưng không nên biên chép lại".

4. Cuối trang có bốn dòng chữ:

- Thật thà đoàn kết về tinh thần và trong công tác.

- Thật thà tự phê bình và phê bình lẫn nhau.

- Cán bộ Việt tuyệt đối tránh bao biện.

- Cán bộ Lào thì nên tránh khách khí.

IV. MỘT SỐ Ý KIẾN TIẾP CẬN

1. Có khả năng đây là một bản "đề nghị" của Văn phòng Trung ương Đảng hoặc của Đoàn công tác (cố vấn) Lào chuẩn bị sau khi đã có ý kiến chỉ đạo về nội dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. Qua những chỗ đánh máy, sửa lại thấy rõ văn bản cũng như người sửa chữa thường để "Lào" trước "Việt".

3. Về nội dung tuy ngắn gọn nhưng rất tập trung, đầy đủ từ nguyên tắc, phương châm, phương pháp, hệ thống công tác… Câu chữ rất chặt chẽ, khiêm tốn, trọng thị bạn Lào, nổi bật tinh thần "đồng cam cộng khổ cùng chung cảnh ngộ, cùng chung kẻ thù".

4. Đối chiếu với nét chữ, cách viết, cách thay các từ "ph" bằng "f", "d" bằng… và nội dung của "Đề nghị", rất nhiều khả năng và cơ sở khoa học để kết luận hàng chữ Việt thêm bên lề và cuối "Đề nghị" là của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

5. Bản "Đề nghị" không có tiêu đề (Văn phòng Chủ tịch…) không có người ký, lại có chữ *"Mật"*, chỉ cho "cán bộ Việt - Lào biết nhưng không biên chép lại" nên có thể chỉ có một bản duy nhất.

6. Do chưa xác định được về mặt văn bản học nên *Hồ Chí Minh toàn tập, Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*[1] chưa công bố được.

7. Chú ý dùng tên văn bản, không gọi là "Chỉ thị", "Thông báo", "Thông tri"… mà chỉ là "Đề nghị".

8. Đây là một tư liệu, hiện vật, một tài sản rất quý của hai dân tộc Lào - Việt cần được trân trọng bảo vệ, lưu truyền cho các thế hệ mai sau.

Tạp chí Mặt trận, tháng 4/2005.

---

[1] Tạp chí *Lịch sử quân sự* số 3/2002 có đăng bài "Vài mẩu chuyện về Bác Hồ với sự chỉ đạo công tác giúp cách mạng Lào" có công bố vài đoạn của bản "Đề nghị" này.

MỐI TÌNH SÂU ĐẬM

Xixana Xixản[1]

(Lào)

Thà Khẹc là tỉnh lỵ của tỉnh Khăm Muồn ở Trung Lào, phía bắc giáp với tỉnh Bôlikhămxay, nằm giáp tỉnh Savannakhẹt, phía đông giáp tỉnh Nghệ Tĩnh của Việt Nam, phía tây giáp tỉnh Nakhon Phanôm của Thái Lan, có sông Mê Kông chảy qua và là con sông biên giới. Tỉnh Khăm Muồn là một tỉnh giàu khoáng sản và rừng cây; Khăm Muồn có truyền thống đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc ngay từ thuở xa xưa. Khi thực dân Pháp đến xâm lược Lào lần đầu, nhân dân Khăm Muồn đã đứng dậy chiến đấu, giết tên sĩ quan Pháp Crôquynanh tại Kẹng Khệc ngày 02/6/1893.

Xưa kia, Thà Khẹc thuộc địa phận mường Xikhốttaboong (Xikhôttabun) đã có thời cường thịnh và đất đai tương đối rộng lớn. Vùng Mahaxay, cách Thà Khẹc 52 km về phía đông còn được coi là một trong những cái nôi của loài người. Ở đó, người ta đã phát hiện ra những bộ xương người thời cổ và rìu đá.

Thà Khẹc có nhiều con đường giao thông lớn, như đường 13 từ Thà Khẹc đi Viêng Chăn và từ Thà Khẹc đi Savannakhẹt,

---

[1] Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Xã hội Lào.

đường số 8 từ Thà Khẹc đi Vinh (Việt Nam), đường số 12 từ Thà Khẹc đi Quảng Bình (Việt Nam). Đi đường thủy theo sông Mê Kông cũng thuận tiện, có tàu, thuyền máy chạy từ Thà Khẹc đi Viêng Chăn, từ Thà Khẹc đi Savannakhẹt, vượt sông Mê Kông, để qua Nakhon Phanôm (Thái Lan) cũng thuận trên sông Mê Kông, đoạn chảy qua giữa Thà Khẹc và Nakkon Phanôm, trung bình rộng khoảng 1 km.

Khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời năm 1930, Thà Khẹc là nơi có chi bộ cộng sản Lào đầu tiên, sau này đã cùng với chi bộ cộng sản Viêng Chăn hoạt động đấu tranh cách mạng. Do hoạt động cách mạng, nhiều người yêu nước đã bị bắt, phong trào tan rã nhiều lần. Cho đến giữa năm 1943, chi bộ đảng cộng sản ở Thà Khẹc và Bònèng Phôntiu mới được khôi phục và củng cố.

Chi bộ đảng không chỉ lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống thực dân Pháp, mà còn đấu tranh chống bọn phát xít Nhật nhảy vào tranh quyền với Pháp ở Đông Dương từ năm 1941. Tháng 02/1945, dưới ánh sáng các nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, Mặt trận Ai Lao độc lập đồng minh ra đời (Lào Minh), bọn địch cũng thường gọi là Việt Minh. Mặt trận này có chương trình hành động: đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân Lào đấu tranh giành độc lập, xây dựng lực lượng quần chúng, lực lượng vũ trang, căn cứ kháng chiến, chờ thời cơ nổi dậy giành chính quyền. Đêm ngày 09/3/1945, Nhật lật đổ bọn cầm quyền Pháp trên toàn Đông Dương, cả ở Thà Khẹc. Bọn Pháp ở Thà Khẹc, kẻ thì bị bắt,

người thì chạy vào rừng, không hề chống cự. Sau khi nắm được chính quyền, bọn Nhật quay sang đàn áp phong trào cách mạng, chi bộ đảng và cơ sở quần chúng ở Thà Khẹc vừa mới được khôi phục lại bị vỡ. Nhưng những người yêu nước ở Thà Khẹc vẫn cố tìm cách hoạt động bí mật, tổ chức tuyên truyền, tố cáo hành động của bọn phát xít Nhật, vận động nhân dân chống Nhật, cứu nước. Ngày 15/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Nhân dân Lào cùng với kiều dân Việt Nam ở Thà Khẹc dưới sự lãnh đạo của chi bộ đảng cộng sản đã nổi dậy giành chính quyền từ tay bọn phát xít Nhật; Thà Khẹc trở thành "mương" độc lập sau hơn 100 năm chìm đắm trong cảnh thuộc địa và phụ thuộc.

Sau khi giành chính quyền, nhân dân Lào và kiều dân Việt Nam ở Thà Khẹc hợp tác với nhau để phòng thủ Thà Khẹc. Thanh niên Lào được động viên vào bộ đội do đồng chí Xingapô Xikhốt Chunnamaly chỉ huy. Thanh niên Việt kiều cũng được tổ chức thành đơn vị bộ đội, đặt dưới sự chỉ huy của Ủy ban Việt Minh. Hoạt động cách mạng của quần chúng lúc bấy giờ sôi nổi, nhộn nhịp như ngày hội. Mọi người đều sẵn sàng hy sinh xương máu vì Thà Khẹc. Phong trào càng sôi sục hẳn lên khi Hoàng thân Xuphanuvông cùng đơn vị vũ trang đến Thà Khẹc.

Việc Hoàng thân Xuphanuvông đến làm nhiệm vụ tại Thà Khẹc không phải là ngẫu nhiên. Sau Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam thành công, Hoàng thân Xuphanuvông - lúc bấy giờ đang ở Việt Nam - đã đi gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh,

và được nhà lãnh đạo của Việt Nam chỉ dẫn và giúp đỡ để lập ra một đơn vị liên quân Lào - Việt về hoạt động ở Lào. Hoàng thân Xuphanuvông và đơn vị liên quân Lào - Việt đã hành quân đến Savannakhẹt vào đầu tháng 10/1945, công tác ở đây một thời gian rồi chuyển lên phụ trách Thà Khẹc. Hoàng thân Xuphanuvông lên thủ đô Viêng Chăn ngày 30/10/1945 để gặp Hoàng thân Phếtxalạt, Hoàng thân Xuvănna Phuma và những người thân khác trong hoàng tộc "văng nạ". Ngoài ra, Hoàng thân Xuphanuvông đã gặp Chính phủ Lào Ítxala (tự do), được cử giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao và tổng chỉ huy quân đội. Sau đó, Hoàng thân trở lại hoạt động ở Thà Khẹc.

Hoàng thân Xuphanuvông bắt đầu xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang và tiến hành việc mở rộng địa bàn kiểm soát vùng Thà Khẹc.

Trong thời gian này, đám tàn quân Pháp (đã rã ngũ khi bọn phát xít Nhật chiếm Thà Khẹc) lại tập hợp lực lượng bằng cách nắm lấy những người Lào đã từng đi lính cho chúng trước đây, tổ chức lại thành đơn vị, ngoài ra chúng còn bắt lính trong nhân dân vùng nông thôn. Chúng hoạt động ở vùng đường số 8, đường số 12, vùng Na-cai, Khăm Cợt, Lắc Xao. Bọn này có lũ đã đụng độ với lực lượng liên quân Lào - Việt.

Trên mặt trận Thà Khẹc, quân Pháp hoạt động ở phía bắc và phía năm Thà Khẹc, dọc đường Thà Khẹc đi Nhômmalạt, Thà Khẹc đi Savannakhẹt. Chỉ huy sở của chúng đặt ở Nhômmalạt, đơn vị tiền tiêu của chúng đóng

ở Mương Cầu và ở cây số 10 đường số 13. Ngoài ra có đơn vị lính Pháp đóng ở Mahaxay.

Lúc bấy giờ, liên quân Lào - Việt có lực lượng khoảng 600 người có trang bị vũ khí tương đối tốt. Đội quân này phải hoạt động đánh địch thường xuyên để bảo vệ thành phố Thà Khẹc, có nhiều trận đánh xuất sắc như trận đánh vào sở chỉ huy quân Pháp ở Nhômmalạt, cách Thà Khẹc 15 km về phía nam, trận này do Hoàng thân Xuphanuvông trực tiếp chỉ huy. Liên quân Lào - Việt đã giành thắng lợi vẻ vang tháng 12/1945. Quân Pháp thua chạy toán loạn.

Dưới sự lãnh đạo của Hoàng thân Xuphanuvông, nhân dân Lào, kiều dân nước ngoài, không chỉ đấu tranh chống quân Pháp, mà còn thực hiện phương thức khôn khéo chống quân Quốc dân Đảng (Tàu) cấu kết với quân Pháp. Quân Quốc dân Đảng vào Thà Khẹc với danh nghĩa đồng minh để tước vũ khí quân Nhật. Nhưng đến tháng 01/1946, trong cuộc thương lượng giữa Chính phủ Pháp và Chính phủ Quốc dân Đảng Trung Hoa ở Nam Kinh, Chính phủ Quốc dân Đảng đã thỏa thuận để Pháp đưa quân vào Lào thay thế Sư đoàn 931 Quốc dân Đảng. Trước khi rút đi, quân Quốc dân Đảng ở Thà Khẹc cấu kết chặt chẽ với quân Pháp đàn áp nhân dân Thà Khẹc, tạo điều kiện thuận lợi cho quân Pháp hoạt động. Trong tình hình đó, quân Pháp lợi dụng cơ hội, mở nhiều đợt tấn công vào thành phố Thà Khẹc, có nhiều trận khá ác liệt, như trận Na Mương. Ngoài ra, có một số trận nhỏ ở phía bắc và phía nam Noóngbùa (Noóngbùa nằm ở phía đông Thà Khẹc).

Giữa tháng 02/1946, Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp bất thường, đánh giá tình hình và nhận định rằng bọn Pháp có sự chuẩn bị ráo riết để đánh chiếm Thà Khẹc, sau khi Chính phủ Pháp thỏa thuận với Chính phủ Quốc dân Đảng Trung Hoa để quân Pháp vào thay thế quân Quốc dân Đảng. Chi bộ đảng ra nghị quyết: các lực lượng vũ trang phải chiến đấu đến cùng để bảo vệ Thà Khẹc, còn dân thường phải tản cư sang Thái Lan. Nghị quyết này được thông báo với Hoàng thân Xuphanuvông và được Hoàng thân tán thành. Dù có nghị quyết như vậy, nhưng nhân dân không chịu rời bỏ nhà cửa, ruộng vườn một cách dễ dàng. Phần đông dân chúng đều ở lại Thà Khẹc để giúp đỡ các lực lượng vũ trang.

Theo lời kể của Kong Khayxi, người Lào đi lính cho Pháp, có tham gia trận đánh chiếm Thà Khẹc, thì sau khi quân Pháp chiếm lại thị xã Savannakhẹt ngày 18/3/1946, bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Lào đã ra lệnh cho tên chỉ huy các lực lượng đánh chiếm Thà Khẹc phải điều quân bao vây và đánh chiếm được Thà Khẹc vào ngày 21/3/1946. Lực lượng Pháp đánh vào Thà Khẹc không chỉ gồm bọn tàn quân Pháp rã ngũ thời Nhật, mà còn có một số không ít sĩ quan Pháp từ Sài Gòn sang với vũ khí đạn dược và phương tiện chiến tranh do Anh viện trợ. Như mọi người đã biết, quân Đồng minh vào Lào để tước vũ khí quân Nhật lúc bấy giờ có: quân Quốc dân Đảng Trung Hoa từ vĩ tuyến 16 trở ra; quân Anh từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam. Khi quân Anh vào Lào rồi, họ bèn trao lại chính quyền cho Pháp. Nhờ

vậy, Pháp có được căn cứ khá rộng lớn ở nam Lào để đánh chiếm cả nước Lào.

Lực lượng Pháp sử dụng để đánh vào Thà Khẹc có khoảng hai tiểu đoàn, gồm lính Pháp, lính da đen (đông nhất) và một số lính Lào. Ngoài ra, chúng có hai tiểu đội xe bọc thép, hai trung đội pháo, một máy bay trinh sát, bốn máy bay chiến đấu và hai máy bay cánh quạt đậu ở sân bay Xênô (tỉnh Savannakhẹt). Nhờ các phương tiện nói trên, phía Pháp biết rõ các vị trí đóng quân của phía cách mạng.

Ngày 21/3/1946, khoảng 6 giờ sáng, máy bay cánh quạt thả truyền đơn xuống thành phố Thà Khẹc kêu gọi quân cứu quốc hạ vũ khí đầu hàng quân Pháp. Sau đó không đầy nửa tiếng, máy bay chiến đấu, đại bác, súng cối, súng máy của Pháp bắt đầu mở đợt tấn công vào thành phố. Hai máy bay "xpítphai" ném bốn quả bom xuống chợ đang đông người mua bán, làm cho hàng chục người chết và bị thương, phần đông là phụ nữ. Tiếng súng nổ vang rền khắp nơi trên các mặt trận xung quanh thành phố.

Chính trong lúc này, dân Thà Khẹc bươn bả chạy ào ra bờ sông, có đám người kịp lên thuyền chèo đi, có đám người bơi qua sông. Cảnh tượng người trên sông lúc bấy giờ chẳng khác gì cầm một nắm kiến ném xuống mặt nước. Khoảng một giờ sau, hai máy bay "xpítphai" bay đến ném bom trúng một tàu chở hàng làm tàu bốc cháy, trôi theo dòng; máy bay bắn xả vào các thuyền, vào đám người chạy loạn cố bơi vượt qua sông sang phía Thái Lan. Đạn pháo không tránh ai bất kể là phụ nữ hay trẻ em, nhiều người

trúng đạn chết trôi theo sông; cũng có người thoát chết, đến được bờ phía Thái Lan. Báo chí Thái Lan đã mô tả hành động tàn bạo khủng khiếp này (của quân Pháp) gây lòng căm phẫn không sao tả nổi.

Đến 10 giờ rưỡi ngày hôm đó, các tuyến phòng thủ của phía cách mạng vẫn được giữ vững. Hoàng thân Xuphanuvông là người chỉ huy các tuyến phòng thủ đã chiến đấu chống địch rất kiên cường. Các cánh quân Pháp, mặc dù bị thiệt hại nặng, vẫn tiếp tục tiến lên. Mỗi bước tiến của chúng đều được sự yểm trợ của đại bác, xe bọc thép và máy bay "xpítphai". Bốn máy bay chiến đấu đã ném tám quả bom và bắn súng máy xuống quân cách mạng ở tuyến phòng thủ phía nam thành phố. Tuyến này phải rút lui. Sau đó, tuyến phòng thủ phía đông cũng vỡ và rút đi, chỉ còn tuyến phòng thủ phía bắc. Địch đã tiến vào ven thành phố. Lúc này, tình hình phía cách mạng rất căng thẳng, bối rối. Mười hai giờ trưa, ban tham mưu chiến dịch khẩn thiết yêu cầu Hoàng thân Xuphanuvông tản cư qua sông, nhưng Hoàng thân không chịu đi ngay vì còn chờ nghe báo cáo tình hình từ mặt trận. Sau khi thấy không còn khả năng giữ Thà Khẹc được nữa, vì quân địch đã bắt đầu đánh vào trong thành phố, Hoàng thân mới xuống thuyền máy. Hoàng thân vượt sông đúng vào lúc địch tập trung mọi lực lượng để chiếm Thà Khẹc. Chúng nhiều lần cố phá cho được tuyến phòng thủ phía bắc, bằng cách bắn nhiều loạt đại bác, dùng máy bay ném bom và bắn súng máy xối xả xuống tuyến này. Cuối cùng, các tuyến phòng thủ của phía cách mạng đều vỡ hết. Quân cách mạng có nhóm

tiếp tục chiến đấu trên từng đường phố, từng ngôi nhà, có nhóm bơi được qua sông. Khi thuyền máy chở Hoàng thân Xuphanuvông ra đến giữa sông thì một máy bay chúc xuống bắn vào thuyền. Hoàng thân bị trúng đạn súng máy từ máy bay, ngã xuống ngất đi. Đội bảo vệ của Hoàng thân, một số bị thương, một số chết. Lúc đó chiếc thuyền bị trúng đạn cũng chết máy giữa dòng. Đồng chí Xingapô Xikhốt Chunnamaly lúc bấy giờ đã qua được bờ bên Thái Lan kể lại rằng, một số bộ đội cách mạng bơi ra thuyền máy của Hoàng thân Xuphanuvông, đưa được thuyền vào bờ, Hoàng thân được cáng đi bệnh viện Nakhon Phanôm, có bác sĩ Pađắp (cũng từ Thà Khẹc sang) đi theo chăm sóc, phối hợp với các thầy thuốc Thái Lan. Vết thương khá nặng. Trước khi viết bài này, người viết có hỏi đồng chí Xuphanuvông: "Khi bị đạn, Hoàng thân cảm thấy thế nào?". Hoàng thân trả lời: "Cảm thấy choáng rồi ngã xuống mạn thuyền. Khi vừa tỉnh lại, thấy máu chảy phía ngực bên trái. Lúc đó chưa thấy đau mấy, tinh thần vẫn bình tĩnh và nghĩ rằng nếu có chết cũng không ân hận gì vì được hy sinh cho đất nước".

Sau khi Hoàng thân đã vượt sông, quân cách mạng và quân Pháp vẫn tiếp tục đánh nhau ở trung tâm thành phố; quân cách mạng chiến đấu quyết liệt nhằm mở đường đi qua chợ Thà Khẹc, nơi xác người chết từ buổi sáng còn nằm ngổn ngang. Có nhiều tổ chiến sĩ cách mạng đánh đột phá vào hàng ngũ địch rồi rút vào rừng. Quân Pháp khi tiến vào bờ sông đã bắn bừa vào tất cả những ai còn nghẽn lại trên bến sông phía Lào. Xác những chiến sĩ cách mạng và nhân dân bị chúng kéo vứt xuống sông. Trong thời gian

này, các đơn vị khác của quân Pháp tiến hành càn quét, bắn tất cả những ai còn lẩn trốn trong các nhà và hầm trú ẩn. Khoảng hơn 16 giờ, trận đánh dần dần lắng xuống, nhưng tiếng súng máy, súng trường, lựu đạn vẫn vang lên từng loạt suốt đêm hôm đó.

Phía cách mạng có khoảng 3.000 người chết, trong đó có khoảng 300 người chết trong thành phố, còn phần lớn là bị máy bay bắn chết trên sông.

Cuộc chiến đấu ở Thà Khẹc kết thúc ngày 21/3/1946, nhưng cuộc kháng chiến chống bọn thực dân Pháp vẫn tiếp diễn.

Sau khi chữa lành vết thương, Hoàng thân Xuphanuvông tổ chức lại lực lượng vũ trang và tiếp tục đấu tranh vì độc lập của đất nước. Hoàng thân đã tích cực thu góp vốn để xây dựng lực lượng và được nhân dân Thái Lan cùng nhân dân Miến Điện vùng bang San giúp đỡ. Trong quá trình hoạt động, Hoàng thân có liên hệ chặt chẽ với người đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Thái Lan. Nhiều đơn vị bộ đội Ítxala được đưa về hoạt động trong nước.

Ngày 25/10/1949, Khăm mạo, Vilay, Thủ tướng Chính phủ lâm thời Lào Ítxala lưu vong tại Băng Cốc, tuyên bố giải thể Chính phủ lâm thời Ítxala, Khăm mạo và Chính phủ trở về đầu hàng Pháp. Nhưng Hoàng thân Xuphanuvông và Hoàng thân Phếtxalạt tuyên bố tiếp tục chống Pháp. Ngày 29/10/1949, tại Băng Cốc, Hoàng thân Xuphanuvông tuyên bố với các phóng viên, thông tấn, báo chí: "Chúng

tôi khẳng định một lần nữa lòng tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân chúng tôi trong cuộc kháng chiến. Chúng tôi tin chắc vào thắng lợi và chúng tôi không hề đơn độc trên con đường chính nghĩa của mình. Các bạn Inđônêxia, Việt Nam và Campuchia cũng đang đi con đường này và chúng tôi được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân yêu chuộng tự do, nhất là của các nước bạn vĩ đại, đó luôn luôn là sự động viên to lớn đối với chúng tôi".

Hoạt động trên đất nước Thái Lan để chỉ đạo cuộc kháng chiến trong nước là điều không thuận lợi. Chính phủ Thái Lan lúc bấy giờ do Thống chế Phibun Xôốngkhăm làm Thủ tướng thực hiện chính sách không ủng hộ phong trào cứu nước của Lào. Trong tình thế khó khăn này, Hoàng thân Xuphanuvông nhận được lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến vùng tự do của Việt Nam để cùng nhau bàn bạc việc cứu nước, Hoàng thân đã nhận lời.

Theo hồi ký của đồng chí Nguyễn Tử Quý, người chỉ huy trung đội bảo vệ đưa Hoàng thân đi gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, thì Hoàng thân đã từ bờ phía Thái Lan vượt sông bằng thuyền gỗ cỡ nhỏ sang bờ phía Lào trong đêm 18/11/1949 vào vùng Bưng Quang, thuộc tỉnh Bôlikhămxay hiện nay. Bí danh của Hoàng thân Xuphanuvông khi đi đường là ông A. Nguyễn Tử Quý là người đã từng chiến đấu dưới sự chỉ huy của Hoàng thân từ năm 1945 đến tháng 3/1946, đồng chí Quý đã ghi vào cuốn hồi ký của mình: "Tối nay được gặp Hoàng thân, tôi nhớ lại thời kỳ cách mạng mùa đông năm 1945. Chúng tôi ở trong hàng

ngũ liên quân Lào - Việt chiến đấu bảo vệ chính quyền cách mạng ở Thà Khẹc, dưới sự chỉ huy của Hoàng thân, nay lại là người bảo vệ Hoàng thân, đưa Hoàng thân đến vùng tự do của Việt Nam để gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, trọng trách này, vinh dự này không dễ gì có được…". Nguyễn Tử Quý gọi lần đi đường đó là cuộc hành trình lịch sử. Nguyễn Tử Quý có kể lại cuộc hành trình này trong nhiều đoạn hồi ký. Có đoạn viết: "…Hoàng thân Xuphanuvông leo núi, chống một cây gậy cứng, càng lên cao, Hoàng thân càng chống gậy nhiều. Hoàng thân đi ủng, đôi ủng hơi cũ, càng đi nó càng cứa vào chân. Dù đau buốt, Hoàng thân cũng không nói gì, cố gắng đi liên tục. Trên đường đi, nhiều lần Hoàng thân suýt ngã. Tôi đi sau Hoàng thân, Hoàng thân ngoảnh lại nói đùa: "Ở đây giá có bậc thang thì tốt quá". Lúc nghỉ, nếu không nói chuyện gì, Hoàng thân nghe đài, nghe xong lại mở ba lô ra, sắp xếp lại các thứ đồ đạc trong đó. Trong ba lô, ngoài mấy bộ quần áo thường dùng, còn toàn là tài liệu. Tôi đề nghị Hoàng thân đưa bớt các thứ trong ba lô cho anh em mang hộ cho nhẹ bớt. Hoàng thân nhìn chúng tôi bằng ánh mắt thương yêu và nói: "Tôi mang từng này là vừa sức rồi".

Hoàng thân đi qua vùng Khăm Cợt, vùng Xiêng Khoảng rồi vượt Trường Sơn sang Việt Nam. Đơn vị bảo vệ của Nguyễn Tử Quý đưa Hoàng thân đến nhà tiếp khách của tỉnh Nghệ An, vài ba ngày sau, Hoàng thân đã gặp đồng chí Nuhắc Phumxavẳn, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến khu Đông Lào. Người viết bài này cũng vinh dự được tham gia đón tiếp Hoàng thân Xuphanuvông.

Sau một thời gian nghỉ ngơi ở Nghệ An. Hoàng thân lại lên đường đi đến vùng tự do Việt Bắc và gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Không lâu sau đó có tin triệu tập Đại hội toàn quốc mặt trận Lào kháng chiến.

Đại hội khai mạc ngày 13/8/1950, đã thành lập Chính phủ kháng chiến Lào do Hoàng thân Xuphanuvông làm thủ tướng và thành lập Neo Lào Ítxala (Mặt trận Lào tự do) do Hoàng thân làm chủ tịch. Cuộc kháng chiến cứu nước của nhân dân Lào chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn phát triển lực lượng, mở rộng căn cứ địa. Thất bại ở trận Thà Khẹc là một bước lùi, nhưng là bước lùi để chuẩn bị tiến nhiều bước.

Trong một lần gặp Hoàng thân Xuphanuvông, người viết bài này đã hỏi: "Vết sẹo do máy bay Xpítphai" của địch bắn ngày 21/3/1946 đã ở với đồng chí suốt 43 năm qua. Đồng chí cảm nghĩ gì về vết sẹo đó?". Hoàng thân Xuphanuvông đáp: "Trước hết, vết sẹo đó làm cho tôi tự hào vì đã góp phần nhỏ bé của mình vào công cuộc cứu nước. Thứ hai, nó luôn luôn nhắc nhở tôi: phải đi theo cách mạng đến cùng".

Trích Ông Hoàng đỏ kiên cường,

NXB. Sự thật, Hà Nội, 1992.

VIỆT - LÀO CẦN PHẢI ĐOÀN KẾT[1]

Xixana Xixản

Cách đây 70 năm, chắc không ai nghĩ rằng cậu bé người Lào, sinh ngày 13/12/1920 tại bản Naxeng, huyện Khănthạbuli, tỉnh Savannakhẹt, sau này lớn lên sẽ trở thành người lãnh đạo cách mạng Lào. Trong thực tế, chuyện đó đã xảy ra: Cậu bé đó là đồng chí Cayxỏn Phômvihản, người đang đảm nhiệm trọng trách Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Đồng chí Cayxỏn Phômvihản sinh ra trong gia đình bố là công chức, mẹ là nông dân. Bố của đồng chí tên là Nai Luân. Ông Nai Luân, sau khi tốt nghiệp tiểu học Pháp, đi tìm việc làm tại tỉnh Savannakhẹt. Ông quyết định lập nghiệp ở tỉnh này bằng cách thi vào làm thông ngôn tại tòa công sứ tỉnh. Nhờ có quan hệ tốt với công chức và nhân dân địa phương, dần dần ông được dân Savannakhẹt kính trọng và yêu mến.

Mẹ đồng chí Cayxỏn tên là Nang Đốc, sinh tại bản Naxeng. Bố của Nang Đốc tên là Phômmaxán. Phômmaxán là cậu của Nang Thum Xixản; Nang Thum Xixản là mẹ nuôi của người viết bài này. Ông Phômmaxán là người Lào

---

[1] Đề bài của B.B.S.

Lùm, từ Mục Đa Hán, bên hữu ngạn sông Cửu Long, sang phụ trách trạm cửa khẩu bản Naxeng, sau đó kết hôn với Nàng Ay, là người có gốc gác Lào Thơng. Thuở trước, đa số dân Naxeng là thuộc các bộ tộc Lào Thơng. Bản Naxeng cách tỉnh lỵ Savannakhẹt bốn cây số; nhiều người dân bản này đã từng tham gia phong trào Phò Cà Đuột đấu tranh chống thực dân Pháp.

Đồng chí Cayxỏn Phômvihản lớn lên trong một gia đình tương đối nghiêm khắc. Có thể chính sự nghiêm khắc này đã góp phần làm cho đồng chí có được tính kỷ luật, ngăn nắp ngay từ nhỏ. Đồng chí thích đi chùa (bấy giờ là chùa Xaynhaphum ở Savannakhẹt). Đồng chí có một người anh nuôi tu tại chùa này. Người anh nuôi thường chỉ bảo cho đồng chí về đạo đức, về văn học nghệ thuật. Đồng chí thích đọc sách kinh, truyện Xín Xay, đọc báo *Lao Nhày*, thích thổi khèn. Ngoài ra, đồng chí còn thích chơi chọi gà.

Bảy tuổi, đồng chí vào học trường tiểu học tiếng Lào rồi tiểu học tiếng Pháp. Sau khi tốt nghiệp tiểu học tiếng Pháp tại Savannakhẹt, đồng chí sang học tiếp tại trường trung học Bảo hộ[1] ở Hà Nội (Việt Nam). Năm 1943, khi 23 tuổi, đồng chí tốt nghiệp trung học và vào học tại Trường Đại học Luật. Mới học được hai năm thì trường đóng cửa vì Nhật làm đảo chính lật đổ thực dân Pháp trên toàn Đông Dương. Về mặt học tập, đồng chí Cayxỏn là một người học giỏi.

Trong những năm 1936 - 1939, Mặt trận dân chủ lên cầm quyền ở Pháp. Ở Đông Dương có phong trào đấu

---

[1] Tức Trường Bưởi, nay là Trường Chu Văn An, gọi là Trường Bảo hộ vì dịch theo tiếng Pháp "*Lyceé du protectorat*". (BS)

tranh đòi quyền tự do dân chủ. Đồng chí Cayxỏn tham gia phong trào trên tại Việt Nam. Đồng chí thường đọc báo *Le travail*, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí đã bị bọn mật thám của Pháp theo dõi một thời gian. Có lần đồng chí nói với tôi - người viết bài này - rằng: "Lúc bấy giờ, mình chưa hề nghĩ đến chuyện xã hội chủ nghĩa hay cộng sản chủ nghĩa gì cả, chỉ có tin tưởng rằng Liên Xô nhất định đánh bại bọn phát xít Hítle". Thời gian này ở Hà Nội có phong trào học võ để tự vệ. Từ giữa năm 1940, khi nước Pháp bị quân đội phát xít Hítle chiếm đóng và phát xít Nhật kéo vào Đông Dương, tình hình chính trị ở ba nước Đông Dương có biến đổi. Đảng Cộng sản Đông Dương lập ra Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Việt Minh, bao gồm nhiều đoàn thể quần chúng, trong đó có Hội Thanh niên cứu quốc. Việt Minh đã giúp nhân dân Lào và nhân dân Miên thành lập Mặt trận Ai Lao độc lập đồng minh và Mặt trận Cao Miên độc lập đồng minh. Chính trong thời gian này, đồng chí Cayxỏn được Hội Thanh niên cứu quốc vận động tham gia cách mạng, chống thực dân Pháp, phát xít Nhật. Đồng chí nhận thức được tính tất yếu của công cuộc cứu nước và quyết tâm gia nhập Hội Thanh niên cứu quốc vào tháng 12/1944 tại Hà Nội. Công việc giao cho đồng chí hồi đó là vận động thanh niên[1], học sinh, sinh viên đấu tranh chống bọn thực dân Pháp, Nhật…

---

[1] Theo sách "*Đoàn Thanh niên Cứu quốc Hoàng Diệu*", NXB. Lao động, 2005, đồng chí Cayxỏn bấy giờ là đoàn viên với tên mật là "Savannakhẹt" (BBT).

…Sau khi Nhật làm đảo chính lật đổ Pháp ở Đông Dương, tháng 3/1945, đồng chí rời Hà Nội, trở về Savannakhẹt. Thời gian này, ở tỉnh Savannakhẹt đang có phong trào "Lào Ítxala" (Lào tự do) tiến hành đấu tranh chống thực dân Pháp. Tin Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện ngày 15/8/1945 càng làm cho thanh niên Lào và thanh niên Việt kiều hoạt động sôi nổi. Ủy ban "Lào Ítxala", từ Thái Lan vượt sông sang đóng tại bản Khănthạchan, báo tin cho đường dây bí mật của họ ở thị xã Savannakhẹt biết là họ sẽ tiến vào thị xã Savannakhẹt, trước đó họ sẽ đợi ở Bản Xoọc (cách thị xã 11 cây số).

Bọn Pháp rã ngũ hồi Nhật đảo chính, nay cũng ráo riết chuẩn bị để đánh chiếm thị xã Savannakhẹt. Trước tình hình đó, đồng chí Cayxỏn cùng với đoàn đại diện nhân dân Savannakhẹt đi gặp bọn Nhật, yêu cầu chúng trao quyền lại cho dân Lào. Cuối cùng, ngày 31/8/1945, bọn Nhật chịu giao 120 khẩu súng và nhiều hòm đạn cho quân cách mạng. Lập tức, đơn vị vũ trang nhân dân được thành lập. Đồng thời, đồng chí Cayxỏn và tôi đi Bản Xoọc mời các lực lượng vũ trang "Lào Ítxala" và Savannakhẹt phối hợp với đơn vị vũ trang nhân dân mới thành lập, để tổ chức thành lực lượng vũ trang thống nhất. Sau khi giành được chính quyền, đồng chí Cayxỏn được phân công phụ trách ngành thông tin của tỉnh. Việc bảo vệ thị xã Savannakhẹt trở thành nhiệm vụ cấp bách của các lực lượng vũ trang Lào và lực lượng vũ trang của Việt kiều.

Thực hiện kế hoạch đánh chiếm thị xã Savannakhẹt, ngày 09/9/1945, bọn Pháp mở đợt tiến công vào thị xã từ cả phía Nam và phía Bắc. Lực lượng vũ trang nhân dân đã chống trả quyết liệt, đẩy lùi được cánh quân địch ở phía Bắc, nhưng ở phía Nam, quân Pháp đã vào đến khu vực doanh trại của lực lượng vũ trang yêu nước.

Tình hình tương đối khẩn cấp, đồng chí Cayxỏn đến ở tại chùa Xaynhaphum trong khi có cuộc thương lượng giữa các nhà chức trách Lào, Nhật và bọn Pháp mới tiến vào Savannakhẹt, về việc đưa quân Pháp ra khỏi thị xã. Kết quả cuộc thương lượng là quân Pháp buộc phải rút khỏi thị xã Savannakhẹt. Chiến sự tạm lắng dịu, nhưng công việc bảo vệ thị xã vẫn được tiến hành một cách khẩn trương. Đồng chí Cayxỏn ở Savannakhẹt một thời gian rồi lên đường đi Hà Nội để tập hợp những người Lào đang sinh sống ở Việt Nam, hướng họ tham gia cách mạng.

Lúc này, Hà Nội đang sôi sục khí thế cách mạng. Tất cả những gì có liên quan đến bọn thực dân đều bị chống phá một cách quyết liệt. Có lần đồng chí Cayxỏn nói với tôi rằng: "Cuối năm 1945, trong khi đi từ Savannakhẹt đến Hà Nội, có lần tôi suýt bị giết". Tôi hỏi: "Tại sao?". Đồng chí đáp: "Người ta bảo tôi là con lai Pháp, hồi đó ai mặc quần áo có ba mầu trắng, đỏ, xanh đều có thể bị bắt hoặc bị theo dõi". Tôi hỏi: "Thế, làm thế nào mà thoát được?". Đồng chí Cayxỏn đáp: "Có gì đâu! Chỉ nói với họ: "Tôi là người Lào", họ liền thả ngay".

Trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 12/1946, đồng chí Cayxỏn tham gia công tác trong Ban Liên lạc Lào - Việt tại Hà Nội. Cơ quan này tập hợp người Lào ở Hà Nội và các tỉnh Việt Nam, để tổ chức thành đoàn thể cứu quốc của người Lào đã sinh sống ở Việt Nam hoặc đã tản cư sang Việt Nam. Cũng trong năm 1946, đồng chí Cayxỏn đã được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu tiên. Tôi có hỏi đồng chí Cayxỏn: "Trong buổi tiếp xúc với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch đã nói gì với đồng chí?" Đồng chí Cayxỏn trả lời: "Người đã nói đến nhiều vấn đề, nhưng nội dung quan trọng hơn cả là người Việt Nam, người Lào cần phải đoàn kết với nhau chống thực dân Pháp, để cứu nước. Người Lào cần tổ chức Ủy ban kháng chiến Lào, cần gây dựng cơ sở cách mạng trong nước Lào, xây dựng lực lượng vũ trang…".

Tháng 12/1946, Việt Nam tuyên bố tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chuyển một bộ phận lực lượng cách mạng kể cả một phần nhân dân ra khỏi thành phố Hà Nội. Lúc đó, đồng chí Cayxỏn cũng rời Hà Nội. Đầu năm 1947, đồng chí công tác tại cơ quan tuyên truyền khu 12 phía Bắc Việt Nam. Sau đó, ngày 27/02/1948, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định tổ chức xung kích khu Bắc Lào và giao cho đồng chí Cayxỏn làm đội trưởng.

Đơn vị này có nhiệm vụ xây dựng cơ sở chính trị, tổ chức lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa ở vùng Đông Bắc Lào. Đồng chí cùng với anh em trong đơn vị đi vận động

đồng bào Mông, đồng bào Lào Thơng. Ngày 20/01/1949, quân đội Lào Ítxala tuyên bố chính thức thành lập, đồng chí Cayxỏn được cử làm tổng chỉ huy. Đội Lạtxavông là một đơn vị quân đội Lào Ítxala, do đồng chí Cayxỏn trực tiếp chỉ huy, hoạt động ở vùng Nam Mạ, huyện Xiêng Khọ, tỉnh Hủa Phăn mà trung tâm là khu Lao Hùng, vừa xây dựng cơ sở nhân dân, xây dựng chính quyền mới, vừa chiến đấu, làm công tác địch vận, tổ chức dân quân du kích chống địch càn quét. Đồng chí kể lại: Một hôm, khi đồng chí đang ở bản đó thì địch vào. Người chủ nhà đã giấu đồng chí lên phía trên "tran" trong nhà; khi địch rút khỏi bản rồi mới bảo đồng chí xuống. Đồng chí Cayxỏn được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương ngày 06/01/1949 và được chuyển thành đảng viên chính thức ngày 28/7/1949.

Tháng 8/1950, tại Đại hội toàn quốc Mặt trận Lào kháng chiến, đồng chí Cayxỏn được cử vào Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào Ítxala và giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong Chính phủ kháng chiến Lào. Trong thời kỳ này, đồng chí đã có nhiều đóng góp vào việc củng cố chính phủ kháng chiến và phát triển khu căn cứ cách mạng. Đồng chí được cử đi dự Đại hội lần thứ hai Đảng Cộng sản Đông Dương tiến hành tại Việt Nam từ ngày 11 đến ngày 19/02/1951. Đại hội đã ra nghị quyết thành lập ở Việt Nam, Lào và Campuchia mỗi nước một đảng riêng. Trong thời gian dự Đại hội, đồng chí Cayxỏn có dịp gặp lại Chủ tịch Hồ Chí Minh và ghi nhớ câu nói của Người:

"Các đồng chí Lào cần cố gắng thành lập cho được Đảng cách mạng và ra sức củng cố đảng để Đảng có đủ sức lãnh đạo cuộc cách mạng trên đất nước Lào. Về phía mình, Việt Nam luôn sẵn sàng ủng hộ và giúp đỡ các đồng chí Lào. Có Đảng cách mạng Lào, lực lượng nhân dân Lào, có sự ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân Việt Nam và các nước bè bạn, cách mạng Lào nhất định thắng lợi; cán bộ Lào cần tin vào sức mình".

Đồng chí Cayxỏn lấy cuốn *Sửa đổi làm việc* của X.Y.Z (bút danh mật của Chủ tịch Hồ Chí Minh) làm sách gối đầu giường; đồng chí thường đọc hàng ngày. Đồng chí Cayxỏn nhận thấy việc thực hiện theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh là rất có lợi cho cách mạng Lào.

Thi hành Nghị quyết Đại hội lần thứ hai Đảng Cộng sản Đông Dương về việc lập đảng riêng, đồng chí Cayxỏn rất hăng hái trong việc tổ chức đảng cách mạng tại Lào để lãnh đạo cách mạng Lào, nắm lấy vận mệnh dân tộc. Đại hội thành lập Đảng tiến hành từ ngày 22/3 đến ngày 06/4/1955. Dự Đại hội lần này có 20 đồng chí đại biểu chính thức, thay mặt cho gần 400 đảng viên người Lào và Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí Cayxỏn được bầu làm Bí thư Ban chỉ đạo Trung ương Đảng Nhân dân Lào, Bí thư Quân ủy Trung ương và Tư lệnh tối cao của lực lượng vũ trang. Với 35 năm tuổi đời, sáu năm tuổi đảng, kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng chưa nhiều, đồng chí Cayxỏn đã phải gánh vác trọng trách là người lãnh đạo tối cao của Đảng. Trung thành với Đảng, với cách mạng, đồng chí tập

trung vào việc học tập lý luận, kinh nghiệm, và cả về mặt hoạt động thực tiễn, không hề ngần ngại khi học tập bạn bè, anh em ở cơ sở. Trong phương pháp làm việc của đồng chí Cayxỏn có ba điều đặc biệt, đó là: lãnh đạo, chỉ đạo tập thể; sâu sát quần chúng; dựa vào kinh nghiệm và trí sáng tạo của quần chúng. Nhờ vậy, đồng chí trở thành trung tâm đoàn kết thống nhất của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trong nhiều hội nghị, hội nghị ban chấp hành trung ương đảng hay hội nghị bàn về công việc chuyên ngành nào đó, đồng chí thường nói: "Lúc đầu, chính tôi cũng chưa biết gì về cách mạng, nói năng chưa thạo, nhưng tôi chịu khó rèn luyện, tự học, học tập bạn bè, học tập nhân dân, hòa mình với quần chúng, đó chính là vào học trường đại học nhân dân". Đồng chí còn nói: "Chúng ta phải học, học và biết rồi mới có hành động cách mạng đúng".

Đồng chí dự đều đặn các buổi sinh hoạt chi bộ đảng, chân thành tiếp thu ý kiến phê bình của các đồng chí trong chi bộ. Nhận xét về con người, đặc biệt là nhận xét cán bộ, đồng chí có cách nhìn động, cho rằng người ta đều có thể sửa chữa, tiến bộ được. Chúng ta đều biết rằng đồng chí Cayxỏn lãnh đạo cuộc cách mạng không phải trong bối cảnh thuận lợi. Đảng Nhân dân Lào vừa mới thành lập đã phải đối đầu ngay với kẻ thù mới của nhân dân Lào: Đế quốc Mỹ can thiệp vào Lào, bọn Pháp phá hoại hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương và bọn người Lào làm tay sai cho chúng. Đồng chí Cayxỏn lãnh đạo, chỉ đạo cuộc đấu tranh bảo vệ hai tỉnh tập kết (Sầm Nưa và Phôngxalỳ), đồng thời chỉ đạo nhân dân vùng đối phương kiểm soát

đấu tranh đòi thực hiện hòa hợp dân tộc. Thi hành hiệp định về hòa hợp dân tộc, đồng chí Cayxỏn cùng với các vị lãnh đạo khác của Đảng và Mặt trận yêu nước về đóng ở Viêng Chăn. Để tiến hành cuộc đấu tranh hợp pháp, đồng chí ra ứng cử tại tỉnh Áttapư trong cuộc tuyển cử này, nhân dân Áttapư bỏ phiếu cho đồng chí Cayxỏn, nhưng đồng chí không trúng cử đại biểu Quốc hội, vì phía bên kia đã gian dối rút những lá phiếu bầu đồng chí Cayxỏn ra khỏi hòm phiếu, thay vào đó là phiếu cho người phía họ.

Sau khi bọn Phủi Xavanicon lật đổ chính phủ liên hiệp, Trung ương Đảng Nhân dân Lào đã họp, nhận định rằng Mỹ và tay sai nhất định sẽ đàn áp cách mạng. Trong hội nghị nói trên, đồng chí Cayxỏn đã phát biểu ý kiến, nội dung chủ yếu là: chúng ta phải chuyển hướng đấu tranh, những người có cương vị hợp pháp phải ở lại đấu tranh đến cùng, dù bị địch bắt bớ, giam cầm cũng sẵn sàng chịu đựng; những người không có cương vị hợp pháp sẽ trở về khu căn cứ, tiếp tục lãnh đạo cách mạng. Kế hoạch trở về khu căn cứ được vạch ra rất tỉ mỉ. Đồng chí Cayxỏn đánh lừa địch bằng cách đi Băng Cốc, nói là để thăm người em gái tên là Ngang Xavắnthoong lấy chồng người Thái Lan, bấy giờ là tỉnh trưởng tỉnh Xaynạt. Sau khi ở thăm em gái, đồng chí Cayxỏn đi đến huyện Mục Đa Hán, rồi lên bản Bangxai, phía bắc Mục Đa Hán. Đồng chí cải trang làm người buôn cá, nửa đêm vượt sông sang ẩn ở trong vườn chuối nhà đồng chí Nuhắc Phumxavẳn tại Savannakhẹt. Tại đây, đồng chí Khămtày Xiphănđon và đồng chí Khămphết (người làm nhiệm vụ lái xe) đã đợi từ trước.

Đồng chí Cayxỏn lên xe từ Savannakhẹt đi Thà Khẹc rồi đi Pạccađinh. Từ đấy, hai đồng chí Cayxỏn và Khămtày lên đường ra vùng căn cứ, với sự bảo vệ của một đơn vị vũ trang đã chuẩn bị sẵn…

…Đồng chí Cayxỏn làm đúng theo lời hứa với các đồng chí của mình. Năm 1959, trong tình hình khẩn cấp, khó tìm ra lối thoát, đồng chí đã kiên trì tư tưởng chuyển hướng đấu tranh, trong khi đó có một số người không tán thành. Có ý kiến cho rằng nếu phía cách mạng tiến hành đấu tranh vũ trang, địch có thể thủ tiêu các đồng chí Xuphanuvông, Nuhắc Phumxavẳn, Phumi Vôngvichít, Phun Xipaxọt và những đồng chí khác đang bị giam giữ. Có ý kiến nêu ra rằng: nếu phía cách mạng tiến hành đấu tranh vũ trang, có thể địch sẽ dùng lực lượng lớn hơn để tiêu diệt lực lượng cách mạng; nếu chuyện đó xảy ra, thì khó mà phục hồi lực lượng, chi bằng để thời gian xây dựng lực lượng cho lớn mạnh lên rồi hãy đấu tranh vũ trang… Nhưng trước tình hình kẻ thù tiến hành các cuộc càn quét lớn tại các tỉnh Hủa Phăn, Xiêng Khoảng, Luông Phabăng, Khăm Muồn, giết hại những người kháng chiến cũ, phá hoại cơ sở cách mạng, đồng chí Cayxỏn không thể ngồi yên. Tình hình hết sức khẩn trương, đế quốc Mỹ đã bắt đầu thực hiện chiến lược chiến tranh đặc biệt. Trước tình hình đó, đồng chí Cayxỏn triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng vào ngày 03/6/1959. Hội nghị ra nghị quyết:… "Đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước, yêu hòa bình, dùng hình thức đấu tranh khác, chống sự can thiệp của đế quốc Mỹ, chống chính sách bán nước hại dân

của chính phủ Xavanicon, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương và các hiệp định hai bên đã ký kết, xây dựng nước Lào hòa bình, trung lập, độc lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng…"

Về phương thức đấu tranh, nghị quyết nhấn mạnh: "Trong phạm vi cả nước, phải chuyển từ đấu tranh công khai hợp pháp sang hình thức đấu tranh vũ trang, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các hình thức đấu tranh chính trị, ở những nơi có điều kiện thì phát động quần chúng đấu tranh hợp pháp và nửa hợp pháp".

Qua việc thực hiện nghị quyết của Trung ương, chúng ta thấy rõ: đồng chí kiên quyết trong việc lãnh đạo cách mạng, mặt khác, với sự kiên quyết đó, đồng chí đã chuyển tình hình từ chỗ đang có nguy cơ bại vong sang tình thế có lợi cho cách mạng. Nhiều sự kiện thực tế đã chứng minh cho điều đó: Tiểu đoàn II Pathét Lào phá vòng vây của địch thành công; đồng chí Xuphanuvông và các vị trong đoàn đã vượt ngục Phônkhêng, trở về khu căn cứ cách mạng an toàn, chiến tranh du kích phát triển khắp mọi miền.

Trong suốt thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, đồng chí Cayxỏn đã có nhiều sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, nhất là trong việc vận dụng sách lược để thực hiện chiến lược cách mạng, trong đó có vấn đề thỏa hiệp, nhưng là thỏa hiệp có nguyên tắc. Việc thực hiện những ý kiến của đồng chí Cayxỏn đã đem lại lợi ích cho cách mạng. Lúc thành lập chính phủ liên hiệp năm 1962, lực lượng cách mạng không thể mạnh hơn địch. Nhưng nếu so với trước đó thì

thế và lực của cách mạng đã phát triển lớn mạnh, nhất là có sự xuất hiện của lực lượng trung lập yêu nước, liên minh với lực lượng cách mạng. Tuy chính phủ liên hiệp hồi đó không tồn tại được lâu, nhưng cũng làm cho tình hình dịu đi.

Việc thành lập chính phủ liên hiệp và Hội đồng chính trị quốc gia liên hiệp năm 1973, sự phát triển lớn mạnh của lực lượng cách mạng là nhân tố quan trọng tạo điều kiện cho việc nổi dậy giành chính quyền trong cả nước. Cuối cùng, trong điều kiện thuận lợi đã được tạo ra, nhân dân đã nổi dậy từng bộ phận, tiến lên giành chính quyền trong cả nước ngày 02/12/1975. Trong cuốn *Một số bài học chủ yếu và một số vấn đề về phương hướng lớn của cách mạng Lào,* đồng chí Cayxỏn viết: "Trong 20 năm qua, từ khi đế quốc Mỹ nhảy vào xâm lược nước ta, chúng ta thấy rõ rằng việc đấu tranh đòi hòa hợp có tác dụng rất quan trọng trong việc ngăn chặn và hạn chế âm mưu mở rộng chiến tranh của địch, trong việc tranh thủ thời gian để củng cố và phát triển lực lượng của chúng ta, đặc biệt là tạo điều kiện thúc đẩy phong trào đấu tranh của quần chúng trong vùng đối phương kiểm soát, làm cho phong trào đó có bước tiến mới, chất lượng mới. Mỗi lần lực lượng chúng ta vào hòa hợp là một lần chính nghĩa của cách mạng thêm sáng tỏ, là một lần cao trào quần chúng ủng hộ cách mạng và đấu tranh chống chính sách phản động của địch càng sôi sục, làm cho lực lượng đối phương càng bị phân hoá sâu sắc và địch bị cô lập hơn trước"[1].

[1] Xem Cayxỏn Phômvihản: *Tác phẩm chọn lọc,* t. I.

Từ sau ngày đất nước được giải phóng, trong 15 năm qua, đồng chí Cayxỏn đã tập trung trí tuệ và sức lực vào việc vạch ra đường lối, chính sách, phương pháp của sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước. Với cương vị là Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào - Đảng có sứ mệnh lãnh đạo mọi mặt đời sống xã hội - trong bối cảnh đất nước còn lạc hậu về kinh tế và văn hoá, lại đang bị bao vây và uy hiếp, việc đề ra đường lối chính sách xây dựng để đưa được đất nước thoát khỏi hiểm nghèo, đối với đồng chí Cayxỏn, không phải là việc dễ dàng.

Đồng chí thường xuống các địa phương để chỉ đạo, kiểm tra, rút ra những bài học phục vụ cho việc chỉ đạo chung. Trong 10 năm đầu của công cuộc xây dựng đất nước, bên cạnh không ít thành tích trong bảo vệ xây dựng, đồng chí Cayxỏn cũng thừa nhận rằng trong xây dựng có thể đốt cháy giai đoạn. Khi nhận thấy sản xuất không phát triển thuận lợi, cơ chế kinh tế không phù hợp, đồng chí Cayxỏn quyết tâm sửa đổi đường lối cũ, đi theo đường lối mới. Tư duy mới của đồng chí Cayxỏn đã bắt đầu xuất hiện từ năm 1979 và thể hiện rõ ràng, toàn diện trong Nghị quyết Đại hội IV Đảng Nhân dân cách mạng Lào năm 1986 và nghị quyết đã dần dần được cụ thể hoá trong nghị quyết của các hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng sau đó. Tư duy mới của đồng chí Cayxỏn hình thành cùng với việc đánh giá đúng đắn thực trạng kinh tế - xã hội Lào, thấy rõ sự cần thiết phải chuyển nền kinh tế tự nhiên thành kinh tế hàng hoá thì mới làm cho kinh tế nước nhà tiến bộ được. Muốn phát triển sản xuất hàng hoá thì phải có lực

lượng sản xuất tiến bộ hơn lực lượng sản xuất hiện có. Mâu thuẫn giữa sự cần thiết phải phát triển sản xuất với lực lượng sản xuất nhỏ bé cần được giải quyết. Vì vậy, đồng chí Cayxỏn và Trung ương Đảng nhận thấy cần khuyến khích các thành phần kinh tế hiện có tiến hành kinh doanh sản xuất tự do, hợp pháp, đồng thời thực hiện chính sách mở cửa, khuyến khích người Lào ở nước ngoài và người nước ngoài đầu tư vào Lào. Vấn đề đất đai cũng được giải quyết. Ngoài những vấn đề nêu trên, đồng chí Cayxỏn đặc biệt quan tâm đến việc sửa đổi cơ chế kinh tế, chuyển dần từng bước cơ chế quản lý quan liêu, hành chính, bao cấp sang chế độ hạch toán kinh tế và kinh doanh mới, thích hợp hơn. Trong ba năm qua, chúng ta thấy rõ việc thực hiện đường lối kinh tế mới đã có nhiều tác dụng đối với chấn hưng kinh tế - xã hội ở Lào. Hiện nay, tại Lào đang có sự chuyển biến từ kinh tế tự nhiên sang kinh tế hàng hoá. Lực lượng sản xuất càng lớn lên bao nhiêu thì sản xuất hàng hoá càng rộng bấy nhiêu, dẫn đến việc cải thiện đời sống nhân dân ngày một tốt hơn, tương lai của đất nước ngày càng tươi sáng, dù rằng trên con đường đi lên còn không ít khó khăn.

Tại các Đại hội I, II, III và IV của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, đồng chí Cayxỏn đều được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. Từ ngày tham gia cách mạng, bao giờ đồng chí cũng đặt lợi ích của Tổ quốc lên trên hết. Bản chất đồng chí là bản chất yêu nước, bản chất cách mạng. Có lần, trong một hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khi tự kiểm điểm, đồng chí nghẹn ngào, ứa nước mắt khi nói đến

khuyết điểm, nhược điểm của mình. Đồng chí nói: "Có lúc tôi cũng chủ quan, rơi vào chủ nghĩa giáo điều, cứng nhắc, có khi lại nóng vội. Tôi sẽ cố gắng khắc phục khuyết điểm, nhược điểm của mình, để làm lợi cho đất nước được nhiều hơn".

Người viết bài này có nhiều dịp trò chuyện thân mật với đồng chí Cayxỏn Phômvihản, và khi chỉ có hai người với nhau, chúng tôi thường dùng cách nói quen dùng khi còn nhỏ.

Tôi hỏi: - Chúng ta làm cách mạng cũng nhiều năm rồi, từ lúc trẻ cho đến khi già, bây giờ tóc đã bạc hết, tôi muốn hỏi anh xem anh yêu gì hơn cả?

Đồng chí Cayxỏn đáp: - Yêu nhiều thứ lắm, như yêu nước, yêu nhân dân, yêu gia đình.

Tôi hỏi xen vào: - Thế anh có yêu bản thân anh không?

Đồng chí Cayxỏn đáp: - Yêu chứ! Nhưng lợi ích của cá nhân nằm trong lợi ích của đất nước. Sau khi tham gia cách mạng, nhất là khi vào Đảng, tôi đã thề đấu tranh đến cùng, dù có phải hy sinh xương máu, tính mạng. Chân lý này phải gìn giữ suốt đời. Tuy nhiên, phải giữ gìn sức khỏe bản thân, phải tập thể dục, khi đau ốm phải chạy chữa. Không có sức khỏe thì không làm được việc.

Tôi hỏi: - Anh ghét gì nhất?

Đồng chí Cayxỏn đáp: - Ghét bọn can thiệp, xâm lược đất nước, ghét bọn có mưu đồ phá hoại, cản trở sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước của chúng ta.

Tôi hỏi: - Còn vui? Điều gì làm cho anh vui hơn cả?

Đồng chí Cayxỏn đáp: - Vui nhất mỗi lần cách mạng giành được thắng lợi, mỗi năm đồng bào các bộ tộc thu hoạch vụ mùa tốt, con cháu nhân dân được học hành tiến bộ, đời sống của nhân dân được cải thiện. Điều vui mừng nữa là thấy đường lối, chính sách của Đảng được thực hiện và mang lại hiệu quả.

Tôi hỏi: - Còn buồn? Cái gì làm cho anh buồn hơn cả?

Đồng chí Cayxỏn đáp: - Cũng buồn vì nhiều chuyện lắm, nhưng lớn hơn cả là buồn vì việc tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, kế hoạch nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu. Đường lối đúng nhưng việc tổ chức thực hiện còn nhiều cái mắc mớ, lủng củng. Buồn vì một chuyện nữa, đó là việc đào tạo cán bộ không kịp với đòi hỏi của tình hình.

Tôi hỏi: - Hiện nay, điều gì làm cho anh hài lòng hơn cả?

Đồng chí Cayxỏn đáp: - Điều làm tôi hài lòng hơn cả là chúng ta đã thay đổi được đường lối kinh tế và sự nghiệp đổi mới của chứng ta được đội ngũ cán bộ và nhân dân các bộ tộc hưởng ứng và hăng hái thực hiện. Sự nghiệp đó đang trên đà đi lên vững chắc.

Trong buổi mít tinh kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Đảng Nhân dân cách mạng Lào, tổ chức tại Viêng Chăn ngày 22/3/1990, đồng chí Cayxỏn đã nêu một số kết luận có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới, nội dung như sau:

- Không ngừng phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân các bộ tộc, kiên trì mục tiêu cách mạng; củng cố, phát triển và hoàn thiện chế độ dân chủ nhân dân.

- Tăng cường đoàn kết, hòa hợp, dựa vững vào nhân dân, mở rộng dân chủ.

- Quyết tâm tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, có nguyên tắc, từng bước thích hợp.

- Không ngừng tăng cường mở rộng đoàn kết và hợp tác quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi đối với sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.

Đó là những nhiệm vụ lớn mà toàn Đảng, toàn dân ta sẽ ra sức thực hiện.

Chúng ta thấy rõ rằng trong sự phát triển của lịch sử, vai trò của lãnh đạo là tất yếu khách quan. Đồng chí Cayxỏn và các vị lãnh đạo khác của cách mạng Lào đều ở vào trường hợp này. Họ là những người do lịch sử tạo ra, được nhân dân chọn làm lãnh tụ.

Trích Cayxỏn Phômvihản,
Người con của nhân dân, Hà Nội, 1993,
Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

ĐƯỜNG BIÊN GIỚI VIỆT - LÀO NGÀY NAY SẢN PHẨM CỦA TRUYỀN THỐNG HỮU NGHỊ GIỮA HAI DÂN TỘC VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Đinh Xuân Lâm[1]

Từ giữa thế kỷ XIX, tư bản Pháp trên đường bành trướng sang phương Đông đã dùng áp lực quân sự buộc triều đình Huế liên tiếp ký hết hàng ước này tới hàng ước khác, để cuối cùng, với hàng ước Patonốt (Patenôtre) ngày 06/6/1884 xác định quyền thống trị lâu dài của chúng ở Việt Nam. Mặt khác, chúng cũng dùng áp lực quân sự và chính trị buộc phong kiến Mãn Thanh (Trung Quốc) nhượng bộ từng bước để đến Quy ước Thiên Tân (09/6/1885) thì hoàn toàn khuất phục về vấn đề Việt Nam. Trên đà thuận lợi đó, chúng dốc toàn lực vào giải quyết gấp rút vấn đề Việt Nam, rồi vấn đề Lào ở sau lưng Việt Nam, việc làm đó cho thấy dưới con mắt tư bản Pháp thì số phận của hai dân tộc Việt - Lào là gắn bó với nhau, phải chiếm Việt Nam xong mới có thể tính đến chiếm Lào.

Sau khi đè bẹp được phái chủ chiến trong triều đình Huế và nắm chặt được bọn phong kiến bán nước bù nhìn do Đồng Khánh cầm đầu, giặc Pháp ra sức đẩy mạnh hoạt động quân sự trên chiến trường ngoài Bắc. Chúng

---

[1] Giáo sư, Nhà giáo nhân dân.

tiến quân sâu dần vào vùng Tây Bắc nước ta. Nghĩa quân Việt Nam do Nguyễn Quang Bích cầm đầu đã hoạt động trên một địa bàn rộng lớn là vùng núi biên giới Tây Bắc, lôi cuốn đông đảo các tộc người cư trú xen kẽ hai bên vùng biên, có nhiều quan hệ với nhau về chủng tộc, địa bàn cư trú và có chung kẻ thù là thực dân Pháp xâm lược.

Lúc này, sau khi kinh thành Huế đã bị Pháp chiếm (05/7/1885), Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi đã phải chạy ra vùng sơn phòng tỉnh Quảng Trị, vượt đèo Mai Lĩnh lên Lao Bảo, rồi xuyên đường rừng núi qua các vùng thuộc đất Lào, bên kia dãy Trường Sơn, ngày 02/8/1885 tới đất Cửu Châu (tên một làng thuộc địa phận tỉnh Savannakhẹt nước Lào). Từ đó lại tiếp tục cuộc hành trình, đợi hết mùa mưa mới vượt đèo Quy Hợp để đặt chân vào sơn phòng huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh vào cuối tháng 8/1885. Trong cuộc hành trình gian khổ này, vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết và đoàn tùy tùng đã được sự giúp đỡ nhiệt tình của các dân tộc cả hai bên sườn Trường Sơn - trong số đó có người Lào, dẫn đường, làm nhà ở, cung cấp lương thực, giữ bí mật...

Vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết đã quyết định dựa vào vùng rừng núi và nhân dân các tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh và tỉnh Khăm Muộn (Lào) để tổ chức công cuộc kháng chiến lâu dài, mãi tới tháng 11/1888, vua Hàm Nghi bị thực dân Pháp bắt thì phong trào ở vùng này mới chấm dứt. Cũng trong thời gian này, nghĩa quân Hương Sơn - Hương Khê dưới sự lãnh đạo của Phan Đình Phùng đã đẩy mạnh

hoạt động tại vùng rừng núi phía tây Hà Tĩnh. Từ căn cứ Vụ Quang (huyện Hương Khê), nghĩa quân Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ với nghĩa quân Lào để đánh chặn quân Pháp từ đèo Mụ Giạ và đèo Quy Hợp vượt Trường Sơn đánh sang đất Lào chiếm vùng Khem Ma Rạt. Cũng như trong trận thắng Hà Trai (nay là xã Sơn Tân, huyện Hương Sơn) đánh địch từ Na Pê (Lào) kéo sang Hương Sơn (Hà Tĩnh) ngày 02/6/1980, đã có sự phối hợp của nghĩa quân Việt - Lào trên vùng biên giới. Suốt trong thời gian hoạt động, người chỉ huy Diệm Thứ (nay là xã Sơn Diệm, huyện Hương Sơn) là Cao Đạt chịu trách nhiệm bảo đảm sự liên lạc với Xiêm qua con đường Lào để mua súng đạn, vũ khí. Bức điện ngày 16/10/1895 của Khâm sứ Trung Kỳ và Lào gửi Toàn quyền Đông Dương khẳng định: "Những chuyến đi lại của Cao Đạt với các nhà cầm quyền Xiêm đã có từ lâu. Những chuyến đi đó đã được mật báo nhiều lần trong những năm 1891, 1894. Mục đích của những chuyến đi đó thường là mua sắm vũ khí đạn dược ở Nọng Khay, La Khôn và của người Xiêm"[1].

Nghĩa quân Việt Nam, để duy trì lâu dài cuộc chiến đấu, đã vận động linh hoạt trên địa bàn rừng núi các tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh và Khăm Muộn (Lào). Giặc Pháp thú nhận: "Nếu ta tiến đánh họ (chỉ nghĩa quân) ở Hà Tĩnh thì họ rút vào Quảng Bình; ngược lại, nếu đánh từ Quảng Bình

---

[1] Hồ sơ của phủ Thống đốc Bắc Kỳ (Dẫn lại theo Mai Hanh): "Về giai đoạn chiến đấu cuối cùng của nghĩa quân Hương Khê do Phan Đình Phùng lãnh đạo", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 85, tháng 4/1966.

ra thì họ lại rút ra Hà Tĩnh một cách an toàn. Sau cùng, nếu ta cùng lúc tấn công từ hai phía thì sau lưng họ là những dãy núi hiểm trở dẫn họ tới xứ Mường, rồi xứ Lào"[1]. Tài liệu điều tra thực địa còn cho biết thêm rằng, căn cứ Vụ Quang của nghĩa quân Hà Tĩnh chỉ cách biên giới Việt - Lào khoảng 8 km, và tại Vụ Quang có những dòng họ gốc Lào sang sinh cơ lập nghiệp từ lâu đời (như trường hợp họ Bùi), cũng như khẳng định rằng đồng bào Ca Đốc, Nà Thọn (Lào) sinh sống trên vùng biên tiếp giáp Việt - Lào đã giúp đỡ rất nhiều cho nghĩa quân Phan Đình Phùng trong những ngày chiến đấu gian khổ ở căn cứ Vụ Quang. Đến khi phong trào Nghệ - Tĩnh tan rã thì có một số tướng lĩnh và nghĩa quân đã vượt biên sang Lào để trốn tránh sự khủng bố, đàn áp man rợ của quân thù; hiện nay, tại tỉnh Bôlikhămxay (Trung Lào) còn một số gia đình con cháu những người đã từng tham gia phong trào chống Pháp cuối thế kỷ XIX.

Đi xa hơn về phía Bắc, chúng ta thấy trong sự phát triển mạnh mẽ của phong trào Cần Vương tỉnh Thanh Hoá cuối thế kỷ XIX có sự ủng hộ mạnh mẽ và hiệu quả của nhân dân Lào, vùng rừng núi trên biên giới phía Tây từng là địa bàn hoạt động chủ yếu của phong trào.

Căn cứ Mã Cao của Hà Văn Mao (nay thuộc huyện Yên Định) cũng như căn cứ Hùng Lĩnh của Tống Duy Tân (nay thuộc huyện Vĩnh Lộc) đều có đường thông trực tiếp

[1] Gốtxơlanh (Charles Gosselin): *Đế quốc An Nam* (L'Empire d'Annam), NXB. Perrin, Paris, 1904.

sang Lào, còn căn cứ Sầm Sơn của Cầm Bá Thước lại nằm trên đất Lào (vùng Mường Hổ)[1].

Có thể khẳng định rằng phong trào Cần Vương miền Trung nói chung, phong trào Thanh - Nghệ - Tĩnh nói riêng, sở dĩ kéo dài được tới những năm cuối thế kỷ XIX, một lý do quan trọng là vì nghĩa quân đã biết dựa vào nước Lào anh em phía sau để duy trì cuộc chiến đấu.

Năm 1893, tư bản Pháp đã ký với Xiêm một hiệp ước đặt các vùng của Lào ở phía đông sông Mê Kông dưới quyền cai trị của chúng, còn các vùng đất ở phía Tây thì sáp nhập vào lãnh thổ Xiêm. Đó là một điều kiện vô cùng thuận lợi cho chúng hoàn thành việc bình định Việt Nam kéo dài gần 10 năm trời, gây cho chúng ta nhiều tổn thất nặng nề. Từ nay trở đi hai dân tộc Việt - Lào cùng thân phận nô lệ cho một kẻ thù chung càng thêm gắn bó trong sự nghiệp chống chủ nghĩa đế quốc Pháp. Trong phong trào đấu tranh của nhân dân hai nước phát triển mạnh mẽ và liên tục suốt từ những năm đầu thế kỷ XX, nếu chỉ nói tới những cuộc đấu tranh của các dân tộc cư trú ngay trên vùng biên giới Việt - Lào đã ảnh hưởng trực tiếp đến nhau và có quan hệ khá mật thiết với nhau, trước hết có phong trào của dân tộc Lào Thơng do Ông Kẹo và Commađăm lãnh đạo, bùng nổ vào cuối năm 1901 và kéo dài suốt trong hơn 30 năm trên cao nguyên Bôlôven - Xaravan, cùng lúc

---

[1] Các thư tịch và bản đồ cũ đều có ghi châu Sầm (hay Khầm) của người "Man Lão" ở miền Tây đất Thanh Hoá, thuộc vùng thượng lưu sông Chu.

với phong trào đấu tranh của các bộ lạc trên Tây Nguyên của Việt Nam do tù trưởng Irê của dân tộc Xơđăng trực tiếp lãnh đạo. Nghĩa quân Xơđăng đã phối hợp chặt chẽ với người Lào Thơng bên kia vùng biên trong cuộc tấn công san bằng đồn canh địch trên ngã ba sông Krông Pôkô và Đắk Psi (28/5/1901).

Trong phong trào Phan Bội Châu, con đường Lào có một vai trò đặc biệt quan trọng. Một số người yêu nước đã bí mật vượt vùng biên qua Lào, rồi từ đó sang Thái Lan, Trung Quốc hoạt động cách mạng.

Cùng lúc với sự xuất hiện của hội nông, công thương ở Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX để phục vụ cho cuộc vận động cách mạng thì tại Viêng Chăn (Lào) cũng thành lập Nam Hiệp hội của kiều bào Việt Nam trên đất Lào[1]. Trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), đảng viên Việt Nam Quang phục hội là Trần Hữu Lực được phân công phụ trách "Tây lộ" (con đường phía tây) với dự định mượn con đường Lào bí mật chuyển vũ khí về miền Trung Việt Nam, liên lạc với các cơ sở cách mạng của hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi để chuẩn bị bạo động (tháng 11/1914).

Chỉ hơn một năm sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ thì ngay trên vùng biên tiếp giáp Việt - Lào đã

---

[1] Báo cáo ngày 10/9/1912 của lãnh sự Pháp Liêbe (Liébert) ở Hương Cảng (Hồ sơ lưu trữ của Bộ Ngoại giao - Đông Dương, loại mới, 12, tr. 39 - 40). Dẫn lại theo Buđaren (G. Boudarel) trong: *Phan Bội Châu với xã hội của thời đại ông*, Paris, 1972.

xảy ra cuộc phá ngục Lao Bảo (Quảng Trị). Ngày 28/9/1915, dưới sự lãnh đạo của Liêu Thanh và Hồ Bá Kiện, tù nhân Lao Bảo đã nổi dậy phá ngục, cướp khí giới lấy thành, sau đó theo con đường Làng Con - Lao Bảo rút lên phía tây bắc Sê Pôn, rồi cứ hiểm trong bản Ta Cha thuộc tỉnh Savannakhẹt. Dựa vào rừng núi hiểm trở trên vùng biên tiếp giáp, lại được sự giúp đỡ tích cực của nhân dân Lào trong vùng, nghĩa quân Việt Nam đã xây dựng công sự chiến đấu và chống cự lại kịch liệt khi giặc Pháp truy kích đến nơi. Ngày 25/10, một đoàn vận tải của giặc trên đường từ bản Ta Cha về bản Ta Soi đã bị nghĩa quân chặn đánh. Nhưng sau đó do thế yếu nên nghĩa quân phải rút, rồi tan vỡ trước sự truy lùng ác liệt của quân thù, Liêu Thanh và Hồ Bá Kiện đều hy sinh trong chiến đấu.

Con đường đi sau lưng của các tỉnh phía nam Trung Kỳ từ sau cuộc khủng bố trắng của thực dân Pháp năm 1908 vẫn được các nhà yêu nước triệt để lợi dụng để nối liên lạc với bên ngoài. Cuối năm 1913, Nguyễn Công Mậu và Bùi Phú Thiệu đã theo con đường Trung Lào sang Xiêm gặp Trần Hữu Lực để bàn việc cứu nước theo đường lối *"nội công ngoại ứng"*, các lực lượng cách mạng trong nước có nhiệm vụ phối hợp kịp thời và mạnh mẽ với các đạo quân Quang Phục vượt vùng biên đánh về trong nước. Kết quả là đêm mồng 3 rạng sáng ngày mồng 04/5/1916, một cuộc khởi nghĩa - trước đây thường quen gọi là khởi nghĩa Duy Tân vì có sự tham gia của vị vua yêu nước trẻ tuổi - đã được phát động cùng lúc ở nhiều địa phương của Trung

Kỳ (Huế, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi...). Nhưng do chuẩn bị chưa thật chu đáo, lực lượng còn yếu nên bị kẻ thù bóp chết nhanh chóng. Đến năm 1917, cuộc đánh đồn binh ở Hin Bun trên tả ngạn sông Mê Kông thuộc đất Lào cũng bị thất bại. Việc chuyên chở vũ khí về Nam Bộ cũng bị lộ, người chủ mưu là Trần Hữu Lực sau đó bị bắt và bị xử tử, người đồng chí của ông là Nguyễn Sĩ Dực (Đầu xứ Dực) cũng bị bắt đưa về nước. Cũng trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ nhất, vùng biên tiếp giáp Tây Bắc còn chứng kiến sự vùng dậy mạnh mẽ của các dân tộc trong vùng. Đây là hai quân khu 4 và 5 của thực dân Pháp, gồm đại bộ phận Phongxalỳ (bắc Thượng Lào) và Lai Châu (Việt Nam). Cư dân cả ở hai bên vùng biên chủ yếu là người Thái. Tuy thuộc hai quốc gia khác nhau, nhưng vì có chung một kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc Pháp, lại biết lợi dụng triệt để địa hình hiểm trở trong vùng, các dân tộc ở Tây Bắc đã chớp thời cơ nổi dậy vào đầu tháng 11/1914, do Lương Bảo Định cầm đầu. Nghĩa quân Thái đã đột nhập Sầm Nưa, giết tên đại lý Pháp, phá hủy công sở, kho tàng, tịch thu súng đạn và tiền kho, tuyên bố xóa bỏ nền thống trị của đế quốc Pháp trong vùng, từ nay các dân tộc tự cai quản lấy mình, xong xuôi mới rút vào rừng sâu để bảo toàn lực lượng.

Trước sự phản công ác liệt của giặc Pháp, nghĩa quân phải rút về phía Điện Biên Phủ (Mường Thanh), rồi đi sâu lên phía Bắc về mạn Mường U, Chiềng U (trên bờ sông Nậm U) trên đất Lào. Trên đường đi, nghĩa quân đã thừa

lúc kẻ thù sơ hở để đột phá Phongxalỳ, chiếm luôn Bun Nưa, Mộc Pha (03/8/1915). Nhưng rồi đến tháng 3/1916, trước sự phản công dữ dội của kẻ thù, cuộc khởi nghĩa đã tan rã sau gần một năm rưỡi chiến đấu quyết liệt.

Khởi nghĩa của đồng bào Thái vừa chấm dứt chưa được bao lâu thì đồng bào Mông và các dân tộc khác ở Điện Biên Phủ đã sôi nổi đứng dậy đánh Pháp, dưới sự lãnh đạo của Giang Tả Chay. Tháng 7 năm đó, đã nổ ra cuộc bạo động của người Mông trên cao nguyên Tà Phình (Tủa Chùa - Điện Biên), nhưng vì lực lượng còn non yếu nên bị đàn áp ngay. Đến cuối tháng 10, người Mông vùng Điện Biên Phủ (Điện Biên) lại nổi dậy. Phong trào chống Pháp vùng cao ngày càng phát triển, nhanh chóng lan rộng từ Sơn La, Điện Biên, Lai Châu sang cả miền Thượng Lào, tỏa khắp một vùng rộng lớn bao gồm thượng lưu sông Nậm U, Xiêng Khoảng, Sầm Nưa, Điện Biên Phủ. Phong trào mất dần tính chất địa phương, trở thành một cuộc khởi nghĩa rộng lớn của các dân tộc miền núi rừng Tây Bắc hai bên vùng biên chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc Pháp. Nhưng trước sự đàn áp khủng bố ác liệt của kẻ thù kết hợp chặt chẽ các thủ đoạn càn quét, đàn áp quân sự, phá hoại kinh tế với các thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ, chia rẽ về chính trị, lực lượng nghĩa quân ngày càng suy yếu dần, và cuối cùng tan rã sau gần ba năm chiến đấu kiên cường, bất khuất (tháng 01/1922).

Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc vào tháng 11/1918. Nhằm gấp rút hàn gắn vết thương chiến tranh và

khôi phục địa vị kinh tế trong thế giới tư bản chủ nghĩa sau chiến tranh, thực dân Pháp ra sức đẩy mạnh cuộc khai thác thuộc địa ở Đông Dương trên quy mô lớn, với tốc độ nhanh hơn so với trước. Từ năm 1919 trở đi, đầu tư mạnh vào các ngành nông nghiệp (phát triển đồn điển cao su), khai mỏ chì Phong Chiêu, mỏ thiếc Bò Nẹng, xây dựng một số xí nghiệp, mở đường giao thông, tư sản Pháp có yêu cầu ngày càng lớn về nguồn nhân công tuyển mộ chủ yếu từ Việt Nam sang. Một bộ phận đáng kể của lực lượng công nhân người Việt này đã ở lại luôn trên đất Lào, trở thành kiều bào Việt Nam ở Lào.

Từ sau khi Hội Việt Nam thanh niên cách mạng được thành lập ở Quảng Châu (Trung Quốc) vào tháng 6/1925 và phái cán bộ về hoạt động trong kiều bào Việt Nam ở Thái Lan và Lào, phong trào cứu quốc của kiều bào ngày càng đi vào tổ chức. Chi bộ thanh niên và tổ chức quần chúng Hội Thân ái của Việt kiều ở Lào bảo đảm liên lạc với trong nước, đưa đón cán bộ trong nước ra cũng như ngoài nước về, tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng hai nước cùng phát triển.

Chính lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được ý nghĩa trọng đại và tác dụng to lớn của mối tình đoàn kết Việt - Lào trong sự nghiệp đấu tranh chống đế quốc của các dân tộc trên bán đảo Đông Dương. Ngay từ những năm 20 của thế kỷ trước, khi hoạt động ở Pháp, trong các bài viết hay phát biểu đầu tiên, cũng như

trong Đại hội Tours (tháng 12/1920), Người đã luôn luôn nhắc đến ba dân tộc Đông Dương đang rên xiết dưới nanh vuốt của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930), Người đã có ý thức đầy đủ về yêu cầu nêu cao tính độc lập và chủ động của đồng bào các bộ tộc Lào (và cả của Miên). Để rồi đến Đại hội II của Đảng Cộng sản Đông Dương (02/1951), Người đã chủ trương xây dựng ở Việt Nam, Lào, Miên từng đảng cách mạng thích hợp để lãnh đạo cuộc kháng chiến mỗi nước đến thắng lợi. Mặc dù đề cao vấn đề quyền lợi dân tộc và quyền dân tộc tự quyết, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn luôn thấy rõ mối quan hệ mật thiết và tính tất yếu của liên minh ba dân tộc Việt - Lào - Miên và suốt đời phấn đấu cho sự củng cố và phát triển liên minh đó, xuyên qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tái xâm lược bán đảo Đông Dương đến những năm tháng hòa bình xây dựng sau kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, rồi đến thời kỳ chống can thiệp Mỹ sau đó. Tháng 9/1952, trong một cuộc họp, Người đã nói về mối quan hệ giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt Nam - Lào như sau: "Trong thực tế, mối quan hệ đặc biệt giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt Nam - Lào là mối quan hệ láng giềng gần gũi, giữa những người bạn có chung lý tưởng, cùng chiến hào chống kẻ thù chung, đã từng "đồng cam cộng khổ", "hạt muối cắn đôi, cọng rau bẻ nửa".

Tháng 3/1963, Người có bài thơ ca ngợi tình hữu nghị Việt - Lào vô cùng xúc động như sau:

"Thương nhau mấy núi cũng trèo,
Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua.
Việt - Lào hai nước chung ta,
Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long"

*

* *

Các sự kiện giới thiệu sơ lược trên cho thấy rõ ràng vùng biên tiếp giáp Việt - Lào có một vị trí chiến lược vô cùng quan trọng trong sự phát triển cuộc liên minh chiến đấu của hai dân tộc. Ngay từ những ngày đầu chủ nghĩa đế quốc phương Tây xâm nhập bán đảo Đông Dương, vị trí chiến lược đó càng trở nên quan trọng hơn. Bằng thực tiễn chiến đấu giữ nước và cứu nước oai hùng của mình, nhân dân hai nước Việt - Lào đã nhận thức sâu sắc rằng chỉ trong điều kiện hai dân tộc liên minh đoàn kết, hợp tác hữu nghị thì con đường biên giới hòa bình hữu nghị mới phát huy được hết thế mạnh của nó một cách toàn diện, chủ yếu là về mặt quân sự, để góp phần to lớn vào việc ngăn chặn, đánh bại kẻ thù chung của cả hai dân tộc, bất kỳ chúng từ đâu tới.

Nhân dân hai nước Việt - Lào đã cùng kề vai sát cánh đồng cam cộng khổ trong cuộc đấu tranh lâu dài và quyết liệt chống lại mọi lực lượng đen tối, và đã đi tới thắng lợi. Trên cơ sở đó, Hiệp ước quy định biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân

chủ nhân dân Lào đã được ký kết ngày 17/7/1977. Hiệp ước đã "khẳng định quyết tâm xây dựng biên giới Việt Nam - Lào thành biên giới hữu nghị anh em lâu dài giữa hai nước", và đó là "một biểu hiện tốt đẹp của việc giải quyết vấn đề lợi ích dân tộc trên tinh thần kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, là mẫu mực về chính sách láng giềng hữu nghị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào". Cũng có thể khẳng định rằng đường biên giới Việt - Lào ngày nay là sản phẩm đẹp đẽ của tinh thần đoàn kết chiến đấu và hữu nghị lâu dài giữa hai dân tộc anh em, được kế thừa và phát triển lên mức cao hơn dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, tháng 6/2001

HỘI "VIỆT NAM THANH NIÊN" VỚI VIỆC TRUYỀN BÁ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀO LÀO (1925 - 1935)

Nguyễn Văn Khoan

Thần thoại về sự ra đi của nước Lào viết: "Từ xưa đất này nguyên là bờ cõi phồn vinh của hai thần thiêng liêng là Phutasen và Chantaphanice. Nạn hồng thủy khủng khiếp đã cuốn trôi muôn loài. Trời mới đặt một quả bầu ở Mường Then (nay là khu vực Xíp xoỏng Ba Na - Vân Nam - Trung Quốc) để cứu giúp. Từ trong quả bầu đó hàng loạt người chui ra. Những ai sang phía đông thành người Việt, sang phía tây thành người Miến, xuống phía nam thành người Khơme, ở lại là người Thái, Lào, Khạ (Lào Thơng). Trời còn sai Khun Bu Lôm cưỡi voi trắng xuống chăm sóc cho mọi người và dặn: "Các con phải luôn luôn giữ tình thân ái với nhau, không bao giờ được chia rẽ nhau, các con phải coi nhau như anh em một nhà, người giàu phải giúp đỡ người nghèo, người mạnh giúp kẻ yếu, phải bàn bạc kỹ trước khi hành động và đừng bao giờ gây hấn, xâm lăng lẫn nhau"[1].

"Từ xa xưa, "chàng Lèo" (Lào) đã vượt Trường Sơn sang phía Đông hợp lực với "chàng Ngọc" (Việt Nam) tiêu

[1] Tạp chí *France - Asie*, số 118-120, số đặc biệt về Lào, Sài Gòn, 1955, tr. 1.053.

diệt xà tinh"[1]. Ca Phúc, người Việt đã lặn lội sang phía bên kia Trường Sơn diệt thủy quái[2]. Sách *Việt điện u linh* của Việt Nam chép: "Lý Thiên Bảo (anh ruột Lý Bí tức Lý Nam Đế) đến động Dã Năng, đầu sông Thao thấy cảnh ở đấy đẹp đẽ, đất đai rộng, phẳng, màu mỡ, bèn xây thành ở lại. Người kéo đến tụ tập ngày một đông, bèn trở thành xứ Dã Năng vào năm 550". Sách *Lịch triều hiến chương loại chí*[3] ghi: "Đào Làng Vương là Thiên Bảo, anh Lý Nam Đế bị quân Lương đánh thua, thu quân chạy sang Ai Lao. Thấy đầu nguồn sông có đất động Dã Năng rất rộng bèn đắp lũy, xây thành để ở, gọi là nước Dã Năng"[4].

Sự kiện ngoại giao, thông hiếu đầu tiên giữa Việt Nam và Lào được đánh dấu bằng sự kiện năm 1067 và năm 1075 dưới đời nhà Lý của Việt Nam. Trong lịch sử Lào viết "vào năm 1.788 hai viên tướng Tây Sơn là Chiêng Ba, Chiêng Viên dẫn 3.000 quân cùng 3.000 quân Xiêng Khoảng đánh quân Xiêm ở Viêng Chăn giúp Lào". Vùng Đông Viêng Chăn hiện vẫn còn lưu hành bài "cạp" (vè) ca ngợi người anh hùng Phù Xun (Phú Xuân) đã từng giúp Lào đánh Xiêm. Đối chiếu với sử nước ta, đó là vào năm 1791, Nguyễn Huệ cử Trần Quang Diệu dẫn 500 quân đến Viêng Chăn sau khi đánh tan quân Xiêm. "Năm 1830, nhân lễ sinh nhật Minh Mạng, sứ giả của Nam Chưởng được xếp

---

(1) *Tìm hiểu lịch sử văn hoá nước Lào,* NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 96.

(2) *Tìm hiểu lịch sử văn hoá nước Lào,* Sđd, 1978, tr. 96.

(3) Lý Tế Xuyên, *Việt điện u linh,* NXB. Văn hoá, Hà Nội, 1972, tr. 43.

(4) Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập I, quyển 6, tr. 156.

ở vị trí cao nhất"[1]. Dưới thời Nguyễn (Gia Long), sứ Nam Chưởng, Vạn Tượng (Lào) được phép đến thẳng kinh đô Huế theo đường trạm Nghệ An...

Về giao thông, nước Lào không có đường biển. Nằm trong lục địa, việc đi lên phía Bắc với Trung Quốc, sang phía Tây đến Miến Điện bằng đường rừng núi rất khó khăn. Tuy có một bộ phận dân sống trên bờ sông Mê Kông, nhưng ngư dân Lào chủ yếu chỉ đánh bắt cá, không có nghề đi sông lớn. Chỉ có một thuận lợi là đi sang phía Đông với Việt Nam, nơi gần nhất từ miền Trung sang là 128 km[2]. Sách *Đại Nam nhất thống chí*, viết: "Từ Tây Nam Nghệ An đến địa giới Ai Lao là 515 dặm". Những con đường lớn, đường rừng vượt Trường Sơn sang Việt Nam đến các điểm Nghệ An - Hà Tĩnh, tiếp đó là ra các cửa biển miền Trung có thể giúp Lào trong phát triển kinh tế, văn hoá. Tuy nhiên, một trong nhiều khó khăn của Lào là vấn đề đường sá giao thông. Khó khăn này đã phần nào hạn chế sự "mở cửa", "đi ra" của Lào. "Năm 1935, Lào có 3.333 km đường, trong đó có 1.423 km rải đá và 22 km rải nhựa. Năm 1931, Lào có 484 xe ô tô các loại, trong đó 306 là xe tải, 178 là xe con. Năm 1922, bắt đầu xây dựng sân bay ở Luang Prabăng. Dưới thời Pháp thuộc, Lào không có đường sắt…"[3].

---

(1) Theo *Khâm định Đại Nam hội điển sử lệ*, Bộ Giáo dục Sài Gòn, 1965, phần "Nhu viễn chung triều cận", tr. 29 - 31.

(2) Hoàng Đạo Thuý, *Đi thăm đất nước*, NXB. Văn hoá, Hà Nội, 1978, tr. 38.

(3) V.A.Kôgievnicốp, *Lịch sử nước Lào hiện đại*, (tiếng Nga), NXB. Nauka, Mátxcova, 1980, tr. 31 - 32.

Như nhận định của Nguyễn Ái Quốc, ngày 20/5/1924, trong thư gửi Pêtơrốp, Ban phương Đông của Quốc tế Cộng sản rằng: "Nguyên nhân đầu tiên đã gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là "SỰ BIỆT LẬP" các dân tộc phương Đông không có những quan hệ và tiếp xúc giữa các lục địa với nhau. Họ hoàn toàn không biết đến những việc xảy ra ở các nước láng giềng gần gũi nhất của họ, do đó họ THIẾU SỰ TIN CẬY LẪN NHAU, SỰ PHỐI HỢP HÀNH ĐỘNG VÀ SỰ CỔ VŨ LẪN NHAU"[1].

Trước đó, trong Đại hội lần thứ nhất Quốc tế Nông dân tại Mátxcơva ngày 13/10/1923, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định trong tham luận của mình: "Đời sống xã hội hiện nay phụ thuộc trước hết vào những trung tâm công nghiệp lớn mạnh và vào những đường giao thông".

"Vào những thập kỷ 20 - 30 của thế kỷ XX, Lào mới có Công ty khai mỏ (năm 1923), Công ty khai thác chì (1926), Công ty khai thác kẽm (1930). Năm 1940, năng lượng điện toàn nước Lào là 890 kW/giờ"[2].

Về văn hoá giáo dục "cho đến năm 1945, Lào mới có 10 người tốt nghiệp Trường Đại học Đông Dương và Pháp, trong đó có các Hoàng thân Vát Khama, Phuma, Xuphanuvông. Trước chiến tranh ở Lào không có một tờ báo nào, chỉ có một tờ *Công báo Lào* bằng tiếng Pháp. Năm 1930, Lào có cơ sở y tế ở 14 tỉnh, 8 trạm cấp cứu, 52 trạm y tế với 24 bác sĩ

---

[1] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. l, tr. 263.

[2] V.A.Kôgievnhicốp, *Lịch sử nước Lào, Sđd*, tr. 32 - 33.

(12 người Pháp, 12 người Việt Nam)". Đồng bào Lào bấy giờ, 90% là mù chữ[1]. Nhiều người Việt Nam hiểu tiếng Lào, đồng bào Lào nói được tiếng Việt rất ít. Trường học ở Lào chỉ dạy hết cấp I. Muốn học cấp II phải đi ra nước ngoài: Việt Nam, Thái Lan (Băng Cốc), Pháp.

Là xứ bảo hộ của nước Pháp nên chính quyền Pháp ở Đông Dương đã cử sang Lào nhiều viên chức người Việt. "Năm 1936 ở Lào có gần 27.000 người Việt, phần đông là công nhân làm đường, thợ mỏ. Năm 1929, Lào có 1.303 công nhân, thợ thuyền, trong đó có 512 thợ công nghiệp, công nhân khai thác mỏ: 314. Số người Việt ở các tỉnh Lào là Viêng Chăn, Thà Khẹc, Savannakhẹt thường là buôn bán, chủ cửa hiệu, viên chức bưu điện, y tế"[(2)]. Theo *Thống kê* của Toàn Khâm sứ Ai Lao ấn hành vào năm 1936, dân số Viêng Chăn (Lào) năm 1935 là 80.000 người mà người Việt đã chiếm tới 23.000 người, gồm nhiều thành phần như trí thức, thương gia và lao động. Chính quyền Lào dành cho Việt kiều nhiều quyền tự do như tự do di chuyển, xê dịch vì sinh kế, lập làng gọi là *Làng An Nam*, với các tên đặt cho đường phố là đường Hải Phòng, Hà Nội, Đà Nẵng. Việt kiều còn xây cất chùa như chùa Bàng Long, đền Đức Thánh Trần, lập các hội Ái hữu... [(3)]

[(1)] V.A.Kôgievnhicốp, Lịch sử nước Lào, Sđd, tr. 32 - 33.

[(2)] Tổng cục Chính trị quân đội nhân dân Lào, *Lịch sử Quân đội nhân dân Lào*, NXB. Quân đội nhân dân Lào, Viêng Chăn, 1996, tr. 9.

[(3)] Tùng Vân (Phan Bá Công) (Nguyên đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Viêng Chăn 1964 - 1965), "*Việt kiều ở Ai Lao*", Tạp chí *Sử địa*, Nhà sách Khai trí, Sài Gòn, 1969, tr. 102 - 103. Chùa Bàng Long được Việt kiều xây dựng trên một hòn đảo nhỏ giữa sông Mê Kông với ý nghĩa tưởng nhớ con cháu Hồng Bàng, di cư qua Cửu Long.

Trong phong trào yêu nước, chống thực dân Pháp của nhân dân Lào, những năm 1901, 1907, 1910 (của Pho Cà Đuột, ông Kẹo, Commađăm, Phìa Khăm đen, ông Sen...) chưa có được nhiều người Việt tham gia. Như ông Pray Danh, Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào yêu nước phát biểu với nhà báo G. Bócsét: "Chúng tôi chiến đấu cô độc và nghĩ rằng chỉ riêng chúng tôi, những người Lào Xủng, chúng tôi cũng có thể chiến thắng quân thù. Chúng tôi không bao giờ nghĩ tới việc liên minh với các dân tộc khác…".[1] Cần nói thêm là đồng bào Lào còn chưa đặt vấn đề "binh vận" với ngay số lính là người Việt hoạt động ở Lào.

Vào những năm 1908 - 1910, khi Phan Bội Châu đến Xiêm, xây dựng cơ sở ở Bản Đông, cụ Phan cũng chưa có điều kiện tiếp cận với tình hình Lào. Nguyễn Ái Quốc lần đầu tiên đề cập tình hình Lào, theo những tư liệu hiện có, là vào những năm 1923 - 1924. Trong sách *Đông Dương*, bản thảo bằng tiếng Pháp lưu tại kho lưu trữ của Quốc tế Cộng sản, bản chụp có tại Viện Hồ Chí Minh - trong bài *Các quan cai trị* của sách này, Nguyễn Ái Quốc viết: "Một viên công sứ ở Lào buộc 25 người An Nam vào tội hội họp làm biểu tình. Thế mà chính ông ta, viên công sứ, đã bày ra một âm mưu tưởng tượng, cho tiền kẻ tố cáo, rồi hành hạ, tra tấn, bắt những người bị tố cáo phải nhận những lời thú tội giả mạo"[2]. Tiếp đó, trong bài *Tạp dịch hay là khổ sai*, Nguyễn Ái Quốc còn viết: "Công việc đắp đường ở Đà Nẵng, ở Trấn Ninh và ở

---

[1] Dẫn theo *Lịch sử nước Lào*, Sđd, 1978, tr. 131.

[2] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t. l, tr. 367, 396; t. 2, tr. 18.

Lào đã để lại biết bao kỷ niệm xót xa"[1]. Khi mở lớp học ở Quảng Châu vào những năm 1926 - 1927, trong số học viên, không có người Lào, mà ngay cả người Việt ở Lào cũng không có để tham gia lớp học để làm hạt nhân cho công cuộc vận động cách mạng sau này ở Lào.

Ngày 05/01/1925, trong *Thư gửi một đồng chí ở Quốc tế cộng sản,* ký tên N.A.Q, Nguyễn Ái Quốc báo tin "Quốc dân đảng Đông Dương vừa được thành lập vào ngày 3 tháng này với 3 đảng viên lúc bắt đầu. Một người sẽ được phái đi Trung Kỳ và Lào".[2]

Ngày 19/12/1925, từ Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi: *"Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản"*, báo tin: "Chúng tôi có tại Xiêm một trạm - cơ sở (để đưa đón người ra vào) khá vững"[3]. Điều này cho ta thấy rằng, Nguyễn Ái Quốc, cho đến bấy giờ, tháng 02/1925, chưa có nhiều thông tin về Lào. Do tình hình trên, nên một trong *những việc chúng tôi phải làm trong năm nay* (1925) là "thiết lập cơ sở giao thông ở Lạc Phách, trên tả ngạn sông Mê Kông và cách Trung Kỳ 15 ngày đường"[4], Từ sự kiện này, có thể khẳng định, từ đầu năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đã có kế hoạch tuyên truyền cách mạng vào Lào. Trong tình hình dân trí nước Lào bấy giờ, công tác tuyên truyền cách mạng cần đi bước trước là hướng vào người Việt ở trên đất Lào. Sau đó, từ những người này, chuyển sang vận động đồng bào Lào, để hai dân tộc cùng liên minh đoàn kết đấu tranh.

---

[1],[2] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t. 1, tr. 367, 396, t.2, tr. 18.
[3],[4] Hồ Chí Minh, *Sđd*, t. 2, tr. 140, 141.

Theo phương pháp của Nguyễn Ái Quốc, tuyên truyền là việc quan trọng đầu tiên trong công tác cách mạng để giác ngộ quần chúng, để làm cho quần chúng hiểu vì sao họ đói, khổ, nô lệ, bị khinh rẻ, chà đạp, đàn áp, bắn giết; thù là ai, bạn là ai và phải làm thế nào để thoát khỏi cuộc đời đen tối đó, phải "tự ta giải phóng cho ta", phải "đoàn kết", phải có chủ nghĩa, có đảng lãnh đạo...

Để tuyên truyền đến quần chúng, Nguyễn Ái Quốc thường có các biện pháp:

- Viết báo, rải truyền đơn, diễn thuyết, vận động từng người, in sách...

- Chuyển các tài liệu cách mạng, sách báo đến cho quần chúng, kêu gọi họ "giảng báo", đọc, chuyển báo cho nhiều người khác đọc...

- Huấn luyện cán bộ, rồi cử cán bộ tới các địa phương để làm một cuốn sách, tờ báo "sống", để tuyên truyền trực tiếp đến quần chúng.

- Tiến hành, xây dựng được những công việc, con người cụ thể vì "đối với đại đa số quần chúng, một việc làm cụ thể còn hơn một trăm bài tuyên truyền".

Ngày 10/01/1925, Nguyễn Ái Quốc báo tin với Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản rằng "Quốc Dân đảng (Quốc Dân đảng Đông Dương) chiều hôm qua đã kết nạp người đảng viên thứ tư. Một trong số những đảng viên đó, xế trưa nay đã đi Trung Kỳ và Lào, với nhiệm vụ là tổ chức những cơ sở ở các xứ đó và tìm thanh niên để đi học Trường Đại

học Cộng sản chủ nghĩa ở Mátxcơva"[1]. Cho đến nay, chưa xác định được cụ thể ai "được" cử đi Lào "vào năm đó, có đến Lào không và kết quả ra sao?". Còn phái viên được cử về Xiêm đã tuyên truyền cách mạng trong Trại Cày của cụ Đặng Thúc Hứa[2] và đã chọn được một người sang Quảng Châu học lớp chính trị: Ngô Chính Quốc, con trai của cụ Ngô Quảng[3], em ruột bà Ngô Khôn Duy (vợ Hồ Học Lãm)[4].

Khoảng giữa năm 1925, chi hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đầu tiên ở Xiêm được thành lập tại Phi Chịt. "Ban đầu chi hội này gồm có: Đặng Thúc Hứa, Đặng Thái Thuyến, Võ Tùng, Kim Luyện, Đặng Quỳnh Anh. Sau năm 1926-1927, có thêm Cao Hoài Nghĩa tức Vân; Lê Mạnh Trinh tức Thuận. Đến năm 1928 - 1929 có thêm Hoàng Văn Hoan, Nguyễn Chấn, Lê Hữu Lập (Hoàng Lùn). Ngoài chi bộ Phi Chịt, năm 1928 có thêm ba chi hội ở U Đon, Xacôn

---

(1) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t. 2, tr. 19.

(2) *Đặng Thúc Hứa* (1870 - 1931), em ruột Đặng Nguyên Cẩn (1867 - 1922), quê ở Thanh Chương, Nghệ An, tham gia phong trào Duy Tân (1905 - 1906) đã sang Nhật mua súng ủng hộ Hoàng Hoa Thám. Năm 1910, Đặng Thúc Hứa được Phan Bội Châu cử về Xiêm, xây dựng "Trại Cày", nuôi nhiều thanh niên Nghệ - Tĩnh đi làm cách mạng như: Lê Hồng Sơn, Lê Hồng Phong, Phạm Hồng Thái, Hồ Tùng Mậu...

(3) *Ngô Quảng* (1858 - 1928) quê Nghi Lộc, Nghệ An, tham gia phong trào Cần Vương của Phan Đình Phùng và phong trào Đông Du. Đã đưa gia đình đang cư trú ở Xiêm để hoạt động.

(4) *Hồ Học Lãm* (1884 - 1943) quê Quỳnh Lưu - Nghệ An, hoạt động cách mạng ở Trung Quốc, là bạn học của Tưởng Giới Thạch, sĩ quan cấp Trung tá của Tưởng nhưng đã giúp rất nhiều cho cách mạng Việt Nam và Trung Quốc (Đảng Cộng sản Trung Quốc).

Na Khon, Nakon Phanom; lập thành Tỉnh hội U Đon, Tỉnh ủy gồm: Đặng Thái Thuyến (Canh Tân), Trần Văn Chấn (Tăng), Võ Văn Kiều (Đình), Hoàng Văn Hoan (Nghĩa), Hải Tức Du[1].

Cơ sở cách mạng vững chắc ở Phi Chịt và nhất là ở các tỉnh trên bờ sông Mê Kông, đối diện với Lào là những "bàn đạp" vững chắc cho công tác tuyên truyền cách mạng, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Lào.

Theo *Hồi ký của Nguyễn Kim Mẫn,* bản tiếng Pháp, lưu trữ tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam: "Năm 1925, tôi (Nguyễn Kim Mẫn) đang làm ở Sở Công chính Viêng Chăn. Những vụ Phan Bội Châu bị bắt, rồi đám ma Phan Chu Trinh đã khiến tôi và các bạn Nguyễn Bảo Toàn (điện báo viên); Lương Sĩ Cầu, Phan Tú Cường, Vũ Xuân Châu, Vũ Thị Giang cùng viết đơn xin tha tội cho Phan Bội Châu. Sau đó tôi có viết bài đăng các báo *Thần chung, Tiếng Dân, Đông Pháp thời báo.* Vào khoảng năm 1926, có một người từ Xiêm đến Viêng Chăn, đưa Vũ Ngoạn, Tuân và Vũ Thị Sang sang Xiêm. Tiếp đó là Hoàng Đình Lân được mời đến U Đon (Xiêm). Bắt đầu từ đấy, những người cách mạng ở Xiêm chú ý đến Viêng Chăn. Họ giao cho một người thợ may tên là Lục, nhận và phân phối báo *Thanh niên* ở Viêng Chăn. Tôi đã đọc nhiều số báo này. Một chiều thứ 7, Lân (nhân viên nhà in ở Viêng Chăn) rủ tôi đến một ngôi chùa ở Noọng Khai, trên bờ sông Mê Kông. Tại đây, tôi được nói chuyện với một người không còn trẻ, tóc đã đốm bạc,

[1] *Hoạt động cách mạng của Việt kiều ở Thái Lan*, lưu trữ tại Viện Hồ Chí Minh.

sau này nghe nói là ông Chữ. Từ đó về sau, cứ tuần đầu mỗi tháng, tôi, Lân... đều đến Noọng Khai để trao đổi, trò chuyện với các đồng chí Xiêm, khi thì ở trong một ngôi chùa, lúc thì ở trong nhà một ông cụ già. Gặp chúng tôi thường là ông Chữ, ông Hai hoặc là ông Tý... Chúng tôi nhận sách, nhận báo chí cách mạng từ Xiêm gửi sang theo địa chỉ: Ông Phạm Cừ, thợ mộc, ở Noọng Khai.

Sau đó, các bạn ở Xiêm gửi cho chúng tôi một tập *Điều lệ tổ chức Hội Thân ái ở Viêng Chăn.* Chúng tôi đã thành lập Hội này gồm có Lân, Chữ, Chất, Ngô Huy Việt. Nhân dịp Tết, Hội Thân ái ở Xiêm mời tôi sang U Đon. Tại đây, tôi đã nghe kể chuyện về Phan Đình Phùng, về Cần Vương, Đông Du, Hội Thanh niên cách mạng, dự xem kịch "Phạm Hồng Thái". Mấy hôm sau, tôi được gặp một người Băng Cốc khoảng trên 40 tuổi, giới thiệu điều lệ: "Việt Nam thanh niên cách mạng Hội"[1].

Cuối năm 1928, khi Nguyễn Ái Quốc đến Xiêm, Người đã được Võ Tùng (còn gọi là ông Sáu), Lưu Khai Hồng, Lý Thế Hanh..., học viên khoá 2 (1926) ở Quảng Châu báo cáo về tình hình của "Thanh niên" tại Lào. "Chắc chắn là Người dự định trực tiếp sang Lào nên đã cử Nguyễn Tài[2] đến các

---

[1] *Hồi ký của Nguyễn Kim Mẫn,* tiếng Pháp, lưu trữ tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

[2] *Nguyễn Tài* (Lê Ngôn Về (hay Vệ) - Tài Ngôn) (1897 - 1989) quê Đô Lương, năm 1925 sang Thái Lan, năm 1934 là Ủy viên Đông Dương viện trợ bộ; năm 1935 bị bắt. Tháng 5/1945, được tự do, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Nghệ Tĩnh, Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ. (Theo Chu Đức Tính, *Nguyễn Ái Quốc đã từng tới Lào trong thời kỳ 1928 - 1930,* Thông báo khoa học, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, số tháng 01/2006).

gia đình kiều bào đối diện với Thà Khẹc và Savannakhẹt, tuyên truyền, giác ngộ gây cơ sở"[1].

Trong một lần trao đổi, Nguyễn Tài cho (người viết bài này) biết: "Ông cụ Hồ, có thể nói bản thân cũng là một chiến sĩ giao thông dũng cảm. Ông đã đi cùng với tôi qua Savannakhẹt, Thà Khẹc, Savang, lội thác, trèo núi. Một điểm nữa của Ông Cụ này là biết trước, dự đoán rất đúng nhiều việc".[2]

Chúng tôi có đề nghị với bác Nguyễn Tài rằng: "nếu có dịp nên công bố trên báo để có cơ sở tư liệu".

Tháng 12 năm ấy (1986), *Tạp chí Cộng sản* công bố bài "Nhớ lại ngày đưa Bác Hồ từ Thái Lan sang gây dựng cơ sở cách mạng ở Lào". Trong bài, ngoài những ý kiến trao đổi với chúng tôi trong lần gặp trước, bác Nguyễn Tài còn nói rõ thêm: "Bác Hồ đi cùng với tôi từ U Đon đến Phimun 50 km đường ô tô, rồi đi tàu thủy... Tháng 6/1928[3], qua sông Mê Kông đến Savannakhẹt (đối diện với Mục Đa Hán - Thái Lan) rồi lên Xiêng Van... tuyên truyền, nói chuyện với anh em... Cơ quan liên lạc đặt tại nhà anh Lục làm nghề thợ may... Tôi còn đưa các đồng chí Việt, Tín ở Viêng Chăn đi Noọng Khai"[4].

---

[1],[2] Theo lời kể của cụ Tài với người viết tại nhà riêng, số 8 Hoà Mã, Hà Nội, ngày 03/12/1982.

[3] Theo *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, tập 2, tr. 305. "Tháng 7/1928, Nguyễn Ái Quốc xuất hiện ở Bản Đông. Tháng 8/1928, Người đến U Đon, tại Noọng Khai đã gặp gỡ một số cán bộ hoạt động ở Viêng Chăn sang...".

[4] *Tạp chí Cộng sản*, tháng 12/1986, tr. 81, ý kiến của Nguyễn Tài về " anh Lục" làm thợ may cũng giống như ý kiến của Nguyễn Kim Mẫn.

Tài liệu *Lịch sử Đảng Nhân dân cách mạng Lào,* bản tiếng Việt năm 2000, lưu trữ tại Viện Lịch sử quân sự, viết: "giữa năm 1928, Nguyễn Ái Quốc đến đông bắc Xiêm mở lớp huấn luyện ở U Đon. Người giao nhiệm vụ cho các đồng chí hoạt động ở Thà Khẹc, Xiêng Van, Savannakhẹt. Sau đó đồng chí đã triệu tập các đồng chí hoạt động ở Viêng Chăn về dự hội nghị tại một ngôi chùa ở Noọng Khai để nắm tình hình Lào, chủ yếu là Viêng Chăn. Đồng chí nói: "Mỗi người Đông Dương dù ở đâu cũng phải làm cách mạng đánh đuổi đế quốc Pháp ở đó. Giữa năm 1928, Nguyễn Ái Quốc đã cải trang làm thợ mộc sang Lào đến Pắc Xế, Savannakhẹt, Xiêng Khoảng".

Tài liệu *Hoạt động cách mạng của Việt kiều ở Thái Lan,* hiện lưu trữ tại Viện Hồ Chí Minh (Học viện Chính trị quốc gia) cho biết khoảng cuối năm 1928 "Bác Hồ đi Noọng Khai với đồng chí Hoan, gặp một số hội viên Thanh niên ở chi bộ Viêng Chăn (Lào)". Tiếp đó, năm 1929, Bác đã đến Noọng Khai gặp anh Mẫn, Chữ tại nhà ông Cừ.[1]

Những tài liệu đã sưu tầm được, chưa đầy đủ, cho thấy:

- Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí của mình đã tiến hành tuyên truyền cách mạng, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Lào.

- Đối tượng của công tác này - ban đầu không phải là người Lào - công dân Lào mà là những người Việt làm ăn, sinh sống ở Lào.

[1] Tài liệu *Hoạt động cách mạng của Việt kiều ở Thái Lan,* tr. 38, 75.

- Những người Việt này, khác với Việt kiều ở Xiêm là ở chỗ, người Việt ở Lào không phải là những người "không chịu sống chung trời" với đế quốc Pháp mà phải chạy sang Xiêm. Tuy nhiên, họ là người Việt Nam "mà hễ là người Việt Nam ai cũng có lòng yêu nước" (câu nói của Hồ Chí Minh), họ (Việt kiều ở Lào) có văn hoá, có trình độ nên tiếp nhận "con đường sáng" thuận lợi hơn...

Sau khi Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm vào cuối năm 1929-1930, các cơ sở "Thanh niên" ở Viêng Chăn vẫn hoạt động.

Hai tháng sau khi Hội nghị thống nhất các tổ chức Đảng Cộng sản thành công (02/1930) "vào tháng 4 năm 1930, những chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên đã xuất hiện trên đất Lào - ở Viêng Chăn, Thà Khẹc, Boneng"[(1)].

Tháng 10/1930, Điều lệ Đảng Cộng sản Đông Dương quy định: "Xứ bộ (Trung, Nam, Bắc, Cao Miên, Lào) có ban xứ ủy chỉ huy"[(2)]. Với sự kiện này, Đảng Nhân dân cách mạng Lào coi Đảng Cộng sản Đông Dương là tiền thân của Đảng mình.

Đầu năm 1930, "Bác trở lại Xiêm đi U Đon chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Xiêm, gặp Tỉnh ủy Thanh niên cách mạng U Đon, thành lập nhóm cộng sản Việt kiều

---

(1) *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB. Chính trị, Mátxcova, tiếng Nga, 1981, tr. 31.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t. 2, tr. 121.

Xiêm, hợp nhất với nhóm cộng sản Hoa kiều". "Tỉnh ủy Đảng Cộng sản ở Xiêm có "Xu, Tăng, Đình, Nghĩa, Hải" (Xu là Bí thư)[1]. Tiếp đến "ngày 20/4/1930 tại Hủa Lăm Phông (Băng Cốc), Bác triệu tập hội nghị có đại biểu Hoa kiều, Việt kiều để bàn việc thành lập Đảng Cộng sản Xiêm. Có mặt: Ngô Chính Quốc[2], Trần Văn Chấn, Ngữ Tự Chí (đại biểu cộng sản Hoa kiều)"[3].

Cũng vào khoảng đầu năm 1930, trong *Hồi ký* của mình, Nguyễn Kim Mẫn viết: "Một đêm, tôi đến Noọng Khai, Tuân cho tôi biết là "Thanh niên" đã giải tán để thành lập "Việt Nam Cộng sản Đảng"... Tuân kết nạp tôi vào Đảng coi như là đảng viên dự bị. Tuân cho tôi các tài liệu như "ABC chủ nghĩa cộng sản", "Cách mệnh nhập môn", "Nhật ký chìm tàu"... và dặn tôi tiếp tục phát triển đảng viên... Ít lâu sau, chúng tôi kết nạp được Trần Quang Vỹ, đồ họa viên ở Sở Công chính Viêng Chăn do Chữ tuyên truyền, giới thiệu. Rồi Vỹ giới thiệu, kết nạp được Trịnh Quang Hải (bồi nấu cơm cho Hôngre - người Pháp ở Sở Đoan). Tháng 10/1932, Chi bộ chúng tôi gồm bốn người, Việt, Vỹ, Hải và tôi (bí thư) phụ trách công tác giao thông bí mật. Đảng phí quy định mỗi người từ 5 hào đến 1 đồng (bạc Đông Dương). Chi bộ sinh hoạt thường xuyên, khi thì

---

[1] Tài liệu *Hoạt động cách mạng của Việt kiều ở Thái Lan,* Tlđd, tr. 50.

[2] Con trai Ngô Quảng, học viên lớp chính trị Quảng Châu đầu tiên. Sách *Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu,* NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 201.

[3] Tài liệu *Hoạt động cách mạng của Việt kiều ở Thái Lan,* Tlđd, tr. 51.

ở nhà Ngô Huy Việt, khi thì ở km 9 hay 10 trên đường thuộc địa số 4, hoặc ở trong các chòi canh đồng ruộng của người Lào, hoặc ở trong Đền Cấm. Tháng 8/1933, theo lời khuyên của các đồng chí ở Xiêm, chúng tôi đã ra một tờ báo tiếng Việt lấy tên là *Gương chung,* ban đầu ra hàng tháng, sau đó là nửa tháng một kỳ. Phong trào phát triển, chúng tôi thành lập "Ái hữu bồi bếp" (gần 20 hội viên) rồi các "Ái hữu thợ cơ khí, thợ cưa"..., Hội phản đế. Tháng 7/1933, một hội nghị do các đồng chí Xiêm triệu tập được tổ chức tại bản Tuần Phụng (gần Bản Mạy Lakhon) trên một nhà sàn, gồm có Chữ (đại biểu Viêng Chăn), Ba (đại biểu Hội Ái hữu mỏ Phông Tiou và Boneng), tôi và ba đồng chí ở Xiêm. Hội nghị đã bàn đến việc thành lập "Đông Dương viện trợ Bộ" tìm cách liên lạc với Quốc tế Cộng sản; quyết nghị:

- Chi bộ Lào phải tìm ra hai mối giao thông với Trung Kỳ, với Xiêm. Trong nội bộ, phải tổ chức được đường giao thống nối liền Viêng Chăn, Thà Khẹc và Savannakhẹt (có thể dùng đường thủy). Trên tàu Fraçis Garnier có anh Chung bồi tàu, là bạn của Ngô Huy Việt, nên anh Chung có thể làm giao thông cho đồng chí Chữ, với các cơ sở ở Lakhon, các mỏ. Liên lạc ở Trung kỳ nên tìm người ở Lào có cảm tình để làm thì thuận lợi hơn..."[1].

"Tháng 9/1934, một hội nghị nữa được tổ chức trên một cù lao ở bản Xikhay - Câu Liên (Lào) đối diện với Bản Xắc,

---

[1] Hồi ký của *Nguyễn Kim Mẫn, Sđd.*

Bản Mo (Xiêm). Theo báo cáo, ở Thà Khẹc có một chi bộ với ba đảng viên: ở mỏ Phông Tiou có một chi bộ có ba đảng viên; Boneng có một chi bộ với ba đảng viên, hội viên công hội ở đó có 30 người. Sau Hội nghị này, chi bộ Viêng Chăn kết nạp thêm Phôny (người Lào, công chức Sở Công chính Viêng Chăn) và Vat (người Lào)[1]. Như vậy là ở Viêng Chăn đã có ba chi bộ. Sách được phổ biến nhiều như *"Duy vật sử quan"*, *"Cách mạng nhập môn"*, *"Nhật ký chìm tàu"*, *"Văn kiện Đại hội Đảng"*, *"Lịch sử Cách mạng Nga"*, *"Bầu tâm sự đỏ"*, *"Nguyên nhân Pháp lấy xứ Lào"* và có hai tờ báo in tại đây là tờ báo *Gương Chung* và *Thanh niên*[2].

Công tác tuyên truyền, tổ chức phát triển đã dẫn tới việc thành lập một đảng bộ Lào. Tài liệu *Hoạt động cách mạng của Việt kiều ở Thái Lan* cho biết "tháng 9/1934, Đại hội đảng bộ Lào họp ở Đon Vắt Tay, bầu ra xứ ủy Lào gồm có: Trịnh Quang Hải (Bí thư), Trần Tích - Nguyễn Văn Kình, Đinh Quang Trừu, Ngô Duy Việt, Nguyễn Kim Mẫn, Trần Quang Lâm (dự khuyết) (chưa có được các đồng chí người Lào).

Vào cuối năm 1934, hầu hết Xứ ủy Lào đều bị bắt. Tuy nhiên, Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng Cộng sản

---

(1) Việc kết nạp được hai đồng chí Lào, trong đó có một đồng chí thuộc giới "trí thức", đã nói lên được phần nào kết quả của công tác vận động đồng bào Lào đi theo cách mạng, liên minh Lào - Việt đấu tranh chống kẻ thù chung.

(2) Hồi *ký của Nguyễn Kim Mẫn. Sđd.*

Đông Dương họp tại Ma Cao (Trung Quốc) vào tháng 3/1935, "Phạm Văn Xô được các đảng viên Lào cử đi dự Hội nghị Ma Cao"[1]. "Dự Đại hội có hai đại biểu Đảng bộ Bắc Kỳ, hai đại biểu của Đảng bộ Trung Kỳ, ba đại biểu của Đảng bộ Nam Đông Dương, một đại biểu của Đảng bộ Lào"[2].

Tính từ năm 1925 cho đến năm 1935, trong thời gian trên dưới 10 năm ấy, Nguyễn Ái Quốc cùng với các cán bộ Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đã tiến hành tích cực, hiệu quả công tác tuyên truyền cách mạng, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Lào.

Tư liệu Lào ghi nhận: "Mãi đến năm 1930, khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, đem chủ nghĩa Mác - Lênin và Cương lĩnh giải phóng dân tộc vào Lào, phong trào (cách mạng Lào) mới có chuyển biến về chất. Đường lối đấu tranh vì tự do, dân chủ cho các tầng lớp nhân dân các bộ tộc đã tỏ rõ sức thuyết phục và ngày càng tập hợp được đông đảo quần chúng hưởng ứng"[3].

---

[1] Tài liệu *Hoạt động cách mạng của Việt kiều ở Thái Lan,* tr. 76.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Các Đại hội và Hội nghị Trung ương,* NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 27. Theo Nguyễn Chánh Nhì (tức Ba Tây) quê Vĩnh Long, sinh năm 1921, được cử đi dự Hội nghị Ma Cao - qua băng ghi âm lưu trữ tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam (xin xem Thông báo khoa học - Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, số 01/2006) "đại biểu Lào là Anh Lào (tức Nguyễn Văn Xô)". Xin lưu ý: *Nguyễn* chứ không là *Phạm* (Văn Xô) như tài liệu *Hoạt động cách mạng của Việt kiều ở Thái Lan.*

[3] *Lịch sử Quân đội nhân dân Lào, Sđd,* tr. 12.

Công tác tuyên truyền, truyền bá này đã đạt được thành quả là thành lập được các chi bộ *Thanh niên,* các hội quần chúng, tiến tới thành lập các chi bộ Đảng rồi cuối cùng thành lập được *Đảng bộ Lào.* Do nhiều nguyên nhân nên các công dân Lào chưa tham gia được nhiều vào tổ chức Thanh niên, Hội Thân Ái, Đảng Lào. Tuy nhiên, những hoạt động ấy đã gieo mầm cho công tác cách mạng sau này ở cả hai nước Lào - Việt, cho cuộc chiến đấu chung trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và cho tình hữu nghị đặc biệt Lào - Việt.

THÀ KHẸC NĂM 1943

Nguyễn Tử Quý [1]

Thà Khẹc là một thành phố trung tâm nước Lào, có đường bộ số 13 từ Pắc Xế phía nam lên và phía bắc từ Viêng Chăn xuống. Phía đông giáp Việt Nam có đường số 12 từ Quảng Bình qua và đường số 8 từ Hà Tĩnh, Nghệ An qua nối với con đường số 12 ở ngã ba Nhommalạt. Trên sông Mê Kông canô chạy từ Pắc Xế lên Thà Khẹc và đến Viêng Chăn. Bên hữu ngạn Mê Kông là thị xã Nakhon (Thái Lan), giữa dòng sông là biên giới Lào - Thái. Dân số Thà Khẹc khoảng hơn một vạn, một số ít Hoa kiều và Âu kiều, còn phần đông là các gia đình công chức người Việt và các tầng lớp lao động khác.

Phát xít Nhật đã vào Đông Dương, Pháp vẫn chuẩn bị cho Lào làm sân sau chống Nhật. Bộ máy kìm kẹp từ tòa sứ, sở mật thám, trại lính... vẫn xoáy vào lùng sục chống phá các hoạt động cách mạng. Một thành phố đầy rẫy nạn buôn lậu, cờ bạc, thuốc phiện, rượu, gái nhưng bên ngoài chúng đẩy phong trào thể thao thể dục Ducouroy rầm rộ làm cho thanh niên lao vào một cách cuồng nhiệt.

Thà Khẹc còn có đoàn Hướng đạo gồm những tráng sinh nhà giáo, công nhân viên chức nghèo nhưng đứng đắn, và học sinh vào hướng đạo (Sói Con). Tuy là một tổ

[1] Cán bộ quân tình nguyện Việt Nam hoạt động tại Lào.

chức dưới dạng của đế quốc Pháp nhưng không được ai chú ý đến.

Phát xít Nhật đã xuất hiện, các quan chức Pháp lặng lẽ. Phong trào cách mạng âm ỉ, lớp thanh niên chúng tôi thường gợi lại các trang sử Trần Hưng Đạo - Chi Lăng - Đống Đa vừa háo hức vừa lúng túng. Một vở kịch thơ Trần Can do đoàn Hướng đạo diễn ở rạp xinê thành phố đã có tác động mạnh mẽ đối với Việt kiều về khả năng tổ chức cũng như nội dung diễn xuất, khiến cả hai phía đều chú ý. Sở mật thám thì cho người vào hướng đạo, phía cách mạng thì thăm dò bắt mối.

Kết quả là một số thanh niên chúng tôi được Việt Minh tuyên truyền vào tổ chức đánh Pháp đuổi Nhật làm cho tổ quốc độc lập. Bước đầu chúng tôi đã biết bảo vệ cho các anh ấy họp, được làm liên lạc. Ôi! Sung sướng và tự hào biết bao cho một thanh niên được vào hàng ngũ cách mạng.

Sự quan hệ rất hạn chế nên lúc đó chúng tôi chỉ quan hệ với anh Bùi Ân và anh Lê Tiền Tiến. Một hôm, chúng tôi được gặp Việt Minh cấp trên là Cụ Tiến tức Lê Mạnh Trinh và sau đó gặp anh Đinh Văn Khanh. Các anh tuyên truyền nhiều nhưng chúng tôi không nhớ, thực ra thì không nhận thức được hết, đại ý là "Ta phải đánh Pháp, đuổi Nhật làm cho đất nước Việt Nam ta độc lập, dân ta được tự do sung sướng. Ta phải đoàn kết nhau lại, đoàn kết càng nhiều sức mạnh càng lớn". Tuy sơ bộ nhưng chúng tôi đã có vốn.

"Nước độc lập - đoàn kết thành sức mạnh" mà đi tuyên truyền rộng rãi vì ở đâu chúng tôi cũng có bạn bè tin cậy. Cùng với lực lượng chung hoạt động trong thành phố, chúng tôi đã có cơ sở hoạt động trong thành từ Noóng Bua, đường số 7, bản Tạy, Hoa Trị và giữa vùng chợ.

Trên sông Mê Kông là đường liên lạc giữa chi bộ Thà Khẹc với Việt Minh cấp trên ở Nakhon. Tôi thường đi một mình, khi đi thuyền, khi bơi sông, cần ngày thì đi ngày, cần đêm thì đi đêm, luồn tránh cho được cả ba loại Pháp, Nhật và cảnh sát Thái Lan, chúng tôi đều đi trót lọt.

Phong trào quần chúng mỗi ngày một lên, đầu năm 1944 những phân hội Việt Minh đầu tiên đã hình thành ở Hoa Trị, đường số 7 và Mường Tức, vùng chợ. Phong trào thanh niên Lào cũng chưa thấy hiện tượng gì khác. Chúng tôi thường chơi với một số thanh niên Lào là giáo viên, thanh niên ham bóng đá, lớp thanh niên ở các bản cách nhau 5, 6 cây số hoặc vào thành phố đến nhà tôi nghỉ hoặc chúng tôi đi cắm trại rồi làm quen. Qua hoạt động của "Lônôlô" tức Lào Pênh-Lao là tổ chức của Pháp đặt ra "Lào của người Lào" nhằm chia rẽ Lào - Việt nhưng chúng tôi thấy có nhiều người tốt nên chúng tôi gây ý thức Lào - Việt là những nước độc lập hàng bao thế kỷ bên nhau, ý thức cùng cảnh ngộ mất nước và mỗi nước phải đấu tranh để giành độc lập. Riêng đối với anh Singkapô[1] lớp thanh niên lành mạnh thường gặp nhau trên sân cỏ, cùng tập quyền

---

[1] Chủ tịch Hội Thanh niên yêu nước Lào ở Thà Khẹc, 1943.

anh với nhau rồi dần dần thân mật, khác với một số công chức của Lào lúc bấy giờ rượu chè, quan cách và như còn ấp ủ sự hằn thù dân tộc giả tạo mà đế quốc Pháp đã gieo vào đầu óc họ.

Nhật đã vào Thà Khẹc rầm rộ, lính, hàng hoá, xe cộ dừng lại khắp nơi, lính nhảy xuống rồi lại bốc đi gây không khí hoảng sợ trong nhân dân. Nhưng còn bọn chó săn Pháp thì vẫn lùng sục cách mạng, có bọn mật thám "bí mật" nhưng đi đâu mắt cũng gườm gườm như ý nói "ta đây không phải là dân thường đâu nhé". Nhưng chúng tôi vẫn bình thường, chiều chiều ra sân vận động tôi vẫn đứng trong khung thành ung dung bắt bóng.

Cuối năm 1944, hình như năm ấy rét hơn mọi năm các dòng suối Cà tăng, Chalo cá không chịu rét được lừ đừ loang loáng trên mặt nước. Cái đói của đồng bào Nghệ Tĩnh cũng theo dọc đường lên Lào. Xóm Cục đã rét, La Trọng, Putốcvu, Mụ Gia càng rét, mặc dù chúng tôi (Quý, Trung, Đệ) đã cố gắng làm một số gạo ở Pen đường Cáp (không trung thiết lộ) đổ xuống đường nhưng rồi đồng bào vẫn bồng bế nhau, dìu dắt nhau đi và để lại xác chết rải rác bên đường, một số đến Thà Khẹc nằm ở ngã tư Noóng Bua. Nhân việc này chúng tôi phát động phong trào đùm bọc lấy nhau, phong trào phụ nữ quyên nấu cơm cháo mang tận nơi, rồi dần dần phân tán trong kiều bào kiếm việc làm ăn sinh sống. Cái đói đã thổi thêm ngọn lửa căm thù đối với Pháp - Nhật của kiều bào ở đây. Những đồng bào

sắp chết được cứu sống đã nói "Nhật, Pháp thông đồng muốn cho đồng bào ta chết đó. Gạo chúng đốt làm than, đổ xuống sông, ruộng phá để trồng đay thì rồi bà con ta chết đói hết!". Đến đây kiều bào ta đã thấy rõ kẻ thù hơn trước, đúng như lời nói của Việt Minh chứ đâu phải vì màu da mà Nhật đánh Pháp giúp mình giành độc lập như bọn Đại Việt đã tuyên truyền.

Phong trào đang phát triển dần dần đi vào tổ chức thì hình như một đầu mối bị hở (chưa xác minh được), số thanh niên nghi vấn đều bị tống đi các nơi xa như Napê, Nadu, riêng tôi bị về công trường Nadu Nam Lào nhưng may công trường này đã bỏ nên tôi lên Viêng Chăn.

Ở đây phong trào Việt Minh đang phát triển, từ Caffa qua xóm "dây thép bay", ở Mường, vùng Bản Nứa đều có cơ sở. Tôi liên lạc được với đồng chí Trinh, hoạt động với các đồng chí Phạm Kỷ (Bungalow)[1], Thiệu và các đồng chí đang làm cảnh sát như đồng chí Thi,... và ở đây tôi gặp lại anh Đinh Văn Khanh (về sau tôi mới biết anh cùng số đồng chí khác lãnh đạo phong trào Việt Kiều ở Viêng Chăn).

Bây giờ đã là đầu năm 1945, phong trào cách mạng ngấm ngầm phát triển mạnh. Bọn Pháp, Nhật hầm hè nhau. Quân Nhật kéo đi đầy đường nào lừa ngựa và vỏ gươm quệt xuống mặt đường. Các quan chức, chủ sự Pháp thì làm ăn như người mất hồn. Tôi đi tuyên truyền cho

---

[1] Khách sạn.

một số bạn bè cũ trước đây là học sinh. Khi tuyên truyền, đồng chí Quế vào Việt Minh đồng chí hỏi tôi một câu: "Ta đánh Nhật đuổi Pháp mà không có binh khí thì làm thế nào?" Tôi chịu không trả lời được phải khất đến hôm sau (tất nhiên là còn đi hỏi các anh đã). Tuy chỉ là trình độ của một anh liên lạc, đi tuyên truyền nói năng chưa mạch lạc nhưng được anh em rất tin tưởng, tổ chức phát triển nhanh. Truyền đơn, báo Độc Lập (đánh máy lại) những bài Nhật - Pháp cắn xé nhau, thời cơ đã đến, khu căn cứ Việt Bắc mở rộng... được truyền tay rộng rãi. Không khí Việt kiều náo nức như mở hội, mỗi người tưởng như mình đang lớn lên. Việc chi tiêu cũng tốn kém. Anh Kỷ, anh Thi bận bắt trộm lợn Bungalow bán làm quĩ nhưng chúng tôi thấy không nên, để bàn cách khác.

Sáng 09/3/1945, một phát súng nổ rung chuyển cả thành phố Viêng Chăn, Nhật đã hất cẳng Pháp đêm qua. Quân Pháp còn lại đã chạy lên phía Bắc. Bọn thân Nhật đã ra mặt, làm tay sai như ông Thuyết đã diễn thuyết ca tụng Nhật ở sân vận động. Tức khắc một đợt tuyên truyền âm thầm nhưng mạnh mẽ vạch tội phát xít Nhật, hướng về Việt Minh như từng đợt sóng ngày càng cao.

Tôi đã hoạt động thoát ly thành người đánh xe bò (mượn xe và bò của anh Lương Kim Dung) đi từ Chinamô đến Ylay nơi nào có Việt kiều là tuyên truyền ảnh hưởng Việt Minh. Ngồi trên xe bò nhìn Nhật cướp của giữa ban ngày như cướp xuyến của bà Khai, giật đồng hồ của ông

tham Hựu lục lộ và nhiều cảnh trái tai gai mắt khác. Lính Nhật không còn kỷ cương quân đội mà như một bầy thổ phỉ.

Tôi được nhận nhiệm vụ về lại Thà Khẹc sau khi biết tin các anh Bùi Ân, Lê Tiền Tiến đã bị Nhật bắt, phong trào lắng xuống, số khác như anh Nguyễn Văn Trung đã qua chiến khu (đông bắc Thái Lan). Tháng 5/1945 tôi về Thà Khẹc không bắt được liên lạc. Anh Trinh lại giới thiệu tôi về Savannakhẹt bắt liên lạc với Tổng hội Việt kiều cứu quốc.

Về đến Sàvằn các đồng chí cho biết phong trào đã khá, ở với các đồng chí làm lò than được mấy hôm, một nữ đồng chí đưa tôi qua Mục Đa Hán ở nhà bác Hồng. Bác Hồng đưa tôi lên Thatphanôm, các đồng chí ở đây lại đưa tôi lên Nakhon gặp cấp trên.

Tôi ở nhà đồng chí Kỳ ở Noóng xén, ngày ngày đồng chí Ba Đốc[1] đến lên lớp chính trị - kinh tế học. Tôi muốn có việc chi làm chứ có muốn ngồi học đâu? Đồng chí Ba Đốc lên lớp giọng nho nhỏ trầm trầm, tôi cố mở to mắt để tôn trọng đồng chí rằng tôi nghe nhưng thực ra thì tôi chưa hiểu gì, buồn ngủ quá. Chịu đựng được hai tuần thì được về Thà Khẹc bắt liên lạc với đồng chí cũ ở đó, phải tranh thủ thời gian tổ chức rộng rãi để đáp ứng với tình hình.

Vượt qua con sông Mê Kông quen thuộc tôi về Hoa Trị (xóm vườn sau) rồi về nhà chú tôi ở Thà Khẹc (ông Cáp)

---

[1] Tức Ngô Tuân nguyên Xứ ủy Trung Kỳ, Xứ ủy Ai Lao.

như người đi làm ăn về nhà bình thường. Hôm sau, tôi đi vắng, khi về nghe thím tôi kể lại có ông già kéo xe ba gác (xe chở hàng như xe cải tiến bây giờ) đến hỏi tôi có mua trứng gà không? Sáng mai, ông đem đến. Sáng hôm sau, khoảng 9 giờ thì đúng là đồng chí Điệt đẩy xe ba gác đem trứng đến. Đồng chí Điệt tức Hồng là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương trước hoạt động ở mỏ Bò neng, Phontiou rồi về hoạt động ở Thà Khẹc. Như thế là bắt được liên lạc với các đồng chí ở Thà Khẹc.

Đồng chí Lê Đức Dục, Bí thư chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương ở Thà Khẹc triệu tập họp bất thường, thời gian, nơi họp giao tôi bố trí ở nhà một thanh niên Lào, trên cây số 6, đường Thà Khẹc - Savannakhẹt.

Buổi họp chỉ có ba người: đồng chí Dục - Bí thư, Điệt và tôi. Chúng tôi ngồi dưới gốc dừa vừa ăn dừa vừa làm việc nước. Tình hình rất mới: Phát xít Đức thua, đội quân Quan Đông của Nhật bị Liên Xô đánh bại, trong nước chuẩn bị giành chính quyền. Nhiệm vụ bây giờ là phải bảo vệ được tính mạng, tài sản của Việt kiều, tổ chức quần chúng chuẩn bị lực lượng vũ trang phối hợp với cách mạng Lào.

Tuy thế, bên ngoài lực lượng Nhật ở đây còn mạnh, khoảng hai đại đội và tàn quân ở các nơi kéo về, vũ khí đạn dược còn nhiều. Trai lính khố xanh còn trong tay chúng, bọn Lê Văn Cương buôn bán thân với Nhật và số thanh niên theo chúng đã hình thành một lực lượng chính trị chống đối Việt Minh. Nhiệm vụ trước mắt của chúng ta là

làm cho số cán bộ của Lào biết ta ủng hộ cùng bảo vệ Thà Khẹc. Qua cuộc họp có mấy việc lớn như trên, chúng tôi phân công nhau phụ trách.

Đồng chí Dục và tôi xoay quanh vấn đề làm sao có vũ khí?

- Ai là đội quân khố đỏ tốt? Ai là đội quản khố xanh tốt? Chọn những người nào thật thà, không giàu có, có con đi học và là hướng đạo sinh. Họ tin yêu mình dẫu họ không đồng tình cũng không hại mình, cũng phải tin họ có lòng yêu nước.

Thế là từ đội Huệ, đội Việt quân giới, đội Dương, đội Chút đều được chọn để tuyên truyền. Khi chúng tôi đến đội Dương thì đội Dương mừng rỡ nói là đã giấu được 13 khẩu súng nhưng không biết giao cho ai nay các anh đến chúng tôi rất yên tâm, khi nào cần lấy báo cho biết (đội Dương sau này là Trung đoàn phó Trung đoàn 280).

Chúng tôi đến đội Chút ở Bản Tạy, đội Chút nói thời cơ đến thì chúng tôi không tiếc gì, các anh tin ở tôi. Nhưng khi đưa chúng tôi ra cửa, chúng tôi thoáng nhìn thì... Chút có vẻ lo lắng. Thật là phải có những điều kiện nữa chứ không phải súng từ tay chúng tự nhiên chuyển cho mình. Nhưng kể cả các đội, quản khi chúng tôi đến tiếp xúc họ đều tán thành hưởng ứng chờ đợi.

Tôi thúc đồng chí Dục:

- Đi xuống lính đi!

- Lính thì anh em biết mình là ai?

Tôi nói lính có gia đình thì ta làm quen trước do con của các ông đội, ông quản đưa lại chơi, còn lính trong đồn thì do các đội, quản tuyên truyền. Tiếp xúc với anh em lính như anh Minh, Ai, Liễn các anh đều nói như nhau: Chúng tôi cùng khổ quá mới phải đi lính, ai cũng mong mỏi về quê hương, rất mong nước nhà được độc lập về yên ổn làm ăn. Nhưng cũng có một số rụt rè chờ hành động của đội, quản...

MỘT KỶ NGUYÊN MỚI

Tháng 8/1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Toàn bộ phe phát xít Đức - Ý - Nhật sụp đổ. Ngày 13/8/1945 phát xít Nhật đầu hàng quân đội Liên Xô và Đồng minh không điều kiện. Quân đội Nhật ở Đông Dương hoang mang cực độ, các chính phủ bù nhìn tay sai của Nhật ở Việt Nam cũng như ở Lào và Campuchia hoàn toàn tan rã. Tình hình diễn biến rất nhanh, cơ hội "ngàn năm có một" của nhân dân ba nước Đông Dương giành độc lập đã tới.

Trong thời điểm lịch sử đó, Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương, do Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập ở chiến khu Việt Bắc từ ngày 13 đến ngày 15/8/1945, đã quyết định: Lãnh đạo quần chúng nhân dân nổi dậy tước khí giới của Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương; giành lấy chính quyền từ tay Nhật, lật đổ bọn bù nhìn tay sai Nhật, đứng ở vị trí làm chủ nước mình mà tiếp đón quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật trên đất Đông Dương...

Tại Hội nghị này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp hai đại biểu Xứ ủy Ai Lao là đồng chí Trần Đức Vịnh và đồng chí Nguyễn Hữu Khiếu (tức Dương Chí Trung). Chủ tịch căn dặn: "... Thời cơ này rất thuận lợi cho nhân dân Đông

Dương, ở đâu có điều kiện phải kịp thời giành cho được chính quyền về tay nhân dân. Phải giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương...". Người nhấn mạnh: "Địch sau này không phải là Nhật mà là thực dân Pháp, mà Pháp và Đồng minh lại gặp với nhau, Pháp sẽ nấp sau lưng Đồng minh để trở lại xâm lược; ở Việt Nam cũng thế và ở Lào cũng thế, cái khó và lắt léo là ở chỗ này, đừng lẫn lộn chỗ này. Đối với quân Đồng minh phải lợi dụng vai trò của nó cho tốt... Lào và Việt Nam phải cùng nhau đoàn kết để chống kẻ thù chung..., đưa lực lượng Việt Nam cùng người Lào mà làm, nhưng phải tôn trọng chủ quyền của Lào"[1].

Thực hiện chủ trương đúng đắn, kịp thời của Trung ương Đảng, ở Việt Nam, cuộc Tổng khởi nghĩa đã diễn ra sôi động và quyết liệt từ thành thị đến nông thôn, từ miền xuôi đến miền ngược, cả miền Bắc và miền Nam và kết thúc thắng lợi hoàn toàn trên cả nước trong vòng 15 ngày.

Ngày 02/9/1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra mắt quốc dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh long trọng đọc Tuyên ngôn độc lập trước nhân dân cả nước và thế giới.

Thắng lợi to lớn của Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Việt Nam đã đập tan bộ máy thống trị đầu não của phát xít Nhật và thực dân Pháp ở Đông Dương, làm cho lực lượng của địch càng thêm suy sụp, tạo điều kiện khách quan hết

[1] *Lịch sử quân đội nhân dân Lào phần I*, Chương 1, tr. 24, Cục Nghiên cứu Lịch sử Lào xuất bản, 1998.

sức thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân các bộ tộc Lào.

Trên đất nước Lào, tuy thời cơ khởi nghĩa đã xuất hiện, nhưng tình hình trong nước còn những diễn biến rất phức tạp. Các lực lượng cách mạng, yêu nước được củng cố phát triển ở một số thành phố, thị trấn dọc sông Mê Kông và một số vùng nông thôn ngoại thị, nhưng còn nhiều thành phố, thị trấn khác mới bắt đầu gây dựng. Trong khi đó, phần lớn các vùng nông thôn, miền núi trong cả nước hầu như chưa được phát động, nhiều vùng còn bị bọn tàn quân Pháp và tay sai khống chế.

Ngày 20/8/1945, quân Anh nhảy dù xuống Thái Lan. rồi vượt sông Mê Kông sang các tỉnh phía nam vĩ tuyến 16. Với danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật, quân Anh đã giúp đỡ cho tàn quân Pháp quay lại đánh chiếm một số khu vực ở Hạ Lào.

Ở Thượng Lào, ngày 28/8/1945, Sư đoàn 93 của quân Tưởng vượt biên giới Lào - Trung vào Mường Xinh, Phongxalỳ, Huội Sài... Họ tuyên bố với dân: "...khu vực lãnh thổ giữa sông Nậm U và sông Mê Kông là thuộc về Trung Quốc"[1]. Tiếp đó, Sư đoàn 23 của quân Tưởng từ Việt Nam tiến sang làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật ở các tỉnh Trung Lào.

Nội các Luông Phabăng do Hoàng thân Phết Xa Rạt làm Thủ tướng, tuy có một số hoạt động theo xu hướng

---

[1] *Lịch sử quân đội nhân dân Lào, Sđd*, tr. 26.

dân tộc, tiến bộ, nhưng sau khi Nhật đầu hàng đã tỏ ra hoang mang, lo sợ Đồng minh vì đã theo Nhật chống Đồng minh và sợ cả Việt Minh. Hơn nữa, tên quan tư Win trong phái bộ Anh ở Thái Lan ra sức lôi kéo, xúi giục Hoàng thân Phết Xa Rạt coi chừng Việt minh cộng sản, khuyên ông ta giúp đỡ quân đội Pháp, đợi Đồng minh vào giải quyết cho Lào được độc lập. Do vậy, thời gian đầu Hoàng thân Phết Xa Rạt cự tuyệt các hoạt động của Tổng hội Việt kiều, nói là mọi việc sẽ giải quyết "quanh tấm thảm xanh" (ý nói sẽ giải quyết trong các cuộc họp bàn của Đồng minh với Lào). Một số chính giới Lào cũng tỏ ra thờ ơ, đợi thời, mạnh ai theo nấy.

Cũng trong thời gian này, dựa vào thế lực của quân Đồng minh (Anh và Tưởng), bọn tàn quân Pháp ở ngoài rừng được máy bay thả dù, bổ sung thêm quân số, vũ khí, đã tiến vào lấn chiếm một số vùng sát kinh đô Luông Phabăng, ngoại ô Viêng Chăn, Xiêng Khoảng, Hủa Phằn, Na Pê, Ban Na Phào...

Trắng trợn hơn, đêm 28 rạng ngày 29/8/1945, tên trung tá Imphen (ImFeld) cùng đội bảo vệ của Pháp đã bí mật vào Luông Phabăng, tự xưng là "đại diện của chính phủ Pháp trên toàn Lào", dụ dỗ và ép buộc nhà vua Xi Xa Vang Vông ra tuyên bố ngày 07/9/1945, thừa nhận: "Nhân dân Lào cả nước và Vương quốc Luông Phabăng vẫn là thuộc địa của Pháp như cũ...". Tiếp đó, nhà vua lại ký "dụ" tước chức vụ Thủ tướng của Hoàng thân Phết Xa Rạt và đồng ý cho một số đơn vị quân Pháp vào đóng ở Viêng Chăn, gây nên

sự phản đối mạnh mẽ trong các tầng lớp nhân dân, nhất là ở Viêng Chăn.

Mặc dù tình hình ở Lào có những diễn biến rất phức tạp, nhưng do nắm được chủ trương khởi nghĩa của Trung ương Đảng và có sự chuẩn bị trước, nên sau khi nhận được tin Nhật đầu hàng, Xứ ủy Ai Lao đã kịp thời mở cuộc họp của Xứ ủy tại một địa điểm ở Phôn Vi Xay gần bờ sông Mê Kông. Hội nghị nhận định: Thời cơ khởi nghĩa đã đến và quyết định các đồng chí được phân công các khu vực phải về ngay Lào, căn cứ tình hình cụ thể mỗi nơi mà giúp bạn lãnh đạo nhân dân đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền và tổ chức cuộc chiến đấu bảo vệ độc lập chủ quyền, chống quân Pháp trở lại xâm lược.

Khởi nghĩa ở thủ đô Viêng Chăn

Được tin phát xít Nhật đầu hàng, lớp huấn luyện cán bộ của Xứ ủy ở Phôn Vi Xay tuy chưa hết chương trình đã bế mạc và tất cả cán bộ về ngay Viêng Chăn để chuẩn bị khởi nghĩa. Ngày 14/8/1945, Ban Chỉ đạo khởi nghĩa[1] đã họp với chi bộ Viêng Chăn do đồng chí Trần Nguyên Trinh làm Bí thư, bàn kế hoạch khởi nghĩa và xác định: Phải tăng cường đoàn kết Lào - Việt mới có lực lượng đấu tranh và phải tranh thủ cho được chính giới Lào, chủ yếu là những người tiến bộ trong chính quyền, cảnh sát, bảo an.

[1] Ban Chỉ đạo khởi nghĩa Viêng Chăn gồm ba đồng chí: Đồng chí Nguyễn Chấn, Trưởng ban phụ trách chung; đồng chí Vũ Hữu Bỉnh, phụ trách quân sự, ngoại giao và quan hệ Lào - Việt; đồng chí Nguyễn Đình Hinh giúp đồng chí Chấn chỉ đạo các lực lượng Việt kiều (hồi ức của đồng chí Vũ Hữu Bỉnh).

Đồng thời, phải khéo léo vận động Hoàng thân Phết Xa Rạt ủng hộ các lực lượng yêu nước để tạo thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa.

Thực hiện chủ trương đó; các đồng chí đã tập hợp Đoàn Thanh niên Việt kiều cứu quốc, do đồng chí Phan Linh phụ trách làm lực lượng xung kích và động viên tổ chức các tầng lớp Việt kiều cùng với những người yêu nước Lào hăng hái tham gia các hoạt động cứu nước. Ban Chỉ đạo khởi nghĩa cũng phái một số cán bộ có uy tín tiếp xúc với "Ủy ban Lào Pên Lào" ở Viêng Chăn, do các ông Ăm Phon Phôn Đa Rát và Xột Phết La Xí phụ trách, để thống nhất kế hoạch hành động.

Mở đầu phong trào là cuộc đấu tranh của hơn 500 công nhân xưởng dệt Ca Pha (C.A.F.F.A)[1], vào ngày 16/8/1945, đòi Nhật giao nhà máy cho Lào và yêu cầu Chính phủ Lào quốc hữu hoá nhà máy, trong lúc Nhật chuẩn bị rút, định quỵt tiền lương công nhân và giao nhà máy cho Pháp. Cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt: ngày đầu Nhật bắn vào quần chúng biểu tình làm một số người bị thương và bắt giam đại biểu công nhân. Ngày thứ hai và thứ ba (17 và 18/8/1945), công nhân tiếp tục biểu tình thị uy, được đông đảo nhân dân Lào - Việt ở Viêng Chăn ủng hộ, buộc Nhật phải trả tự do cho đại biểu công nhân và trao trả nhà máy cho chính quyền Viêng Chăn. Ông Khăm Mạo, Tỉnh trưởng Viêng Chăn đã đứng ra tiếp nhận.

---

[1] Ca Pha (C.A.F.F.A), một xưởng dệt của công ty tư bản Pháp ở Viêng Chăn. Đa số công nhân là Việt kiều, có một số người Lào và Hoa kiều.

Trước hành động cách mạng và khí thế quần chúng, các chính giới Lào càng nhận thấy rõ thật tâm đoàn kết của Việt Nam đối với họ. Tỉnh trưởng Khăm Mạo và Ủy ban Lào Pên Lào Viêng Chăn tin tưởng Việt Nam đã tích cực phối hợp với Ban Chỉ đạo khởi nghĩa vận động lực lượng quân đội, cảnh sát, bảo an đi theo cách mạng.

Lúc này ở Viêng Chăn, quân đội Nhật đã rút đại bộ phận lực lượng, số còn lại khoảng vài trung đội hiến binh sẽ rút đi Thà Khẹc ngày 22/9/1945. Quân đội Vương quốc cũ có khoảng hơn 300 quân bảo an và gần 100 cảnh sát, trong đó có một số là người Việt Nam. Họ đang hoang mang, dao động. Ban Chỉ đạo khởi nghĩa đã bàn với Tỉnh trưởng Khăm Mạo, đưa một số sĩ quan cũ tiến bộ vào chỉ huy bảo an và thống nhất với Ban Chỉ đạo khởi nghĩa tổ chức đội bảo an hỗn hợp Lào - Việt để tự vệ.

Hoàng thân Phết Xa Rạt - nguyên Thủ tướng nội các Luông Phabăng, từ chỗ hoang mang lúc đầu, nhờ sự vận động tích cực của Tỉnh trưởng Khăm Mạo và một số người thân cận tiến bộ, đã đồng ý cho Việt kiều được mít tinh. biểu tình và tổ chức đội tự vệ để gìn giữ trật tự trị an.

Ngày 23/8/1945, Ban Chỉ đạo khởi nghĩa Viêng Chăn cùng với Tỉnh trưởng Khăm Mạo tổ chức một cuộc mít tinh lớn tại khu vực chợ Mới (nội thành Viêng Chăn) gồm cả Việt kiều và nhân dân Lào tham gia. Một số nhân vật trong chính phủ Vương quốc Lào như Khăm Mạo, Thao Krương... cũng đến dự. Đại biểu Việt kiều lên diễn

dàn nói rõ chủ trương đoàn kết Lào - Việt chống thực dân Pháp, không để cho Pháp trở lại cai trị Lào lần thứ hai. Ông Khăm Mạo thay mặt chính quyền Vương quốc và Ủy ban Lào Pên Lào Viêng Chăn tuyên bố Việt kiều được quyền tổ chức các đội tự vệ, kêu gọi Việt kiều đoàn kết với nhân dân Lào, giúp đỡ Chính phủ Lào, cùng nhau chống Pháp, giành độc lập dân tộc cho hai nước.

Cuộc mít tinh đã tăng cường lòng tin và tình đoàn kết Lào - Việt, làm cho các lực lượng Việt kiều và Lào yêu nước càng gắn bó, thúc đẩy phong trào đấu tranh rầm rộ công khai, thu hút đông đảo nhân dân Viêng Chăn tham gia.

Trong chiến khu bí mật ở "căn cứ Xăng Phin"[1], lúc đầu có hơn một trung đội "Việt kiều giải phóng quân" từ Thái Lan chuyển về. Ban chỉ huy đóng ở nhà chị Phan Thị Lạng (chị đồng chí Phan Trọng Tuệ). Sau đó, thu hút hàng trăm thanh niên đến luyện tập quân sự, hết lớp này đến lớp khác, khẩu hiệu "Tận dân vi binh" được thực hiện. Các phân hội Việt kiều ở các khu vực trong thành phố Viêng Chăn như: Vắt Xi Mương, làng An Nam mỗi nơi thành lập một trung đội tự vệ. Gia đình nào cũng chuẩn bị giáo mác, nỏ, mảnh chai, nước ngâm ớt sẵn sàng chống địch, bảo vệ thành phố[2].

---

[1] "Xăng Phin", một khu vực cư trú của Việt kiều, gần đài vô tuyến do Pháp lập từ trước. "Xăng Phin" có nghĩa là - "không có dây". Kiều bào quen gọi khu vực cư trú này là "Làng Xăng Phin".

[2] Hồi ký của đồng chí Vũ Hữu Bỉnh, nguyên Ủy viên phụ trách quân sự, ngoại giao trong Ban Chỉ đạo khởi nghĩa Viêng Chăn.

Về phía Lào, số thanh niên yêu nước và binh sĩ giác ngộ được huấn luyện ở chiến khu Na Kè (Thái Lan) trở về đã cùng với lực lượng bảo an, cảnh sát và một số thanh niên giác ngộ ở địa phương, tổ chức thành các "đơn vị Lào Ítxala" đặt dưới sự chỉ huy của Tỉnh trưởng Khăm Mạo và Ủy ban Lào Pên Lào Viêng Chăn.

Ngày 05/9/1945, viện lý do đã được nhà vua Xi Xa Vang Vông cho phép, một đơn vị quân Pháp và ngụy Lào ở ngoài rừng kéo vào chiếm đóng một số nơi trong thành phố Viêng Chăn, lập trụ sở, kéo cờ ba sắc và cho người đi lên kéo công chức cũ theo chúng.

Trước hành động ngoan cố và xảo quyệt của bọn này, Ban Chỉ đạo khởi nghĩa đã bàn với Tỉnh viên Viêng Chăn, điều động một số đơn vị quân đội và tự vệ bảo an, kết hợp với lực lượng đông đảo của nhân dân Lào và Việt kiều, kiên quyết bao vây uy hiếp, cắt đứt mọi nguồn tiếp tế và mọi sự liên hệ của chúng với bên ngoài, làm cho chúng rất hoảng sợ. Ngày 09/9/1945, bọn Pháp và ngụy Lào phải rút khỏi thành phố phân tán vào rừng như cũ[1].

Để giữ vững chính quyền cách mạng còn non trẻ và bảo vệ tính mạng, tài sản nhân dân, chống mọi âm mưu tấn công phá hoại của địch, giữa tháng 9/1945, Ban Chỉ đạo khởi nghĩa đã nhất trí với bạn Lào, thành lập "Liên quân Lào - Việt" đặt dưới sự chỉ huy của một bộ tham mưu

[1] Ma Há Xai Phoong - Xi Viêng Khẹc Con Ni Vông, "*Tháng 10/1945 ở Lào. Một niên đại lịch sử mở đầu kỷ nguyên mới*", *Văn kiện quan hệ Việt - Lào, Lào - Việt*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 117.

chung. Ở các địa phương cơ sở cũng thành lập các ủy ban phòng thủ chung của Lào và Việt kiều[1].

Cuộc khởi nghĩa ở Viêng Chăn ngày 23/8/1945 đã giành được thắng lợi mà không tốn nhiều xương máu. Đó là do có sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời và khôn khéo của Xứ ủy Ai Lao và Ban Chỉ đạo khởi nghĩa, đã phát huy được sức mạnh đoàn kết của các lực lượng yêu nước Lào - Việt và tranh thủ được sự hợp tác của chính giới Lào, kể cả những người đứng đầu chính quyền như Hoàng thân Phết Xa Rạt, Tỉnh trưởng Khăm Mạo...

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Viêng Chăn có ảnh hưởng sâu sắc đối với phong trào cách mạng của Lào; góp phần quan trọng thúc đẩy và tạo điều kiện cho các thành phố, thị trấn khác đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong những ngày tiếp theo.

Khởi nghĩa ở thành phố Thà Khẹc

Thà Khẹc thuộc tỉnh Khăm Muộn, là một trong những thành phố lớn của Lào, có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế và quân sự ở miền Trung nước Lào. Đây là một trung tâm chỉ huy của phát xít Nhật ở miền Trung Đông Dương trong những năm Nhật chiếm đóng Lào.

---

[1] Bộ Tham mưu chung của liên quân Lào - Việt ở Viêng Chăn gồm các ông: Thao Xỉng (sau là Bộ trưởng Quốc phòng của Chính phủ độc lập lâm thời Lào), Quản Noi và Thao Phan. Về phía Việt Nam, đồng chí Vũ Hữu Bỉnh là Chỉ huy trưởng, đồng chí Trần Hoàn là Chỉ huy phó (Hồi ức của đồng chí Trần Hoàn).

Thành phố Thà Khẹc cũng là nơi có số dân Việt kiều khá đông (hơn một vạn), có cơ sở cách mạng và phong trào yêu nước tương đối sớm, gắn liền với cơ sở và phong trào cách mạng của Việt kiều ở khu Nakhon Phanôm (Thái Lan). Từ giữa năm 1944, chi bộ Đảng và chi hội Việt kiều ở Thà Khẹc được củng cố. Thông qua hoạt động của các tổ chức quần chúng rộng rãi như: Tổ chức Hướng đạo, Hội Ái hữu, Hội Bóng đá... chi bộ Đảng và chi hội Việt kiều ở Thà Khẹc đã tuyên truyền, vận động quần chúng, nhất là thanh niên, viên chức vào các Hội Cứu quốc, đấu tranh chống sự chia rẽ phá hoại của nhóm Đại Việt tay sai Nhật[1].

Sau ngày Nhật đầu hàng, chấp hành chỉ thị của Xứ ủy, chi bộ Thà Khẹc, do đồng chí Dục làm Bí thư, đã tổ chức cuộc họp tại một điểm ở km 6 (trên đường số 12) để quán triệt tình hình nhiệm vụ và bàn kế hoạch chuẩn bị khởi nghĩa. Chi bộ đã cử người đi đón đồng chí Nguyễn Long và đồng chí Đinh Văn Khanh là hai xứ ủy viên được phân công chỉ đạo khởi nghĩa ở Thà Khẹc. Đêm 15/8/1945, nước

---

[1] Nhóm Đại Việt tay sai Nhật ở Thà Khẹc có khoảng 15 - 16 tên ngoan cố, do Lê Văn Cương cầm đầu. Chúng ra sức tuyên truyền đề cao Nhật là "cùng máu đỏ da vàng", "cùng đánh Pháp để giành độc lập cho Việt Nam và Lào". Chúng tìm mọi cách lôi kéo một số thanh niên, viên chức đi theo Nhật, tranh giành quần chúng, đòi Việt Minh phải chia quyền để chúng làm trưởng của tổ chức Việt kiều. Chi bộ Đảng và chi hội Việt kiều ở Thà Khẹc đã chủ trương rút dần số thanh niên còn ít nhiều có tinh thần dân tộc ra khỏi tổ chức của chúng, và lấy danh nghĩa chính quyền điều tên Cương về nước. Sau khi Nhật rút hết, tổ chức của chúng hoàn toàn tan rã.

lũ sông Mê Kông đang lên to, hai đồng chí cùng người đi đón đã vượt sông về thẳng nhà đồng chí Dục, thành lập Ban Chỉ đạo khởi nghĩa ở Thà Khẹc và đặt trụ sở ngay tại đó.

Sau mấy ngày điều tra nắm tình hình, Ban Chỉ đạo nhất trí với kế hoạch khởi nghĩa của chi bộ Thà Khẹc. Các đồng chí đã phân công cán bộ, đảng viên xuống từng Phân hội Việt kiều, tổ chức phát động nhân dân tích cực ủng hộ và sẵn sàng tham gia khởi nghĩa. Các tổ chức cách mạng, yêu nước của Việt kiều từ bí mật chuyển sang công khai, tập hợp hầu hết các tầng lớp từ người lao động, buôn bán, đến học sinh, công chức, trí thức. Đồng thời, lực lượng vũ trang quần chúng (tự vệ, bảo an) được tổ chức ở các khu cư trú của Việt kiều, thu hút nhiều thanh niên tham gia luyện tập quân sự, tổ chức tuần tra canh gác để bảo vệ tính mạng tài sản nhân dân, chống bọn lưu manh trộm cắp vào cướp phá.

Để tổ chức phối hợp và giúp đỡ các lực lượng yêu nước của Lào cùng đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền ở Thà Khẹc, Ban Chỉ đạo khởi nghĩa đã tìm gặp ông Xỉng Ka Pô Xi Khột Chum Lạ Ma Ny, một nhà giáo có tinh thần dân tộc tiến bộ phụ trách ủy ban Lào Pên Lào ở Thà Khẹc, vốn đã có quan hệ thân thiện với tổ chức Việt kiều từ trước. Qua trao đổi bàn bạc về chủ trương, phương thức giành chính quyền, ông Xỉnh Ka Pô hoàn toàn nhất trí: ngoài việc tổ chức phát động nhân dân Lào và Việt kiều, phải tranh

thủ được Tỉnh trưởng Khăm Muộn và lực lượng bảo an của chính quyền cũ đi với cách mạng, ông Xỉng Ka Pô nhận trách nhiệm đi vận động ông Khăm Xỉng Chum Lạ Ma Ny - Tỉnh trưởng tỉnh Khăm Muộn, là người chú của ông.

Ngày 23/8/1945, đồng chí Nguyễn Long với danh nghĩa người lãnh đạo các lực lượng Việt kiều yêu nước đã đến gặp và làm việc với ông Tỉnh trưởng Khăm Xỉng. Hai bên nhất trí: các lực lượng cách mạng, yêu nước của Lào và Việt kiều cùng nhau đoàn kết, hợp tác chặt chẽ và hết sức giúp đỡ lẫn nhau để đánh đuổi bọn thực dân Pháp ra khỏi Lào, giành độc lập cho cả hai nước.

Sự kiện này được coi như hoạt động mở đầu của chính quyền mới, và liền sau đó Tỉnh trưởng cải tổ chính quyền, thay đổi lối làm việc, gần gũi với nhân dân. Các công chức người Việt Nam trong bộ máy chính quyền cũ bàn giao các chức vụ phụ trách chủ yếu cho người Lào nắm giữ[1].

Trong khí thế sôi sục cách mạng của quần chúng, để bảo vệ thắng lợi của cuộc khởi nghĩa, kiên quyết chống bọn tàn quân Pháp ở ngoài rừng đang lăm le trở lại, Ban Chỉ đạo khởi nghĩa đã tập trung số cán bộ, chiến sĩ Việt kiều giải phóng quân từ Thái Lan chuyển sang, cùng với số thanh niên yêu nước tuyển lựa trong các đội tự vệ, bảo an ở cơ sở và một số lính khố xanh, khố đỏ được giác ngộ, tổ chức thành đơn vị Việt kiều giải phóng quân ở thành phố

[1] Hồi ức của đồng chí Đinh Văn Khanh - nguyên Ủy viên Xứ ủy Ai Lao, phụ trách chỉ đạo khởi nghĩa ở Thà Khẹc.

Thà Khẹc, do đồng chí Nguyễn Chánh phụ trách quân sự, đồng chí Nguyễn Văn Trung phụ trách chính trị[1];

Về phía Lào, phát huy thắng lợi, tranh thủ được Tỉnh trưởng, "Ủy ban Lào Pên Lào" tiếp tục vận động số lính bảo an của Lào khoảng 50 - 60 người đi theo cách mạng; còn số lính khố xanh, khố đỏ của Lào thì phần lớn đã tan rã về gia đình hoặc chạy ra rừng với quân Pháp. Theo kế hoạch đã thống nhất với Ban Chỉ đạo khởi nghĩa, Tỉnh trưởng và Ủy ban Lào Pên Lào chọn giữ lại những người tốt và tuyển thêm nhiều thanh niên yêu nước thành lập "đơn vị Lào Ítxala", do ông Xỉng Ka Pô trực tiếp chỉ huy. Số còn lại cho về nhà làm ăn hoặc bố trí việc khác thích hợp với khả năng họ.

Trên cơ sở lực lượng vũ trang của Lào và Việt kiều đã hình thành, để tăng cường đoàn kết phối hợp hoạt động chặt chẽ giữa ta và bạn, Ban Chỉ đạo khởi nghĩa thống nhất với chính quyền và ủy ban Lào Pên Lào tổ chức "Liên quân Lào - Việt" ở Thà Khẹc và thành lập Ban Chỉ huy liên quân do đồng chí Nguyễn Chánh và ông Xỉng Ka Pô cùng phụ trách[2].

---

(1) Đồng chí Nguyễn Chánh trước là đội lính khố đỏ, được Đảng tuyên truyền giác ngộ trở thành cán bộ cách mạng. Trong cuộc khởi nghĩa giành chính quyền và chiến đấu bảo vệ thành phố Thà Khẹc, đồng chí là chỉ huy trưởng các lực lượng Việt kiều. Sau này về nước được phong cấp tướng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

(2) Hồi ức của đồng chí Đinh Văn Khanh - nguyên Xứ ủy Ai Lao, phụ trách khởi nghĩa ở Thà Khẹc.

Nhờ chủ trương đúng đắn của Ban Chỉ đạo khởi nghĩa và hoạt động; sự tích cực của các lực lượng yêu nước Lào - Việt, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở thành phố Thà Khẹc được tiến hành một cách nhanh gọn.

Ban Chỉ đạo khởi nghĩa chuyển trụ sở bí mật ra đóng công khai ở nhà ông Từ Hữu Lập, một Việt kiều yêu nước có tiệm may lớn ở Thà Khẹc. Tại đây, các đồng chí đã tiếp nhận nhiều binh sĩ khố xanh, khố đỏ người Việt đến xin tham gia hoạt động cứu nước; trong đó có Đội Dương đến tình nguyện ủng hộ cách mạng 25 khẩu súng cùng nhiều đạn, và đưa 600 lính khố đỏ đã được tuyên truyền theo cách mạng[1].

Ban Chỉ đạo khởi nghĩa đã giao cho Đội Dương đến gặp sĩ quan Nhật, vận động họ giao một phần vũ khí cho cách mạng trước khi nộp cho Đồng minh. Trước thái độ chân thành và khôn khéo của ta, viên sĩ quan Nhật qua Đội Dương, trao cho phía cách mạng trên 400 khẩu súng các loại và nhiều đạn, trong đó có 2 khẩu cối 81 ly và pháo 25 ly. Nhờ có số súng đạn lấy được của Nhật, sau này, liên quân Lào - Việt đã anh dũng chống quân Pháp tiến công, giữ được Thà Khẹc một thời gian.

---

[1] Đội Dương tên thật là Lương Đức Dương, quê ở tỉnh Thanh Hoá, đi lính khố đỏ cho Nhật. Được Đảng tuyên truyền giác ngộ, sau này trở thành cán bộ Trung đoàn, làm chuyên gia giúp bạn Lào về công tác mặt trận.

Ngày 01/10/1945, đồng chí Trần Đức Vịnh - phái viên Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến Thà Khẹc[1]. Các tầng lớp Việt kiều ở thành phố Thà Khẹc và các vùng phụ cận như Phôn Tịu, Bò Neng, Hỉn Bun... được các lực lượng vũ trang bảo vệ, đã xếp thành đội ngũ chỉnh tề, cùng nhân dân Lào ra sân vận động đón phái viên Chính phủ, vui như trẩy hội. Đồng chí Nguyễn Long đọc diễn văn chào mừng đại diện Chính phủ Việt Nam, tiếp đó đại diện Chính phủ hiệu triệu kiều bào đoàn kết cùng bạn Lào, giữ vững chính quyền. Ông Xỉng Ka Pô thay mặt chính quyền và Ủy ban Lào Pên Lào ở Thà Khẹc nêu rõ quyết tâm của người Lào bảo vệ nền độc lập thiêng liêng của dân tộc mình và gìn giữ vun đắp tình đoàn kết Lào - Việt mãi mãi vững bền. Sự kiện trọng đại này được xem như một thắng lợi kết thúc việc giành chính quyền ở thành phố Thà Khẹc tỉnh Khăm Muộn.

Khởi nghĩa ở thành phố Savannakhẹt

Cũng như ở Thủ đô Viêng Chăn và thành phố Thà Khẹc, từ giữa năm 1944, sau một thời gian gặp khó khăn vì bị đàn áp khủng bố, phong trào cách mạng và yêu nước của Việt kiều ở thành phố Savannakhẹt đã được khôi phục, phát triển. Đồng chí Nguyễn Hữu Khiếu - Xứ ủy viên Xứ ủy Ai Lao và một số cán bộ của Xứ ủy đã sang hoạt động ở vùng này.

---

[1] Đồng chí Trần Đức Vịnh - nguyên Ủy viên Xứ ủy Ai Lao, là một trong hai đại biểu đi dự Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng ở Việt Bắc. Đồng chí được Trung ương và Chính phủ ủy nhiệm làm phái viên Chính phủ Việt Nam bên cạnh Chính phủ độc lập lâm thời Lào.

Thông qua hoạt động của các tổ chức quần chúng rộng rãi như: Hướng Đạo sinh, Hội Ái hữu, Thể thao, tương tế..., chi bộ Đảng và chi hội Việt kiều ở Savannakhẹt đã tích cực vận động các tầng lớp Việt kiều tham gia các hoạt động cứu nước. Ở các "giáp" 1, 2, 3, 4, 5 là tổ chức hành chính cơ sở của Việt kiều[1], đã hình thành các phân đội, thu hút đông đảo kiều bào và các tổ chức cứu quốc.

Sau khi đồng chí Nguyễn Hữu Khiếu được Xứ ủy cử đi dự Hội nghị Đại biểu toàn quốc của Đảng ở Tân Trào, đồng chí Lê Mạnh Trinh (tức Tiến Già) được cử về giúp đỡ chi bộ Savannakhẹt, do đồng chí Nguyễn Đôn làm Bí thư, lãnh đạo các tổ chức Việt kiều cứu quốc, phối hợp với các lực lượng yêu nước, tiến bộ của Lào chuẩn bị tham gia khởi nghĩa.

Tin phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện càng làm cho các lực lượng yêu nước của Lào và Việt kiều hoạt động sôi nổi. Nhưng giờ hành động phải chờ lệnh của Ban Chỉ đạo khởi nghĩa.

Ngày 21/8/1945, hai đồng chí Trần Đức Vịnh và Nguyễn Hữu Khiếu đi họp ở Trung ương trở về. Từ Đông Hà (Quảng Trị) sang Savannakhẹt, các đồng chí được Xứ ủy Trung Kỳ, do đồng chí Nguyên Chí Thanh làm Bí thư,

---

[1] Tổ chức hành chính của Việt kiều ở thành phố Savannakhẹt: Toàn thành phố có Tổng trưởng Việt kiều phụ trách chung; bên dưới có các "giáp" gồm một hoặc hai, ba khu phố có Việt kiều sinh sống, do một giáp trưởng phụ trách (Hồi ức của đồng chí Nguyễn Đôn - Nguyên Bí thư chi bộ Savannakhẹt năm 1945).

chuẩn bị sẵn cho một ô tô cắm cờ đỏ sao vàng, có lực lượng bảo vệ, thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Tổng bộ Việt Nam công khai đi sang Lào.

Chiều ngày 21, đồng chí Trần Đức Vịnh đến thành phố Savannakhẹt, các tầng lớp Việt kiều nô nức, phấn khởi tập hợp rất đông ở sân vận động thành phố để đón phái viên Chính phủ. Đồng chí Lê Mạnh Trinh thay mặt các tổ chức cứu quốc và kiều bào phát biểu chào mừng phái đoàn. Tiếp đó, đồng chí Trần Đức Vịnh thông báo tình hình khởi nghĩa thắng lợi ở Việt Nam, giải thích đường lối chính sách cứu quốc của Chính phủ và Mặt trận Việt Minh, kêu gọi các lực lượng Việt kiều đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ các lực lượng cách mạng, yêu nước Lào đấu tranh giành độc lập, chống thực dân Pháp trở lại xâm lược.

Lúc này ở Savannakhẹt, ngoài các tổ chức Việt kiều cứu quốc, còn có "Thanh niên đoàn" do Nhật tổ chức. Ngay trong đêm 21/8/1945, đại biểu các đoàn thể Việt kiều họp ở Hội quán "An Nam tương tế thể thao", tuyên bố giải tán "Thanh niên đoàn" của Nhật và thống nhất gia nhập Hội Việt kiều cứu quốc.

Ngày 30/8/1945, với danh nghĩa phái viên Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, đồng chí Trần Đức Vịnh đã gặp Tỉnh trưởng Savannakhẹt và thay mặt Ủy ban Lào Pên Lào, trình bày các quan điểm chính sách của Việt Nam đối với Lào. Tỉnh trưởng Savannakhẹt cùng số quan chức dự họp hết sức hoan nghênh sự hợp tác giúp đỡ của Việt Nam, tỏ rõ quyết tâm đoàn kết chặt chẽ với các lực lượng Việt

kiều để chống bọn thực dân Pháp đang lăm le trở lại xâm lược Lào.

Sau cuộc họp với Tỉnh trưởng Savannakhẹt, đồng chí Trần Đức Vịnh đã gặp hiến binh Nhật, đòi họ trả lại tự do cho số cán bộ Việt Nam bị Nhật bắt từ tháng 4/1945, như các đồng chí Thiết, Thống, Vinh... Trước sức mạnh của các lực lượng cách mạng yêu nước, phía Nhật đã phải đáp ứng các yêu cầu của ta.

Cũng trong ngày 30/8/1945, Tỉnh trưởng Savannakhẹt và Hội Việt kiều cứu quốc đã tổ chức một cuộc mít tinh long trọng có khoảng 1.500 người thuộc mọi tầng lớp nhân dân Lào và Việt tham gia, để chào mừng cuộc nổi dậy thắng lợi của thành phố Savannakhẹt. Cuộc mít tinh đã biến thành một cuộc tuần hành thị uy hừng hực khí thế cách mạng khắp cả thành phố, trong khi quân Nhật nằm im trong đồn trại không có phản ứng gì.

Sau cuộc mít tinh lịch sử này, trong một cuộc họp liên tịch của công chức Lào - Việt, do Tỉnh trưởng và đại diện Hội Việt kiều chủ trì, những công chức Việt Nam ở các công sở đã bàn giao cho Lào những chức vụ chủ yếu của các ngành trong bộ máy hành chính của tỉnh.

Để bảo vệ chính quyền yêu nước và những thành quả tốt đẹp của cuộc khởi nghĩa vừa giành được, Ban Chỉ đạo khởi nghĩa đã thống nhất với Tỉnh trưởng và Ủy ban Lào Pên Lào tổ chức lực lượng vũ trang tập trung của mỗi bên và thành lập Ban Chỉ huy Liên quân Lào - Việt.

Về phía Việt Nam, đồng chí Trần Đức Vịnh và đại diện Hội Việt kiều cứu quốc đã gặp gỡ số lính bảo an và khố xanh, khố đỏ người Việt do ông Quản Tặng đứng đầu và tổ chức thanh niên tập võ dân tộc, vận động họ thành lập "Hội Cựu binh Việt kiều" và "Thượng võ Đoàn" nằm trong Hội Việt kiều cứu quốc như các đoàn thể khác. Sau đó, chọn một số người tiến bộ và có sức khỏe tốt, cùng với lực lượng vũ trang Việt kiều từ Thái Lan chuyển về, thành lập đơn vị Việt kiều giải phóng quân, do đồng chí Lê Quốc Sản làm chỉ huy trưởng, đồng chí Phạm Bác Ái làm chính trị viên, đồng chí Nguyễn Thiết (mới ở tù ra) làm chỉ huy phó. Ở các "giáp" 1, 2, 3, 4, 5 là tổ chức hành chính cơ sở của Việt kiều đều có các đội tự vệ để bảo vệ tính mạng, tài sản Việt kiều, đề phòng tàn quân Pháp và bọn lưu manh vào cướp phá.

Về phía Lào, Tỉnh trưởng và Ủy ban Lào Pên Lào cũng thành lập "đơn vị Lào Ítxala" gồm có lính bảo an, cảnh sát cũ được giác ngộ và một số thanh niên yêu nước mới tham gia, để hợp tác với các đơn vị Việt kiều giải phóng quân làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự trị an, chống quân Pháp trở lại xâm lược[1].

Đầu tháng 10/1945, Hoàng thân Xuphanuvông sau khi gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Hà Nội đã trở về Lào qua đường số 9. Nhân dân Savannakhẹt tổ chức cuộc mít tinh nồng nhiệt chào đón ông. Hoàng thân nhiệt liệt hoan nghênh những thắng lợi mà nhân dân Lào đã giành được,

---

[1] Hồi ức của đồng chí Nguyễn Đôn - Nguyên Bí thư Chi bộ Savannakhẹt, năm 1945.

kêu gọi toàn thể nhân dân đoàn kết nhất trí, đấu tranh bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

Ở các tỉnh Bắc Lào, do điều kiện chủ quan và khách quan còn nhiều khó khăn, phức tạp, các cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tiếp tục nổ ra trong một số thị xã, thị trấn nhưng thời gian chậm hơn như: Kinh đô Luông Phabăng và Mường Xiêng Ngơn (18/10/1945), thị xã Sầm Nưa (20/10/1945), thị xã Xiêng Khoảng (26/11/1945)... Ở những nơi này, phong trào quần chúng, kể cả của Việt kiều chưa được tổ chức, phát động mạnh mẽ.

Ngoài ra, một số thị trấn ở phía Đông Lào, như: Na Pê, Lạc Xao, Khăm Cợt (tỉnh Khăm Muộn), Sê Pôn, Mường Phin (tỉnh Savannakhẹt) và Pac San (tỉnh Viêng Chăn)..., được sự hỗ trợ của một số đơn vị chủ lực và địa phương của Việt Nam hoạt động ở các vùng biên giới, đẩy lùi nhiều cuộc tấn công của quân Pháp. Nhân dân các bộ tộc Lào và lực lượng vũ trang quần chúng đã nổi dậy giành chính quyền làm chủ địa phương trong một thời gian.

Sau khi các cuộc khởi nghĩa thắng lợi ở một số thành phố, thị xã và thị trấn quan trọng, Ban Chỉ đạo khởi nghĩa Viêng Chăn thông qua một số nhân sĩ tiến bộ, đã vận động Hoàng thân Phết Xa Rạt - nguyên Thủ tướng nội các Luông Phabăng, đồng ý để cho ông Khăm Mạo - nguyên Tỉnh trưởng Viêng Chăn đứng ra tổ chức việc lập chính phủ mới của Lào.

Ngày 08/10/1945, Đại hội đại biểu Ủy ban Dân chúng Lào (Xa Pha Phu Then Lát Xa Đon) gồm 25 người, do các

ủy ban Lào Pên Lào ở Viêng Chăn và một số tỉnh kế cận như Khăm Muộn, Savannakhẹt... cử ra, đã được triệu tập ở Viêng Chăn. Đại hội làm nhiệm vụ lập pháp theo chế độ dân chủ, bàn việc thành lập Chính phủ Trung ương và dự thảo ra Hiến pháp tạm thời.

Ngày 10/10/1945, Đại hội ủy ban Dân chúng họp phiên thứ hai, quyết định thành lập Chính phủ độc lập lâm thời Lào Ítxala, bầu Hoàng thân Phết Xa Rạt làm Quốc trưởng đứng đầu Nhà nước Lào và thông qua danh sách các thành viên trong Chính phủ gồm 11 vị, do ông Khăm Mạo làm Thủ tướng, Hoàng thân Xuphanuvông được cử làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Đại hội cũng nhất trí quyết định Quốc kỳ, Quốc ca và thông qua bản Hiến pháp tạm thời của nước Lào độc lập.

Ngày 12/10/1945, Ủy ban Dân chúng Lào và Chính phủ độc lập lâm thời Lào Ítxala tổ chức cuộc mít tinh lớn tại sân vận động Viêng Chăn để làm lễ tuyên bố nền độc lập của quốc gia Lào và ban bố bản Hiến pháp tạm thời. Hàng vạn quần chúng cả người Lào và Việt kiều phấn khởi hô vang các khẩu hiệu "Hoan nghênh thắng lợi Cách mạng Tháng Tám 1945 của Lào", "Lào - Việt đoàn kết muôn năm" và xuống đường diễu hành khắp thành phố.

Ngày 14/10/1945, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố công nhận "Chính phủ độc lập lâm thời Lào Ítxala" và cử ông Trần Đức Vịnh làm phái viên Chính phủ Việt Nam tại Lào.

Ngày 16/10/1945, ông Trần Đức Vịnh - đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến Viêng Chăn, được Chính phủ Lào và các tầng lớp nhân dân Lào cùng Việt kiều ở Viêng Chăn đón tiếp rất nồng nhiệt. Sau đó, phái viên Trần Đức Vịnh và ông Khăm Mạo - Thủ tướng Chính phủ độc lập lâm thời Ítxala, hội đàm và thỏa thuận hai nước Việt Nam và Lào sẽ tăng cường đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung.

Trên cơ sở đó, ngày 30/10/1945, hiệp định liên minh giữa Chính phủ Lào Ítxala và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được ký kết. Theo hiệp định, các đơn vị quân đội Lào và Việt Nam sát cánh phối hợp, cùng chống kẻ thù chung của hai dân tộc là thực dân Pháp, nhằm bảo vệ nền độc lập của dân tộc vừa mới giành được. Hiệp định này còn được gọi là "Hiệp định thành lập Liên quân Lào - Việt". Liên quân này được đặt dưới quyền chỉ huy của Tổng chỉ huy quân đội Lào Ítxala[1].

Đến đây, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Lào, do một số tổ chức yêu nước, tiến bộ của Lào được sự hợp tác và giúp đỡ về mọi mặt của các tổ chức chính trị và lực lượng vũ trang cách mạng của Tổng hội Việt kiều Thái - Lào, tiến hành dưới sự lãnh đạo chung của Xứ ủy Ai Lao Đảng Cộng sản Đông Dương, diễn ra liên tiếp từ tháng 8 đến tháng 10/1945 đã giành được thắng lợi.

Tuy cuộc khởi nghĩa chỉ diễn ra ở một số thành phố, thị xã, thị trấn và một số vùng nông thôn ngoại thị... nhưng

---

[1] Ma Há Xai Phoong - Xi Viêng Khẹc Con Ni Vông, *Sđd*, tr. 122 - 123.

đó đều là những trung tâm chính trị, kinh tế, quân sự, bao gồm cả thủ đô và kinh đô của Vương quốc Lào, nên có ý nghĩa to lớn, mang tầm vóc toàn quốc.

Cuộc khởi nghĩa Tháng Tám 1945 ở Lào diễn ra trong bối cảnh vừa đấu tranh giành chính quyền từ tay phát xít Nhật, vừa tiến hành cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền chống bọn thực dân Pháp trở lại xâm lược. Vì vậy, quá trình khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng gắn chặt với nhau. Các lực lượng vũ trang cách mạng của Việt kiều và các đơn vị quân đội Lào Ítxala được hình thành và phối hợp chiến đấu ngay từ đầu, góp phần rất quan trọng bảo đảm cho cuộc khởi nghĩa giành được thắng lợi[1].

Cùng với cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Việt Nam, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Lào đã mở ra. "Kỷ nguyên mới cho nhân dân các bộ tộc Lào đứng lên làm chủ vận mệnh Tổ quốc mình"... Đồng thời, cũng mở ra kỷ nguyên mới về quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam, cùng đoàn kết giúp đỡ nhau vì những mục tiêu chung của cả hai dân tộc"[2].

Trích Quân tình nguyện Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp tại Lào 1945 - 1954, NXB. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002.

---

[1] Cục nghiên cứu Lịch sử Bộ Quốc phòng Lào ấn hành, *Lịch sử Quân đội nhân dân Lào,* tr. 32, 33.

[2] Cayxỏn Phômvihản, *Một vài kinh nghiệm chủ yếu và một số vấn đề cơ bản về chủ trương nhiệm vụ mới của cách mạng Lào,* NXB. Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, 1979.

CUỘC CHIẾN ĐẤU Ở THÀ KHẸC NĂM 1946

Nguyễn Tử Quý[1]

Ngày 15/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng vô điều kiện, sĩ quan Nhật có đứa harakiri[2] tự sát, có đứa say mềm nằm vỉa hè. Đêm đêm xe cộ chạy ầm ầm. Khi được dân cho biết chúng đổ vũ khí xuống sông, chúng tôi lại tổ chức đi mò.

Lực lượng cách mạng Lào đã công khai ra lời kêu gọi ngoại kiều phối hợp hoạt động bảo vệ Thà Khẹc! Chúng tôi đang tranh thủ tổ chức quần chúng vào Hội Việt kiều cứu quốc (Việt Minh) thì phía thanh niên Lê Văn Cương cũng xuất hiện tuyên truyền bảo vệ Thà Khẹc. Cương thuộc nhóm Đại Việt, một tổ chức tay sai của Nhật. Lê Văn Cương quan hệ chặt chẽ với Nhật, được Nhật cung cấp cho một số vũ khí. Trong tổ chức của chúng xưng hô với nhau bằng "dượng". Chúng cũng biết chúng tôi là Việt Minh và ảnh hưởng của Việt Minh lớn, gặp tôi chúng cũng bắt tay và gọi bằng "dượng". Chúng tôi đến nhà Lê Vãn Cương (ở cạnh hiệu ăn Âu Á) nói chuyện về việc bảo vệ Việt kiều ở Thà Khẹc và phải có sự chỉ huy chung thì mới giữ nổi vì lúc đó tàn quân Pháp ở lẩn lút cũng bắt đầu hoạt động và nói rõ chúng tôi có Tổng hội chỉ đạo chung và lực lượng ở chiến khu về. Lê Văn Cương biến sắc, cử anh Dư làm đại biểu của nhóm đi với tôi gặp Tổng hội.

---

(1) Cán bộ quân tình nguyện Việt Nam hoạt động tại Lào.

(2) Tên quan tư Ximô mổ bụng tự sát.

Tôi đưa anh Dư qua sông Mê Kông, đến gặp một đồng chí trong Tổng hội là anh Long. Sau khi trao đổi thì anh Dư thấy phục Việt Minh lắm. Đại ý về nói với Lê Văn Cương là Việt Minh có chủ trương, có lực lượng Việt kiều lớn, có chiến khu có khả năng bảo đảm an toàn cho Việt kiều. Sau đó Lê Văn Cương mời đại biểu Tổng hội Việt kiều đến nói chuyện và chịu sự chi phối để bảo vệ Thà Khẹc.

Tuy Nhật đã đầu hàng nhưng các đồn bốt chúng vẫn canh gác, chúng tôi qua lại Nakhon vẫn không đi bến chính mà theo cù lao Đông Đông (đồng đông done) để qua lại với Noóngxén liên lạc với Tổng hội vì hai bên bờ sông là kiều bào vào tổ chức cả. Noóngxén có một số nhà dựa lưng ra bờ sông làm nghề đánh cá, Việt kiều phần lớn là công giáo yêu nước bảo đảm việc đi lại cho chúng tôi từ trước đến nay được an toàn. Nhiều lúc canô tuần tiễu trên sông, lính lùng sục trên bờ, Việt kiều tìm mọi cách bảo vệ chúng tôi, trong những lúc nguy nan, khó khăn đó mới thấy hết lòng yêu nước của Việt kiều.

Thế là cán bộ chính trị, quân sự, phụ nữ của Tổng hội phái qua phát triển phong trào gần như công khai. Toàn thể Việt kiều dưới sự lãnh đạo của Việt Minh 5 khu trong thành phố đã được tổ chức thành phân hội: Bản Tạy, Noóngbua, Mường, sau đổi là phân hội Phạm Hồng Thái, đường số 7, Hoa Trị. Cán bộ Tổng hội trực tiếp lãnh đạo lúc đó là anh Ba Đốc, anh Long, anh Chẩn.

Họ đã cấp tốc huấn luyện, trang bị, hỗ trợ cho quần chúng giành chính quyền và sẵn sàng chiến đấu với tàn quân Pháp quay trở lại chiếm Thà Khẹc.

Khi lực lượng cách mạng Lào đã nắm được quân sự kết hợp chặt chẽ với lực lượng Việt kiều cứu quốc và sau khi Hoàng thân Xuphanuvông lên, chính quyền cũ mới ngả về phía cách mạng.

Pháp đã chạy, Nhật đã rút, Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ cách mạng do Cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch làm cho Việt kiều vô cùng sung sướng, xúc động. Chúng tôi tiếp tục một mặt củng cố Ban Quản lý Việt kiều, đưa thêm vào các vị có uy tín đối với Việt kiều và có mối quan hệ tốt với phía Lào như cụ giáo học Vũ Xuân Cuông, ông Đào Tử Thanh, ông Thái Nhiên. Mặt khác, cử một số cán bộ Việt Minh giữ các trách nhiệm chủ chốt, tổ chức Việt kiều kháng chiến, chỉ huy lực lượng vũ trang, bảo đảm an ninh trật tự.

Các đội tự vệ ở các phân đội được thành lập, lớp huấn luyện quân sự ngắn ngày tuyển những thanh niên hăng hái tập luyện. Một hình ảnh làm náo nức lòng người và tự hào của phụ nữ Việt kiều là đội nữ tự vệ Việt kiều ở Thái Lan đi diễu hành trên đường phố lớn ở Thà Khẹc. Tuy chỉ vài khẩu súng đi hàng đầu nhưng nhịp đi mạnh mẽ, tiếng hô một, hai vang xa, khích động lòng người. Tức thời các đội tự vệ nữ trong các phân hội cũng được thành lập với gươm giáo, gậy gộc tập luyện ráo riết. Đêm đêm nếu không bố trí địa điểm rõ ràng thì phân nhau bố trí.

Khoảng ngày 18, 19/8/1945 anh Đinh Văn Khanh thay mặt Việt kiều cứu quốc ở Thà Khẹc đến nhận súng ở nhà Đội Dương. Sau đó cùng bàn với Đội Dương đi gặp gỡ tên sĩ quan Nhật xin súng. Tên sĩ quan Nhật lúc đầu từ chối, anh Khanh với lý lẽ, thay mặt hơn hai vạn Việt kiều các nơi về nước bị kẹt lại ở Thà Khẹc phải bảo vệ tính mạng tài sản và phải hỗ trợ cho Lào độc lập nếu ông không giải quyết thì Pháp trở lại giết hại chúng tôi. Tên sĩ quan lúc đầu tuy nói: ông đến chậm chúng tôi đã niêm phong sẽ giao cho Đồng minh cả rồi, song cuối cùng cũng giải quyết cho ta được một số súng.

Nhóm thanh niên Lê Văn Cương không được quần chúng ủng hộ nhưng vẫn mưu đồ riêng ôm lấy số súng của Nhật cho. Lê Văn Cương đi đâu cũng có hai bảo vệ, mỗi bảo vệ hai súng lục chéo nhau trước bụng.

Lực lượng cách mạng Lào tập hợp trong tổ chức Hội Thanh niên yêu nước Lào do anh Singkapô làm hội trưởng đang huy động quần chúng trong thị xã Thà Khẹc và vùng lân cận đứng lên giành chính quyền, đảm nhiệm vai trò lịch sử của mình.

Bước đầu vô hiệu hoá ngụy quyền bù nhìn Chao Khoẻng và Chao Mường (tỉnh trưởng và huyện trưởng); nhanh chóng quản lý đồn lính cả Lào - Việt của Nhật để bổ sung vào đội quân giải phóng Lào. Số thanh niên yêu nước Lào và một số thanh niên Việt kiều nhân lúc lộn xộn cũng quan hệ với Nhật lấy được mấy xe bò súng.

Để bảo vệ Việt kiều lân cận còn bị tàn binh Pháp uy hiếp như ở mỏ Phontiou - Boneng, Hinboun, Xiềngvang, lực lượng thanh niên xung phong và bảo an binh (khố xanh khố đỏ) đánh vào Phontiou, Boneng giải phóng cho Việt kiều ở mỏ. Trong quá trình chiến đấu, hai thanh niên một Lào và một Việt đã hy sinh, xác được đưa về Thà Khẹc làm lễ truy điệu, khiến lòng căm phẫn của dân Thà Khẹc thêm sục sôi. Thực tế cuộc chiến đấu bắt đầu, số tàn quân Pháp lẩn lút ở Lào với bọn tàn binh Pháp trở lại nhờ bọn Anh ở Thái Lan giúp đỡ đã mở cuộc tấn công vào Thà Khẹc. Từ trận Namương bộ đội ta đã chiến đấu anh dũng khiến chúng phải rút chạy, một tên địch bị chết, tự vệ đưa xác về trụ sở, kiều bào muốn ùa ra đâm chém, cán bộ ta kịp giải thích mới thôi, rồi cho chôn cất tử tế.

Địch lại tập kích tiền đồn phía Bắc, anh Lã Thông, tiểu đội trưởng hy sinh. Đêm đêm quanh vùng đều có tiếng súng chiu chiu, tắc bọp, các tuyến đường hào được đào ra các mặt trận.

Bọn Lê Văn Cương tưởng Việt Minh vào Thà Khẹc, lực lượng chiến khu về sẽ có súng to súng lớn, nay thấy chủ yếu là nhờ địa phương mà Việt Minh lại có thêm uy tín nên muốn gạt Việt Minh ra để làm lãnh tụ. Chúng còn khoảng 100 súng để ở kho trụ sở nhưng không có người. Chúng ta đã dùng sức ép để thuyết phục lấy phát thêm cho các phân đội tự vệ.

Như thế là lực lượng vũ trang đã nắm khoảng trên 500 súng các loại chia về các phân đội dưới sự chỉ huy của Ban

Quân sự thành. Còn đạn thì khá nhiều của Nhật để lại, mò dưới sông lên được.

Bây giờ Việt kiều các nơi dồn về Thà Khẹc để về nước nhưng đường bị tắc nên khoảng trên dưới 2 vạn Việt kiều đóng tiền của nuôi kháng chiến. Lực lượng yêu nước Lào hoạt động mạnh, ngày càng tin tưởng, gắn bó với Việt kiều và đều hiểu rằng Lào muốn bảo vệ Thà Khẹc phải dựa vào Việt kiều, Việt kiều muốn bảo vệ mình phải ra sức bảo vệ chính quyền cách mạng.

Trụ sở Việt kiều khi bắt được Việt gian cũng đưa qua bên Lào giam giữ. Có khi nhân viên của chúng tôi bắt được Lào gian tra khảo moi tin anh em Lào cũng biết. Có hôm anh Singkapô chạy qua nói với chúng tôi: Bắt được Lào gian thì đưa qua chúng tôi khai thác cho. Tôi đáp: Bên nào làm mà chẳng được. Anh nói: Chúng ta không ngại gì nhưng người khác hiểu không đúng thì ảnh hưởng không hay. Sau đó sự hợp tác của chúng tôi càng chặt chẽ hơn, quan hệ các mặt hành chính, thông báo tình hình địch, giam giữ, trả tù số Pháp còn lại Thà Khẹc...

Bọn thanh niên Lê Văn Cương lợi dụng tình hình, lấy danh nghĩa kháng chiến khám xét, tống tiền một số kiều dân, lấy đồ của bọn Pháp bỏ chạy để lại. Chúng tôi đã ngăn chặn hành động đó. Theo yêu cầu của bọn Pháp nhờ quân Anh ở Thái Lan trao đổi với chính quyền Lào trả số vợ con họ, chúng tôi đã bàn giao để chính quyền Lào giải quyết.

Tên Pháp Klotz qua Thà Khẹc điều tra tình hình bị anh Thư bắn chết khi hắn xuống ca nô để qua Thái. Bọn Pháp

đòi đền mạng và dọa sẽ dùng sức ép khóa cửa sông nhưng chính quyền Thái Lan ở Nakhon cũng lờ đi. Nhân dân Thái Lan ở Nakhon thì cổ vũ chúng ta kháng chiến, nhiều cô gái Thái Lan rất có cảm tình với thanh niên Việt kiều, tập hát những bài hát kháng chiến Việt.

Phái viên Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến Thà Khẹc ngày 01/9/1945. Chúng tôi cho xe đi đón nhưng xe phái viên đã bị tàn quân Pháp bắn phục kích, bảo vệ đã bắn trả, chúng bỏ chạy, bên ta anh Khả bảo vệ phái viên bị thương ở chân.

Một cuộc mít tinh lớn ở sân vận động chào đón phái viên Chính phủ. Phái viên Chính phủ Trần Đức Vịnh nói những lời đầu tiên xúc động: "Việt kiều yêu quý, Việt kiều yêu quý! Tôi xin báo cáo với Việt kiều cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8 trong cả nước đã hoàn toàn thắng lợi. Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân đã kiến lập, Nhà nước ta đoàn kết chặt chẽ với nhân dân Lào chống âm mưu của Pháp trở lại xâm chiếm Đông Dương". Việt kiều càng phấn khởi ra sức đóng góp vào công cuộc kháng chiến. Bây giờ mọi việc của Việt kiều đều đã có sự chỉ đạo của phái viên bên cạnh Tổng ủy viên phụ trách tỉnh.

Tiếp đó là Hoàng thân Xuphanuvông lên Thà Khẹc cuối tháng 9/1945 xác lập chính quyền cách mạng ở Thà Khẹc, trực tiếp đôn đốc xây dựng lực lượng vũ trang, chủ trương đánh xa, mở rộng phạm vi kiểm soát vùng Thà Khẹc, tuần hành trên các trục đường Thà Khẹc - Sà Vằn, Thà Khẹc - Nhommarath, Thà Khẹc - Păkhinboun.

Điển hình là trận Lamalạt, lực lượng vũ trang thanh niên Lào - Việt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Hoàng thân đã chiến thắng, địch phải rút chạy, nhưng bên ta cũng bị thương vong một số cả Lào - Việt. Và cũng từ đó hình thành Liên quân Lào - Việt ở Thà Khẹc vào khoảng tháng 10/1945, và bấy giờ đã phân chia các tuyến phòng thủ Thà Khẹc.

Sau trận Lamalạt, trong một bức thư của Hoàng thân gửi cho một người bạn ở Việt Nam (anh Nguyễn Văn Bé) có dòng viết: "Cháu Zacque cũng đã theo cha đi đánh giặc". Về phía ta các anh đã hy sinh: Nuôi, Liễn, Thảo, Hòa, Tương, Tế...

Cũng đầu tháng 9, Tàu vàng vào[1] Thà Khẹc, quân Đồng minh Tưởng Giới Thạch vào Lào tước khí giới của Nhật, Việt kiều và nhất là Hoa kiều tổ chức gánh heo quay, gà, rượu đến mừng linh đình. Bọn chỉ huy Tàu vàng ra nhận rồi lại vào nằm hút thuốc phiện điệu bộ không hài lòng vì không thấy biếu thuốc phiện.

Bọn lính thì gầy còm khẳng khiu, đến Thà Khẹc mới bắt đầu tập lính. Chúng thấy khí thế và lực lượng Lào mạnh nên không dám làm gì. Việc một Việt kiều bị một lính Tàu vàng bắn chết khi xô xát đã làm dấy lên làn sóng công phẫn của Việt kiều. Chúng đã phải mang tên lính đó ra bắn giữa chợ. Từ đó Tàu vàng không còn hoạnh hoẹ ở Thà Khẹc nữa.

---

[1] Tên nhân dân ta gọi quân Quốc dân Đảng để phân biệt với Hồng quân Trung Hoa.

Tàn quân Pháp có chỉ huy chung và các mối liên lạc với nhau từ bên bờ sông Mê Kông cho đến các vùng rừng Lào. Trong số quân Pháp thời Nhật sống sót ta còn bắt được tên Courtis, còn một số khác như bọn Ưmil (vợ Việt) thì nhập với tàn quân Pháp. Bọn này tổ chức mua súng đạn từ Thà Khẹc chuyển ra. Có lần quân ta bắt được một số tên, chúng khai từ cây số 20 vào, từ Xiêngvang lên,...

Tàu vàng vác cờ Đồng minh đi liên lạc với Pháp bị quân ta tuần tiễu kèm riết với lý do là sợ không an toàn cho Đồng minh, không cho đi xa. Lời nói và thái độ kiên quyết làm chúng phải trở lại nơi đóng quân, chờ ngày rút.

Hoa kiều cũng chán ngán, lơ chúng đi nên chúng cũng thiếu thốn.

*

* *

Số thanh niên theo Lê Văn Cương dần dần về với lực lượng cách mạng.

Thấy tình hình để Lê Văn Cương ở Thà Khẹc không có lợi cho nên trên có chủ trương bắt Lê Văn Cương và tên thư ký của hắn chuyển về trong nước. Nhóm thanh niên Lê Vãn Cương tan.

Tổ chức kiều bào được củng cố để phù hợp với tình hình kháng chiến. Ban quyên góp tiền của Việt kiều nuôi quân đánh giặc. Bệnh viện được cải tạo chăm sóc tốt hơn người bệnh và thương binh. Các tổ chức đoàn thể được phân thành giới riêng: thanh niên, phụ nữ... Phong trào

phụ nữ phát triển, chị em hăng hái làm cứu thương, tiếp tế, chăm sóc, động viên và khích lệ thương, bệnh binh. Chi phí lấy từ quỹ chung, thậm chí các bà, các chị còn bỏ tiền ra mang cháo cơm đến bệnh viện, đưa đến các phân đội vũ trang. Có nhiều bà phàn nàn: tổ trưởng là tôi, tài chính cũng là tôi, tiếp tế cũng là tôi, thật bây giờ nhiều việc quá! Thật ra không phàn nàn mà là tự hào, hả hê, khoe khoang. Người, của của kiều bào hai bờ sông Mê Kông dồn vào cho Thà Khẹc.

Nhiều gia đình tự trang bị cho con từ cơm áo, súng đạn đưa con ra mặt trận, hăng hái góp tiền đợt này qua đợt khác để giúp kháng chiến.

Bây giờ quân ta không còn nằm ở chiến hào bắn cả đêm như pháo hoa nữa mà đã biết tiết kiệm đạn. Địch lại mở đợt tấn công từ phía bắc xuống, trận Na Mương thứ hai (ngày 22/12/1945) ta đánh quyết liệt, địch phải rút chạy, bên ta nhiều anh em hy sinh trong đó có anh Quế (con ông bà Hoe Lợi), chỉ huy phân đội Nguyễn Văn Trung. Trung là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương nhiệt tình, sôi nổi, chân thành, dũng cảm nên khi anh hy sinh bà con Lào - Việt ai cũng tiếc thương.

Tiếp đó là những trận nhỏ lẻ ở phía bắc và phía nam Noongbua.

Quân Pháp đã tập hợp lực lượng chiếm Sénô và tấn công vào Savannakhẹt mấy đợt nhưng đều bị quân ta đánh lui.

Tình hình Thà Khẹc chuẩn bị đánh địch tấn công quy mô cũng được chuẩn bị thêm.

Khoảng cuối tháng 01/1946, chi bộ Đảng họp bất thường, cấp trên phổ biến rằng: Thà Khẹc không giữ được mà phải bảo toàn lực lượng cách mạng Lào, cho kiều bào sơ tán qua Thái Lan để bảo đảm tính mạng và tài sản. Lực lượng vũ trang thì hoặc tổ chức về nước hoặc tạm rút để bảo toàn thực lực. Chúng ta được lệnh ban bố cho Việt kiều sơ tán, Việt kiều ở Nakhon Thái Lan chuẩn bị đón bà con, và nhờ chính quyền địa phương Thái Lan giúp đỡ. Gần 2 vạn Việt kiều Thà Khẹc lần lượt sơ tán, chỉ trong mấy ngày đầu, gần 1/2 số dân đã tản cư, nhưng đến tuần sau thì Thà Khẹc dần dần thấy đông lại vì số đi tản cư kêu khổ trở về để một nửa ở bên này, một nửa ở bên kia và một không khí chung bao trùm không ai nói với ai cho rằng Pháp không đánh chiếm nổi Thà Khẹc lúc bấy giờ.

Có thể vì thế mà cán bộ cũng không đôn đốc kiều bào sơ tán.

Nhân dân Lào và ngoại kiều Savannakhẹt đã tản cư sang Thái Lan. Pháp đã vào chiếm Savannakhẹt bỏ trống ngày 15/3/1946. Lực lượng vũ trang của Sàvàn được bảo toàn và bổ sung cho Thà Khẹc. Thà Khẹc vẫn chuẩn bị tinh thần đánh địch tấn công.

Đêm 20/02/1946, đoàn văn nghệ Thà Khẹc biểu diễn ở rạp, cảnh hoa đào trên sân khấu như giảm bớt không khí chiến tranh ở ngoài. Cuối buổi biểu diễn, cụ Tiến (Lê Mạnh

Trinh, Tổng ủy viên phụ trách Việt kiều Thà Khẹc) đã phát biểu. Kết thúc buổi biểu diễn mọi người đều êm ả ra về.

Ngày 21/3/1946

Sáng ngày 21/3/1946 khoảng 5 giờ 30, hai chiếc máy bay địch đã ném bom vào khu chợ đông người mua bán, làm nhiều người chết. Một tiếng sau hai chiếc máy bay đó lại bay dọc sông Mê Kông và liên tục bắn vào dân cư Lào - Việt chạy nạn trên sông. Những thuyền không người trôi theo dòng sông, những chiếc đầu đen lô nhô dưới nước, những thuyền dầu bốc cháy trên sông, những chiếc bè, canô bị bắn bồng bềnh trôi theo dòng nước, những bà mẹ nhảy giữa dòng theo con. Trên bộ, xác người chất đầy bên bụi chuối, gốc cây, số dân chúng bắt được đưa ra bờ sông xả súng liên thanh, trẻ con bị bỏ vào bị cói trôi sông...

Các mặt trận tiếng súng nổ ran, canông 75 của bộ đội Lào đặt ở nhà dây thép cũng rót đạn vào phía đường ở Savannakhẹt. Các gia đình nấu cơm nước vẫn tiếp tế ra các tuyến.

Từ sáng đến 10 giờ 30 phút các phòng tuyến vẫn giữ được. Một cánh quân Pháp vượt qua Sở Lục lộ xuống đường số 7 tiến vào thành phố mà không bị một lực lượng nào ngăn chặn. Bấy giờ, khoảng 12 giờ, tổ chúng tôi ở mặt trận phía Bắc về trụ sở báo cáo tình hình thì trụ sở Tổng hội đã đóng cửa. Thấy một số bà con còn đang chờ đợi, tôi vội bảo kiều bào đi sơ tán nhanh, các gia đình ông Dõng, chị Phúc, ông Tuyến, chị Huyền còn luống cuống, tôi chỉ đường chạy

theo mép bờ sông lên phía Bắc, một số khác cũng chạy về hướng đó.

Một giờ sau, chúng tôi quay ra ngã tư Võ Văn Ban (trục đường chính vào Thà Khẹc) thì đã thấy quân Pháp chia hai hàng áp theo đường tiến vào. Tôi ra Ban Chỉ huy Liên quân Lào - Việt thì Ban cũng đã rời đi rồi. Quân Pháp đã vào chợ đặt súng bắn theo dọc đường, tổ chúng tôi lăn qua đường xuống bờ sông thì gặp tổ súng máy anh Nguyễn Ân, anh Lê Đức Bá, tôi nhập vào tổ súng máy này, vừa bắn vừa lùi dần về nhà dây thép rồi qua Huội Sà Vẳn. Hết đạn chúng tôi tháo súng, xách nòng chạy ra sông, tôi bơi được một quãng nhưng đạn bắn chi chít tung cả nước. Chúng tôi lại vào bờ chạy xuống Tòa sứ. Ở đây, chúng tôi gặp anh Chánh cụt (tức Nguyễn Chánh) trong Ban Chỉ huy Liên quân Lào - Việt, Chánh bác sĩ và một số anh em khác. Nhìn xuống Bản Tạy đã thấy lố nhố lính Pháp. Chúng tôi xuống chiếc bè trước Tòa sứ cắt đứt dây cố gắng đẩy chiếc bè ra xa bờ. Các đồng chí bị thương đều nằm trên bè.

Một trận đánh ác liệt của một phân đội ta mở đường đi qua chợ đã làm giảm tốc độ của chúng từ chợ tiến xuống phía nam. Các phân đội Lào, Việt khác quyết định ngăn chặn đường tiến của địch, quay lại đánh xuyên hông rồi rút ra rừng. Phân đội Lê Đức Dục và phân đội Đào Ngọc Dung, phân đội Quang Kha, Phán Tân cũng đã rút ra rừng. Khoảng 3 giờ chiều ngớt tiếng súng, địch đã tràn ra bờ sông nhắm những người còn đang bơi trên sông bắn tỉa. Nhà bè lợp mái tôn trôi lừ lừ, địch bắn xả vào trúng mái kêu chan chát. Khi bè ra hơn một phần ba sông, tôi thả bè

bơi cho nhẹ bớt, vào gần đến bãi cát bờ Thái Lan tôi lội lên nằm lịm trên bãi cát, chiếc bè trôi xa hơn rồi cũng vào bờ an toàn.

Kiều bào Nakhon dồn hết thuyền bè đón đồng bào Lào - Việt, các gia đình lo cơm nước sắp xếp cho kiều bào chạy loạn có nơi ăn nghỉ.

Nhân dân Thái Lan cũng nhường nhà; dưới sàn nhà, các chùa, Việt kiều đều nằm la liệt. Gia đình có người mất hay có những thân nhân bị mắc kẹt bên kia sông đều không một tiếng khóc than. Kiều bào càng thương yêu nhau, càng căm thù giặc, vẫn một niềm tin tưởng nước nhà có Cụ Hồ lãnh đạo nhất định sẽ giành được độc lập, tự do.

Hoàng thân Xuphanuvông và ông Bộ trưởng Quốc phòng Chính phủ kháng chiến Lào theo dõi các phòng tuyến địch đang đánh vào ác liệt: Noóng Bua, ngã ba đường 13-12 vào thị xã, Bản Tạy (phía nam), riêng phía bắc vẫn yên ổn,...

Phòng tuyến thứ hai ở phía đông và phía nam bị vỡ.

Xế trưa, cán bộ tham mưu và sĩ quan bảo vệ thúc giục Hoàng thân qua sông Mê Kông sang Thái Lan nhưng Hoàng thân vẫn chờ báo cáo của Ban Chỉ huy Liên quân ở mặt trận.

Khi thấy không còn khả năng ngăn chặn địch nữa Hoàng thân mới xuống canô (xuồng máy). Hai chiếc canô đã chuẩn bị sẵn thì một chiếc không nổ máy được! Số người đi sau phải dạt ra chờ sửa máy.

Chiếc canô chở Hoàng thân ra đến giữa sông thì máy bay đến oanh tạc dữ dội, người lái Lào và tài Tư thợ máy hy sinh trong buồng lái, một số khác đã bị trúng đạn. Chiếc canô không người lái quay ngang, theo dòng nước trôi rất chậm. Một số anh em nhảy xuống sông níu chiếc canô khoát tay cho canô vào bờ Thái Lan.

Máy bay địch lại đến oanh tạc, mọi người quây lấy che đạn cho Hoàng thân. Lúc bấy giờ, bộ binh Pháp từ chợ lần theo bờ sông xuống và quân Pháp phía Bản Tạy (phía nam) đã ra các mô đá phía nhà Đoan bắn xả vào canô và thuyền bè của dân chạy loạn trên sông.

Anh Lê Thiệu Huy và hai bảo vệ người Lào đã hy sinh do trúng đạn. Hoàng thân cũng bị thương.

Chiếc canô chở Hoàng thân trôi chậm, đến tối mịt thì dạt vào bờ Hat Xai thuộc bản Nà Ngùm. Anh em Lào - Việt hy sinh trên chiếc canô này được an táng ở nghĩa trang phía nam tỉnh Nakhon Phanôm.

Đại diện bên Lào, anh Singkapô, đại diện bên Việt, anh Võ Văn Chánh tức Toản, chịu trách nhiệm đưa canô vượt sông, anh Thuận và một số bà con Lào - Việt đã mặc niệm vĩnh biệt những người con anh dũng của mình.

Đế quốc Pháp chiếm lại Thà Khẹc.

Sáng hôm sau, bên bờ sông Thà Khẹc, chúng đem một số bà con Lào - Việt ra bờ sông bắn: đàn ông, đàn bà, còn trẻ con bị nhét vào bao tải đẩy xuống sông.

Khoảng hai ngàn người Lào - Việt hy sinh; cách mạng Lào và cách mạng Việt Nam đời đời thương tiếc khôn nguôi.

Vài hôm sau, tôi đến bệnh viện Nakhon thăm Hoàng thân Xuphanuvông, Hoàng thân giới thiệu tôi với các bạn đến thăm là: "Le héro de Thà Khẹc" (Người anh hùng Thà Khẹc).

Từ tháng 8/1945 đến tháng 3/1946, trong tám tháng ngắn ngủi so với sự nghiệp cách mạng nói chung và cuộc trường kỳ kháng chiến trước mắt, cách mạng Lào đã nắm chính quyền, tiến hành kháng chiến, đã được hưởng tự do, độc lập, gây một ảnh hưởng lớn trong nhân dân Lào. Những Việt kiều cũng được hưởng quyền tự do, độc lập bên cạnh bạn Lào, tự nguyện cùng bạn cầm súng bảo vệ quyền tự do, độc lập thiêng liêng ấy.

Sau ngày 21/3/1946

Ngày 21 tháng 3 đã trở thành một ngày phơi bày sự tàn bạo, hèn mạt của thực dân Pháp khi chúng vào chiếm lại Thà Khẹc.

Trên một khúc sông rộng khoảng một cây số rưỡi, những người dân chạy loạn đen nghịt là mục tiêu của máy bay địch oanh tạc, bắn giết, những chiếc đầu nhấp nhô trên dòng nước là mục tiêu bắn tỉa của bộ binh Pháp trên bờ. Hơn thế nữa, khi vào Thà Khẹc, chúng bắn giết hàng loạt đàn bà, trẻ con, thường dân đẩy xuống sông.

Thật là một vụ thảm sát kiểu phát xít!

Đây là những người Lào - Việt anh em bị thực dân Pháp đô hộ gần một thế kỷ đứng dậy, họ đã cùng nhau đánh giặc, khi chạy giặc vượt qua sông biết rằng không chắc sống nhưng chắc chắn không làm nô lệ nữa.

Nhân dân Lào - Thái Lan hai bên bờ sông đều chứng kiến như vậy. Chúng tôi, những người trực tiếp trong cuộc chiến đấu đều nghĩ như vậy. Chúng tôi còn chiến đấu vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc và sẵn sàng gánh vác với anh em cùng cảnh ngộ như mình.

Chừ đây, chúng tôi đứng bên này bờ hữu ngạn Mê Kông ngó sang bên tê bờ tả ngạn trên mảnh đất Thà Khẹc thân yêu, những người Lào, Việt sang đây đã kể lại những gì bên nó?!

Nhìn lại cuộc chiến đấu vừa qua, một bên là lực lượng cách mạng Lào non trẻ, một bên là đế quốc Pháp cáo già trở lại xâm lược Lào, cách mạng Lào đã chiến đấu kiên cường, gióng một hồi chuông báo hiệu sự sẵn sàng kiên trì kháng chiến cho đến ngày thắng lợi cuối cùng...

Cách mạng Lào đã chiến đấu không đơn độc. Ngay từ đầu đã có những người Đông Dương bên cạnh họ, tiêu biểu là người anh em Việt Nam sống trên đất họ, cùng lý tưởng với họ.

Xa xưa, chúa phong kiến nào mà không lấn át, mưu đồ thôn tính các nước láng giềng yếu hơn họ với mọi thủ đoạn. Nhưng với các nước Việt - Miên - Lào trên bán đảo Đông Dương, sự thôn tính qua quá trình thịnh suy của mỗi

nước đã thuộc về quá khứ, họ phải chung lưng đấu cật chống các thế lực xâm lược mạnh hơn họ gấp bội để cùng tồn tại.

Sau khi đế quốc Pháp đã đô hộ ba nước Việt - Miên - Lào, xóa bỏ ba quốc gia này mà gọi là Đông Pháp gồm năm xứ: Bắc Kỳ - Trung Kỳ - Nam Kỳ - Ai Lao - Cao Miên thì dân các xứ này bị bán sức lao động đi khắp nơi trên thế giới và họ cùng ăn, cùng ở, cùng làm nô lệ trên khắp Đông Dương.

Mất nước và phải làm nô lệ, họ đã đứng lên chống lại đế quốc Pháp, nhất là từ khi Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập thì giai cấp công nhân, những người tiến bộ Việt - Miên - Lào đều tập hợp dưới ngọn cờ của Đảng, đấu tranh giải phóng Đông Dương, giúp nhau khôi phục lại đất nước mình.

Cách mạng Lào trong giai đoạn này đã xem người Việt trên đất nước của họ như một động lực cách mạng. Trong cuộc liên minh chiến đấu mới này, những người Lào - Việt che chở bom đạn cho nhau với một niềm tin tất thắng. Riêng người Việt lánh nạn qua Thái Lan với hai bàn tay trắng, đã để lại vườn nhà, phương tiện làm ăn, tiện nghi mà trong quá trình côi cút làm ăn họ khó khăn lắm mới tạo nên được, ra sức làm ăn đóng góp nhân lực, vật lực cho nền độc lập của dân tộc và hai nước anh em Miên - Lào.

MỘT TÀI LIỆU QUAN TRỌNG

Nguyễn Tử Quý [1]

Tháng 9/1949, chúng tôi được gọi về Liên khu ủy Liên khu 4. Đồng chí Hoàng Anh giao cho chúng tôi nhiệm vụ bảo vệ an toàn một tài liệu đến nơi càng nhanh càng tốt.

Chúng tôi xin về tổ chức đoàn đi rồi mới đến nhận tài liệu. Sau đó chúng tôi nhận thêm một túi vàng.

Chúng tôi đi giữa mùa nước lũ ở Lào. Đến bản Văn Ca (giáp biên giới) chúng tôi định cùng đi với ông Chang Bun vì ông Chang rất am hiểu đường sá ở Lào nhưng ông ốm không đi được.

Sáng hôm sau chúng tôi đi sớm, leo đến đỉnh cao biên giới Việt Lào thì ngồi nghỉ, hút chưa đến nửa điếu thuốc thì có tiếng chân từ phía bản đi lên, dân làng đã đem thịt lợn, cơm nếp đến tiễn chúng tôi. Người dân bản nói với hai người cùng đi: Tao nói thế nào cũng đuổi kịp, không giữ anh em lại để chúng nó đi cho được đường.

Chúng tôi đến bản Nachang thì trời đã đứng bóng, xin hai người dân đưa đường, hai người đàn ông lực lưỡng đưa chúng tôi đi. Ra khỏi bản một đoạn chúng tôi dừng lại hỏi thăm đường phía trước. Hai người nói đường độc đạo đi ven theo suối qua nhiều lèn đá, suối nhập vào Nam

---

[1] Cán bộ quân tình nguyện Việt Nam hoạt động tại Lào.

Chuồn. Mùa này không ai đi lại cả. Bản còn xa, đêm nay không đến được.

Chúng tôi tiếp tục đi, lội đi lội lại theo suối. Nước suối mỗi lúc một lên, ngang bụng rồi ngang ngực. Đã xế chiều, hai người dân xin về, chúng tôi nói hãy ở lại với chúng tôi, trời sắp tối rồi. Hai người nói chậm một lúc nữa là không về được, đàn ông đi cách đêm không quen sợ gia đình lo lắng. Chúng tôi đành cho hai người dân về. Còn chúng tôi đi thêm một đoạn nữa thì nước đã lên to, chảy xiết không tài nào vượt qua suối được, phải nghỉ lại bên sườn núi.

Một ngày mệt mỏi ngấm nước nguồn, chúng tôi giở cơm nắm ra ăn, tìm chỗ ngủ mặc cho "dĩn cắn".

Quá nửa đêm, gió thổi ào ào, mưa đâu xối xả như cầm chĩnh đổ. Chúng tôi ngồi chụm vào nhau dưới một gốc cây to, chờ sáng.

Sáng ra, nước suối lên to, đục ngầu như mẻ bánh đúc gạo đỏ, đập vào các mô đá giữa suối tóe ra rồi lại nhập vào nhau cuồn cuộn băng đi.

Một ngày lại không đi được một đoạn sao! Anh em chúng tôi tỏa đi tìm nứa làm bè. Cả một vùng rừng mà không tìm đâu ra nứa, chúng tôi phải đẵn tre làm hai chiếc bè, thả bè xuống thì bè đã lắp xắp mặt nước. Tôi nói với anh em: Đằng trước ta chưa biết ghềnh thác ra sao, sức nước này thì khó mà chống đỡ nổi, đi nguy hiểm nhưng nhất thiết phải bảo vệ lấy người và súng, còn balô, gạo buộc chặt vào bè. Sáu anh em xuống chiếc bè thứ nhất thì

nước lên ngang ngực. Tôi mở dây thả bè, chiếc bè lao đi. Chiếc bè của tôi có 5 anh em cũng lao theo chiếc trước.

Bây giờ thì chiếc trước chỉ thấy một vệt đen chạy trên mặt nước. Qua một đường vòng, chiếc bè sau như nhắm vào sườn chiếc bè trước mà phóng tới, chúng tôi níu lấy nhau ghìm lấy bè dùng tay nắm lấy những ngọn cây rì rì hai bên, xước cả tay. Khi bè chúng tôi lao tới thì chiếc bè trước đã ra khỏi vùng nước xoáy!

Chiếc bè chúng tôi vòng theo con nước đâm xược vào núi đá rồi lao vào chỗ nước xoáy lật cả bè, anh em văng ra hai bên. Tôi chìm dưới nước thì nước đẩy lên, trên thì bè trôi không ngóc đầu lên được, tôi nén sức bám lấy một mỏm đá dưới lòng suối chờ cho bè đi qua rồi đạp mạnh tung người lên dùng sức sải mạnh vào bờ. Khi chân tôi vừa chạm đất thì thấy chiếc bè trước đang lao xuống một dốc nước. Trương Văn Quý và Đào Ngọc Dung đang cầm ngang sào nhìn về phía trước mà không biết sẽ ra sao!

Anh em bè sau tập hợp lại phía rừng cây, anh em phía bên núi đá men bờ đá đi ngược lại, dựa theo dòng nước chảy mà vượt qua. Anh em người thì xây xát mặt mày, người thì đi cà nhắc, trời sẩm tối, nồi không, gạo nỏ có, chúng tôi ngồi soài ra trên bãi cỏ. Bỗng một tiếng súng nổ ở phía trước, mừng quá anh em đi tìm nơi phát ra tiếng súng thì gặp anh em bè trước đang quay lại tìm chúng tôi. Chúng tôi dìu nhau về phía bè trước. Chiếc bè trước xuống dốc nước thì gặp vùng nước chững lại dạt vào bờ, chiếc bè sau không người cũng được kéo vào. Nồi còn, gạo vét các

bao cũng chỉ được hai nồi. Một nồi ăn buổi tối và một nồi nắm cho ngày mai.

Một đêm nữa trôi qua mà núi rừng, nước suối vẫn không có gì thay đổi. Chúng tôi lại tiếp tục đi, đoạn nào không lội được thì men phía rừng cây mà đi. Nắm cơm nước ngấm vữa ra thì ăn, chỗ cứng để dành lại.

Đến chiều chúng tôi gặp một vườn sắn điểm vài cây bưởi quả đang non. Anh em có người muốn đào sắn nấu một nồi nhưng chúng tôi ngăn lại, chỉ ăn mấy quả bưởi non cho the mồm.

Một người dân đi đến, chúng tôi hỏi thăm đường, ông ta vui vẻ đưa chúng tôi về bản. Bản nghèo đang ăn ngô chờ mùa. Anh Minh lại ốm không đi được, chúng tôi muốn gửi cho dân bản nhưng anh cứ đòi đi cho được.

Nước vẫn ngập từng vùng, đi lại phải bơi lội. Dân bản nói phải đi đò theo suối nhỏ ra Sốp Viêng và chuẩn bị cho chúng tôi mỗi người một túi ngô luộc. Đêm ấy, chúng tôi đi thuyền độc mộc theo suối nhỏ, phải dỡ từng cây ngã ngang dọc theo suối mới lách thuyền lên được, ra đến Sốp Viêng và qua khỏi Sốp Viêng trời đã khuya, chúng tôi lên bờ.

Trời vẫn mưa, chúng tôi chạy qua đoạn đường này rồi rẽ vào một đường mòn đi tiếp. Chúng tôi đi mãi đến trưa thì tổ trinh sát dừng lại báo cáo là đường càng đi càng lạ, đi đã lâu mà không thấy cây săng lẻ gãy thân và hai đụn mối bên đường, càng đi càng không thấy hơi quen và thiếu an toàn.

Như thế là rõ rồi, chúng tôi đi nhầm đường. Khi đến chỗ nhiều đường rẽ, đúng ra chúng tôi đi theo đường mòn bên trái đi đến Đonme nhưng chúng tôi lại rẽ đi đường bên phải chếch hướng bắc đi Phắcbược, Phắcbược lại có đồn bốt địch đóng ở đó.

Chúng tôi định xuyên rừng ra đường Đonme nhưng lại sợ tốn sức và thời gian hơn nên quay lại đường cũ.

Đi vào đúng đường một lúc thì trời đã tối lại mưa lâm thâm, chúng tôi đi sâu vào rừng nhờ lá cây che ngủ tạm giữa rừng.

Hôm sau ra đến Nạm Cađinh, nước sông lên to, chúng tôi đi ven theo sườn núi, đu các cành cây mà qua những eo núi. Đến một nơi bằng phẳng thấy nhiều cây gỗ tấp vào, chúng tôi lại xếp gỗ, buộc thành bè rồi đẩy ra sông. Bè đi được một đoạn thì nước cuốn ra. Hoảng quá, anh em lại thả bè bơi vào, ướt như chuột lột, mặt người nào người nấy tái mét. Trương Văn Quý mặt bợt ra, râu ria tua tủa trông rất thương nhưng tôi lơ đi nhìn ra dòng nước sợ cảm giác thương hại lan ra.

Khoảng hai giờ chiều, trời mây vẫn u ám, mưa gió rít hoài, trong rừng sẩm tối. Chúng tôi lại lần lượt theo sườn núi mà đi, chốc chốc lại nhìn ra mặt sông hy vọng, mong ngóng một con thuyền, một bến nước của một bản ven sông. Trời càng về chiều mưa ướt càng ngấm lạnh, chúng tôi tìm chỗ nghỉ, làm tạm một mái che mưa, kiếm củi và đẽo thân cây từng miếng mỏng như lụa để nhóm lên một bếp lửa định ôm nhau ngủ cho quên bữa cơm tối.

Thoạt thấy một chiếc thuyền bơi ngược dòng bên kia sông. Chúng tôi kêu gọi, rung cây, leo lên cây lấy áo phất, vẫy. Một lúc sau chiếc thuyền quay ngang mũi rẽ về phía chúng tôi. Chúng tôi mừng rỡ ào ra cả bờ sông đón thuyền. Đây là người dân bản Phôn Xì, ông cho biết nơi đây chỉ cách bản vài cây số, từ bản đường nước ra sông Mê Kông (Pắc Ca Đinh) khoảng 20 cây số. Canô và lính các đồn gần đây mấy hôm nay nước to không đến bản. Chiếc thuyền chở chúng tôi lần lượt về bản. Trương Văn Quý bố trí canh gác và chuẩn bị vượt sông đêm hôm đó.

Tôi lên nhà sàn của một ông cụ, vừa chào hỏi xong đã ngồi bệt bên bếp lửa. Ông cụ cho thêm củi vào bếp rồi thổi lửa lên, đưa thuốc lá ra cho hút. Trong khi chờ cơm góp của bản, ông cụ đưa típ xôi ra cho ăn và tôi đã thiếp bên cạnh bếp lửa lúc nào không biết. Khi anh em đánh thức tôi dậy, báo là không qua sông nữa mà đi bằng thuyền thẳng ra Mê Kông, tôi nói: Trời tối, mưa to, sông rộng nước xiết đi thẳng là được rồi nhưng ai lái thuyền? Anh em đáp, dân bản đã cho người chèo thuyền rồi.

Nửa đêm, chúng tôi xuống thuyền. Hai người chèo thuyền đã chuẩn bị sẵn các ống tre múc nước trong khoang. Anh em biết lái ngồi gần người lái thuyền. Tôi dặn anh em một lần nữa là dù trong trường hợp nào cũng phải níu lấy thuyền.

Chiếc thuyền theo dòng nước lũ băng băng khi sát bờ tả, khi gần bờ hữu để tránh các đồn bốt ven sông. Mưa càng to, chúng tôi liền tay múc nước trong khoang đổ ra sông.

Thuyền vẫn đi trong đêm dài căng thẳng. Bỗng phía trước một vùng mờ sáng, anh em reo lên khe khẽ: Mê Kông! Mê Kông! thuyền ra khỏi cửa sông Ca Đinh trong đêm mờ mờ, một dải Mê Kông bát ngát không còn thấy đâu là bến là bờ, sóng cồn, nước xoáy, gió mưa ào ào, con thuyền như một lá tre trên biển cả mênh mông. Thuyền vững tay lái, lướt sóng, vượt luồng nước xoáy theo chiều nước sang ngang.

Mũi thuyền đã thúc vào bờ Thái Lan, chiếc thuyền giật lại đang chòng chành mà anh em chúng tôi với hai người dân chèo thuyền vẫn ôm nhau trong đêm tối giữa trời mưa lũ thênh thênh.

CHUYẾN ĐI LỊCH SỬ

(Trên đường về căn cứ phía đông, nhận lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hoàng thân Xuphanuvông đã gặp Người ở Việt Bắc năm 1950)

Nguyễn Tử Quý[1]

Đêm 18/11/1949, bầu trời Viêng Chăn mây đen trùm xuống như một chiếc vung mọng nước. Gió từ Thà Đừa thổi vào mạn thuyền của chúng tôi đang chèo ra giữa dòng.

Mực nước sông Mê Kông vào trung tuần tháng 11 đã xuống nhiều nhưng vẫn chảy khá mạnh và đục ngầu.

Trong khoang thuyền, chiếc đồng hồ Ômêga dạ quang trên tay tôi chỉ 24 giờ, đúng hẹn nửa đêm đón khách giữa dòng Mê Kông.

Một chiếc thuyền con rẽ nước cập nhẹ nhàng vào mạn thuyền của chúng tôi, khách sang thuyền, chiếc thuyền con lại lao đi in một vệt đen đậm trên dòng sông rồi hòa trong bóng tối.

Anh Trần Hoàn phụ trách bảo vệ khách suốt cả đoạn đường bộ và đường thủy này, trân trọng mời khách vào trong khoang thuyền, xem lại hành lý rồi cho thuyền xuôi.

---

[1] Cán bộ quân tình nguyện Việt Nam hoạt động tại Lào.

Trời mưa, sóng gió rì rào, trong khoang thuyền, dưới ánh đèn pin, anh Hoàn giới thiệu khách với mọi người. Các vị khách của chúng tôi từ trước đến nay hay lấy tên OA, OB, ĐA, ĐC... nhưng trong bốn vị khách lần này ai cũng biết có Hoàng thân Xuphanuvông và một người thanh nhã nói giọng Huế được giới thiệu là bác sĩ.

Trời khuya, gió lùa vào lành lạnh, khách hay trở mình và chúng tôi cũng thức với chiếc thuyền đang băng băng theo dòng nước.

Hai bên bờ, hai dãy đen mờ mờ như không thay đổi lùi dần về phía sau...

... Đêm nay, gặp lại Hoàng thân, tôi nhớ hồi cách mạng mùa thu năm 1945, chúng tôi trong Liên quân Lào - Việt đã chiến đấu bảo vệ chính quyền ở Thà Khẹc dưới sự chỉ huy của Hoàng thân và như mới ngày nào cũng ở bến Thà Đừa này, các vị lãnh đạo Viêng Chăn tiếp đón nồng hậu nhà yêu nước Xuphanuvông, khi người và các vị ra đón bước lên chiếc xe hơi có đội hộ tống vào Viêng Chăn, đông đảo nhân dân hai bên đường vẫy tay chào mừng nhiệt liệt...

Sáng ra, quanh câu chuyện thăm hỏi mừng vui, các khách và chúng tôi dùng bốn thứ tiếng Lào, Việt, Anh, Pháp nhưng khi trao đổi chúng tôi cũng không cần qua phiên dịch.

Ở trong thuyền khách đang đàm đạo, rồi lại mỗi người một tay cùng chúng tôi chuẩn bị bữa cơm. Bác sĩ lấy trong balô ra một chiếc bơm lọc nước, và cùng tôi múc nước ở

dưới sông lên, thay nhau bơm một lúc đã đầy hai chậu nước trong.

Bác sĩ khiêm tốn, cởi mở, nghe tôi nói giọng Huế tưởng tôi ở Huế mới lên, bác sĩ hỏi dồn dập về Huế. Xa Huế, ai mà không tương tư Huế! Bác sĩ có biết đâu những ngày xa Huế của tôi còn hơn bác sĩ. Được biết bác sĩ là Đặng Văn Ngữ ở Nhật tìm đường về với cụ Hồ, đem khả năng của mình cống hiến cho Tổ quốc, chúng tôi càng thêm yêu, thêm quý.

Chúng tôi đã vào địa điểm tập trung, cán bộ địa phương và chỉ huy tình nguyện quân khu vực chuẩn bị cho chuyến đi ngang qua nước Lào của đoàn chúng tôi. Địa phương cho thêm hai cán bộ cơ sở là anh Xiêngkình và anh Bunta, bên tình nguyện quân bổ sung thêm đồng chí Trương Đình Nghị - sĩ quan am hiểu trong khu vực và bố trí bảo đảm an toàn trên một đoạn đường đi.

Như thế đoàn bảo vệ chúng tôi vững vàng hơn, phía trước có Trương Văn Quý, phía sau có Trương Đình Nghị.

Chuẩn bị xong, với trách nhiệm trưởng đoàn bảo vệ, tôi nhắc lại tầm quan trọng của chuyến đi lịch sử này mà khi giao nhiệm vụ cấp trên cả Lào và Việt đã căn dặn, tin tưởng, ủy thác. Tiếp đó, tôi phổ biến kế hoạch hành quân bảo vệ và các dự kiến bất trắc có thể xảy ra, kiểm tra lại trang bị.

Tôi thường dùng khẩu cácbin báng gỗ lắp băng đạn mới tinh, một chiếc thắng lưng nhỏ đeo bốn băng đã nạp đạn, đầu

buộc chiếc khăn mùi xoa kẻ ô vuông màu xanh nước biển để giữ đầu tóc, mặc quân phục màu cỏ úa, chân đi đôi giày vải cao cổ màu xanh. Tất cả đồ dùng, gạo, nước đều xếp gọn vào balô.

Trương Văn Quý cũng dùng khẩu cácbin quen thuộc của mình chiếu xích để 200 m nhỏ nước muối vào cho cố định và nói không nhả đạn khi địch chưa vào cự ly chiếu xích.

Các đồng chí bảo vệ khác, tiểu liên, súng trường, lựu đạn, dao găm đầy đủ, sức khỏe tốt, quyết tâm cao.

Sắp đến giờ xuất phát thì không bắt được liên lạc với tiền trạm. Các đồn địch gần đó có sự chuyển quân tuần tiễu bất thường. Chúng tôi đang ở trong một địa thế bất lợi. Chúng tôi bổ sung thêm các phương án đối phó với địch. Phương án xấu nhất là chúng tôi buộc phải chiến đấu đến cùng để các đồng chí khác đưa khách ra khỏi vùng nguy hiểm. Một ngày căng thẳng đi qua, chúng tôi không ai chợp mắt được.

Đêm ấy chúng tôi vượt qua đường 13 đi sâu vào rừng và ngày hôm sau đi tiếp. Một thân cây vắt qua suối cạn sâu khoảng 3 m lởm chởm đá, tôi bước lên thân cây lâu ngày đã mục gẫy, bị ngã, nhờ ưỡn người cho balô đập vào đá nên chỉ lúc sau anh em đã chuyền tay kéo lên được.

Một vị khách với chiếc balô căng mà lúc đầu vẫn thấy nhẹ đối với mình, nay mới leo lên được một phần Phu Pec (tên một núi cao) đã mệt nhoài. Tôi đến vác hộ cả balô

nhưng khách vẫn đi rất chậm. Trong hành quân, chỉ huy chúng tôi không quen mang vác nhẹ hơn chiến sĩ nên tôi lên Phu Pec với hai balô.

Hoàng thân Xuphanuvông leo núi với chiếc gậy cứng chắc, càng leo cao Hoàng thân càng dựa nhiều vào chiếc gậy cầm tay.

Đôi giày da cũ, đế đã mòn, vài nơi rách mép, chân bị cọ xát, bước đi đau đớn nhưng Hoàng thân không nói với ai, vẫn cố gắng đi. Hoàng thân nhiều lúc muốn ngã về phía sau nhưng đều gượng được. Tôi đi sau, Hoàng thân quay lại nói vui với tôi: Giá như ở đây làm một dãy tay vịn thì hay quá!

Vượt núi đèo rồi lại vượt núi đèo, khách đi đường đã thấm mệt và đau chân, chúng tôi đưa khách vào rừng để nghỉ lấy sức.

Đi đường và những ngày nghỉ giữa rừng, anh em bảo vệ không những bảo đảm an toàn cho khách về mặt địch tình mà còn lo đến chỗ nằm, bữa ăn, từng thân cây to mà gió mưa có thể đổ vào nơi khách nghỉ... Khách và anh em chúng tôi ngày càng quen thân, trong khi vui câu chuyện có anh em đã để lộ đời tư với khách.

Nghỉ cả ngày rỗi rãi, hết chuyện trò, nghe máy thu thanh, khách lại mở balô ra sắp đi, xếp lại hành trang. Hoàng thân ngoài tư trang đơn giản ra, cả balô đầy tài liệu sách báo. Chúng tôi yêu cầu Hoàng thân chia ra để anh em mang cho đỡ nặng. Hoàng thân nhìn chúng tôi thân mật

bảo: "Tôi mang thế này cũng vừa sức thôi". Anh em bảo vệ đi tìm măng, nấm,... cải thiện cho bữa cơm thanh đạm mà ngon miệng. Hoàng thân lấy trong balô ra một lọ tương ớt (cheo mặc phếch) mời chúng tôi cùng ăn. Tôi xới bát cơm nóng, lấy đũa ém xuống cho đều rồi gắp một ít tương ớt gạt nhẹ đều trên mặt cơm, màu đỏ như gấc. Mùi ớt cay ngọt lẫn với mùi nước mắm bốc lên. Tôi và một miếng, tương ớt mịn, ngon thơm, nồng đượm lạ lùng, thật là một gia vị, một món ăn độc đáo, phổ biến trong bữa ăn hằng ngày của nhân dân vùng nhiệt đới này.

Bác sĩ Đặng Văn Ngữ cũng khám bệnh cho anh em, khi khám đến tôi bác sĩ chẩn đoán "bệnh Thái Lan", mọi người đều phá lên cười. Té ra, khi đi đường anh em đã nói chuyện với bác sĩ là tôi có người yêu ở Thái Lan.

Đi đêm, trời mưa không đèn, không đuốc, vài ánh đèn pin le lói qua những đoạn cheo leo hiểm trở, đoàn chúng tôi người sau bám vào người trước lặng lẽ vượt qua. Đến đoạn xuống dốc, đường trơn như mỡ, thỉnh thoảng nghe tiếng huỵch, huỵch của anh em ngã rồi cũng lồm cồm đứng dậy đi tiếp. Có tiếng hỏi khe khẽ, có ai việc gì không? và có tiếng đáp lại: Không! không việc gì, đồng thời, những tiếng cười khúc khích động viên cũng lan dài theo đội hình hành quân. Mỗi lần như thế tiếng các toán trưởng vẫn khô, đanh nhắc lại: Ngậm tăm mà bước! hạn chế dùng đèn pin!

Hết đi đêm rồi lại đi ngày, ai leo núi nhiều mới thấy thấm thía. Đứng trên đỉnh núi này trông bạt ngàn núi nọ rừng kia rồi bước chân chúng tôi cũng đã vượt qua. Ấy thế,

núi với mình son sắt thủy chung, mình thương núi và núi cũng thương mình.

Hôm sau, chúng tôi đi một ngày căng thẳng đến bản Sốp Huội thì tối mịt. Toán trưởng Trương Văn Quý vượt lên trên bản cảnh giới. Chúng tôi hội báo ngay. Theo kế hoạch đến Sốp Huội lấy thuyền sang sông rồi về đường Khăm Kợt vì Sốp Huội bên bờ bắc thuộc tỉnh Xiêng Khoảng gần đồn Tha Thôm và Sốp Viêng, bờ nam thuộc tỉnh Khăm Muộn, khu vực Khăm Cợt thuộc đất hoạt động của chúng tôi, an toàn hơn. Nhưng hiện nay để đỡ kéo dài hành trình vất vả cho khách, về đường Khăm Cợt thì xa nên kế hoạch được thay đổi:

- Toán canh gác phía trước được tăng cường, sẵn sàng chiến đấu.

- Chuẩn bị thuyền qua sông khi có động.

- Sáng đi thuyền sớm, ngược dòng theo đường khác ngắn hơn.

Khách lên nghỉ trên một nhà sàn rộng, chủ nhà kính cẩn đón tiếp. Bản tuy ở trong vùng địch, gần đồn bốt nhưng anh em Ítxala đã đi lại tuyên truyền nhiều lần, nhân dân vẫn hướng về cách mạng, nay thấy đoàn đến khác thường, mặc dầu không ai nói với ai nhưng đều biết có "cán bộ lớn" đến bản, không khí các gia đình vui vẻ hẳn lên.

Một chốc các cụ già trong bản đến, chủ nhà đưa ra một mâm lễ vật, đốt nến chúc mừng Hoàng thân và các vị cùng đi. Đáp lại Hoàng thân chúc mừng dân bản ăn ở tốt lành,

hết lòng đối với nền độc lập thực sự của đất nước, đọc lời chúc mừng sức khỏe và buộc chỉ cổ tay cho từng người.

Chúng tôi thì lo lắng, Hoàng thân thì vẫn bình tĩnh điềm đạm, lễ buộc chỉ tay xong lại hỏi thăm các cụ già trong bản. Khi các cụ đã ra về tôi mới lên báo cáo với Hoàng thân kế hoạch đi đường có thay đổi và được Hoàng thân đồng ý.

Mờ sáng, sương mù đang dày đặc, chúng tôi yêu cầu dân bản cho thuyền đi thẳng, không vào bản Na Đu thay thuyền vì bản này gần đồn địch, nhưng họ nói có tục lệ bản nay thay bản khác không đi thẳng được.

Toán đi trước vào bản Na Đu cảnh giới, chuẩn bị thuyền khách cập bến là đổi thuyền ngay, chờ cho thuyền khách khuất trong sương mù, hai chiếc thuyền khác mới lần lượt theo sau.

Chèo rồi chống ngược dòng, đến những đoạn đá chắn chúng tôi đẩy, kéo hoặc vác những chiếc thuyền độc mộc qua các mỏm đá rồi lại chống thuyền đi tiếp.

Đến bản Văn Ang chúng tôi nghỉ lại, chuẩn bị cho khách tiếp tục lội suối, trèo đèo. Trưa hôm đó, một con nai vàng xuống uống nước bên kia suối cách tầm súng của đồng chí bảo vệ không xa. Tôi vào báo cáo với Hoàng thân xin bắn con nai để cải thiện. Hoàng thân nói: "Đường đi chưa thật an toàn, không nên nổ súng".

Khi tôi ra bảo với anh em, con nai vẫn đứng đó. Một bảo vệ tiếc rẻ lấy đá ném, đá rơi, nước bắn lên vào nai, con

nai vàng ngơ ngác, bất chợt quay đầu phóng vào rừng, tiếng cành khô gẫy lắc cắc nghe xa dần rồi trả lại sự yên tĩnh cho núi rừng.

Cũng đoạn suối đó khi đi thì gầm thét làm chúng tôi vất vả biết mấy, nay về thì hiền hòa, chúng tôi lội qua lội lại, mát lạnh cả chân.

Chúng tôi leo qua một ngọn núi của dãy Trường Sơn thì về đất Việt Nam. Ra khỏi bản Na Hương chúng tôi lội theo suối. Một đoạn suối sâu, nước trong, chảy mạnh, anh em lội qua, bác sĩ Ngữ người nhẹ được hai bảo vệ đã đỡ qua suối dễ dàng. Hoàng thân lội bên cạnh tôi hẫng chân bị nước đẩy đi, người Hoàng thân như chạy dưới nước. Tôi phóng mạnh vòng chặn trước Hoàng thân, Hoàng thân ngã vào tôi, cùng lăn mấy vòng, vịn nhau vào chỗ nước cạn mới lội lên bờ được, chân Hoàng thân bị đập vào đá xây xát ít nhiều. Hoàng thân và tôi ướt sũng, chúng tôi lên ngồi trên bãi đá lấy đồ đạc ra phơi nắng, chỉ tiếc cái máy ảnh của Hoàng thân bị ngấm nước, mất bao kỷ niệm đã ghi trên đường.

Bây giờ thì ngày đi đêm nghỉ, một buổi trưa đoàn chúng tôi bước chân lên đường số 7, khách mừng quá, có người lấy tay xoa xoa lên mặt đường.

Chúng tôi đến Khe Choang, đi chiếc ôtô chở hành khách đã cũ kỹ, phủ đầy lá ngụy trang, tiếng máy và tiếng lắc lư của khung xe khiến cho khách bộ hành phải sớm nhường đường. Xe chạy trên đường đầy cỏ mọc, quanh

co, uốn khúc, khi lên sườn núi, khi xuống đồi tranh rồi đưa chúng tôi về đến chợ Dừa.

Vài hôm sau, một chiếc canô đặc biệt đón các vị khách xuôi dòng sông Lam về nhà khách của Phòng Biên chính Liên khu IV.

Vị khách quý của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi qua một chặng đường an toàn.

Đoàn chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ Hoàng thân về nơi quy định. Đó là nguồn khích lệ và là một vinh dự cho đơn vị làm nhiệm vụ quốc tế của chúng tôi.

Xin kính chúc Hoàng thân trên bước đường đi tiếp được bình an cùng với các vị lãnh đạo cách mạng Lào hoàn thành sứ mạng cao cả của mình.

TRÊN CHIẾN TRƯỜNG HẠ LÀO

Hạ Lào gồm ba tỉnh: Chămpaxăc, Xarávăn và Attăpư, chiếm khoảng 1/6 diện tích nước Lào. Địa hình phân làm ba vùng rõ rệt: vùng thấp, bằng phẳng, phần lớn nằm ở phía tây, gồm những đồng ruộng dọc các con sông lớn nhỏ, những cánh rừng thưa (gọi là khôộc) và các thị xã, thị trấn, chiếm khoảng 2/5 diện tích, là nơi cư trú chủ yếu của người Lào Lùm. Vùng núi, chủ yếu ở phía đông, giáp biên giới Việt Nam là triền phía tây của dãy Trường Sơn, chiếm khoảng 2/5 diện tích, là nơi cư trú của các bộ tộc Lào Thơng. Còn 1/5 diện tích là vùng cao nguyên, trong đó đáng chú ý là cao nguyên Bôlávên có vị trí quan trọng về quân sự ở Hạ Lào, nằm giữa và gồm một phần đất đai của ba tỉnh Chămpaxăc, Xarávăn và Attăpư. Đây là nơi cư trú chủ yếu của dân Lào Thơng. Ngoài ra còn có một số Lào Lùm ở các thị trấn và phụ cận.

Hạ Lào chỉ có hai nhóm dân cư là Lào Lùm và Lào Thơng, số lượng xấp xỉ ngang nhau trong tổng số dân độ 50 vạn người[1].

Nhóm Lào Lùm, gồm người Lào, các bộ tộc Phutthay và Xuồi. Người Xuồi thuộc hệ ngữ MônKhơme, nhưng đã xuống vùng thấp làm ruộng và đã Lào hoá. Kinh tế vùng này phát triển hơn. Người dân làm ruộng nước, theo đạo

---

[1] Theo ước tính trong thời kỳ 1945 - 1950, dân số Hạ Lào có 50 vạn người.

Phật. Người Phuthay và người Lào ở cao nguyên Bôlávên còn trồng cà phê, sa nhân để bán. Ở các thị xã, thị trấn, nghề buôn bán bắt đầu mở mang. Đạo Phật được thịnh hành, có nhiều chùa chiền và sư sãi trở thành một tầng lớp được nhân dân kính trọng. Chế độ lãnh chúa đã có thời hưng thịnh, như một tiểu vương quốc, thuộc dòng họ Ratxađanay, đương đại là Bun um Ná Chămpaxăc được thực dân Pháp o bế, nâng lên làm phó vương của nước Lào, có thời còn kiêm nhiệm cả chức Thủ tướng Chính phủ bù nhìn Lào. Chế độ "lam" áp dụng ở Hạ Lào cũng không kém hà khắc so với chế độ "cuông" ở Thượng Lào, nhất là ở vùng Chămpaxăc, quê hương của lãnh chúa Bun Ùm[1].

Nhóm Lào Thơng, gồm nhiều bộ tộc, thuộc ngữ hệ Môn Khơme, là lớp cư dân lâu đời nhất ở Lào, đông nhất là các bộ tộc Lá Vên, La Ve, Ồi, Alăc, T'riêng, T'riêu, Kh'xéng. Nhiều bộ tộc, khi dân số phát triển đã tách ra đến vùng đất khác và lấy tên mới theo tên sông, suối nơi đến, phong tục tập quán và tiếng nói cũng có ít nhiều thay đổi để thích nghi với nơi mới đến. Trình độ kinh tế, văn hoá của người dân nơi đây còn yếu kém, chủ yếu lấy việc đốn rừng làm rẫy là nguồn sinh sống và còn nhiều phong tục lạc hậu. Ở vùng núi cao, trước đây vì tranh giành đất đai và nhiều

---

[1] Chế độ "cuông", "lam" là chế độ bóc lột tiền phong kiến, bằng các hình thức biếu xén, cống nạp và lao dịch. "Chậu cuông", "chậu lam" là chủ cuông, lam, tự cho mình quyền làm chủ tất cả: ruộng nương, sông suối, núi rừng và con người. Ai sản xuất, săn bắt, hái lượm được gì đều phải cống nạp cho chủ một phần và phải lao dịch phục vụ họ từ việc làm ruộng, vận tải hàng đến phục dịch vợ con của chủ tại nhà.

nguyên nhân khác, nên các bộ tộc có sự chia rẽ hiềm khích, thậm chí, ở nhiều vùng còn có tệ "giặc mùa"[1], chém giết lẫn nhau rất căng thẳng.

Cũng như các nơi khác trên đất Lào, mối quan hệ giữa người Lào Lùm và Lào Thơng là quan hệ giữa người đa số và thiểu số, người đến cư trú trước và sau. Lào Lùm thường khinh miệt, chèn ép Lào Thơng. Ở Hạ Lào, mối quan hệ đó càng nặng nề hơn, sau khi thực dân Pháp, với dã tâm chia để trị, đã lợi dụng tay sai người Lào Lùm (bọn lãnh chúa phong kiến Chămpaxăc) giết hại các thủ lĩnh phong trào chống Pháp của các bộ tộc Lào Thơng là ông Kẹo và ông Commađăm[2].

Về tình hình địch, mùa thu năm 1945, sau khi quân Nhật đầu hàng Đồng minh, thực dân Pháp đã nhanh chóng quay lại, từng bước thiết lập sự kiểm soát các tỉnh ở Hạ Lào. Bằng các nhóm tàn quân ở vùng rừng núi, được bọn Bun Ùm che chở và tiếp tế, cùng với bộ phận đi theo quân Anh vào giải giáp quân Nhật, chúng lần lượt chiếm lại thị xã Xarávăn (07/9/1945), Pạcxê (14/9/1945) và thị trấn Hạtxaikhun (15/9/1945). Sau khi có quân tăng viện, chúng đã triển khai chiếm đóng thị trấn Pạcxoong (trên cao nguyên Bôlávên)

[1] Giặc mùa là tệ chém giết lẫn nhau giữa các bộ tộc, các làng có thù oán nhau, thường xảy ra sau mùa thu hoạch lúa nương. Sau vụ thu hoạch, các già làng tập hợp trai tráng trong làng kéo nhau đến làng có thù hiềm để hỏi "nợ", chém giết nhau.

[2] Cuộc nổi dậy chống thực dân Pháp của các bộ tộc thiểu số ở Hạ Lào do các ông Kẹo và Cômmađăm đề xướng, tiến hành từ năm 1901 đến năm 1936. Khi ông Cômmađăm bị giết, con trai ông là Xithôn Cômmađăm bị bắt và cầm tù thì cuộc nổi dậy mới kết thúc.

và thị xã Attăpư trong tháng 10 năm 1945. Với quân chiếm đóng lại các tỉnh Hạ Lào, chúng đã ngăn chặn được cuộc nổi dậy giành chính quyền của nhân dân các tỉnh được đông đảo Việt kiều cư trú ở địa phương đồng tình và ủng hộ, và đã lập lại hệ thống bù nhìn ở đây trước cuối năm 1945.

Năm 1946, sau khi chuyển lực lượng về các vùng nông thôn và lập được các khu kháng chiến ở Thượng Lào và Trung Lào, Chính phủ Lào đã đưa một đơn vị Liên quân Lào - Việt, do ông Xỉthôn Cômmađăm chỉ huy, cùng với lực lượng địa phương, về hoạt động ở vùng biên giới Chămpaxăc, giáp Thái Lan. Một bộ phận đã thâm nhập đến vùng cao nguyên Bôlávên, nhưng vì thiếu phương thức thích hợp, nên bị đẩy lùi ra biên giới trong khi tình hình chính trị ở Thái Lan thay đổi không thuận lợi, vì vậy việc xây dựng khu kháng chiến Hạ Lào tạm thời bị đình chỉ.

Vào những năm 1947 - 1948, lực lượng địch ở Hạ Lào có khoảng vài ngàn tên, trong cơ cấu tổ chức của một phân khu, thuộc khu Trung - Hạ Lào, bản doanh đóng tại Xênô, trên đường phố 9, cách thị xã Savannakhẹt 30 km về phía đông, có nhiệm vụ bảo đảm sự kiểm soát của quân Pháp ở nửa phần phía nam nước Lào và sự an toàn trên các con đường vận chuyển từ Việt Nam lên, gồm đường số 9 và số 13.

Phân khu Hạ Lào đóng sở chỉ huy ở Pạcxê, thủ phủ tỉnh Chămpaxăc, đồng thời là trung tâm chính trị, quân sự của địch ở Hạ Lào. Có bốn tiểu khu là tiểu khu Pạcxoong, kiểm

soát cao nguyên Bôlávên, lực lượng chính đóng tại thị trấn Pạcxoong và có hai vị trí lẻ đóng ở Thàteng và Huộicoòng. Tiểu khu Xarávăn, lực lượng chính đóng tại thị xã Xarávăn, hai vị trí đóng ở Lầungam và Khôngxêđôn và một tiền đồn ở Chàvằn, cách phía đông sông Xêcôông khoảng hai ngày đường bộ. Tiểu khu Attăpư kiểm soát toàn tỉnh, nhưng chỉ có quân đóng ở thị xã Mườngmày (Attăpư). Các lực lượng đóng trên đường 13 phía nam Pạcxê và các mương Phônthong, Paxắc, Mương Mun, Phiaphay và Mương Khôổng thuộc tiểu khu Chămpaxăc do Phân khu trực tiếp chỉ huy.

Quân ít, nhưng địch có lợi thế là nắm được tập đoàn Bun Ùm đầy quyền lực, nên đã khai thác được sức người, sức của trong toàn vùng, lập được bộ máy ngụy quân, ngụy quyền, nên giữ được Hạ Lào làm hậu phương an toàn, đầu cầu tiếp vận cho toàn chiến trường Lào.

*

* *

Việc phối hợp, giúp đỡ phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp ở Hạ Lào từ tháng 8/1948 đến giữa năm 1954 trải qua hai thời kỳ:

Thời kỳ đầu, từ tháng 8/1948 đến cuối năm 1950, chia làm hai bước. Bước đầu (từ tháng 8/1948 đến cuối năm 1949) là bước khảo sát chiến trường, tìm địa bàn hoạt động thích hợp và bước hai là tiến sâu vào sau lưng địch, tỏa lực lượng ra các hướng, chiếm lĩnh địa bàn hoạt động trên cả ba tỉnh Hạ Lào (từ cuối năm 1949 đến cuối năm 1950).

Thời kỳ thứ hai, từ đầu năm 1951 đến giữa năm 1954, là thời kỳ xây dựng và từng bước mở rộng cơ sở chính trị, vũ trang; xây dựng, củng cố căn cứ địa và các khu căn cứ du kích; làm thất bại âm mưu bình định của địch trong những năm 1951 - 1953 và tiến công tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, phối hợp tác chiến với các chiến trường khác ở Lào, Campuchia và Việt Nam.

Cuối năm 1946, Chính phủ Pháp vội vàng tuyên bố (ở Paris) hoàn thành chiếm đóng lại nước Lào lần thứ hai[1]. Nhưng trên thực tế, lực lượng kháng chiến, nòng cốt là các đơn vị liên quân Lào - Việt[2], sau khi rút khỏi thủ đô Viêng Chăn đã chuyển về các vùng nông thôn, phát động nhân dân xây dựng cơ sở chính trị và vũ trang, thành lập các khu kháng chiến ở Thượng Lào và Trung Lào, tìm cách xây dựng khu kháng chiến ở Hạ Lào.

---

(1) Sau khi chiếm đóng xong thị xã Thà Khẹc ngày 21/3/1946, quân Pháp đã chiếm đóng thủ đô Viêng Chăn ngày 21/4/1946, sau đó tiến lên chiếm đóng lại thị trấn cuối cùng là Huộixai (ở Bắc Lào) ngày 22/9/1946, hoàn thành cuộc hành quân chiếm đóng lại nước Lào lần thứ hai. Ngày 27/3/1947, cao ủy Pháp ở Lào đã ký với vua Xỉxávàngvông tạm ước Pháp - Lào, thừa nhận nền tự trị của Vương quốc Lào. Trong văn bản còn ghi, Pháp có quyền di chuyển và đóng quân trên đất Lào và quân liên hiệp Pháp (bao gồm cả thành phần ngụy quân Lào) đặt dưới quyền chỉ huy của Tư lệnh Pháp ở Lào.

(2) Liên quân Lào - Việt gồm các đơn vị bộ đội Ítxala và các đơn vị vũ trang người Việt sinh sống ở Lào, Thái Lan, được tổ chức theo Hiệp ước tương trợ Việt Nam - Lào ký tại Viêng Chăn giữa Hoàng thân Xuphanuvông, thay mặt Chính phủ Lào độc lập và đồng chí Trần Đức Vịnh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sau khi gặp khó khăn ở vùng biên giới Chămpaxăc, đầu năm 1948, Chính phủ Lào đã chính thức đề nghị Chính phủ ta giúp đỡ. Tháng 7/1948, Chính phủ Lào đã đưa một đơn vị liên quân Lào - Việt sang Liên khu V, mang theo thư của Hoàng thân Xuphanuvông[1] yêu cầu ta giúp đỡ để thành lập khu kháng chiến Hạ Lào.

Yêu cầu đó đặt ra đúng lúc Trung ương Đảng ta có chỉ thị cho Đảng bộ miền Nam Trung Bộ về việc giúp đỡ cách mạng hai nước anh em. Từ đầu năm 1948, đồng chí Phạm Văn Đồng lúc đó là đại diện Trung ương và Chính phủ ở miền Nam, đã giao nhiệm vụ cho Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng và Trung đoàn 93 đưa đội vũ trang sang khảo sát tình hình vùng biên giới với tỉnh Hạ Lào, giáp với Quảng Nam - Đà Nẵng. Đội công tác do đồng chí Hoàng Tăng[2] chỉ huy. Đầu tháng 7/1948, đội đã đón được một đơn vị của bạn về vùng tự do Liên khu V. Đội liên quân Lào - Việt, gồm một trung đội người Lào do ông Xởm Manôviêng chỉ huy và một trung đội người Việt Nam sống ở Lào do Đại ủy Việt kiều tổ chức và giao cho đồng chí Đinh Văn Toàn phụ trách đi theo giúp đỡ bạn.

Sau khi hiệp ý với Bộ Tư lệnh Khu V, ngày 10/7/1948, đồng chí Phạm Văn Đồng, lúc đó là đại diện của Trung ương và Chính phủ ở miền Nam, đã ký các quyết định thành lập Khu đặc biệt và cử đồng chí Trần Công Khanh

---

[1] Lúc đó là Bộ trưởng Ngoại giao kiêm Bộ trưởng Quốc phòng của Chính phủ Lào độc lập.

[2] Hoàng Tăng là cán bộ Nam tiến, công tác tại Trung đoàn 93, cấp bậc là cán bộ đại đội.

làm Khu trưởng, Nguyễn Chính Cầu làm Chính ủy Khu để thực hiện nhiệm vụ phối hợp giúp đỡ bạn.

Đồng chí Nguyễn Chính Cầu đang là Trưởng phòng chính trị Bộ Tư lệnh Khu V, đã tổ chức đón tiếp bạn và chuẩn bị lực lượng, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ công tác mới được giao. Lực lượng Khu V đi giúp bạn lần này gồm một đại đội, quân số tuyển chọn trong số cán bộ, nhân viên công tác của Phòng Chính trị là chủ yếu, cộng với một số cán bộ công tác của Phòng Tham mưu và Phòng Quân nhu (Hậu cần). Ngoài ra, còn một tiểu đội người Việt do đồng chí Thu Sơn và Nông Chí Thành chỉ huy, và 19 cán bộ chính trị, đang học bổ túc văn hoá tại trường Trung học Bình dân miền Nam Trung Bộ cũng được điều động đi để làm công tác dân vận.

Sau một tháng chuẩn bị về vật chất và tinh thần, ngày 19/8/1948 các lực lượng bạn và ta làm lễ xuất quân từ làng Đê An (Nghĩa Hành, Quảng Ngãi) đi Tà Ngô, vùng bộ tộc Cà Tu, ở phía tây huyện Bến Giằng (Quảng Nam - Đà Nẵng), là nơi đã được đội công tác Hoàng Tăng chuẩn bị làm chỗ đứng chân. Dự buổi lễ, đồng chí Phạm Văn Đồng đã dặn dò: "... Chỉ có vận động nhân dân Lào kháng chiến thì ta mới có thể đánh giặc Pháp" và chúc anh chị em lên đường "chân cứng đá mềm, hoàn thành nhiệm vụ".

Từ bàn đạp Tà Ngô, sau một ngày đứng chân, lực lượng bạn và ta chia thành ba bộ phận tiến sang đất Lào, trên ba hướng: tây, tây bắc và tây nam. Mỗi bộ phận gồm một tiểu đội Lào, hai tiểu đội Việt và một tổ công tác dân

vận, có nhiệm vụ khảo sát địa thế, dân cư, nghe ngóng địch tình ở trong vùng và gây cơ sở để hoạt động lâu dài.

Ưu điểm chung của các lực lượng bạn và ta là đều có tinh thần tích cực, hăng say công tác và đều có quyết tâm cao, nhưng nhược điểm là chưa biết tiếng địa phương, chưa biết làm công tác dân vận, thậm chí nhiều người chưa thấy đó là cần thiết và nhiều anh em chưa qua chiến đấu, thậm chí chưa biết sử dụng cả số vũ khí có trong tay. Ngoài ra, giữa bạn và ta ít người biết tiếng của nhau, do đó chưa hòa nhập được trong công tác, thậm chí nhiều người chưa thích sống gần nhau.

Sau sáu, bảy tháng hoạt động, những đặc điểm và khó khăn trong hoạt động ở vùng biên giới phía đông của hai tỉnh Xarávăn và Attăpư ngày càng được nhận rõ. Trong phạm vi 4 - 5 ngày đường bộ ngang dọc, có khoảng 50 bản với khoảng 5.000 dân, gồm nhiều bộ tộc, ngôn ngữ và phong tục tập quán khác nhau. Địch có hai vị trí nhỏ: Chàvằn là tiền tiêu của địch ở Xarávăn và Đắcpung là tiền tiêu của chúng ở Kon Tum (Tây Nguyên). Quân số địch mỗi nơi vài chục tên và chỉ tuần tra chung quanh nơi đóng quân, nhưng cũng nắm được sự có mặt của quân ta trong vùng, nhờ đã lập được hệ thống tề ở các địa phương. Trong thời gian ta hoạt động ở đây, quân địch đã tiến hành hai cuộc hành quân từ Attăpư và Xarávăn đến tận biên giới Lào - Việt, gây cho ta một số tổn thất.

Hơn nửa năm hoạt động, bạn và ta chỉ mới làm quen được một số ít bản, dân chưa hiểu vì sao ta có mặt ở đây,

nên còn tránh né tiếp xúc với ta, mặc dù ta đã có sáng kiến đâm trâu ăn thề và trao tặng nhiều muối, nông cụ cho bà con[1]. Cán bộ chiến sĩ bạn có lúc bi quan, không muốn kéo dài hoạt động ở vùng này. Cán bộ chiến sĩ ta cũng mất dần sự hào hứng ban đầu, nhiều người xin đi chiến đấu ở các chiến trường khác trong nước.

Tháng 02/1949, Chính phủ Lào lại gửi tiếp một lực lượng tương đương với số trước, nhưng có hai cán bộ cấp cao dẫn đầu là ông Khăm Tày Xiphănđon, được giới thiệu là đại diện Chính phủ và ông Xỉthôn Cômmađăm là khu trưởng, mang theo công hàm của Hoàng thân Xuphanuvông chính thức đề nghị ta giúp đỡ để lập khu kháng chiến Hạ Lào. Trong công hàm cũng giới thiệu ông Xởm Manôviêng, người đưa lực lượng sang lần trước, là Chủ tịch Ủy ban chính quyền khu. Cùng sang với đơn vị bạn có một trung đội Việt kiều do đồng chí Nguyễn Đình Hin phụ trách.

Đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Nguyễn Thế Lâm, quyền Tư lệnh Liên khu V[2] đi cùng đã làm việc với bạn và đi đến những thỏa thuận như sau:

---

[1] Hội đâm trâu ăn thề tổ chức tại làng A Ró thuộc vùng Tà Ngô, Bến Giằng. Trong hội, mọi người giết trâu lấy huyết hòa với rượu, mỗi người uống một ngụm rồi thề cùng nhau đoàn kết, giúp đỡ bộ đội đánh Pháp giữ làng. Sau buổi liên hoan, ta tặng các già làng, trưởng tộc và dân các bản đến dự một số muối và nông cụ. Từ đó dân không cắm lá cấm làng nữa, tạo điều kiện cho bộ đội có cơ hội tiếp xúc với dân.

[2] Khu V được cải tổ thành Liên khu V từ đầu năm 1949.

Bạn thành lập khu Hạ Lào. Ta giải thể Khu đặc biệt và lập ra phái đoàn Ủy ban Kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ[1] bên cạnh các cơ quan của bạn. Bạn và ta lập Ban Chỉ huy quân sự hỗn hợp[2] để chỉ huy chung các lực lượng của bạn và ta, nhưng vẫn duy trì tổ chức, quản lý riêng lực lượng mỗi bên.

Thích ứng với sự thay đổi trên, Liên khu V chỉ định Ban Cán sự Hạ Lào[3] và Bộ Tư lệnh Liên khu V cũng chỉ định Ban Chỉ huy bộ đội Việt Nam[4] để lãnh đạo, chỉ đạo công tác giúp bạn. Sự thay đổi trên đã bước đầu làm cho mối quan hệ phối hợp, giúp đỡ giữa ta và bạn được hợp lý hơn.

Đồng chí Đoàn Huyên[5] mới được điều sang thay thế đồng chí Trần Công Khanh, sau khi nghiên cứu địa bàn hoạt động của các bộ phận ở phía đông hai tỉnh Xarávăn và

---

[1] Phái đoàn gồm đồng chí Nguyễn Chính Cầu làm đoàn trưởng và các đồng chí Đoàn Huyên phụ trách quân sự, đồng chí Đoàn Kim phụ trách chính quyền.

[2] Ban Chỉ huy quân sự hỗn hợp gồm có ông Xỉthôn Cômmađăm làm chỉ huy trưởng và đồng chí Đoàn Huyên, chỉ huy các lực lượng của ta, làm chỉ huy phó.

[3] Ban Cán sự gồm đồng chí Nguyễn Chính Cầu làm Bí thư và các ủy viên là Đoàn Huyên, Đoàn Kim, Nguyễn Đình Hin. Về sau đồng chí Nguyễn Chân đã thay thế đồng chí Đoàn Kim.

[4] Ban Chỉ huy bộ đội Việt Nam do đồng chí Đoàn Huyên làm Chỉ huy trưởng và Nguyễn Chính Cầu làm chính ủy.

[5] Đồng chí Đoàn Huyên, nguyên là Liên Trung đoàn phó Liên Trung đoàn 80-83 ở Mặt trận Khánh Hòa, được để bạt và điều động lên thay đồng chí Trần Công Khanh, làm chỉ huy trưởng bộ đội ta ở Hạ Lào.

Attăpư và tình hình địch ở trong vùng, đã thống nhất đánh giá các đặc điểm của chiến trường và cũng chia sẻ mối băn khoăn của các thành viên khác trong Ban Cán sự là khó có thể xây dựng được căn cứ và phát triển được lực lượng để đẩy mạnh cuộc kháng chiến ở cả ba tỉnh Hạ Lào đi kịp với tình hình chung, nếu cứ tiếp tục hoạt động trên vùng biên giới như vậy.

Cuối tháng 4/1949, Ban Cán sự Hạ Lào tổ chức Hội nghị sơ kết công tác mở rộng cho cán bộ phụ trách các vùng và các bộ môn giúp việc của Khu dự, đã đi đến kết luận quan trọng là phải tiến sâu vào các vùng sau lưng địch, chuyển trọng điểm hoạt động vào các vùng đông dân cư ở phía tây sông Xêcôông, để có điều kiện phát triển lực lượng, mở rộng và đẩy mạnh kháng chiến trên cả ba tỉnh Hạ Lào, giành thế chủ động, buộc địch phải bị động đối phó, tránh nguy cơ bị địch chặn lại ở các vùng biên giới.

Kết luận của Hội nghị được báo cáo lên Bộ Tư lệnh Liên khu V, Thường vụ Liên khu ủy và đều được các cơ quan trên nhất trí. Sau khi xem xét kỹ về tình hình các vùng sẽ di chuyển tới, theo ý kiến của bạn và ta, các phương án đối phó khi gặp trắc trở, Bộ Tư lệnh Liên khu V quyết định tăng cường cho Hạ Lào hai đại đội[1], trong đó có Đại đội 200 là đơn vị đã có kinh nghiêm hoạt động ở vùng địch hậu Khánh Hòa, cùng một số cán bộ nghiệp vụ các ngành tham mưu, hậu cần và một số cán bộ chính trị ở trường Trung học bình dân miền Nam Trung Bộ. Ngoài ra, đồng chí Nguyễn

[1] Đại đội 200 do đồng chí Lê Cứ làm đại đội trưởng. Đại đội 44 do đồng chí Võ Liễn làm đại đội trưởng và Võ Nhị làm chính trị viên.

Chánh, Tư lệnh kiêm Chính ủy Bộ Tư lệnh Liên khu lại chỉ thị đưa đơn vị lên từ đầu (Khu đặc biệt) tạm lui về củng cố nghỉ ngơi bồi dưỡng thêm, đồng thời tránh mùa mưa lũ ở rừng núi, trước khi tiến quân vào vùng sau lưng địch.

Từ tháng 5 đến tháng 9/1949, ta tập trung đại bộ phận lực lượng về vùng tự do Quảng Nam - Đà Nẵng (vùng Tam Dân, huyện Tam Kỳ) và tiến hành một đợt chỉnh huấn quân sự, chính trị, chỉ để lại một đơn vị vũ trang tuyên truyền[1] bám chiến trường, theo dõi địch tình và chuẩn bị cơ sở dọc hành lang tiến quân.

Nội dung chỉnh huấn quân sự là rèn luyện kỹ thuật, chiến thuật từ cá nhân đến tiểu đội, trung đội và đại đội chiến đấu, chú trọng đến các hình thức đánh phục kích, tập kích, cường tập, đánh giao thông, tao ngộ chiến và học tập kinh nghiệm chiến đấu ở các chiến trường Liên khu đã được tổng kết qua Hội nghị quân sự toàn Liên khu năm 1949. Về chính trị, tập trung bồi dưỡng, nâng cao lòng yêu nước, tinh thần quốc tế vô sản, quán triệt nhiệm vụ giúp cách mạng Lào theo lời dạy của Bác Hồ "giúp bạn là tự giúp mình". Cán bộ chiến sĩ đều được giới thiệu về phong tục, tập quán của bạn, học tiếng và chữ Lào. Cán bộ dân vận thì học các bước vận động quần chúng. Cán bộ phụ trách các đơn vị thì nghiên cứu kỹ phương thức hoạt động ở chiến trường địch hậu, theo kinh nghiệm của vùng địch hậu Đông Bắc. Ban Cán sự và cán bộ phụ trách công tác dân vận thảo luận về hình thức tập hợp quần chúng và vấn

[1] Đội vũ trang tuyên truyền do đồng chí Trần Trọng Khâm chỉ huy dưới sự chỉ đạo của hai cán bộ tiểu đoàn là Lê Kích và Nguyễn Văn Thăng.

để tổ chức Đảng ở Lào theo gợi ý của đồng chí Nguyễn Côn, Ủy viên Thường vụ Liên khu, trong dịp đồng chí đến thăm bộ đội ngày 25/5/1949.

Cùng với việc tập trung chỉnh huấn ngành hậu cần, do đồng chí Nguyễn Tấn Tồn phụ trách, đã tăng cường xây dựng, củng cố cơ quan, lập đội vận tải, xây dựng hệ thống kho trạm, thực hiện kế hoạch bổ sung, trang cấp cho bộ đội bạn và ta, vận chuyển, bố trí một khối lượng quân nhu, vật dụng, đủ cấp phát cho bộ đội trên đường hành quân và khi tiến quân vào vùng sau lưng địch. Mặc dù cơ quan hậu cần mới được thành lập, biên chế còn mỏng, phương tiện vận tải còn hết sức thô sơ, thiếu thốn, đang trong mùa mưa lũ ở Trường Sơn, nhưng các kế hoạch trang cấp cho bộ đội đều đạt kết quả tốt. Đây thật sự là một cố gắng lớn.

Trong thời gian ta lui quân về nghỉ ngơi bồi dưỡng, địch tăng quân số, điều chỉnh lực lượng, bố trí một hệ thống đồn bốt dọc sông Xêcôông và đường số 16[(1)], từ bắc thị xã Attăpư đến nam Xarávăn, thành một hàng rào, hòng ngăn chặn ta tiến sang phía tây sông Xêcôông. Nhưng ta vẫn giữ vững quyết tâm và thực hiện kế hoạch tiến quân theo hai hướng: Hướng chính, gồm toàn bộ lực lượng của bạn và phần lớn quân ta là Đại đội 200, Đại đội 44, hai đội vũ trang tuyên truyền, các tổ cán bộ dân vận cùng bộ phận giúp việc của bạn và ta, đêm 24/10/1949 đã vượt sông ở phía bắc thị xã Attăpư. Mặc dù có đụng độ với các cánh quân tuần tiễu của địch ở hai phía đông và tây thị

[(1)] Đường số 16 là đường tỉnh lộ nối thị xã Attăpư với thị trấn Thàteng.

xã[1], nhưng quân ta đều đã đến vị trí tập kết ở khu vực Bản Chêng và bản Inthi, cách thị xã Attăpư khoảng 15 km về phía tây nam, an toàn, không rơi rớt một người nào, còn gây cho địch một số tổn thất. Ngày hôm sau, ta tiến thêm 15 km về phía tây và dừng chân ở bờ sông Xêpiên ngày 25/10/1949, ở khu vực bản Mày, Hỉn Lạt, nằm giữa hai tỉnh Attăpư và Chămpaxăc, là nơi có vị trí cơ động, có đường thông thương sang phía tây (đường 13 và tỉnh Chămpaxăc), lên phía bắc (cao nguyên Bôlávên), tiến xuôi theo sông Xêpiên đến vùng giáp giới tỉnh Stungtreng (đất Campuchia) về phía nam và lấy đó làm nơi dừng chân trước mắt.

Hướng thứ hai, một đội vũ trang tuyên truyền của ta do đồng chí Trần Trọng Khâm chỉ huy, cùng hai cán bộ bạn[2] và một tổ cán bộ dân vận do đồng chí Đặng Khế phụ trách, làm nhiệm vụ xung phong, vượt sông ở điểm cách chỗ vượt của hướng chính khoảng hai ngày đường về phía thượng nguồn sông Xêcôông, vào vùng bốn bản Kó, cách thị xã Thàteng khoảng 20 km về phía đông bắc, an toàn, mặc dù có đụng độ với toán quân tuần tiễu của địch.

Như vậy, từ hạ tuần tháng 10/1949, ta đã chuyển sang bước hai: Triển khai lực lượng ở các vùng sau lưng địch

---

[1] Đại đội 44 gặp tuần tiễu của địch ở bản Tụi, phía đông thị xã Attăpư nhưng không có tử vong, Đại đội 200 gặp đội tuần tiễu của địch ở phía tây thị xã, gây cho địch một số thiệt hại nhỏ, ta vô sự.

[2] Cán bộ bạn là đồng chí Chăm Niên (về sau được phong quân hàm thiếu tướng trong quân đội Lào) và đồng chí Vải là cán bộ tiểu đội, về sau vào hoạt động ở vùng Lầu Ngam và hy sinh tại đó.

một cách nhanh chóng và đúng ý định, buộc địch phải rút quân về bảo vệ các thị xã Attăpư và Xarávăn cùng thị trấn Thàteng, là cửa ngõ phía đông bắc của cao nguyên chiến lược Bôlávên.

Tại khu vực bản Mày, Hỉn Lạt trên sông Xêpiên, sau vài ngày nghỉ ngơi và nghe ngóng tình hình, bạn và ta bắt đầu triển khai lực lượng vào các vùng hoạt động mới:

- Vùng thứ nhất: Toàn bộ lực lượng bạn và bộ phận mạnh nhất của quân tình nguyện tiến sang phía tây, hoạt động xây dựng cơ sở ở vùng đầm Phạ Phô - khu vực trù phú nhất ở phía đông đường 13 và thị trấn Phiaphay, tạo thành bàn đạp để vượt sông Mê Kông, tiến vào tỉnh Chămpaxăc, nơi đông dân nhất của Hạ Lào, đồng thời tạo thế đánh địch trên đường 13, là cổ họng đường tiếp tế của địch cho toàn chiến trường Lào. Nhờ số đông cán bộ, chiến sĩ bạn là người địa phương, do Thao Bun Phômmahảxây chỉ huy, ta nhanh chóng gây dựng được cơ sở ở các bản trong vùng, lập bàn đạp ở khu đông dân cư và có địa thế kín đáo này. Bị bất ngờ, quân địch ở Phiaphay hoang mang tháo chạy vào Pạcxê, bỏ trống cả vùng dọc đường 13 và tả ngạn sông Mê Kông. Được dịp tốt, bạn và ta đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền vào sát thị xã Pạcxê, gây ảnh hưởng chính trị rộng trong toàn tỉnh Chămpaxăc. Lúc này, Bộ Tư lệnh Liên khu điều động Đại đội 4[1] sang tăng cường, ta bố

[1] Được tin Hạ Lào tiến được vào vùng sau lưng địch và đã có mặt trận bờ sông Mê Kông, Bộ Tư lệnh Liên khu cấp tốc điều Đại đội 4 sang tăng cường, do đồng chí Đoàn Bình làm đại đội trưởng và đồng chí Lê Khanh làm chính trị viên. Đồng chí này sau được điều động lên phụ trách đội vũ trang tuyên truyền vùng Nhahởn và hy sinh tại đó.

trí đại đội này mở rộng hoạt động sang cả hữu ngạn sông Mê Kông, làm cho địch càng lúng túng thêm.

- Vùng thứ hai là cao nguyên Bôlávên. Ta đưa hai đội vũ trang tuyên truyền vào phía nam các thị trấn Pạcxoong và Huộicoòng, nhằm phối hợp với cánh quân đã triển khai vào phía bắc, giành quyền kiểm soát cao nguyên này, vốn là cái nôi của phong trào kháng Pháp của các bộ tộc Hạ Lào trước đây. Các đội vũ trang tuyên truyền đều mang theo thư và ảnh của khu trưởng Xỉthôn Cômmađăm, nên được nhân dân các bộ tộc ở đây đón tiếp nhiệt tình và giúp đỡ trong công tác. Đội ở nam Pạcxoong nhanh chóng lập được chỗ dừng chân và phát triển rộng vào phụ cận thị trấn. Đội ở nam Huộicoòng, do chưa lôi kéo được tù trưởng Nhahởn là Naicoongnủn, nên địch đã kịp thời nắm tên này, khống chế dân, kéo dân chống lại ta, gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất và khó khăn trong một thời gian dài.

- Vùng thứ ba là tây nam Attăpư. Xét về điều kiện địa lý, dân cư và địch tình, ta thấy có khả năng giữ và xây dựng vùng này thành căn cứ địa. Bạn và ta nhanh chóng sắp xếp lực lượng và bố trí kế hoạch bao vây địch trong thị xã Attăpư, đồng thời ra sức phát động nhân dân, xây dựng cơ sở ở cả hai đơn vị cảnh vệ của khu, do ông Thả Von chỉ huy và lực lượng ta là bộ phận còn lại của Đại đội 44[1]. Cuộc phát động quần chúng triển khai đồng thời ở cả

---

[1] Đại đội 44: Một trong các đội đi làm công tác vũ trang tuyên truyền ở vùng đầm Phạ Phô, còn hai trung đội phụ trách vùng tây nam Attăpư, do các đồng chí Võ Liễn và Võ Nhị chỉ huy.

vùng dọc bờ sông Xêcôông và chân núi Phùluồng[1]. Khu vực sông Xêpiên và vùng Hỉn Lạt, bản The do một tổ cán bộ dân vận và cán bộ, nhân viên công tác ở các cơ quan của bạn và ta chia nhau phụ trách, vừa làm công tác chuyên môn ở cơ quan, vừa tham gia phát động quần chúng đi vào chiều sâu, xây dựng thành khu an toàn.

- Vùng thứ tư là vùng biên giới Campuchia. Đội vũ trang tuyên truyền do đồng chí Tống Đình Phương phụ trách hoạt động, vừa cảnh vệ cho khu tây nam Attăpư, vừa xây dựng cơ sở, tạo điều kiện cho Liên khu đưa lực lượng sang giúp bạn ở vùng đông bắc Campuchia[2].

- Ngoài ra, ta cử ban xây dựng hành lang do các đồng chí Lê Hương và Huỳnh Quang Ngảnh phụ trách, để đảm bảo đường tiếp tế cho chiến trường và lập bộ phận công tác nội thành do các đồng chí Đặng Đình Phúc và Trần Hoài Sơn phụ trách, để theo dõi hoạt động của địch và gây cơ sở ban đầu trong quần chúng người Việt ở các thành phố Pạcxê và Pạcxoong. Tổ công tác nội thành đã xây dựng được nhiều cơ sở trong quần chúng Việt kiều, thu thập được nhiều tin tức về hoạt động của địch, nhất là các đợt tập trung lực lượng càn quét vào vùng tây nam Attăpư.

Với việc bố trí lực lượng như trên, ta vừa buộc địch phải đối phó trên nhiều hướng, vừa gây cơ sở trên nhiều

---

(1) Phù Luổng là núi Bôlávên.

(2) Ban Cán sự Hạ Lào được tăng cường hai đồng chí Tống Đình Phương và Trần Quyết Thắng. Đồng chí Tống Đình Phương được phân công xuống hoạt động ở biên giới Campuchia.

vùng khác nhau, lập chỗ đứng chân để mở rộng phong trào kháng chiến ở cả ba tỉnh Hạ Lào.

Tranh thủ thời gian, lúc tình hình ở khu vực tây nam Attăpư ổn định, bạn và ta bắt tay xây dựng bộ máy giúp việc và tham gia chỉ đạo công tác phát động quần chúng ở vùng xung quanh nơi đóng quân.

Các cơ quan của bạn được hình thành và bắt đầu hoạt động có hiệu quả. Với vai trò đại diện Chính phủ của ông Khămtày Xiphănđon và Khu trưởng của ông Xithôn Cômmađăm, bạn tập hợp được đông đảo quần chúng Lào Lùm cũng như Lào Thơng, tranh thủ được một số nhân sĩ, sư sãi và tầng lớp thương nhân đi theo kháng chiến, nên trật tự, an ninh được giữ vững, nhân dân an tâm thu hoạch mùa màng, đời sống được ổn định. Một số thanh niên bắt đầu tòng quân, hoặc thoát ly gia đình đi làm công tác ở địa phương. Uy tín và ảnh hưởng của Ítxala được nâng cao. Quân tình nguyện Việt Nam với bạn, sự giúp đỡ lẫn nhau giữa bạn và ta ngày càng hòa nhập chặt chẽ, nhất là sau trận chống càn quét của địch vào vùng Phạphô và Hỉn Lạt. Ta diệt địch ở Kiệt Ngôộng và buộc chúng phải rút chạy khỏi đồn Phạphô, nơi mới bị chúng chiếm đóng[1].

---

[1] Bắt đầu mùa khô 1950, địch mở cuộc càn quét lớn vào các vùng Phạphô và Hỉnlạt, đồng thời yểm trợ cho quân đóng lại vị trí Phạphô. Ta và bạn tích cực bám đánh địch. Chúng đưa quân Âu Phi đến tăng viện. Trên đường từ đồn Phạphô ra đường 13, ta phục kích ở ven đầm Kiệt Ngôộng, diệt gần một trung đội Âu Phi, bắt sống 19 tên, kể cả tên quan hai chỉ huy quân tăng viện.

Thế là sau một năm chuyển quân vào hoạt động ở phía tây sông Xêcôông, ta đã hoàn thành bố trí lực lượng các địa bàn quan trọng và chiếm lĩnh nhiều vùng đông dân cư, có điều kiện để phát triển lực lượng và đánh địch ở cả ba tỉnh Hạ Lào. Nhưng về phía địch cũng có những phản ứng mạnh mẽ. Chúng ra sức bắt lính, tăng quân số ở các vị trí cũ, đóng thêm một số vị trí mới và củng cố ngụy quyền các cấp, nhất là sau trò hề "trao trả độc lập cho Vương quốc Lào" được tuyên truyền rùm beng ở Viêng Chăn và các tỉnh trong năm 1949. Tình hình cho thấy, chúng chuẩn bị để càn quét mạnh ở vùng tây nam Attăpư, đi đôi với đẩy mạnh bình định ở tất cả các nơi ta mới đặt được cơ sở hoạt động, hòng đẩy lùi các lực lượng bạn và ta trở lại vùng biên giới.

Trước tình hình nghiêm trọng đó, cuối năm 1950, Ban Cán sự Hạ Lào[1] mở Hội nghị sơ kết công tác và chuẩn bị kế hoạch đối phó với địch. Hội nghị bàn việc chuyển hướng, phương châm hoạt động nhằm củng cố cơ sở, xây dựng bàn đạp và quyết định phân công một số ủy viên Ban Cán sự xuống tăng cường chỉ đạo các vùng cơ sở, đưa hoạt động của các đơn vị vào chiều sâu, tránh tình trạng chạy theo chiều rộng, nhất là ở Chămpaxăc và Lầu Ngam. Đã thành lập Ban Chỉ huy Mặt trận và Ban Cán sự ở mỗi vùng để thống nhất chỉ đạo lực lượng ta giúp bạn và trực tiếp giúp cán bộ bạn cấp tương đương ở các vùng.

---

[1] Ban Cán sự được tăng cường thêm đồng chí Nguyễn Mô (tức Bùi Định) và đồng chí Mai Trọng Định và sau cùng được tăng thêm đồng chí Ngô Hộ và Mai Liêm.

- Mặt trận tây nam do đồng chí Nguyễn Mô phụ trách chung và ủy viên là các đồng chí Đoàn Bình và Phạm Ngọc Khuê, có nhiệm vụ củng cố đầm Phạphô làm chỗ đứng chân, chỉ đạo toàn tỉnh Chămpaxăc, giữ vững, củng cố và phát triển cơ sở vùng hữu ngạn sông Mê Kông, tích cực chống âm mưu bình định của địch.

- Mặt trận Xala-Bôlô, do đồng chí Trần Quyết Thắng phụ trách và các ủy viên là Lê Kích và Võ Đăng Ngạn, thống nhất chỉ đạo các lực lượng giúp bạn ở cao nguyên Bôlávên. Trước mắt, tích cực chống địch càn quét, bình định vùng Lầu Ngam và mở rộng cơ sở ra toàn vùng phía bắc cao nguyên, kể cả huyện Thàteng, tiến tới nối liền cơ sở với vùng phía nam.

- Mặt trận Xêcôông do đồng chí Mai Trọng Định phụ trách, chỉ đạo sự phối hợp hoạt động ở cả hai phía đông, tây thị xã Attăpư, bao vây kiềm chế địch trong thị xã Mương Mày để giữ vững hành lang tiếp vận từ Liên khu lên, từng bước xây dựng vùng tây nam Attăpư thành căn cứ kháng chiến của toàn khu.

Để đối phó với âm mưu càn quét của địch hòng đẩy các lực lượng ta và bạn ra khỏi các vùng hoạt động, Bộ Tư lệnh Liên khu V đã quyết định tăng cường cho Hạ Lào một tiểu đoàn, điều từ mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng sang[1], cùng một số cán bộ các ngành tham mưu, hậu cần

---

[1] Tiểu đoàn 49 do đồng chí Trần Thanh Hương và Võ Xuân Lục phụ trách.

do đồng chí Võ Quang Hồ[1] dẫn đầu nhằm tăng cường các cơ quan giúp việc, đồng thời ra chỉ thị cho Hạ Lào kiên quyết chống càn quét bình định của địch, giữ vững cơ sở ở các vùng địch hậu và căn cứ tây nam Attăpư[2]. Ủy ban Kháng chiến miền Nam Trung Bộ điều động một số tổ cán bộ, nhân viên công tác chuyên môn các ngành nghề, như làm giấy bằng phương pháp thủ công, dệt vải bằng khung cải tiến, rèn nông cụ, nấu muối mỏ, văn hoá giáo dục giúp bạn để xây dựng căn cứ địa về chiều sâu. Đặc ủy Việt kiều ở nước ngoài cũng huy động 100 thanh niên, có cả một số nữ sang tham gia chiến đấu, công tác, và quyên góp nhiều hàng hoá, thuốc men chi viện cho chiến trường. Trong lực lượng nói trên, có nhiều thanh niên biết tiếng bạn đã giúp cho các đơn vị mới sang hoạt động có hiệu quả.

Về phía bạn, giữa năm 1950, trước khi lên đường đi dự Quốc dân Đại đội thành lập Mặt trận Lào Ítxala và Chính phủ liên hiệp kháng chiến Lào, các ông Khămtày Xiphănđon và Xỏm Manôviêng ra quyết định thành lập các huyện Xánẳmxay và Xayxếtthả ở Attăpư, huyện Chănthăuđôm ở vùng đầm Phạphô, huyện Uđômin ở nam Pạcxoong. Ngoài ra đã chỉ định các ông Chan Mặn và Thạo Xíng phụ trách công tác huyện Lầu Ngam; Thạo Thẻm phụ trách huyện Thàteng và Thạo Đuộn chủ trì công tác

---

[1] Đồng chí Võ Quang Hồ làm tham mưu trưởng, đồng chí Kim Liên tức Đào Đức Tú làm quân nhu trưởng và Cát Huy Dương, quân y trưởng.

[2] Chỉ thị của Bộ Tư lệnh Liên khu do đồng chí Nguyễn Chánh ký và đồng chí Đoàn Huyên mang sang.

ở miền đông hai tỉnh Attăpư và Xarávăn[(1)]. Đó là những quyết định sáng suốt và kịp thời, đặt nền móng đầu tiên cho việc quản lý công việc kháng chiến ở các khu căn cứ Hạ Lào, kể cả các căn cứ du kích ở vùng Bưng Phạphô và nam Pạcxoong.

Đây là thời kỳ hoạt động sôi nổi nhất của các lực lượng bạn và ta trên toàn chiến trường, với những phương thức uyển chuyển thích hợp nhất. Địch tiến hành bình định bằng nhiều thủ đoạn quyết liệt và hiểm độc. Nhưng việc đấu tranh, xây dựng, củng cố lực lượng bạn về chính trị và quân sự đã bài bản và phong phú hơn. Quân tình nguyện gắn bó với bạn hơn, biết phát huy vai trò làm chủ của bạn, đoàn kết giúp đỡ bạn về mọi phương diện, ngoan cường chiến đấu và chịu đựng gian khổ, khó khăn, đã tạo thành sức mạnh tổng hợp, từng bước phá tan âm mưu thâm độc của kẻ thù.

Lực lượng mới được tăng cường, ta đưa về các địa phương: Đại đội 8 ở mặt trận Tây Nam, Đại đội 7 và Đại đội 9 ở nam và bắc cao nguyên Bôlávên, làm quả đấm tại chỗ để chống càn quét và đẩy mạnh chiến tranh du kích ở các vùng địch kiểm soát, tạo điều kiện cơ động hoá Đại đội 200, là đơn vị chủ lực duy nhất của Khu, ứng phó với các cuộc càn quét của địch ở tây nam Attăpư cũng như các vùng căn cứ du kích ở mặt trận Tây Nam và Bôlávên.

---

(1) Đồng chí Chan Mặn sau đổi tên là Xốm Xừn, đồng chí Xíng sau đổi tên là Xà Nặn, đồng chí Thẻm đổi tên là Khăm Xúc, về sau đều là Ủy viên Trung ương Đảng nhân dân Cách mạng Lào và đều giữ chức Bộ trưởng trong Chính phủ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Một nhân tố quan trọng khác là sau khi được thành lập, Ủy ban Trung ương Mặt trận Ítxala và Chính phủ kháng chiến Lào đã cử đồng chí Thoongphun[(1)] xuống phụ trách Hạ Lào với cương vị đại diện Chính phủ và Trung ương mặt trận Ítxala kiêm Khu trưởng, thay thế ông Khămtày Xiphănđon và Xỉthôn Cômmăđăm, làm cho hệ thống lãnh đạo của bạn thông suốt từ Trung ương đến cơ sở. Đồng chí Thoongphun đã tiến hành "một vòng kinh lý" trên các mặt trận toàn Khu, phổ biến Cương lĩnh mười hai điểm của cách mạng Lào, làm cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân phấn khởi, tin tưởng ở tiền đồ cuộc kháng chiến của đất nước. Từ đó, Ban Chỉ huy hỗn hợp Lào - Việt Nam được bãi bỏ và quân ta lấy tên gọi thống nhất là quân tình nguyện Việt Nam ở Lào, như Ban Bí thư Trung ương Đảng đã quyết định. Bộ đội bạn được chấn chỉnh và tăng cường một bước, lập ban chỉ huy riêng, các đơn vị chủ lực và địa phương được hình thành. Sự thay đổi nói trên đánh dấu một bước trưởng thành của bạn và mối quan hệ phối hợp giúp đỡ lẫn nhau giữa bạn và ta được rõ ràng, hợp lý hơn, góp phần tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu bình định của địch thêm thuận lợi và hiệu quả hơn.

Trích Quân Tình nguyện Việt Nam trên chiến trường Hạ Lào... (1948 - 1954), NXB. Quân đội nhân dân, 2004.

---

(1) Đồng chí Thoongphun về sau đổi tên là Phun Xỉpáxọt, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, phụ trách Ban Đối ngoại Trung ương, kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

VÀO VÙNG ĐỊCH TẠM CHIẾM TRÊN ĐẤT LÀO

Đặng Hồng Phúc[1]

Đầu năm 1949, đội vũ trang tuyên truyền do đồng chí Trần Trọng Khâm chỉ huy và tôi làm chính trị viên, được đồng chí Nguyễn Chính Cầu - Chính ủy bộ đội tình nguyện Việt Nam giao nhiệm vụ đến các bản dọc hai bên bờ Xê Kông thuộc vùng Mường Cầu Attăpư, làm nhiệm vụ tuyên truyền vận động nhân dân các bộ tộc Lào, nắm tình hình địa bàn về các mặt, chuẩn bị chiến trường cho lực lượng vũ trang Việt - Lào tiến vào Hạ Lào sau này.

Thị xã Attăpư có một tiểu khu quân Pháp chiếm giữ để khống chế toàn tỉnh.

Đội vũ trang đã chọn bản Kẹng Xay ở tả ngạn Xê Kông làm bàn đạp phát triển phong trào kháng chiến ra các bản làng dọc theo hai bên bờ sông. Đi đến bản nào, nhân dân cũng tập trung đông đảo để xem bộ đội làm xiếc và nghe tuyên truyền kháng chiến. Chiến sĩ liên lạc Nguyễn Văn Thìn có tài làm xiếc và ảo thuật hấp dẫn mọi người. Ban đêm dân chúng tập trung quanh lửa trại xem bộ đội biểu diễn văn nghệ, ca kịch kháng chiến. Tình cảm giữa nhân dân và bộ đội ngày càng gần gũi.

---

[1] Chính trị viên Đội vũ trang tuyên truyền Hạ Lào.

Được tin quân ta đến, địch đã tập trung một đại đội để lùng quét. Vượt sông Xê Kông, ta gặp địch tại Kẹng Khảm. Bị tiến công bất ngờ, mặc dù quân số của địch gấp bốn lần ta và có trang bị tốt hơn, nhưng với tài chỉ huy và kinh nghiệm chiến đấu của chỉ huy trưởng Khâm, bộ đội ta đã dũng mãnh áp đảo quân địch ngay từ đầu. Sau nửa giờ liên tục tiến công, ta đã tiêu diệt một trung đội địch. Chúng bị đánh bất ngờ nên hoang mang rút chạy về thị xã Attăpư. Trận đầu thắng lợi, uy tín của bộ đội kháng chiến đã lan khắp vùng.

Có một chuyện vui thường được nhắc đến: Một hôm bộ đội trở lại bản Kẹng Xay, tôi và đồng chí Trí trinh sát vào làng trước để nắm tình hình. Vừa trèo lên sàn nhà phía ngoài nói chuyện với bà mẹ Lào thì bà nhìn ngay ra phía bìa rừng và nói "pha lăng ma"! Lúc đó đang đói bụng, đồng chí Trí hỏi ngay "khoai lang à"? Tôi biết là "Tây đến" chưa kịp phản ứng thì bọn địch đã bắn xối xả vào chỗ đang ngồi. Đồng chí Trí bị một phát đạn xuyên đùi. Nhanh như sóc, hai anh em phóng xuống đất chạy về cuối làng, ra rừng băng bó vết thương. Đơn vị đang ở bìa rừng, đồng chí Khâm ra lệnh bắn chặn địch không cho chúng đuổi theo hai người. Từ đó, câu chuyện "pha lăng ma = khoai lang à" thành câu chuyện tiếu lâm của đơn vị. Cũng từ đó, mọi người càng ra sức học tiếng Lào.

Sau trận Kẹng Thảm thất bại, địch tổ chức nhiều mũi trinh sát ăn mặc như thường dân vào các bản dọc hai bờ sông để nắm tình hình đội vũ trang tuyên truyền. Ta bắt

được một lính trinh sát. Qua khai thác, ta được biết, chúng tung một đại đội tăng cường chia làm hai cánh, một từ thượng lưu tiến xuống, một từ hạ lưu thọc lên, dùng chiến thuật bao vây dồn đội vũ trang tuyên truyền vào cái bẫy - túi (piège-sac) hòng đánh bật ta ra bờ sông.

Ban Chỉ huy đơn vị lập tức họp cùng đồng chí Đặng Khế, cán bộ dân vận, bàn kế hoạch chống càn. Tất cả thống nhất nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ, tham gia kháng chiến là chính và chỉ đánh địch khi cần thiết để phục vụ cho nhiệm vụ chính trị. Đồng chí Khâm đã cho đơn vị rút ra khỏi các bản, trú quân vào rừng, chia thành nhiều tổ bắn tỉa, tiêu hao, quấy rối địch. Các cán bộ dân vận bám sát các bản, vạch rõ âm mưu địch, động viên nhân dân vững tâm làm tai mắt cho bộ đội đánh địch.

Được nhân dân giúp đỡ, tổ trinh sát đã bám rất sát cả hai gọng kìm của địch. Do đó, Ban Chỉ huy đơn vị đã nắm chắc tình hình diễn biến của cuộc hành quân càn quét. Mục tiêu trận đánh không đạt được, đi đến đâu địch cũng bị ta bắn tỉa làm tiêu hao quân số. Cuối cùng, địch phải rút về thị xã Attăpư.

Qua thắng lợi này, nhân dân càng phấn chấn, tin tưởng và ủng hộ đường lối đoàn kết kháng chiến của Chính phủ và nhân dân hai nước Việt - Lào.

Đội vũ trang tuyên truyền đầu tiên tiến vào Attăpư đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Bộ Tổng Tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Tháng 01/1950, đồng chí Nguyễn Chính Cầu, Bí thư Ban Cán sự Đảng kiêm chính ủy bộ đội tình nguyện tại Hạ Lào lại giao nhiệm vụ cho Đội vũ trang tuyên truyền Attăpư được tăng cường thêm quân số tiến lên cao nguyên Bôlávên. Trước lúc xuất quân, đồng chí Cầu tay khoác vai đồng chí Khâm và tôi ân cần động viên: Lần này, khu lại giao cho đơn vị một nhiệm vụ khó khăn mới, lên chiếm lĩnh cao nguyên Bôlávên xây dựng căn cứ kháng chiến để nối liền với mặt trận Lầu Ngam, Nam Xarávăn. Đó là mệnh lệnh cũng là nhiệm vụ chính trị mà đơn vị phải hoàn thành.

Cao nguyên Bôlávên người Lào gọi là Phù Luổng sừng sững đứng giữa khu Hạ Lào. Diện tích cao nguyên khoảng gần 10.000 km^2, chỗ cao nhất đến 1.200 m. Đỉnh cao nguyên là thị trấn Pạcxoong. Nơi đây địch đóng gần một tiểu khu do một tên quan tư Pháp chỉ huy. Cách Pạcxoong 3 km về phía đông có một đồn địch ở Noỏng Hỉn làm nhiệm vụ tiền tiêu. Ngoài ra, địch còn đóng thêm một đồn ở bản Huội Coòng, cách Pạcxoong độ 30 km để kiểm soát phía đông nam cao nguyên. Mỗi đồn có một trung đội lính ngụy do một sĩ quan Pháp chỉ huy.

Khu cao nguyên thuộc địa phận tỉnh Chămpaxăc có hai huyện, huyện Pạcxoong (sau này là huyện Uđômxin) cư dân là người Lávên, có truyền thống 30 năm chống Pháp từ thời ông Cômmađăm, huyện Nhạ Hởn có bộ tộc người Nha Hởn. Vùng Lávên đất đai trù phú thuận lợi cho việc trồng trọt và chăn nuôi. Vùng Nha Hởn đất đai không màu mỡ, người dân sống nhờ nương rẫy và kinh tế tự nhiên. Đàn ông còn búi tó và đóng khố.

Lên cao nguyên có hai đường, đường phía đông từ bản In Thi đi lên dốc dựng đứng, đường phía nam từ bản Hỉn Lạt dốc thoai thoải dễ đi. Đơn vị đã lên cao nguyên bằng đường phía nam, phải mất gần một ngày leo núi vất vả mới lên đến đỉnh. Đến Nha Hởn, nhân dân bản nào cũng hưởng ứng và ủng hộ đường lối kháng chiến. Bộ đội cắt tóc cho nhau và vận động các cụ già cắt tóc cho gọn gàng. Một người cắt rồi nhiều người cắt theo, đơn vị đi đến bản nào các cụ cũng nhờ cắt tóc. Các cán bộ dân vận bám trụ ở lại để xây dựng cơ sở. Có đơn vị thì sau một thời gian đã chuyển sang vùng Lávên. Vùng này tiếp giáp với thị trấn Pạcxoong nên ta nắm được tình hình địch thường xuyên hơn. Đơn vị cơ động qua các bản để tuyên truyền, các cán bộ dân vận bám sát các bản để xây dựng cơ sở chính trị.

Nhân dân Lávên có truyền thống kháng Pháp, đời sống dễ chịu, nên khi được tuyên truyền giác ngộ họ sẵn sàng hưởng ứng, ủng hộ và tham gia kháng chiến rộng khắp các bản. Đơn vị đã cử anh em giúp nhân dân đóng cối xay lúa, thay thế việc giã lúa thành gạo, được nhân dân, nhất là chị em rất hoan nghênh.

Trước hoạt động của ta, tiểu khu Pạcxoong đã tổ chức một đại đội thọc sâu vào vùng ta hoạt động để đánh phá tiêu hao lực lượng vũ trang của ta và uy hiếp, lung lạc tinh thần nhân dân đang hướng về kháng chiến. Ta bố trí một tổ trinh sát bám tiểu khu Pạcxoong để nắm tình hình. Đó là hai thiếu niên Việt kiều ở Pạcxê và Pạcxoong tự nguyện gia nhập bộ đội, tên là Khôn và Doãn, rất thông minh, dũng cảm, nói giỏi tiếng Lào, ăn mặc như người Lào, hoạt động

có hiệu quả, được cả đơn vị yêu mến. Khi nắm được tình hình, em Khôn ở lại bám địch, em Doãn luồn rừng về báo cáo cho ban chỉ huy. Được tin, đồng chí Khâm cho đơn vị cấp tốc hành quân đến phía bản Chămpi, phục kích từ ngoài, chờ địch. Địch lọt vào vòng phục kích, bị ta nổ súng vỗ mặt ngay từ đầu, tiêu diệt một số tại chỗ, chúng hoang mang, sợ hãi, rút chạy về thị trấn Pạcxoong. Tên sĩ quan chỉ huy Pháp cũng bỏ cả ngựa chạy tháo thân theo binh lính. Ta thu được một số súng và chiến lợi phẩm, trong đó có con ngựa.

Trận đấu ở trên cao nguyên Bôlávên thắng lợi làm cho binh sĩ phấn khởi, nhân dân nức lòng tin tưởng. Từ đó, ta phát động nhân dân xây dựng làng kháng chiến, làm chông thò cạm bẫy đẩy mạnh chiến tranh du kích trong cả vùng.

*

* *

Sau khi đã đứng chân trên cao nguyên, Ban Chỉ huy đơn vị đã quyết định đưa tổ xung phong công tác về phía nam Xarávăn, chuẩn bị địa bàn cho đội vũ trang tuyên truyền đến hoạt động, tạo chỗ đứng chân trên trục đường 23 từ Thà Teng đến bản Phôn, làm bàn đạp liên lạc với mặt trận Lầu Ngam và đội vũ trang tuyên truyền đông Xarávăn.

Tổ xung phong công tác đã bám trụ trên trục đường Thà Teng - bản Phôn. Sau khi được báo cáo, chỉ huy trưởng Trần Trọng Khâm đã cho toàn đơn vị "hạ sơn" xuống nam Xarávăn đi theo đường bí mật của tổ xung phong. Nhân

dân ở rải rác hai bên trục đường 23, gồm có người Lào, người Xuồi và đông nhất là người A Lắc. Bất chấp hai đồn địch kìm kẹp ở hai đầu trục đường 23, đơn vị vẫn làm công tác vũ trang tuyên truyền khắp các bản dọc hai bên đường. Đây là địa bàn thứ ba đơn vị đến công tác, với kinh nghiệm sẵn có, chẳng bao lâu các bản đã có cảm tình và ủng hộ kháng chiến. Đồng chí Đặng Khế và các cán bộ dân vận đã bám sát các bản để tổ chức cơ sở kháng chiến bí mật.

Đơn vị nhận được chỉ thị mật của Bộ Chỉ huy khu đã cử tôi lên đường 9 Trung Lào để liên lạc với bộ đội Khu IV sang hoạt động ở đây.

Tôi cùng đồng chí Liệu, chiến sĩ liên lạc mang theo một khẩu súng trường, lập tức lên đường về phía đông Xaráván. dọc theo biên giới Việt - Lào thẳng tiến.

Một buổi chiều, chúng tôi đến một bản Lào Thơng, chung quanh có hàng rào nứa cao vót nhọn, chỉ có hai cửa ra vào, thấy chúng tôi đến, hai thanh niên ra kéo cửa lên và lại sập xuống ngay khi chúng tôi đã vào bên trong. Hỏi ra mới biết vùng này lắm cọp cho nên phải rào làng cho chắc chắn. Sẩm tối, chúng tôi muốn đi ngoài, dân làng bảo đi trong bản, ra ngoài cọp bắt đây. Chúng tôi vẫn bảo họ kéo cửa, lắp đạn lên nòng súng chúng tôi gác cho nhau.

Chúng tôi lên đường từ sáng sớm. Đến một vùng núi, thấy nơi đây có những mảnh đá màu đen lấp lánh nặng như sắt. Chúng tôi hỏi dân làng thì họ bảo đây là núi sắt. Dân đến đây lấy sắt về rèn dao, mỗi lần lấy sắt phải giết gà lấy máu cúng thần núi.

Hôm sau, chúng tôi đến đường số 9 gặp Ban Chỉ huy bộ đội tình nguyện Trung Lào ở một bản gần đó. Tay bắt mặt mừng, thế là bộ đội tình nguyên Trung - Hạ Lào đã liên lạc được với nhau. Chúng tôi ở lại một ngày để bàn bạc công việc và nghỉ lấy sức để hôm sau trở về, về đến đường 23 quen thuộc, chúng tôi đi tắt về bản A Lắc mà đơn vị thường trú quân trong rừng sau bản. Gặp đơn vị đang họp trong rừng, tôi hỏi chỉ huy trưởng Khâm: "Đồng chí đã cho người cảnh giới chưa?". Vừa trả lời "chưa", đồng chí Khâm đã cử ngay chiến sĩ Trí ra đứng gác ở bìa rừng, cạnh cái rẫy có cây cối chặt đổ ngổn ngang cháy sém. Anh Trí vừa đặt ba lô xuống đất cầm súng hướng về phía đường đi bên kia rẫy thì súng của địch đã bắn xối xả vào chỗ anh đang đứng. Anh lùi vào phía trong rừng cây an toàn. Nhanh như cắt, chỉ huy Khâm lệnh cho súng máy bắn thẳng vào chỗ quân địch. Bị ta phản kích quá nhanh, chúng liền phóng lửa đốt cháy rẫy khô để ngăn quân ta đánh vỗ mặt rồi rút chạy. Chỉ huy Khâm hội ý nhanh với chính trị viên "Vòng rừng, đánh chặn đường về của chúng". Cả đơn vị xốc nhanh theo chỉ huy Khâm cùng tiểu đội súng máy lao đi đầu. Rừng cây đã cản tốc bộ hành quân bôn tập, khi đơn vị đến đoạn đường mòn tiếp giáp với đường 23 thì địch đã vượt qua chỗ đó rồi! Anh em trong đơn vị xuýt xoa tiếc vì đã không xé nát được quân "chó cắn trộm"!

Trở về bản A Lắc, Ban Chỉ huy cho đơn vị sang cánh rừng sâu phía bản Chun La để tiếp tục cuộc họp. Đến một khoảng rừng cây to bóng mát, đơn vị dừng lại. Ban Chỉ huy ngồi giữa, anh em ngồi xung quanh thành hình tròn.

Bỗng tôi trông thấy một cây dây leo có lá xanh tươi mọc ngang kéo từ cây to bên này sang cây to bên kia ngay trên tầm đứng. Tôi nghĩ ngay tại sao có loại cây dây leo mọc thẳng ngang chưa từng thấy bao giờ? Linh tính làm cho tôi ngẩng đầu nhìn lên phía trên cây có dây leo: Chao ôi! Một cái bẫy voi mà bên trên là một thớt gỗ to, đường kính gần một mét có gắn hàng chục chiếc chông tre nhọn, mũi tên chúc xuống đất, đang sừng sững trên ngọn cây, chỉ chờ cho con voi đi qua chạm vào làm đứt dây leo giăng ngang là cả thớt chông gỗ đồ nặng nề từ trên cao phóng xuống, đâm chết con vật và ghìm nó xuống ngay tại chỗ.

Hú vía! Chỉ cần một ai đó vô tình giựt cái dây leo thì cả ban chỉ huy sẽ chết thảm thương ngay lập tức. Cả đơn vị nhìn lên đều "xanh lè mắt", mọi người giãn ra xa, tôi núp sau cái cây có dây leo giựt đứt dây, lập tức cả thớt chông gỗ lao vút xuống cắm sâu vào mặt đất hơn nửa mét, gây tiếng động vang cả một góc rừng.

Dân làng nghe thấy bẫy voi sụp họ hớt hải chạy đến chỗ bẫy voi, vì sợ bộ đội không may bị tai nạn. Cả bộ đội và dân làng cùng nắm tay nhau vui mừng là mọi người đều an toàn!

*

* *

Nhân dân Lávên rất vui mừng đón tiếp đoàn quân trở lại. Bản nào cùng niềm nở mời đơn vị đến bản mình sau một thời gian xa cách.

Để củng cố vùng kháng chiến và phát triển du kích chiến tranh, Ban chỉ huy đơn vị quyết định tiêu diệt đồn Noỏng Hỉn, nắm được cách bố phòng và sinh hoạt của địch. Đơn vị lập sa bàn tập dượt công đồn.

Mọi việc đã chuẩn bị xong. Chỉ huy trưởng Khâm bố trí các mũi trinh sát bám sát tiểu khu Pạcxoong và đồn Huội Coòng khi ta tập kích đồn Noỏng Hỉn. Nếu địch phóng quân tiếp viện thì các trinh sát phải cho nổ lựu đạn để báo hiệu.

Chỉ huy trưởng Khâm và tôi trong các trận chiến đấu đều sát cánh bên nhau. Nhưng trong trận này tôi nhận được lệnh về Khu họp nên tôi đã trao đổi mọi vấn đề cần thiết với đồng chí Khâm. Tạm biệt đơn vị lên đường về Khu, tôi vẫn bịn rịn và tiếc nuối về sự vắng mặt của mình!

Đêm đó, do trinh sát đầy đủ tình hình, với một kế hoạch tác chiến sít sao và quyết tâm cao, chỉ huy trưởng Khâm đã chỉ huy đơn vị bất ngờ, dũng mãnh tấn công, chỉ trong nửa giờ đồn địch đã bị tiêu diệt. Tên chỉ huy Pháp chết tại chỗ cùng với số lớn quân ngụy, số còn lại rút chạy. Ta thu súng ống, chiến lợi phẩm xong, phóng lửa đốt đồn, lửa cháy rực đỏ cả một góc trời...

Cũng đêm đó, bọn địch ở đồn Huội Coòng áp tải một tên lính bị thương do ta đánh lần trước về tiểu khu Pạcxoong. Tổ trưởng trinh sát Khổng Đình Đức bám đồn Huội Coòng đã hai lần ném lựu đạn vào đội hình của địch, nhưng lựu đạn đều không nổ! Hiệu lệnh báo có địch bằng lựu đạn đã không được thực hiện! Tổ trưởng Đức

chạy luồn rừng báo tin nên chậm hơn bọn địch đi theo đường cái.

Tiếng súng công đồn của ta và lửa đồn địch bốc cháy làm cho bọn địch áp tải thương binh cảnh giác. Chúng dừng lại phục kích quân ta trên đường về. Đó là một đêm tháng 5/1950, trời tối đen như mực, khi quân ta cách khoảng một chục mét thì chúng cho nổ súng đồng loạt. Đồng chí Khâm, đồng chí Việt[1] và những người đi đầu đã bị trúng đạn từ loạt súng máy đầu tiên. Theo phản xạ của người chỉ huy, đồng chí Khâm đã thét lớn "Súng máy bắn"! Ngay tức thời súng máy của ta bắn chéo cánh sẻ với súng máy của địch. Nhưng đồng chí Khâm, đồng chí Việt và năm anh em nữa đã hy sinh tại chỗ[2]. Bị phục kích bất ngờ, lại bị mất người chỉ huy, bộ đội của ta đã tạt vào rừng rút về căn cứ.

Hôm sau, tôi trở lại cao nguyên, làm lễ truy điệu các cán bộ và chiến sĩ đã hy sinh, biểu dương truyền thống "quyết chiến, quyết thắng" của đơn vị, đã mưu trí dũng cảm tiêu diệt đồn Noỏng Hỉn làm nên chiến thắng vang dội trên cao nguyên. Đồng thời cũng rút ra bài học về ý thức cảnh giác sau khi chiến đấu thắng lợi. Tôi động viên toàn thể cán bộ chiến sĩ nén đau thương biến căm thù thành sức mạnh, kiên cường, dũng cảm tiêu diệt địch trong các trận sắp tới. Cả khu rừng vang lên lời thề "kiên quyết trả thù cho các liệt sĩ và chỉ huy trưởng Trần Trọng Khâm"!

---

[1] Đồng chí Việt, Trung đội trưởng, quê ở tỉnh Thanh Hoá.

[2] Bảy liệt sĩ được Việt kiều đem về chôn cất ở nghĩa trang Việt kiều tại thị trấn Pạcxoong. Trên mộ có bia gỗ đề chữ "Mộ bảy ông". Gần đây, nghe tin Quân khu 5 đã quy tập mộ bảy liệt sĩ về Đà Nẵng.

Cuộc chiến đấu để giành quyền kiểm soát cao nguyên vẫn tiếp tục. Cả huyện Ưđômxỉn đã trở thành một pháo đài chiến đấu kiên cường, bất khuất của nhân dân Lávên, có sự hỗ trợ hiệu quả về quân sự của bộ đội tình nguyện Việt Nam. Nhân dân Bôlávên, chính quyền và quân đội vẫn ghi nhớ những chiến sĩ giải phóng đã ngã xuống để giữ vững cao nguyên, trong đó có đại đội trưởng Trần Trọng Khâm. Để tưởng nhớ đồng chí Khâm, đồng chí Hoàng Ngọc Khuê đã viết bài thơ, trong đó có hai câu:

... "Anh Khâm cao lớn hiên ngang

Chân đi chấm phết, cười vang suốt ngày"...

Trích Quân Tình nguyện Việt Nam trên chiến trường Hạ - Lào (1948 - 1954). NXB. Quân đội nhân dân, 1998.

MỘT GIA ĐÌNH CÓ NĂM ANH EM LÀ QUÂN TÌNH NGUYỆN

***Bùi Văn Thanh*[1]**

Trong hàng ngũ đông đảo của đội quân tình nguyện làm nghĩa vụ giúp Lào có một gia đình Việt Nam - có thể là duy nhất - mà năm anh em ruột đều là chiến sĩ tình nguyện. Bà Trần Thị Nhị, quê ở Yên Mỹ - Ý Yên - Nam Định, người mẹ suốt đời tần tảo nuôi con đã chấp nhận và âm thầm chịu đựng bao trăn trở theo năm tháng. Rồi, cuộc đoàn tụ bất ngờ sau ngày chiến thắng trở về của năm anh em trong mái ấm làng quê, đã đem lại niềm vui khôn tả cho gia đình và thôn xóm. Hai tấm Huân chương Kháng chiến dành cho mẹ, cùng hơn 20 Huân chương các loại của các con đã làm vợi đi nỗi niềm thương nhớ dai dẳng của mẹ qua thời gian. Giờ đây, mẹ đã đi xa, lòng thanh thản.

Nhớ lại cuộc hành trình của năm anh em nối tiếp nhau sang Lào; mỗi người một hoàn cảnh, một cương vị công tác, một địa bàn, vậy mà suốt cả quãng đường chiến đấu họ không hề gặp nhau.

Bùi Văn Ý, người anh cả lặng lẽ rời gia đình từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, hoạt động trong vùng địch hậu Hạ Lào từ năm 1948 đến những

---

[1] Đại sứ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

năm chống Mỹ. Là bác sĩ quân y, anh đã tận tâm với nghề nghiệp, trong điều kiện phương tiện, thuốc men thiếu thốn, đã cứu chữa biết bao thương bệnh binh và bệnh nhân trong các thôn bản Lào, đào tạo không ít bạn đồng nghiệp, xây dựng nhiều cơ sở y tế, tận tụy phục vụ trực tiếp cho cơ quan đầu não của khu Hạ Lào. Chiến tranh đã lùi về quá khứ nhưng tình cảm của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Lào đối với anh vẫn còn sâu đậm. Anh và gia đình được Ban Đối ngoại Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào mời sang thăm và nghỉ ngơi tại Thủ đô Viêng Chăn; đặc biệt là đồng chí Phun Xỉpáxợt, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Trưởng ban Đối ngoại Trung ương Đảng coi anh là "ân nhân cứu mạng" người vợ của đồng chí là chị Phon Xúc tức Hĩn Xỉ La bị thương nặng vì mảnh đạn của địch găm vào đỉnh hộp sọ năm nào.

Bùi Văn Thanh, hoạt động ở chiến khu I - Thượng Lào vào đầu năm 1950. Sau một đợt chỉnh quân tại Trung Quốc, anh dẫn đầu đội tuyên truyền vũ trang luồn sâu vào một vùng địch hậu thuộc tỉnh Luông Pha Băng. Hơn một năm sau, vùng này đã trở thành một căn cứ du kích đấu tranh chính trị - vũ trang cho đến ngày chấm dứt chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp năm 1954, và sau đó, đấu tranh chính trị cho hòa bình, hòa hợp dân tộc những năm 1955 - 1957. Lịch sử truyền thống vùng này còn ghi nhận anh là một trong những chiến sĩ tình nguyện mở đường gieo mầm cách mạng, thành lập chi bộ Đảng Nhân dân cách mạng Lào đầu tiên ở nơi này, và khởi đầu phong

trào học văn hoá, mà từ ngàn đời nay người dân không hề biết chữ.

Bùi Trọng Đông, người thứ ba tiếp nối ra đi đến chiến khu II - Trung Lào, năm 1950, để lại mẹ già và một em nhỏ. Nhiều căn cứ cách mạng, cơ sở du kích trong vùng Trung và Bắc Lào, nhất là vùng Viêng Chăn, đều in dấu chân anh trong suốt những năm tháng chống Pháp, cho đến ngày thắng lợi. Khi cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược nổ ra, anh trở lại chiến trường Lào. Với cương vị một chuyên gia, anh đã góp phần tích cực vào việc vun đắp liên minh giữa Mặt trận Lào yêu nước và lực lượng trung lập yêu nước tại tỉnh Phongxalỳ. Nhiều cán bộ Lào hiện nay còn lưu lại những ấn tượng đẹp đẽ, những tình cảm thân thiết về anh, thể hiện trong những cuộc hội ngộ cảm động vào dịp anh được mời sang thăm Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Bùi Khánh Cân, cán bộ quân sự tỉnh Ninh Bình, được lệnh sang Lào trong những ngày đầu chống cuộc "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Với trách nhiệm là một cán bộ lãnh đạo Đoàn chuyên gia quân sự, giúp bạn củng cố phát triển cơ sở cách mạng tỉnh Uđômxây, một địa bàn chiến lược quan trọng ở Bắc Lào. Nơi đây, nhiều cuộc chiến ác liệt đã diễn ra, những chiến công vang dội giành được đã góp phần đáng kể vào thắng lợi hoàn toàn năm 1975. Hòa bình lập lại, nhưng người đại tá chuyên gia quân sự này vẫn tiếp tục nhiệm vụ giúp bạn trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước. Với những thành tích xuất sắc, anh đã về

nước trong tình cảm thân thương và lòng mến phục của các bạn Lào trọng tình trọng nghĩa.

Bùi Văn Phương, người em trai út, đã ra đi giữa lúc cuộc leo thang chiến tranh của Mỹ đến mức ác liệt nhất, sự phối hợp chiến trường Việt Nam và Lào trở nên bức thiết. Người chiến sĩ đặc công gan dạ này đã cùng đồng đội lập nhiều chiến công, mà chiến công đầu tiên là làm nổ tung gần chục pháo đài bay B52 của Mỹ tại sân bay chiến lược Utapao (Thái Lan), nơi xuất kích đi ném bom rải thảm ở Lào và Việt Nam. Chiến công này đã làm nức lòng nhân dân hai nước, kẻ thù bàng hoàng. Cùng với những thành tích thầm lặng trong hợp tác hoạt động với bạn Lào, người trung tá đặc công này đã được phong danh hiệu "Anh hùng quân đội nhân dân Việt Nam", một vinh dự lớn đối với anh, một niềm vui của gia đình.

Nhìn lại mấy thập kỷ chiến đấu của "năm anh em trên một chiến trường gian khổ và ác liệt với những thành tích đạt được, điều tâm đắc chung của năm chiến sĩ tình nguyện, năm đảng viên này là đã hiến dâng cả quãng đời thanh xuân của mình nơi "Tổ quốc thứ hai" với tình cảm sâu đậm, với nghĩa vụ quốc tế cao cả. Giờ đây, khi tuổi trẻ đã qua, các anh nghỉ ngơi trong cuộc sống đạm bạc mà thanh thản, mẫu mực cho con cháu và vẫn giữ trọn tình nghĩa sắt son Việt - Lào. Có lẽ, không phải ngẫu nhiên mà hiện nay, một trong năm anh em còn tiếp tục truyền thống gia đình trên đất nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, một cán bộ ngoại giao, đang nguyện đem hết tâm trí của

mình góp phần khiêm tốn vào sự nghiệp của Đảng và Nhà nước, tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt - Lào, để cho di sản quý báu này của hai dân tộc, từ thế hệ này sang thế hệ mai sau mãi mãi trọn vẹn "Tình sâu hơn nước Hồng Hà - Cửu Long", mãi mãi "Trong như viên ngọc quý", "Sáng hơn trăng rằm, ngát hương hơn bất cứ đoá hoa nào thơm nhất".

VỢ CHỒNG "ÁTNHA" XỎN

Quách Bá Đạt

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, ai có dịp đến huyện Xànămxây (tỉnh Áttăpư) đều biết ông Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến huyện là "Átnha" Xỏn, Átnha tiếng Lào là quan lớn.

Átnha Xỏn quê ở Mường Mày, vốn là quan chức của chính quyền bù nhìn ở Áttăpư. Nang Đeng, vợ Átnha Xỏn, người làng Khốc Coòng, một làng quê nhỏ, cách tây nam thị xã Áttăpư khoảng 30km.

Từ cuối năm 1948 đầu năm 1949, các hoạt động của bộ đội Ítxala Lào và quân tình nguyện Việt Nam ở vùng biên giới đông Xarávăn, sau đó phát triển xuống vùng Kèngxây, Hạtxati dọc sông Xêkôông (cách bắc Mường Mày khoảng 30km) đã gây xôn xao trong nhân dân và hàng ngũ địch. Cảm nhận được sự biến động của tình hình, Átnha Xỏn đã cáo bệnh xin nghỉ việc, lui về ở quê vợ, vừa làm ruộng, thỉnh thoảng lại cưỡi voi đi buôn một vài chuyến để chờ xem thời thế.

Chính sách của Mặt trận Ítxala là thực hiện đoàn kết toàn dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc nhằm tập hợp mọi lực lượng để tiến hành cuộc kháng chiến giành độc lập. Chính sách đó đã giúp Mặt trận Lào Ítxala không

chỉ tập hợp được rộng rãi quần chúng nhân dân lao động các bộ tộc Lào, mà còn tranh thủ được hầu hết các tù trưởng, tộc trưởng, các chức dịch của ngụy quyền, như nai bản (lý trưởng), tà xẻng (chánh tổng), công chức, trí thức ủng hộ, tham gia kháng chiến, trong đó có vợ chồng Átnha Xỏn. Năm 1951, khi thiết lập chính quyền cách mạng ở huyện Xànẵmxây (Áttăpư), Átnha Xỏn được cử làm Chủ tịch ủy ban kháng chiến của huyện này. Chị Đeng vợ Átnha Xỏn cũng tham gia vào Hội Mẹ, chị binh sĩ làng Khốc Coòng.

Mùa khô năm 1953, tôi được điều về giúp cơ quan Văn phòng huyện Xànẵmxây, anh Bùi Mãn trực tiếp giúp Átnha Xỏn. Gọi là cơ quan nhưng chưa có trụ sở. Hai chúng tôi cùng ăn, ở và làm việc tại nhà Átnha Xỏn. Hàng ngày, chiếc khăn rằn buộc vào lưng, xắc cốt đeo vai, chủ tịch huyện cùng chúng tôi cuốc bộ xuống các xã, bản, trực tiếp bàn bạc, giải quyết công việc với cán bộ cơ sở; ăn cơm với dân. Ít lâu sau, Khu lại bố trí đồng chí Lộng về làm liên lạc cho huyện. Mùa mưa là thời vụ làm ruộng, ngoài công việc, ba anh em chúng tôi lại cùng vợ chồng ông chủ tịch đi cày, cấy, đi kiếm cá, hái rau rừng, gài bẫy bắt thú rừng, bắt chim, gà rừng làm thực phẩm. Átnha Xỏn hướng dẫn chúng tôi cày, bừa, chị Đeng hướng dẫn chúng tôi cấy lúa. Átnha Xỏn lúc này chẳng có dáng dấp gì của một ông quan, ngoài phong độ chững chạc, ăn nói khúc chiết, ông còn có thái độ vui vẻ, luôn gần gũi mọi người, nên được nhân dân quý mến. Chị Đang là một phụ nữ vừa đẹp người, đẹp nết, dáng vẻ quý phái, lại giỏi việc đồng áng, bếp núc, vá may, canh cửi. Chị dệt nhiều tấm váy bằng tơ, màu sắc rất đẹp. Chị thường chỉ

vẽ cho chúng tôi nấu các món ăn Lào. Quần áo của chúng tôi rách đâu chị vá hộ ngay đó. Anh, chị coi chúng tôi như người nhà, gặp lúc ốm đau, anh chị chăm sóc cho từng nồi lá xông, từng bát cháo trứng.

Vợ chồng Átnha Xỏn lấy nhau đã nhiều năm nhưng không có con. Bạn bè nhiều người gợi ý ông ta nên tìm vợ bé. Chị Đeng cũng đồng tình. Nhưng Átnha Xỏn không nghe. Đến lúc tham gia kháng chiến, công việc bận rộn, ông lại có thêm lý do để khước từ việc lấy vợ bé. Trong nhà, anh chị lại nuôi thêm một bà già độ 60 tuổi (mà tôi quên tên) để giúp việc cơm nước, và cũng là một cách làm phúc. Vì bà già độc thân vốn bị dân làng bên cạnh nghi là "phỉ pọp" (kiểu ma lai, ma cà rồng ở Nam Bộ), bị dân đuổi đi. Anh chị thương tình đón bà về cùng ở. Bà già hàm ơn, nên rất quý trọng anh chị. Bà cụ còn khỏe mạnh, lại rất chăm chỉ, tháo vát. Ngoài việc cơm nước, bà thường tham gia lao động với chúng tôi. Những việc vặt trong nhà bà đều làm hết. Bà coi anh em chúng tôi như con, như cháu.

Công tác ở Văn phòng huyện được bốn tháng, tôi được trên điều về làm nhiệm vụ trinh sát bám địch ở đồn Pui, phụ trách cơ sở và du kích ở vùng Chêng, In Thi, bản Úc. Từ đó tôi chia tay với vợ chồng Átnha Xỏn. Sau này được gặp lại anh chị ở Sầm Nưa. Átnha Xỏn làm chủ nhiệm hậu cần, chị Đeng cũng là cán bộ hậu cần.

Hoà hợp dân tộc lần thứ nhất, trở về Hạ Lào, anh chị không về Áttăpư mà làm vườn, trồng sầu riêng ở km 16 đường Pạcxê, Pạcxoong. Năm 1959, khi chuyển hướng đấu

tranh, gia đình anh chị là chỗ dựa tin cậy của tổ công tác nội thành Pạcxê do các đồng chí Khăm Phủi (nguyên là Phó Thủ tướng), đồng chí Xỉ Phương (nguyên là Thường vụ tỉnh ủy Xálávăn) phụ trách.

Átnha Xỏn đã hy sinh trong khi đưa bộ đội tình nguyện vào phục kích đánh địch ở km 19, trên đường Pạcxê Pạcxoong năm 1960. Átnha Xỏn hy sinh, chị Đeng vẫn ở lại km 16 tiếp tục làm chỗ dựa của tổ cán bộ công tác nội dùng Pạcxê. Chị đã tích cực giúp đỡ tổ công tác trong việc liên lạc, xây dựng phát triển cơ sở nội thành, là nòng cốt trong các phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân Pạcxê Nook, mặc dù luôn luôn bị địch theo dõi, hù dọa. Chị là tỉnh ủy viên bí mật của tỉnh Chămpaxăc, sống và hoạt động công khai, mưu trí, dũng cảm trong lòng địch. Sau ngày đất nước được hoàn toàn giải phóng, chị chuyển về ở nội thành Pạcxê với một người cháu, tôi có đến thăm chị. Chị được Đảng và Nhà nước Lào phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang". Sau đó chị đã qua đời do bệnh nặng. Ngày nay, hình ảnh chị Đeng vẫn còn được lưu giữ một cách trang trọng tại nhà bảo tàng cách mạng của tỉnh Chămpaxăc.

Tinh thần yêu nước, tận tụy vì sự nghiệp cách mạng của vợ chồng Átnha Xỏn - Nang Đeng là tấm gương sáng mà nhân dân các bộ tộc ở Hạ Lào mãi mãi ghi nhớ.

CON GÁI HAI NƯỚC VIỆT - LÀO

Hoàng Thị Phương[1]

Tháng 02/1949, tôi và Lựu được đồng chí Nguyễn Chính Cầu gọi lên gặp, chưa biết chuyện gì nhưng chúng tôi rất mừng, ai cũng có một cảm nghĩ giống nhau: đồng chí chính ủy Cầu là người anh rất đáng tin cậy trong khu bộ nói riêng, khu Hạ Lào nói chung. Sau đó một vài ngày, tôi và Lựu lên đường về Liên khu V dự lớp học về công tác quần chúng, rồi dự lớp bồi dưỡng về công tác phụ nữ ở Hội Phụ nữ tỉnh Quảng Nam. Đến tháng 12/1949, tôi cùng đơn vị sang vùng Tây Nam Attăpư, nơi được chọn làm căn cứ địa ở khu Hạ Lào. Tôi được phân công về tổ dân vận, làm công tác phụ nữ ở ba bản Hỉn Lạt, bản Mày, bản Khốc Coòng. Thời gian đầu, tôi chưa biết nên nói và làm những việc gì, cứ vác ba lô đi hết bản này đến bản khác, từ nhà này đến nhà kia, mặc dầu vậy nhưng bà con dân bản nào cũng dễ thân quen, các bà mẹ có quả chuối, củ khoai cũng để phần, các em trai, em gái năn nỉ chúng tôi tập cho hát các bài mới. Các em độ tuổi mười bốn, mười lăm tới rủ chúng tôi lên chùa mượn trống về tập cho các em hát, múa lăm vông.

Việc gọi nhau tới để múa hát không có gì khó, dân làng rất đồng tình, họ cảm thấy cách mạng về mang cả nguồn

---

[1] Cán bộ phụ nữ Việt công tác tại Lào.

vui về cho bản làng. Họ rất tin tưởng cán bộ, bộ đội. Có lúc đi xem văn nghệ, họ để cả nhà, của cải cho anh em ta trông hộ. Nói là biểu diễn văn nghệ, nhưng thật ra rất đơn giản, chỉ cần vài cái nắp xoong, cái thùng sắt tây, nếu có trống càng tốt. Cứ nghe tiếng nhịp lăm vông nổi lên là bà con kéo đến chật sân chùa, thanh niên nam nữ tham gia múa hát cùng bộ đội. Gặp dịp có lễ hội của làng thì cuộc múa hát kéo dài thâu đêm đến sáng. Lúc ấy cán bộ phụ vận chỉ có tôi và Lựu, hai chị em xuống với dân, thấy họ làm bất kỳ việc gì cũng tham gia, chưa biết thì quyết học làm cho bằng được. Nghỉ ở nhà nào coi như mình là con cái của nhà đó. Cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng chuyện trò với các bà, các chị, qua đó mà tạo ra tình cảm quen thân, tin cậy, rồi tuyên truyền giác ngộ họ, tổ chức họ vào Hội Mẹ, Chị chiến sĩ, rồi chọn những người hăng hái tích cực giới thiệu vào tổ Ítxala bí mật. Chỉ trong mấy tháng, hầu hết các bản đã có Hội Mẹ, Chị chiến sĩ, hàng chục các mẹ, các chị đã tham gia tổ Lào Ítxala bí mật. Họ hăng hái tham gia việc giúp đỡ, khích lệ bộ đội, động viên chồng con tham gia công việc cứu nước. Nhiều mẹ, chị, nhất là nữ thanh niên đã tham gia dạy và học chữ ở các lớp bình dân học vụ - một lớp nữ công dạy may vá, thêu thùa kết hợp học về vệ sinh, phòng bệnh được mở ra tại bản Mày, với hơn 20 thanh thiếu nữ tham dự, do chúng tôi và chị Bội Lan phụ trách.

Hồi đó có một sự việc mà tôi không thể nào quên. Cuối năm 1951, đồng chí phụ trách triệu tập anh, chị em công tác cơ sở về họp nghe phổ biến tình hình và nhận chỉ thị mới, đồng chí cho biết: địch sắp mở một trận càn lớn, chúng

phối hợp ba cánh quân - một cánh từ Pạcxoong, một cánh từ phía tây đến, phối hợp với quân từ Mường Mày ra. Thời gian càn quét có thể kéo dài. Anh, chị em cơ sở cần làm tốt việc hướng dẫn nhân dân chống càn, bảo vệ cơ sở, bảo vệ dân, tích cực thực hiện kế hoạch phục vụ chiến dịch đường 13. Nghe xong, tôi định sẽ tổ chức các buổi nói chuyện, tuyên truyền động viên bà con các bản chuẩn bị sẵn sàng chống địch càn quét. Tôi chọn bản Hỉn Lạt làm nơi đầu tiên nói chuyện với dân về việc chống càn. Tôi chuẩn bị khá công phu, nói như thế nào để khuấy động được tinh thần của dân. Đến lúc nói, tôi vạch tội ác của thực dân Pháp, đời sống vô cùng cực khổ của nhân dân Lào. Ta sống trên đất nước của ta mà phải nộp thuế thân cho chúng, v.v… Sau khi nói một lúc, tôi dừng lại xem thái độ của người nghe như thế nào. Thấy nhiều người ngủ gật, các cháu gối đầu trên vế mẹ ngủ từ bao giờ, có người nhấp nhổm muốn đứng dậy...

Sau buổi họp ra về tôi hỏi anh Pheng, dì Bua và một số người khác xem, tôi nói có dễ hiểu không? Các anh các chị nhìn tôi với thái độ thiện cảm, nhưng không nói gì. Bác Xăy trả lời: "Nàng Phương ơi, nàng nói chuyện hay thật đấy, rất lưu loát nhưng dùng từ, dùng câu gì là lạ, chưa nghe bao giờ, nên rất khó hiểu". Tôi hỏi thêm một vài người họ cũng nói hay, nhưng không hiểu. Ôi! Tôi đi tuyên truyền dân họ không biết tôi muốn nói gì! Tôi cảm thấy mình đã thất bại. Sáng sớm hôm sau, tôi từ nhà Khăm Khách tới nhà Bua Ly, lúc đi tắt ngang qua sân chùa, bỗng có tiếng ai gọi, tôi dừng lại nhìn lên thấy A Chan Ú Kẻo, sư

cả chùa bản Hỉn Lạt đang vẫy gọi, không biết ông định nói điều gì, nhưng tôi cũng cúi đầu lễ phép bước tới hiên chùa, ngồi thụp xuống chắp tay vái chào. Nhà sư nói chậm rãi:

- Mè Oọc Phương ơi, chúng ta những người tu hành rất hoan nghênh việc họp dân nói chuyện như tối hôm qua, cũng có thể họ nghe lúc đầu chưa quen, chưa nhớ, nhưng rồi họ sẽ quen dần, còn cách thức làm và nói như thế nào để họ hiểu, cái đó cũng dần dần, đừng nôn nóng nghe. Dân bản Hỉn Lạt cũng như các bản lân cận rất ít người được đi ra khỏi bản, họ chỉ hiểu những câu dân bản hay nói. Nhưng không sao, dần dần rồi người nói và người nghe cũng sẽ hiểu nhau thôi. Hãy tin là sẽ quen và sẽ tốt đẹp.

Nghe sư cả nói tôi cảm thấy xấu hổ, làm cán bộ cơ sở mà nói dân không hiểu còn làm cái gì! Như đoán được nỗi băn khoăn của tôi, sư ông nói tiếp:

- Cũng là lẽ thường tình thôi, ta từ nơi xa mới đến làm sao hiểu hết được một lúc tất cả, cứ sống hòa hợp với họ rồi sẽ hiểu dần.

Tôi chắp tay cúi đầu vái sư cả với lòng biết ơn, rồi nói:

- Thưa A Chan, đúng là con chưa hiểu dân, nên nói năng chưa phù hợp, xin A Chan chỉ giáo cho con.

Sư cả vội vàng nói:

- Không phải vậy, chúng ta chỉ cùng trao đổi thôi mà! Mè Oọc Phương à, người Lào chúng tôi có câu: "Hệt thực khò, bò khỏ cò hậy; Vầu bò thực chây, khỏ xự cò bò khải" (Làm vừa lòng, không xin cũng cho; Người không vừa

lòng, xin mua cũng không bán). Người Lào được giáo lý của Phật răn dạy đã bao đời nay, đó là lòng nhân ái và tinh thần trọng nghĩa, căm ghét sự độc ác, bất nhân, là trái với lời Phật dạy. Bây giờ cách mạng cũng dạy dân chống điều bất công, thực hiện điều phúc đức, nhân đạo; dân tin, mến cách mạng, cách mạng nói là họ làm theo đấy, nhưng nếu chưa rõ, chưa biết thì họ chưa làm theo đâu nhá.

Tôi biết là nhà sư muốn góp ý khéo cho tôi. Tự nhiên tôi tha thiết muốn biết cách nói như thế nào cho dân dễ hiểu. Thì sực nhớ chỉ còn ba hôm nữa là đến Bun Phạ Vệt, tức ngày hoàng tử Phạ Vệt xuất gia đầu Phật; trong những ngày hội này nhà sư sẽ đọc bản trường ca nói về Hoàng tử đi tu. Nhân dân ai cũng thích nghe bản trường ca đó. Vì thế họ đi rất đông, nếu tranh thủ tuyên truyền trong dịp này rất thuận lợi. Tôi liền nghĩ đến việc nhờ nhà sư giúp làm công tác tuyên truyền với dân. Tôi về chuẩn bị một số ý kiến chính, tới bàn với nhà sư và năn nỉ nhà sư tuyên truyền cho. Lúc đầu nhà sư từ chối, nhưng rồi cũng nhận 1ời.

Hôm làm lễ ở chùa, tôi theo các bà, các chị tới chùa như một Phật tử ngoan đạo. Đêm đầu của ngày lễ, sư cả ngồi trên ngai giữ chùa, ông nói "Hỡi bà con Phật tử bản Hỉn Lạt và các bản lân cận, vì có một việc đại phúc đối với toàn dân trong cả nước ta, để nói việc đó cho bà con nghe, tôi định chậm hành lễ đi một chút, nói xong sẽ bắt đầu, bà con thấy thế nào?". Nhiều tiếng lao xao nổi lên hưởng ứng, rồi hàng trăm đôi mắt đổ dồn về phía nhà sư với vẻ chăm chú. Nhà sư nói một số câu có vần theo kiểu vè:

Cực gì cho bằng giặc Phalăng tới cướp nước

Khổ gì sánh nổi quỷ Phalăng tới cướp làng

Của cải người Lào làm ra bao đời mới có.

Bọn nó tới cướp sạch còn gì nữa bà con ơi!

Rồi nhà sư lấy chuyện thực tế về tội ác của giặc Pháp gây cho dân bản gần, bản xa, những người bị tù đày chết chóc, những người bị hãm hiếp, đi làm phu phen tạp dịch, v.v.. Quanh mấy câu vần vè ấy, những chuyện thực tế ông kể như đang xảy ra trước mắt họ, nhiều người thút thít khóc. Sau buổi nói chuyện, tôi hỏi các ông, các bà là nhà sư nói có dễ hiểu không. Họ như tranh nhau trả lời: "Hiểu chớ, vì có thật như thế mà, chúng tôi đều biết, nhưng lâu không ai nhắc đến cũng quên dần đấy, nhắc lại và nói rõ thêm... Người này một câu, người khác một câu để chứng minh tội ác của giặc Pháp, nhất là trong các trận càn vừa qua".

Tôi suy ngẫm thấy rằng đối với dân không nên rườm rà, dài dòng khó hiểu, cách nói thật bình dân, bớt những từ xa lạ, lấy chuyện thực tế xảy ra trong bản mà chứng minh.

Cũng từ đó, tôi thường đến các chùa dự nghe các buổi thuyết pháp của các sư và gần gũi các cụ, các mẹ nghe họ kể các chuyện cổ tích; rồi ghi chép, học thuộc lòng các câu ca dao, tục ngữ Lào để vận dụng vào các buổi tiếp xúc, nói chuyện với bà con. Nhờ vậy, mà các cuộc nói chuyện của tôi đã ngày càng hấp dẫn hơn, thu hút được sự chú ý của bà con nhiều hơn, tạo điều kiện giúp tôi làm tốt hơn nhiệm vụ của một cán bộ phụ vận trong những năm tháng hoạt động ở Hạ Lào.

BÀ MẸ LÀO

Phạm Ngọc Khuê

Kính tặng các bà mẹ Lào

Hơn một phần tư thế kỷ hoạt động ở chiến trường Lào có biết bao kỷ niệm sâu sắc mà tôi không thể nào quên được, những dấu ấn không thể phai mờ trong tâm trí tôi là hình ảnh về bà mẹ Lào. Bà mẹ trong vùng sau lưng địch, nơi tôi đã cống hiến tất cả tuổi thanh xuân đẹp đẽ của mình vì sự nghiệp cách mạng Lào và cũng vì nghĩa vụ đối với Tổ quốc thân yêu của mình.

Ngày ấy, vào đầu năm 1950, khi tôi từ Nha Hởn (trên cao nguyên Bôlávên) chuyển công tác về vùng Bưng Phạ Phô, tôi và một bạn Lào đã phải ngủ trong rừng, ăn tạm một nắm cơm nguội khô cứng, chỉ vì không gặp được người để nắm tình hình trước khi vào làng. Hôm sau, chúng tôi lại ra ngồi ở ven rừng bản Bốc. Từ xa, chúng tôi đã nhìn rõ một toán phụ nữ đang tiến lại gần, lòng khấp khởi mừng thầm sẽ được gặp mẹ. Nào ngờ, vừa thoáng thấy có bóng người lạ trong rừng, tất cả đều ù té chạy như bị thú dữ rượt đuổi. Chúng tôi cũng vội vàng rút sâu vào rừng phòng địch đi lùng khi được tin báo của dân. Nỗi ám ảnh từ lâu về hình ảnh "Người rừng" trong đầu của các bà mẹ thật đáng sợ: "Chúng nó ở rừng ăn toàn lá cây, xanh cả ruột; chúng nó có hàm răng rất dễ sợ, hễ thấy người là nhảy xổ ra vồ rồi

ăn tươi, nuốt sống". Đến khi gặp được cơ sở tốt, chúng tôi mới được vào làng sống với dân và từ ấy bằng những sự thật mắt thấy, tai nghe, các mẹ đã xóa đi cái ấn tượng đáng sợ về "Người rừng".

Tuy vậy, trong thâm tâm của các bà mẹ vẫn còn sợ "Keo"[1] - một cái tên rất xấu mà địch đã không ngớt tuyên truyền để chia rẽ tình đoàn kết Việt - Lào. Các mẹ đã đối xử với tôi chẳng khác gì những ông quan đến làng. Ngày tháng trôi qua, sự tác động của cơ sở cách mạng, của đội vũ trang tuyên truyền của bạn và thái độ, hành động của chúng tôi đã làm cho các bà mẹ phân biệt rõ chúng tôi khác hẳn với kẻ thù. Tình yêu giữa mẹ con bắt đầu từ đó và qua quá trình phát triển của cách mạng, tình yêu đó đã trở nên sâu sắc, khi chúng tôi được các mẹ gọi bằng một cái tên chung là "Con cháu Bác Hồ".

Càng tiến sâu vào vùng hậu phương của địch, trước những hiểm nguy không lường trước được, tôi mới hiểu được tình yêu của các bà mẹ Lào cao quý đến dường nào. Tôi còn nhớ vào một ngày tháng 7/1950, tôi đến bản Na Lan. Bản này cách đồn địch 6 km. Lúc đến gần làng bỗng gặp một cơn mưa dông, tôi chạy vội vào nhà một bà mẹ mà tôi chưa hề quen biết lần nào. Tôi vừa cởi tấm ni lông che mưa, chợt thấy một người dân làng hớt hải chạy đến báo tin khẩn cấp "Xáttuma! Xáttuma!". Hai tiếng "Địch đến", tôi vất vội tấm ni lông vào góc buồng và định nhảy xuống sàn, nhưng không kịp nữa rồi. Tiếng chó sủa, tiếng giày

[1] Người Kinh, người Việt.

đinh nện rầm rập trên sân làng và hai tên lính Âu - Phi đã xuất hiện trước mặt tôi. Chúng nhìn tôi chòng chọc với hai khẩu tiểu liên cực nhanh đang lăm le trong tay. Tôi tảng lờ như không có gì mà phải hốt hoảng và quay sang bên cạnh thấy chiếc xa quay vải, tôi nhấc nó lên rồi giả vờ ngồi sửa để tránh cặp mắt soi mói điên dại của hai tên lính lê dương. Rất may, chúng không phát hiện ra tôi là người Việt nên chúng tản đi nơi khác. Thoát hiểm nguy, tôi lẩn nhanh vào buồng, không cần biết đó là buồng của ai, để nghĩ cách thoát khỏi vòng vây của địch.

Quay về phía nhà bếp, tôi vẫy tay, cô gái vội vàng chạy đến. Dường như đã đoán biết tôi đang cần gì, cô gái đã nói ngay và nói rất khẽ vào tai tôi: "Chúng nó đông lắm, toàn lính da đen, đang tập trung ở chùa để chờ ăn sáng. Anh cứ ở yên tại đây. Nếu chúng nó có lên nhà thì em sẽ nói anh là chồng của em, anh đừng "xĩa chay" (mếch lòng) nhé!". Nghe những lời nói rất mộc mạc, chân tình của cô gái, lòng tôi cảm thấy bồi xúc động đến nỗi muốn nói mà không cất nên lời, tôi chỉ còn biết gật đầu. Hiểu ý tôi, cô gái đã vội bước ra ngoài để quan sát tình hình.

Cũng vào lúc này, bà mẹ đã đứng dưới chân cầu thang, hai tay bưng chiếc mâm gỗ có đủ các thức ăn như: xôi, chuối, trứng gà và mồm luôn cầu khẩn phật trời phù hộ cho tôi và gia đình tai qua nạn khỏi. Một lát sau, hai tên lính lại đến. Lần này chúng lại đứng dưới sàn sát với đầu buồng mà tôi đang ngồi trên đầu chúng. Chúng nói với nhau những gì tôi không rõ, tôi thầm lo trong bụng.

Sau đó, chúng tiến lại gần chỗ bà mẹ. Vớ được món ăn mà chúng đang cần, chúng không để sót một món gì trong mâm, hể hả gật đầu kèm theo một tiếng "Mec-xi" rồi đi thẳng. Ngót một tiếng đồng hồ trong vòng vây của một đại đội lính Âu Phi, nhờ bà mẹ và cô gái mà tôi đã thoát nạn. Giặc đi rồi, cả làng đều vui mừng làm lễ cầu phúc cho tôi. Tôi cứ tưởng rằng sau những lời cảm ơn dân làng, cảm ơn bà mẹ và cô gái Na Lan thì tôi sẽ được đi công tác nơi khác. Không ngờ bà mẹ lại nói với tôi: "Con đã vào nằm trong buồng của con gái mẹ, nên con phải cho mẹ tổ chức cưới buồng để cho con ma không quấy rầy nhà mẹ". Thấy tôi có vẻ ngơ ngác, tần ngần, bà mẹ liền giải thích: "Đây chỉ là một lễ cưới giả thôi, không có việc gì mà con phải e ngại. Nếu con thật lòng ưng con gái của mẹ thì mẹ cũng gả luôn cho con đấy".

Lòng tốt của bà mẹ thật không sao nói hết. Rất tiếc là từ ngày ấy, tôi rời bản Na Lan rồi chuyển đi công tác ở một nơi khác, nên tôi không có điều kiện để trở lại thăm bà mẹ và cô gái đáng yêu đó.

Đầu tháng 3/1951, từ vùng Bưng Phạ Phô, tôi được tổ chức điều động sang công tác ở bên hữu ngạn sông Mê Kông, lãnh địa của lãnh chúa Bun Ùm tỉnh Chămpaxăc. Đến đây chưa được bao lâu, địch đã trở lại lấn chiếm và giành quyền kiểm soát toàn tỉnh Chămpaxăc. Lực lượng vũ trang của bạn và ta đều rút hết về phía đông. Đội xây dựng cơ sở Lào - Việt chúng tôi được chỉ thị của cấp trên "chuyển hướng phương châm hoạt động, bí mật bám trụ

địa bàn xây dựng cơ sở cốt cán, giữ thế đấu tranh hợp pháp để bảo vệ cơ sở, phục hồi phong trào cách mạng".

Tình hình lúc này bước vào giai đoạn thoái trào. Địch tự do tung hoành. Tề, gian trở lại hoạt động rất mạnh. Điểm mặt từng tên đồn trưởng thấy nổi lên một tên hung hãn nhất là Sếp Xu, đồn trưởng Mương Mun. Hắn vốn là huyện đội trưởng, chỉ huy bộ đội địa phương của bản ở Mương Mun. Sau khi vào đầu hàng địch, hắn trở thành một tên tay sai ác ôn rất nguy hiểm. Hắn thông thạo địa hình, địa vật, biết rõ từng cơ sở cách mạng ở các thôn xã; nắm chắc quy luật hoạt động của ta để tìm diệt và phá hoại phong trào cách mạng. Hầu hết các cơ sở cốt cán đều bị hắn chỉ mặt đe dọa khủng bố, một số đã bị giết, bị bắt, số còn lại đành nằm im không thể hoạt động.

Chính vào những lúc khó khăn này, bà mẹ Lào đã xuất hiện như một ngôi sao sáng giữa trời đêm tối mênh mông. Được tin Sếp Xu sắp đi càn, mẹ Li ở bản Mày đã chạy ra báo tin và căn dặn chúng tôi: "Mẹ có nghe một người bà con của vợ Sếp Xu kể lại nó sẽ đi càn, nhưng mẹ chưa biết đích xác là nó đi lúc nào và đến nơi nào, bởi vậy các con phải cảnh giác đề phòng. Các con cứ ở đây, không được đi lung tung, rủi gặp chúng nó thì nguy hiểm lắm. Các mẹ bảo đảm sẽ giữ liên lạc, báo tin thường xuyên cho các con, sẽ mang xôi ra cho các con ăn. Chờ khi nào tình hình yên ổn đã rồi hãy đi".

- Nếu gặp tình huống trắc trở thì mẹ xử lý thế nào? - Tôi hỏi.

- Tình huống xấu là thế nào? Có phải các con sợ mẹ bỏ các con chăng? Không đâu! Không bao giờ lại có chuyện đó. Các con đừng lo - Để chúng tôi yên tâm, mẹ nói tiếp:

- Nếu địch cấm dân trong làng không được ra rừng thì các mẹ sẽ cùng dân làng kiên quyết đấu tranh để cho dân đi lại làm ăn. Trường hợp chúng dứt khoát không nghe thì các mẹ sẽ có cách khác mà địch không thể nào ngăn cấm được là các nhà sư, các chú tiểu trong chùa và lũ trẻ trong làng sẽ đi thay các mẹ. Khi nào lũ trẻ ra mà không gặp các con thì hãy nhớ đến các hốc cây săng lẻ mà các con đã biết để lấy thức ăn trong đó, kẻo bị đói đấy!

Nhờ sự bảo vệ của cơ sở cách mạng và các bà mẹ ở khắp các bản, nên đội xây dựng cơ sở chúng tôi, tuy không bao giờ nằm trong hầm bí mật, nhưng vẫn tồn tại vững vàng trong lòng địch. Cho đến một ngày tháng 9/1952, chúng tôi và đồng chí Hương đang ngồi ở khu rừng khộc, bỗng nghe tiếng súng nổ đùng đoàng, tôi chợt thấy có điều gì không lành. Đang lúc phân vân, chợt thấy mẹ Li, mẹ Pòn cùng đến. Nhìn qua đôi mắt của hai mẹ, nước mắt còn đọng trên mi, tôi chưa kịp hỏi thì mẹ Li đã oà khóc và nói không nên lời "Thạo Mai, Thạo Xiêm, hai đứa nó đã bị Sếp Xu bắn chết tại Noõngcàtà rồi".

Một cái tin như sét đánh ngang tai. Tôi ngước mắt nhìn trời, hàm răng nghiến chặt để ngăn hai dòng nước mắt sắp trào ra. Chung quanh tôi, tất cả mọi người đều đứng lặng yên để cho con sóng trong lòng trỗi dậy những đau thương và căm hờn. Tôi nghĩ đến một cảnh tượng rất dã man khi

lũ ác ôn cắt đầu, xẻo tai và vứt xác các đồng chí của tôi ở bên vệ đường. Sau những phút mặc niệm đó, mẹ Li không khóc nữa, mẹ mím chặt môi, hỏi tôi:

- Thế nào? Bây giờ thì các con tính sao? Cứ để mãi vậy ư?

Tôi cúi đầu suy nghĩ: Bà mẹ đã nổi giận nói không tiếc lời: "Có lẽ bọn mày không có quả tim. Ừ, mà sao lại không có quả tim..., vậy có quả tim sao lại không biết trả thù. Cứ để cho giặc nó giết dần giết mòn, nay một đứa, mai một đứa ắt sẽ đến ngày bọn mày sẽ bị tiêu diệt cả thôi".

Những lời nói giận dữ của bà mẹ đối với những đứa con mà mẹ thương yêu còn hơn cả con đẻ của mình, làm cho chúng tôi đứng lặng yên, chỉ nói được một câu:

- Mẹ chưa hiểu rõ hoàn cảnh của bọn con. Chúng con ở xa, không xin được ý kiến của cấp trên, nên dù có muốn cũng không dám làm theo ý của mẹ.

Nói vậy, tôi tưởng bà mẹ sẽ thông cảm, nào ngờ, thái độ của bà mẹ càng tỏ ra gay gắt hơn. Mẹ nói:

- Hừ, không cho đánh địch. Có lẽ nào cấp trên lại để cho các con bị tiêu diệt hay sao? Đừng, đừng có viện cớ để đổ cho cấp trên, mẹ chỉ sợ bọn con không dám đánh.

- Được rồi! Con sẽ làm theo ý của mẹ, nhưng nếu đánh địch mà nó khủng bố nhân dân thì các mẹ tính sao?

Tưởng rằng câu nói của tôi sẽ làm cho bà mẹ bớt cơn thịnh nộ, nhưng không ngờ rằng, hai bà mẹ nhìn nhau, mẹ Li giãi bày:

- Con nên hiểu rằng những lời mẹ nói với các con không phải là ý kiến riêng của mẹ mà là của mọi người, kể cả các A Chan trong chùa cũng nói: "Tội ác của Sếp Xu khác nào một con quỷ dữ, tại sao lại không trừ khử nó đi". Thế đấy con ạ! Mẹ nói rằng khi mà mọi người đã đồng tình thì họ sẽ không sợ chúng nó đâu. Các con càng đánh địch thì cái lý đấu tranh của các mẹ và nhân dân mới mạnh. Nếu ta không đánh thì chúng nó càng lấn tới, bịt mồm, trói chân và tiêu diệt chúng ta.

Những lời nói của mẹ đã làm cho tôi cảm thấy nhẹ nhõm trong lòng. Giữa hai dòng suy nghĩ: chịu trách nhiệm trước nhân dân, trước phong trào cách mạng với chịu trách nhiệm trước cấp trên có gì mâu thuẫn không? Tôi xác định: làm theo ý dân cũng là làm theo ý Đảng song cần phải cân nhắc thận trọng, bàn bạc thật kỹ với anh em trong đội xây dựng cơ sở để có chủ trương và cùng thống nhất hành động, nếu không sẽ bị phê phán là manh động.

Thấy tôi gật đầu chấp nhận ý kiến của bà mẹ như một mệnh lệnh, đôi mắt của mẹ dịu đi. Tôi dõi theo bóng dáng của hai bà mẹ lặng lẽ bước đi trên con đường trở về làng mà lòng tự nhủ rằng: dễ mấy ai hiểu được những bà mẹ nông dân hiền lành, chất phác suốt đời chỉ tụng kinh niệm Phật lại là những bà mẹ rất thông minh và rất đỗi anh hùng.

Qua một năm bám trụ địa bàn, đội của chúng tôi đã xây dựng được cơ sở cốt cán ở khắp các thôn xã và phục hồi được phong trào từ nam đến bắc. Từ thực tiễn đó, chúng tôi đều nhất trí chủ trương diệt tên đồn trưởng ác

ôn ở Mường Mun, đồng thời tiếp tục có biện pháp răn đe giáo dục bọn tề, gian ở một số vùng trọng điểm để tạo một khí thế mới, đẩy mạnh phong trào tiến lên một bước mới.

Để thực hiện chủ trương diệt tên đầu sỏ Sếp Xu, tập thể đã giao cho tôi và đồng chí Hương trọng trách này. Chúng tôi tìm đến nhà mẹ Xú ở bản Xa Nôn. Làng của mẹ cách đồn Mương Mun khoảng 1 km. Địch ra lệnh cấm dân không được quần tam tụ ngũ trong nhà, không được chong đèn sau bữa cơm tối, nên bà mẹ thường đi ngủ sớm, nhưng cửa vẫn khép hờ để đợi các con về. Mẹ vẫn sống một mình. Chồng của mẹ đã mất sau một chuyến đi làm xâu trở về, để lại một đứa con trai lớn 12 tuổi, mẹ đã cho nó đi làm chú tiểu trong chùa.

Chúng tôi tìm đến mẹ vào đêm 30, trời tối đen như mực. Lúc này đã quá nửa đêm. Chúng tôi hẹn mẹ sáng mai gặp lại tại một nơi đã định. Sáng hôm sau, bà mẹ đã ra đúng điểm hẹn. Mẹ không quên mang theo các thức ăn để bồi dưỡng cho hai anh em chúng tôi như: xôi, chuối, trứng gà, cá nướng, mắm pađẹc và thuốc lá đã vê sẵn từng điếu để chúng tôi hút hàng ngày. Mẹ con gặp nhau trong rừng khộc, rồi bỗng nhiên bà mẹ oà lên khóc. Mẹ thương thằng Mai, nó hiền như Phá Tê Mê (ông bụt), mẹ rất đau lòng khi thấy thằng Xiêm còn bé bỏng mà sao nó phải hy sinh đau đớn như vậy. Tôi không dám gây thêm xúc động tình cảm trong lòng bà mẹ, nên tôi chuyển sang câu chuyện mà chúng tôi cần sự giúp đỡ của bà mẹ:

- Mẹ ơi! Chúng con đến gặp mẹ lần này để nhờ mẹ giúp cho chúng con một việc rất quan trọng, không biết mẹ có giúp được không?

- Con cần gì, mẹ sẽ sẵn sàng, cứ nói đi!

- Con cần biết tình hình địch ở đồn Mương Mun và Sếp Xu nó ngủ trong đồn hay ngủ tại nhà?

Câu hỏi của tôi khiến cho bà mẹ bất ngờ. Mẹ ngồi lặng yên, cúi đầu trầm ngâm suy nghĩ. Mãi một lúc, đôi mắt bà mẹ rực sáng và mẹ gật đầu rồi hỏi:

- Con cần mấy ngày, nói cho mẹ biết để mẹ liệu tính công việc.

- Tùy mẹ quyết định. Càng sớm càng tốt. Chúng con sẽ đợi tin mẹ báo tại chòi ruộng của chị Mã. Nhưng con nói với mẹ một điều, việc này cần giữ bí mật, nếu để lộ ra thì rất nguy hiểm đấy mẹ ạ!

Bà mẹ trừng mắt hỏi ngay:

- Con không tin mẹ sao? Mẹ có cái đầu này để bảo đảm với con. Dù cho đầu lìa khỏi cổ mẹ cũng không bao giờ bỏ các con. Hãy tin ở mẹ. Mẹ đã hứa là mẹ sẽ làm.

Chúng tôi an tâm chờ đợi. Đúng một tuần sau, chúng tôi đã lần đến tận nhà Sếp Xu và diệt được tên đồn trưởng ác ôn này. Chiến công này hầu như không mấy người biết được là của bà mẹ Xú ở bản Xá Nôn. Chính bà mẹ đã huy động đội quân ngầm mà mẹ thường gọi là lũ trẻ để nắm tình hình rất chính xác và chỉ đúng chỗ Sếp Xu ngủ để chúng tôi dí súng vào đầu hắn vào lúc 3 giờ sáng.

Trong nhiều bà mẹ đã từng là nữ tướng trong đội quân tóc dài suốt cả thời kỳ đấu tranh chính trị chống Mỹ ngụy, tôi có gặp một bà mẹ rất bình thường, nhưng bà mẹ ấy đã để lại trong tâm trí tôi một ấn tượng không bao giờ quên được.

Vào một ngày tháng 8/1965, trong lúc phong trào đang phục hồi, bọn địch ở đồng Vặt Phu đã đến bản Hè để lùng bắt du kích, trong toán quân này có một cán bộ chỉ huy du kích của bạn đã vào đầu hàng địch và làm chỉ điểm cho địch.

Trong số dân quân du kích, có con của mẹ Bú cũng bị địch bắt. Bà mẹ kiên quyết giằng lại đứa con của mình. Mặc cho bọn địch dọa dẫm hành hung, bà mẹ vẫn không hề sợ hãi. Đứng trước tên chỉ huy ngụy, bà mẹ nói:

- Tôi không chối cãi rằng con tôi đã từng là du kích, nhưng không phải ai khác mà chính là thằng Hiêng này đã tổ chức con tôi vào dưới quyền chỉ huy của nó.

Nói xong, bà mẹ chỉ thẳng vào mặt tên Hiêng rồi thét to lên: "Mày là thằng trời đánh! Chính mày đã rủ rê con tao vào du kích, bây giờ mày lại bán con tao vì súng đạn. Tao nói cho mày biết, tao đã già 63 tuổi rồi, tao không sợ chết đâu!"

Chưa hả cơn thịnh nộ, bà mẹ lại trừng mắt nói tiếp: "Thằng Hiêng! Mày đã quên rồi sao, những ngày tao mang xôi ra rừng cho mày ăn. Mày có nhớ ai đã từng nuôi mày mà bây giờ mày lại phản bội, mất cả tính người. Mày đừng

tưởng rằng tao sợ chết, tao sẵn sàng chết, không tiếc đời của tao đâu".

Trước thái độ quyết liệt của bà mẹ, lại được nhân dân đồng tình, tên chỉ huy đồn Vặt Phu thấy rõ cái thế không đàn áp được, hắn ra lệnh lui quân, trả lại đứa con cho bà mẹ. Bà mẹ Lào trước quân thù đã tỏ rõ khí phách của một bà mẹ anh hùng, rất đáng kính phục. Trở về với cuộc sống bình thường, các bà mẹ Lào đã dành tất cả tình thương yêu của mình cho con cháu. Tình mẹ rộng mênh mông như biển cả, mẹ không dành riêng cho một người nào và cũng không hề có sự phân biệt đối xử con Việt hay con Lào. Có một biểu hiện rất đặc biệt là mỗi lần lập được chiến công, trong niềm vui chung, các bà mẹ thường biểu lộ một thái độ rất thâm trầm và có một nỗi lo hơn ai hết, đó là chăm sóc cho các thương binh của ta và bạn.

Nhớ lại trận đánh đồn Mương Mun vào tháng 7/1954, bộ đội ta diệt được nhiều địch, bắt nhiều tù binh, nhưng cũng bị thương vong khá nhiều. Các bà mẹ đã dành tất cả thức ăn ngon nhất cho anh em thương binh và cùng các con gái của mình chia nhau thường trực bên giường bệnh để chăm sóc các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam. Chăm sóc và hát cho các chiến sĩ ta nghe, các bà mẹ và các cô gái đã tìm đủ mọi cách xua đi những cơn đau để cho chiến sĩ ta yên giấc ngủ.

Trong nhiều lần tiếp xúc với bạn và tìm hiểu về một vấn đề "Đất nước Lào giàu đẹp, nhân dân Lào cần cù lao động nhưng vì sao chúng ta khổ", đã có nhiều ý kiến tố cáo

tội ác của bọn thực dân, phong kiến. Song, tôi thấm thía nhất câu nói của một bà mẹ ở bản Bùng Kẹo: "Cuộc đời nô lệ tệ hơn con vật, thảm hại hơn con chó". Tôi nghĩ đó là lời giải thích rõ nhất, sâu sắc nhất, nguyên nhân vì sao mà nhân dân Lào, bất chấp gian khổ hy sinh để đấu tranh vì độc lập, tự do cho đất nước Lào và yêu quý con cháu Bác Hồ như con đẻ của mình.

Một quân đội đi chiến đấu ở nước bạn mà được nhân dân các bộ tộc ở nước bạn gọi là "Lục lản Lung Hồ" (Con cháu Bác Hồ), thiết nghĩ không còn có danh từ nào tốt đẹp hơn thế và chính vì chúng tôi là con cháu Bác Hồ, nên các bà mẹ Lào và nhân dân Lào mới dành cho những tình cảm vô cùng đặc biệt. Đó là một nguyên nhân trong nhiều nguyên nhân đã thúc đẩy tôi đi chiến đấu lâu dài ở chiến trường Lào và rất sung sướng tự hào khi nói rằng "Lào là quê hương thứ hai của tôi".

Tháng 12 năm 1995

HỒI KÝ CỦA CÔ Y TÁ VIỆT

Trần Thị Ngọc Anh

Năm 1924 tại vùng quê huyện Điện Bàn - Quảng Nam, trong một gia đình bần nông, đôi vợ chồng nghèo đã sinh ra người con gái, đặt tên là Lan.

Cách mạng Tháng Tám thành công đã thức tỉnh Lan. Dứt khoát phải thoát cho được cảnh ở đợ nhà người, tìm đến lẽ sống để làm người chân chính. Những ý nghĩ trên đã thôi thúc Lan đến với Đảng và Bác Hồ. Năm 1946, Lan vào bộ đội; năm 1950, Lan được kết nạp vào Đảng, sát cánh cùng đồng chí mình, sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành nhiêm vụ mà Đảng giao. Tháng Giêng 1951, mưa xuân rừng núi, mai vàng, hoa dại, cây lá đâm chồi nẩy lộc, Lan từ giã bạn bè, đồng chí ở cơ quan tỉnh đội Quảng Nam, gói chặt một hành trang kỷ niệm, để lên đường sang Lào cùng đơn vị mới. Gian khổ của chiến trường rừng núi miền Đông Hạ Lào, nhiều lúc lay động ý chí của cô, nhưng nhớ lời dặn dò của đồng chí thủ trưởng cơ quan tỉnh đội trước lúc lên đường:

"Đồng chí Lan này! Cố gắng nhé! Dù ở đâu, bên mình hay bên bạn, đồng chí hãy luôn luôn phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách xuất sắc. Tôi tin tưởng đồng chí".

Từ đó, Lan đã tự xác định vị trí chiến đấu của mình ở tuyến sau, làm công tác phụ vận chăm sóc thương binh. Nhiều tấm gương anh dũng của cán bộ, chiến sĩ Việt - Lào trên mình mang đầy vết đạn thù, được chuyển về điều trị tại trạm xá nhưng vẫn tươi tỉnh, cố níu kéo sự sống còn, để được cùng đồng đội tiếp tục chiến đấu. Nhiều đồng chí, tuy chưa bình phục hẳn, nhưng với ánh mắt khẩn cầu đã nói cùng Lan:

- Nhờ đồng chí nói với cấp trên là tôi đã khỏe, cho tôi ra viện, tiếp tục được cầm súng chiến dấu.

Lan dịu dàng đỡ đồng chí ấy nằm xuống và hứa sẽ thực hiện theo nguyện vọng của đồng chí. Còn biết bao nhiêu tấm gương hy sinh cao cả nữa đã nung nấu ý chí của Lan ngày càng mãnh liệt, quyết làm tròn nhiệm vụ với đồng chí, đồng bào, quyết giành giật sự sống còn cho đồng đội, đủ sức chiến đấu đến ngày thắng lợi.

Tại trạm xá của Khu, những giờ rỗi việc, Lan tranh thủ tìm, đào, chặt cây thuốc nam về sao, nấu cho bộ đội uống ngừa sốt, chữa cảm, v.v. nên được đồng chí Sơn thủ trưởng biểu dương trước đơn vị. Vừa làm y tá, vừa làm công tác dân vận, khó khăn mà Lan thường gặp phải là ngôn ngữ bất đồng trong quan hệ với bạn. Vì vậy, Lan phải tìm cách lân la với nhân dân, chiến sĩ bạn để học tiếng Lào, và chỉ mấy tháng sau Lan đã có thể giao tiếp bằng ngôn ngữ Lào với bạn. Từ đó mà Lan với bạn thân thiết hơn, gần gũi hơn. Lan vận dụng nghề nghiệp, hướng dẫn, tạo điều kiện cho bạn biết sử dụng thuốc nam, biết cách phòng bệnh và giữ

gìn sức khỏe. Có những lúc bạn ốm, Lan trực tiếp chăm sóc cho đến khi khỏi bệnh. Bà con thường gọi Lan là Y Lan (cái Lan - cách gọi thân thương).

Tròn ba năm trên đất bạn, Lan đã vĩnh biệt không biết bao nhiêu đồng đội. Nước mắt, nụ cười thân thương và căm thù hòa lẫn. Từng chiếc khăn tay, từng chiếc xắc cốt, từng tấm nứa rừng khắc tên người yêu ở quê nhà... của những đồng chí đã vĩnh viễn ra đi để lại. Mỗi lần nhìn thấy những kỷ vật đó, lòng Lan bỗng tràn ngập nỗi buồn.

Hoàn thành nhiệm vụ, Lan được về lại quê nhà trong nỗi nhớ khôn nguôi chiến trường xưa. Chiếc váy Lào, đủ màu sặc sỡ tặng vật của cô X.V, nữ y tá Lào, một người bạn thân đã từng dạy Lan học tiếng Lào, tặng Lan lúc chia tay, luôn gợi lại cho Lan những kỷ niệm khó quên trong những tháng năm sống trên đất bạn. Ôi! Khoảng thời gian tưởng như vừa mới đây, nhưng thấm thoát đã trên 40 năm rồi. Đất nước hoàn toàn độc lập - Nam Bắc một nhà - chiến tranh chấm dứt; chắc là trên nước Lào anh em, giờ này vẫn sinh sôi nẩy nở những bông hoa kỳ diệu, làm cho đất nước ngày càng thêm tươi đẹp, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Nhân dân cách mạng Lào.

Giờ đây, cô y tá Lào ngày nào đã tròn 68 tuổi, tuổi xế chiều, lưng còng, gối mỏi, nhưng tính Đảng trong Lan vẫn là nguồn sinh lực dồi dào, tôi luyện cho Lan tiếp tục sống xứng đáng là một cựu chiến binh tình nguyện, một đảng viên cộng sản trong những năm cuối đời.

Qua những dòng viết mộc mạc này, Lan xin gửi kèm theo lời chào đất nước và nhân dân Lào, với những tháng ngày nuôi Lan trên chặng đường đầy gian nan, thử thách. Chào tất cả đồng đội Việt - Lào đã ngã xuống để nhuộm thắm màu cờ vì sự nghiệp giải phóng của hai dân tộc. Chào những đồng chí của Lan, những cựu chiến binh tình nguyện quân, mặc dù tuổi cao sức yếu vẫn một lòng theo Đảng đến cùng, sát cánh cùng thế hệ trẻ, đưa đất nước đi lên ngang tầm thời đại.

Ngày 22/10/1992

SÁT CÁNH BÊN NHAU

Hiệp định Giơnevơ về Lào quy định trong lúc chờ một giải pháp chính trị giữa hai bên Chính phủ Vương quốc và các lực lượng Pathét Lào bàn bạc, thống nhất hiệp thương, tiến hành tổng tuyển cử tự do và thành lập Chính phủ liên hiệp thống nhất nước Lào năm 1955, thì hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalỳ do các lực lượng Pathét Lào quản lý về mọi mặt.

Song các thế lực phái hữu thân Mỹ trong chính quyền Viêng Chăn vẫn nuôi âm mưu chống phá cách mạng hai tỉnh, hòng tiêu diệt các lực lượng Pathét Lào. Được đế quốc Mỹ viện trợ từ cuối tháng 11/1954, bọn phản động Lào đã huy động quân tiến công vùng tập kết của Pathét Lào, mở đầu bằng cuộc tiến công vào Mường Pơn, tỉnh Sầm Nưa. Bộ đội Pathét Lào được Đoàn 100 giúp đỡ chiến đấu tiêu hao được một phần sinh lực địch, buộc chúng phải hạn chế lùng sục, lấn chiếm các vùng giải phóng của cách mạng Lào.

Sang năm 1955, phái hữu trong Chính phủ và quân đội Viêng Chăn tập trung hai phần ba lực lượng cùng một số toán, nhóm biệt kích phản động địa phương mở các cuộc tiến công vào nhiều khu vực thuộc hai tỉnh tập kết của Pathét Lào. Những tháng đầu năm 1955, chúng tăng cường lấn chiếm, đóng giữ 13 vị trí quan trọng, xâm nhập 131 bản

trong tổng số 974 bản của tỉnh Sầm Nưa và 195 bản trong số 598 bản toàn tỉnh Phongxalỳ; đồng thời huy động một bộ phận lực lượng mở các cuộc càn quét, khủng bố nhân dân ở 10 tỉnh thuộc quyền kiểm soát của chính quyền nhà vua Lào. Những hành động phá hoại các điều khoản Hiệp định Giơnevơ về Lào của quân phái hữu Viêng Chăn đã gây nên tình hình rất căng thẳng, nguy hiểm cho sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, thống nhất và độc lập của Lào; đồng thời gây trở ngại cho cuộc đấu tranh thi hành Hiệp định Giơnevơ của nhân dân các nước Đông Dương.

Trước tình hình đó, Trung ương Đảng Nhân dân và Chính phủ kháng chiến Lào đề ra đường lối, chủ trương đấu tranh cách mạng trong tình hình mới: "Động viên mọi lực lượng của quân và dân cả nước đẩy mạnh đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh quân sự một cách kiên quyết, bền bỉ để giữ vững căn cứ cách mạng hai tỉnh, giữ vững và phát triển cơ sở cách mạng ở 10 tỉnh, làm thất bại mọi âm mưu tiến công phá hoại của Mỹ và tay sai, buộc chúng phải chịu thi hành Hiệp định Giơnevơ, tiến tới xây dựng một nước Lào hòa bình, dân chủ, thống nhất và độc lập thực sự"[1].

Trước mắt, Trung ương Đảng Nhân dân và Chính phủ kháng chiến Lào giao nhiệm vụ cho quân đội Pathét Lào làm nòng cốt cùng nhân dân hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalỳ kiên quyết chiến đấu đánh bại các cuộc tiến công lấn chiếm của quân phái hữu Viêng Chăn, giữ vững

---

[1] *Lịch sử các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào (1945 - 1975), Sđd.*

khu căn cứ, tạo cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh vì hòa bình, trung lập, hòa hợp dân tộc của nhân dân các bộ tộc cả nước Lào. Đây là nhiệm vụ rất quan trọng và hết sức nặng nề, đòi hỏi các đơn vị quân đội Pathét Lào phải tập trung lực lượng, sẵn sàng chiến đấu cao. Tuy nhiên, các đơn vị quân đội Pathét Lào mới được tập trung, còn thiếu kinh nghiệm chiến đấu, thời gian huấn luyện chưa nhiều, trang bị vũ khí thiếu thốn, nếu tập trung tác chiến ngay có thể sẽ gặp khó khăn, thương vong, tác động đến tư tưởng và lòng tin vào cách mạng của bạn. Hơn nữa, nguồn lương thực, thực phẩm, trang bị kỹ thuật dự trữ cho cuộc chiến đấu dài ngày còn hạn chế, cần có thời gian chuẩn bị khẩn trương mới đáp ứng được tình hình chiến đấu có thể diễn ra quyết liệt.

Ngày 25/01/1955, sau khi nghe Tổng Quân ủy báo cáo, Bộ Chính trị ta nhận định: Âm mưu của địch là cố làm cho Đoàn 100 rút về nước, không giúp đỡ được Pathét Lào. Chúng tìm mọi cách đóng quân và tổ chức chính quyền ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalỳ, tiến tới thôn tính hai tỉnh của bạn; đồng thời đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân các bộ tộc Lào. Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị chủ trương phối hợp với bạn ra sức củng cố hai tỉnh; đẩy mạnh đấu tranh của nhân dân toàn quốc Lào để hỗ trợ với đấu tranh ở Hội nghị hiệp thương. Đối với Chính phủ nhà vua, phải phân biệt đối xử với từng phe phái, chống bọn thân Mỹ, đoàn kết với những cá nhân và bộ phận tiến bộ trong nhân dân và Chính phủ Vương quốc, không đoàn kết được thì trung lập, chỉ chống bọn thân Mỹ, thống nhất lãnh đạo

toàn quốc vào Chính phủ và Hoàng thân Xuphanuvông, phối hợp chặt chẽ với đồng chí Cayxỏn Phômvihản.

Đây là chủ trương chỉ đạo đúng đắn, kịp thời của Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy ta đối với công tác giúp bạn trong giai đoạn chuyển hướng chiến lược từ thời chiến sang thời bình, củng cố giữ vững vùng giải phóng, đẩy mạnh đấu tranh hiệp thương, giữ vững thành quả cách mạng Lào.

Chủ trương và đề án đấu tranh ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalỳ đã được hai Đảng thống nhất, triển khai thực hiện. Cuộc đấu tranh giữa lực lượng cách mạng và lực lượng phản cách mạng ở Lào diễn ra trong hoàn cảnh mới với những hình thức mới.

Theo đề nghị về thực hiện đề án đấu tranh ở hai tỉnh đã được Đảng hai nước thống nhất, Đoàn 100 được sự chỉ đạo phối hợp của Ban Cán sự miền Tây của Trung ương Đảng ta đã nghiên cứu đề xuất với bạn kế hoạch tác chiến và tổ chức khu chiến đấu bảo vệ hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalỳ. Qua trao đổi, Bộ Chỉ huy tối cao Lào và lãnh đạo, chỉ huy Đoàn 100 đã thống nhất những nội dung cơ bản trong kế hoạch tác chiến và phương thức tổ chức khu chiến đấu.

Về phương án tác chiến bảo vệ hai tỉnh: Trong thời gian đầu, khi các tiểu đoàn chủ lực tập trung xây dựng, huấn luyện, nâng cao trình độ chiến đấu, bạn sử dụng lực lượng vũ trang tại chỗ của hai tỉnh kết hợp với công tác binh, địch vận, ngăn chặn quân địch càn quét, lấn chiếm,

các làng bản. Đồng thời, tranh thủ thời gian tuyên truyền, động viên quân và dân hai tỉnh tăng cường đoàn kết, đẩy mạnh các mặt công tác chuẩn bị về mọi mặt, sẵn sàng chiến đấu cao.

Theo chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ kháng chiến Lào, hai tỉnh tập kết phân chia thành các khu chiến đấu liên hoàn nhằm tăng khả năng tổ chức quản lý, hỗ trợ lẫn nhau giữa các khu, kể cả trường hợp bị chia cắt, trong từng khu vẫn có thể độc lập chiến đấu. Căn cứ vào nhiệm vụ và yêu cầu của Bộ Chỉ huy tối cao Lào, Đoàn 100 đã nghiên cứu giúp bạn về cách bố trí các lực lượng tác chiến trên từng khu vực của hai tỉnh:

Tỉnh Sầm Nưa phân chia làm ba khu vực tác chiến: Khu vực I gồm các huyện Mường Xôi, Sầm Tớ, một phần Mường Sầm và các xã phía đông đường số 6 thuộc huyện Húa Mường, do hai tiểu đoàn chủ lực, ba đại đội địa phương huyện và một trung đội Lào Xủng đảm nhiệm. Khu vực II gồm huyện Xiềng Khọ, một phần huyện Mường Sầm và các xã phía tây đường số 6 thuộc huyện Húa Mường, do một đại đội chủ lực, hai đại đội địa phương phụ trách. Khu vực III gồm 145 bản thuộc 13 xã của huyện Mường Xon, do một đại đội chủ lực, hai đại đội địa phương đảm nhiệm. Ngoài ra, tỉnh Sầm Nưa còn có 1.711 du kích bám cơ sở ở các làng bản vùng tự do và một số bản vùng địch tạm chiếm.

Đối với tỉnh Phongxalỳ được chia thành hai phân khu: Phân khu tỉnh miền Bắc gồm hai huyện Mường U, Mường

Xừn và thị xã Phongxalỳ, do một tiểu đoàn chủ lực, một đại đội trợ chiến, ba trung đội bộ đội địa phương đảm nhiệm. Phân khu tỉnh miền Nam gồm các huyện còn lại, do một tiểu đoàn chủ lực, hai trung đội bộ đội địa phương huyện phụ trách. Ngoài ra còn có 1.150 du kích hoạt động ở các bản làng.

Nhằm tăng cường khả năng bảo vệ các cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ kháng chiến Lào, Bộ Chỉ huy tối cao Lào đã chỉ đạo, chỉ huy một bộ phận lực lượng cơ động, gồm ba tiểu đoàn chủ lực và các tiểu đoàn trợ chiến, vận tải; các đại đội thông tin, quân báo, công binh sẵn sàng đánh địch.

Theo yêu cầu của bạn, Đoàn 100 cử một số cán bộ cố vấn giúp hai tỉnh đội Sầm Nưa, Phongxalỳ và các đơn vị của bạn thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu ở các khu vực tác chiến được phân công. Đoàn cử đồng chí Nguyễn Hữu Nghị đến giúp Tỉnh đội Sầm Nưa, đồng chí Đinh Văn Tuy giúp Tỉnh đội Phongxalỳ; đồng chí Hán Công Ích, cố vấn Tiểu đoàn 593 cùng đơn vị bạn chuyển xuống huyện Sầm Tớ (phía nam tỉnh Sầm Nưa); đồng chí Phạm Thế Dũng, cố vấn Tiểu đoàn 613 cùng đơn vị bạn chuyển vào vùng địch hậu Mường Xon, bám địa bàn phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương đánh địch, bảo vệ cơ sở, giữ vững phong trào cách mạng ở vùng địch hậu.

Như vậy, sau một thời gian tích cực giúp bạn củng cố, huấn luyện bộ đội, tổ chức lực lượng chiến đấu, chuẩn bị mọi mặt chiến trường, phát động nhân dân các bộ tộc Lào

tham gia, Đoàn 100 đã giúp bạn xây dựng được một thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc ở hai tỉnh tập kết, tạo cơ sở quan trọng cho các lực lượng Pathét Lào và nhân dân các bộ tộc Lào đẩy mạnh các hoạt động, chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng chiến đấu ngăn chặn quân địch lấn chiếm trái phép, bảo vệ vững chắc thành quả của cách mạng bạn.

Sau khi huy động một bộ phận lực lượng đánh chiếm một số khu vực ở vùng giáp ranh và tung gián điệp, biệt kích vào nắm tình hình ở một số nơi quan trọng thuộc hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalỳ; từ tháng 3/1955, các thế lực phái hữu trong chính quyền và quân đội Viêng Chăn tập trung lực lượng lớn, mở cuộc tiến công vào các căn cứ của Pathét Lào ở vùng đông nam, tây bắc thị xã Sầm Nưa và các khu vực tây nam Mường Khoa, Mường U Tày - U Nưa, tỉnh Phongxalỳ.

Dưới sự chỉ huy của Bộ Chỉ huy tối cao Lào và sự giúp đỡ tích cực của các tổ cố vấn quân sự và dân chính Việt Nam, bộ đội Pathét Lào và nhân dân các bộ tộc Lào dựa vào thế trận chuẩn bị sẵn đã kiên cường chiến đấu đánh trả các cuộc tiến công của địch. Cuộc chiến đấu bảo vệ vùng căn cứ của các lực lượng Pathét Lào diễn ra quyết liệt, kéo dài từ năm 1955 đến tháng 8/1956, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong ba tháng đầu năm 1955, địch mở một số cuộc tiến công lấn chiếm quy mô nhỏ, mang tính chất thăm dò, chuẩn bị cho bước phiêu lưu quân sự lớn. Ta giúp bạn chiến đấu chống địch lấn chiếm và chuẩn bị lực lượng, thế trận chiến trường, sẵn sàng đối phó với địch lâu dài.

Trên địa bàn tỉnh Sầm Nưa, địch tập trung lực lượng tiến công vào sân bay Noọng Khạng và khu vực Húa Mường, Mường Pơn. Trước tình hình đó, Bộ Chỉ huy tối cao Lào ra lệnh cho Tiểu đoàn 613 sử dụng một đơn vị tới tuyên truyền, tổ chức chiến đấu ngăn chặn bước tiến quân của địch ở Nọng Khạng. Tổ cố vấn của Tiểu đoàn 613 đã tham gia giúp bạn chiến đấu. Sau gần một tuần, Bộ Chỉ huy tối cao Lào ra lệnh điều động thêm một đại đội thuộc Tiểu đoàn 705 đến phối hợp chiến đấu. Tổ cố vấn Tiểu đoàn 705 cử đồng chí Lê Thanh Cảnh đi cùng đại đội giúp bạn đánh địch.

Theo kế hoạch, ngày 17/01/1955, dưới trời rét đậm, sương mù dày đặc, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 613 và một đại đội thuộc Tiểu đoàn 705 tiến vào áp sát bao vây sân bay Noọng Khạng. Trên đường tiến công, một tổ trinh sát của bạn gặp một toán địch đang đốt lửa sưởi cạnh một đồn gần sân bay, liền bắn một loạt AK vào đội hình quân địch. Phát hiện bộ đội Pathét Lào tập trung lực lượng tiến công, bọn địch hoảng sợ bỏ đồn, vội vã rút chạy về phía Sa Then. Các đơn vị bạn tiến vào chiếm đồn và các vị trí trong sân bay, kêu gọi những người bị buộc lôi kéo theo địch mang súng trở về với gia đình. Ngay sau đó, bạn tổ chức lực lượng bảo vệ toàn bộ khu vực sân bay.

Ngày 18/01/1955, chính quyền Viêng Chăn dựng chuyện tố cáo các lực lượng Pathét Lào vi phạm Hiệp định Giơnevơ về Lào và mời bộ phận Ủy ban quốc tế đến kiểm tra, hòng vu cáo, buộc các đơn vị quân đội Pathét Lào phải

rút khỏi sân bay Noọng Khạng. Trước tình hình đó, tổ cố vấn Tiểu đoàn 613 đã giúp bạn nắm vững nội dung các điều khoản của Hiệp định quy định về Lào, dùng lý lẽ đấu tranh thẳng thắn với Ủy ban quốc tế. Đồng thời, tiếp xúc trao đổi với các đồng chí Ba Lan trong Ủy ban quốc tế, thống nhất ý kiến: Noọng Khạng thuộc vùng quản lý của các lực lượng Pathét Lào, quân đội phái hữu Viêng Chăn đã tiến công chiếm đóng trái phép. Khi quân đội Pathét Lào đến hoạt động ở khu vực này, quân của phái hữu Viêng Chăn hoảng sợ phải bỏ chạy. Sau ba ngày họp, trước thái độ đấu tranh kiên quyết, đúng đắn của bạn, Ủy ban giám sát quốc tế phải thừa nhận Noọng Khạng là địa bàn thuộc vùng quản lý của các lực lượng Pathét Lào, quân đội Pathét Lào không vi phạm Hiệp định Giơnevơ về Lào. Chính quân đội phái hữu Viêng Chăn đã vi phạm Hiệp định.

Nhằm tăng cường khả năng phòng thủ tại sân bay Noọng Khạng, chống cả quân bộ và quân dù địch lấn chiếm, tổ cố vấn Tiểu đoàn 613 được lệnh tiếp tục giúp bạn bố trí lực lượng, xây dựng phương án tác chiến; đồng thời tích cực tham gia xây dựng cơ sở nhân dân, tuyên truyền vận động binh lính địch còn lẩn trốn trong rừng trở về với gia đình, xây dựng cuộc sống mới. Bằng hình thức tuyên truyền thích hợp, 20 binh lính và dân vệ theo địch đã trở về trình diện và mang súng nộp cho cách mạng. Nhờ những nỗ lực to lớn của bạn và sự giúp đỡ tận tình của tổ cố vấn Tiểu đoàn 613, khu vực Noọng Khạng đã nhanh chóng được xây dựng thành một vùng giải phóng, làm chỗ dựa vững chắc cho các lực lượng Pathét Lào chiến đấu.

Trận đánh sân bay Noọng Khạng là một trong những trận đầu xuất quân giành thắng lợi của bạn. Mặc dù không tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, nhưng đã giúp cho bạn và tổ cố vấn của ta hiểu rõ hơn âm mưu, thủ đoạn của địch, tạo niềm tin cho bạn vào khả năng có thể đánh thắng địch, nếu biết được điểm yếu của địch và phát huy được thế mạnh của cách mạng.

Sau khi nghe báo cáo về diễn biến trận đánh sân bay Noọng Khạng, đồng chí Cayxỏn Phômvihản - Tổng Bí thư Đảng Nhân dân Lào và đồng chí Chu Huy Mân - Đoàn trưởng Đoàn 100 biểu dương thắng lợi của các đơn vị bạn cùng tổ cố vấn đã giành được và kết luận: "Như vậy là ta vừa đánh, vừa thắng kiện, lại biết làm tốt công tác vận động chính trị đối với nhân dân và binh lính địch"[(1)].

Trong khi đó, ở khu vực Mường Pơn, Húa Mường - Tiểu đoàn 617 bạn được giao nhiệm vụ phối hợp với lực lượng tại chỗ gây dựng cơ sở, chống địch lấn chiếm trái phép vùng căn cứ của bạn. Tổ cố vấn của Tiểu đoàn 617 do hai đồng chí Lê Khôi và Phạm Xuân Thuỳ phụ trách xuống cơ sở cùng với các đại đội bạn tuyên truyền, xây dựng cơ sở chính trị. Trong khi cùng bạn xuống cơ sở chuẩn bị chiến trường, đồng chí Phạm Xuân Thuỳ đã anh dũng hy sinh do vướng mìn của địch ở gần bản Nasala.

Thực hiện âm mưu tiếp tục phá hoại cách mạng Lào, địch đưa một trung đội nống ra chiếm giữ bản Xa Lới. Phát

---

(1) Tư liệu do đồng chí Phạm Thế Dũng, nguyên tổ trưởng chuyên gia Tiểu đoàn 613 Pathét Lào cung cấp.

hiện địch, đơn vị bạn bí mật chuyển lực lượng qua bản Na Khum rồi bất ngờ tiến vào bao vây quân địch ở Xa Lới, bắt toàn bộ địch, thu nhiều vũ khí, sau đó tuyên truyền, giáo dục, thả chúng về đồn Mường Pơn. Bị thất bại, địch huy động hai tiểu đoàn nhảy dù xuống tăng cường lực lượng cho khu vực Mường Pơn và đánh lấn ra vùng xung quanh. Tiểu đoàn 617 phối hợp với lực lượng tại chỗ tiếp tục hoạt động, gây cho địch một số thiệt hại. Sau một thời gian chiến đấu, lương thực, vũ khí cạn dần, sức khỏe bộ đội giảm sút. Bộ Chỉ huy tối cao Lào ra lệnh rút Tiểu đoàn 617 ra khỏi vùng căn cứ nhằm củng cố lực lượng, bổ sung vũ khí trang bị; đồng thời điều động Tiểu đoàn 705 vào thay thế tiếp tục hoạt động ngăn chặn các hành động phá hoại, lấn chiếm trái phép của địch.

Song song với thủ đoạn đưa quân tiến công lấn chiếm trái phép ở phía trước, địch tung gián điệp, biệt kích hỗ trợ bọn phản động địa phương nổi dậy gây bạo loạn ở Khăng Khô, Khăng Khét, Mường Ngà thuộc huyện Sầm Tớ và nống ra vùng Huội Thầu, chiếm một điểm cao gần sân bay Na Thong, cách thị xã Sầm Nưa 6 km, uy hiếp đường giao thông quan trọng từ thị xã Sầm Nưa đến khu căn cứ Trung ương Lào.

Thường xuyên theo dõi phát hiện âm mưu của địch, Bộ Chỉ huy tối cao Lào ra lệnh cho Tiểu đoàn 601 đưa một đại đội tiến lên bao vây bọn phỉ nống ra vùng Huội Thầu; đồng thời chuyển hai đại đội phối hợp với lực lượng tại chỗ tuyên truyền làm công tác diệt phỉ ở các vùng Hang Lọng,

Khăng Khô và điều động một đại đội của Tiểu đoàn 585 tăng cường cho Tiểu đoàn 601 bảo vệ sân bay Na Thong. Tổ cố vấn của Tiểu đoàn 601 do đồng chí Bùi Huy Bổng phụ trách phân công từng cán bộ đi cùng các đại đội xuống cơ sở tuyên truyền, vận động quần chúng ủng hộ bộ đội Pathét Lào, tổ chức dân quân du kích bảo vệ làng bản. Sau hơn một tháng hoạt động, các đồng chí cố vấn được phân công đã giúp bạn củng cố, ổn định trật tự an ninh, đuổi hết bọn biệt kích, thổ phỉ xâm nhập trái phép ra khỏi vùng căn cứ của bạn.

Trong thời gian này, tổ cố vấn giúp Tỉnh đội Sầm Nưa tuyển chọn tổ chức được một đại đội độc lập mang phiên hiệu Đại đội 32 làm nhiệm vụ tuyên truyền, gây dựng cơ sở, bảo vệ các khu vực Khăng Khô, Khăng Khét. Lãnh đạo, chỉ huy Đoàn 100 cử đồng chí Trương Hoàng - Trung đội trưởng làm cố vấn giúp Đại đội 32 bạn huấn luyện, xây dựng cơ sở. Một lần cùng đơn vị bạn đi chuẩn bị chiến trường ở vùng Mường Hàm, đồng chí Trương Hoàng đã anh dũng hy sinh trên đoạn đường từ thị xã Sầm Nưa đi Mường Hàm do bị bọn phỉ phục kích. Đây là một tổn thất đối với tổ cố vấn hoạt động ở khu vực thị xã Sầm Nưa.

Ở tỉnh Phongxalỳ, từ đầu năm 1955, địch liên tục tung bọn biệt kích, thổ phỉ, kết hợp với bọn tay sai phản động địa phương thâm nhập, đánh chiếm khu vực U Tày và tăng cường các hoạt động phá hoại dọc đường từ U Tày đến thị xã Phongxalỳ, gây khó khăn cho các lực lượng Pathét Lào.

Nhằm ngăn chặn các hoạt động lấn chiếm trái phép và phá hoại của địch, Bộ Chỉ huy tối cao Lào lệnh cho Tỉnh đội Phongxalỳ và Tiểu đoàn 701 đưa Đại đội 3 đến phối hợp với lực lượng du kích đẩy mạnh hoạt động tiễu trừ bọn biệt kích, thổ phỉ. Đồng chí Hoàn - Trung đội trưởng được cử làm cố vấn Đại đội 3 giúp bạn đã tích cực cùng với đơn vị của bạn tuyên truyền xây dựng cơ sở trong nhân dân và tổ chức lực lượng đánh địch, bảo vệ bản làng. Một lần cùng bạn trên đường đi hoạt động gây dựng cơ sở, đồng chí Hoàn bị bọn phỉ phục kích đã anh dũng hy sinh ở một địa điểm cách thị xã Phongxalỳ 10 km. Tổ cố vấn Tiểu đoàn 701 cử đồng chí Tiến - Trung đội trưởng thay thế đến Đại đội 3, tiếp tục giúp bạn gây dựng cơ sở và phát triển lực lượng dân quân du kích ở khu vực U Tày.

Thực hiện âm mưu ngăn chặn các hoạt động của Pathét Lào ở khu vực Mường Ngay, giáp giới U Tày và U Nưa, địch tập trung một tiểu đoàn lập các chốt kiểm soát chặt chẽ việc ra vào khu vực này. Theo yêu cầu của bạn, tổ cố vấn Tiểu đoàn 701 cử đồng chí Nguyễn Phú Vỵ[(1)]. Đại đội trưởng đi cùng một đại đội bộ binh và một trung đội trợ chiến tăng cường cho Đại đội 3 của bạn đẩy mạnh hoạt động ở vùng Mường Ngay. Phát hiện quân đội Pathét Lào tăng cường thêm lực lượng chuẩn bị tiến công, địch vội rút

---

(1) Đồng chí Nguyễn Phú Vỵ sinh năm 1924, quê ở phường Ngọc Thuỵ, quận Long Biên (Hà Nội) được tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang ngày 31/8/1955, do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954).

phần lớn lực lượng sang bên kia biên giới Lào - Trung và chỉ để lại một đại đội chốt giữ ở U Tày. Ngay lập tức, Tiểu đoàn 701 tập trung lực lượng áp sát, bao vây và dùng hỏa lực trợ chiến tiến công địch. Đồng chí Tiến, sĩ quan pháo binh, trợ lý cố vấn tiểu đoàn đã trực tiếp giúp bạn từ khâu chuẩn bị đến lúc chiến đấu, góp phần tiêu diệt 11 tên địch, buộc chúng phải rút khỏi vùng U Tày.

Vùng Mường Khoa nằm ở phía nam tỉnh Phongxalỳ, là khu vực thuộc vùng giải phóng cũ ở Pathét Lào, tuy địch không đánh lấn, chiếm đóng, nhưng chúng liên tục tung biệt kích, gián điệp và thổ phỉ vào sâu trong các cơ sở của bạn quấy phá nhiều mặt. Trước tình hình đó, Bộ Chỉ huy tối cao Lào lệnh cho Tiểu đoàn 589 do đồng chí Phan Lân và đồng chí Đạo phụ trách, tích cực giúp bạn tuyên truyền gây dựng cơ sở quần chúng, vận động nhân dân các bộ tộc Lào ủng hộ Pathét Lào. Đồng chí Sâm, Trung đội trưởng, trợ lý cố vấn tiểu đoàn thường xuyên cùng với đơn vị bạn đi vào vùng giáp nơi địch kiểm soát, thực hiện vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở, ngăn chặn các hành động phá hoại của địch. Cùng thời gian này, một bộ phận lực lượng an ninh của Việt Nam (do một tổ cố vấn Đoàn 100 làm trung gian) phối hợp hoạt động, ngăn chặn không cho bọn phỉ ở vùng Tây Bắc (Việt Nam) tràn sang phá hoại cách mạng Lào.

Sau một thời gian tập trung lực lượng mở các cuộc tiến công lấn chiếm nhỏ lẻ bị thất bại ở phía tây nam tỉnh Sầm Nưa, từ tháng 3 đến cuối tháng 10 năm 1955, địch tập

trung lực lượng tiến công vào khu căn cứ của bạn ở Mường Pơn, Kẹo Lôm, Na Kềng. Các đơn vị quân đội Pathét Lào sau một thời gian chuẩn bị chiến trường, xây dựng, huấn luyện, sức mạnh chiến đấu được nâng cao. Để gây thanh thế hoạt động, Bộ Chỉ huy tối cao Lào quyết định sử dụng các tiểu đoàn 705, 601 có các tổ cố vấn của ta giúp đỡ đã phối hợp với các lực lượng tại chỗ đánh địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại, bảo vệ vững chắc các khu căn cứ của bạn.

Ngày 01/3/1955, địch bất ngờ cho quân nhảy dù xuống chiếm giữ bản Mường Pơn; tiếp đó, ngày 25/3/1955, chúng huy động thêm quân mở cuộc tiến công từ Húa Mường lên chiếm khu vực Mường Pơn và dãy núi Phu Xạng (nằm ở phía sau Mường Pơn) thuộc tỉnh Sầm Nưa. Địch xây dựng các khu vực vừa chiếm đóng thành một cụm cứ điểm nằm sâu trong vùng quản lý của Pathét Lào và đưa một bộ phận Ủy ban quốc tế đến đóng ở Mường Pơn, hòng hợp pháp hoá việc chiếm đóng trái phép của chúng. Từ Mường Pơn, địch tập trung quân mở các cuộc tiến công ra các vùng Kẹo Lôm, Pa Kha, Na Kềng, Nasala, Xa Lới, cách nơi đặt cơ quan chỉ huy tiền phương của bạn ở Mường Hàm khoảng 30 km.

Trước tình hình đó, Bộ Chỉ huy tối cao Lào điều động Tiểu đoàn 705, một đơn vị mạnh của Hạ Lào chuyển lên gần khu vực Mường Pơn thay Tiểu đoàn 617, tổ chức lực lượng phòng thủ trên một số điểm chốt, hoạt động ngăn chặn các cuộc lấn chiếm trái phép của địch. Tổ cố vấn quân sự Tiểu đoàn 705, do đồng chí Nguyễn Tất Đào - Tiểu đoàn

phó và đồng chí Lê Thanh Cảnh - Đại đội trưởng phụ trách bám sát các đơn vị, giúp bạn tuyên truyền, giáo dục tinh thần đoàn kết, phát huy truyền thống chiến đấu của bộ đội Pathét Lào trong kháng chiến chống Pháp, nắm chắc tình hình hoạt động của địch, tổ chức một số trận phục kích, gây cho chúng thiệt hại, buộc phải lùi về cố thủ ở khu vực Mường Pơn.

Trong khi đó, Tiểu đoàn 601, do đồng chí Bùi Huy Bổng làm cố vấn, sau khi hoàn thành nhiệm vụ tiễu phỉ ở Hang Lọng, Khăng Khô nhận được lệnh của Bộ Chỉ huy tối cao Lào chuyển đến đánh cứ điểm Pa Kha. Đây là một vị trí tiền tiêu của địch ở khu vực Mường Pơn. Theo kế hoạch, tiểu đoàn cử các đơn vị bộ binh bao vây, áp sát đồn, sau đó dùng pháo cối tập kích dồn dập vào cứ điểm địch. Bị đánh bất ngờ, quân địch hoảng sợ bỏ chạy, các đơn vị bạn tiến vào làm chủ cứ điểm, thu một số lương thực, vũ khí. Phát huy thắng lợi, Tiểu đoàn 601 phối hợp với Tiểu đoàn 585 tiến đánh đồn Pa Thí, do bọn phỉ đóng giữ. Bọn phỉ bố phòng cẩn mật và ngoan cố chống cự, trận đánh của các đơn vị bạn không đạt được mục tiêu đề ra. Tiểu đoàn 585 để lại một bộ phận lực lượng, do đồng chí Nguyễn Thế Cập làm cố vấn, hoạt động kìm chế bọn phỉ quấy phá, còn phần lớn lực lượng của tiểu đoàn cùng Tiểu đoàn 601 chuyển về khu căn cứ củng cố, chuẩn bị cho trận đánh mới.

Ở khu vực Mường Pơn, ngày 17/5/1955, địch tổ chức lực lượng mở cuộc tiến công hòng chiếm lại Pa Kha vừa bị mất. Tiểu đoàn 609, một đơn vị được trang bị mạnh, gồm

phần lớn cán bộ, chiến sĩ vùng Hạ Lào, do đồng chí Bảo làm cố vấn tổ chức phục kích, gây cho địch một số thiệt hại, buộc chúng phải rút quân. Trong thời gian giúp bạn chiến đấu ở khu vực Mường Pơn, đồng chí Hoàng Đình Cầu - Đại đội phó, trợ lý cố vấn tiểu đoàn, một lần cùng bạn đi nghiên cứu tình hình chiến trường bị địch phục kích đã kiên cường chiến đấu và anh dũng hy sinh.

Trải qua hơn năm tháng chiến đấu, quân và dân tỉnh Sầm Nưa có sự giúp đỡ của các cán bộ cố vấn quân sự Đoàn 100 đã giành được thắng lợi đáng kể, tạo thế chuyển biến quan trọng cho các lực lượng Pathét Lào. Song bạn chưa có trận nào chiến thắng oanh liệt, tiêu diệt lớn lực lượng quân địch, đánh bại được âm mưu phá hoại của chúng. Do lực lượng vẫn còn khá mạnh, sau một thời gian củng cố, địch tiếp tục mở các cuộc tiến công vào khu căn cứ Pathét Lào với quy mô lớn và ác liệt hơn. Tháng 5/1955, địch tập trung một lực lượng lớn tiến công chiếm lại Nasala và Xa Lới, sau đó chuẩn bị đánh vào khu vực Mường Hàm, cách thị xã Sầm Nưa 28 km.

Theo dõi nắm rõ âm mưu của địch, đồng chí Chu Huy Mân - Đoàn trưởng Đoàn 100 đã gặp các đồng chí Cayxỏn Phômvihản - Tổng Bí thư Đảng, Tổng Tư lệnh Bộ Chỉ huy tối cao và đồng chí Xixavạt Kẹo Bun Phăn - Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pathét Lào. Qua trao đổi về tình hình địch và ta, các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy bạn và đồng chí Đoàn trưởng Đoàn 100 quyết định đánh một trận thắng lớn để nâng cao sức chiến đấu và gây thanh thế. Nasala

- một cứ điểm quan trọng của địch được chọn là nơi tấn công của ta. Mục đích trận đánh là: tiêu diệt một bộ phận và làm tan rã một tiểu đoàn quân địch, góp phần động viên bộ đội Pathét Lào nâng cao khí thế, phấn khởi, tin tưởng vào việc lực lượng vũ trang cách mạng Lào có khả năng đánh và sẽ thắng lớn, từ quy mô từng tiểu đoàn đến từng binh đoàn địch; đánh bại một bước âm mưu phá hoại của chúng đối với hai tỉnh tập kết Sầm Nưa và Phongxalỳ, tạo uy thế cho phái đoàn chính trị, quân sự Pathét Lào đấu tranh đòi phía Chính phủ Viêng Chăn ngừng các hoạt động phá hoại Hiệp định Giơnevơ về Lào.

Về lực lượng tham gia trận đánh, bạn sử dụng Tiểu đoàn 705 (do đồng chí Đảo làm cố vấn), Tiểu đoàn 617 (do tổ đồng chí Lê Khôi làm cố vấn), hai đại đội bộ đội địa phương, một đại đội trợ chiến tăng cường của Tiểu đoàn 605 trang bị ĐKZ57 và cối 81 ly (do tổ đồng chí Hà Quốc Hồng làm cố vấn), cùng một số đơn vị kỹ thuật phục vụ chiến đấu của Bộ Chỉ huy tối cao Lào. Căn cứ vào quyết tâm và kế hoạch tác chiến của trận đánh, các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần bạn lập kế hoạch cụ thể về công tác chính trị, tư tưởng; kế hoạch diễn tập cho các tiểu đoàn tham gia trận đánh; kế hoạch hành quân chiếm lĩnh trận địa xuất phát tiến công; các kế hoạch vận tải, nuôi quân, chăm sóc thương, bệnh binh và giải quyết tù hàng binh. Toàn bộ kế hoạch trận đánh được bạn xây dựng hoàn chỉnh đều có sự giúp đỡ, tham gia đóng góp những ý kiến quan trọng của các tổ cố vấn chính trị, tham mưu và hậu cần Đoàn 100.

Chỉ huy trận đánh là đồng chí Xixavạt Kẹo Bun Phăn, Tổng Tham mưu trưởng. Đồng chí Chu Huy Mân, đoàn trưởng Đoàn 100 trực tiếp đi cùng để có thể giúp bạn xử trí kịp thời các tình huống tác chiến. Cố vấn các ngành của Đoàn 100 đều có bộ phận đi sát cơ quan tiền phương giúp bạn.

Sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương, 7 giờ 30 phút ngày 30/6/1955, khi trời còn sương mù, Bộ Chỉ huy tiền phương bạn ra lệnh cho các đơn vị nổ súng, mở đầu trận đánh vào Nasala. Bộ phận hỏa lực của bạn bắn cấp tập vào các vị trí quân địch gần bản Nasala. Tiếp đó, các đơn vị bộ binh từ hai cánh nhanh chóng tiến sâu, đánh chia cắt từng vị trí quân địch. Ngay từ những loạt đạn pháo đầu tiên, binh lính địch đã bị thương vong một số, bộ phận còn lại hoảng loạn không kịp chống đỡ. Các mũi xung phong của bạn có cố vấn quân sự theo giúp tiến nhanh vào chiếm lĩnh ngọn đồi khống chế, bắn xuống cứ điểm địch. Bọn địch bị động chống cự yếu ớt rồi rút chạy vào các khe suối, bãi ruộng lẩn trốn. Phát hiện địch tháo chạy, bạn dùng súng cối, ĐKZ và súng bộ binh bắn chặn, diệt nhiều tên, rồi chuyển sang truy kích đuổi địch đến Bản Ngôn, gần khu vực Mường Pơn, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Trong trận đánh này, các đơn vị bạn diệt và làm bị thương hơn 100 tên địch, trong đó có tên đại uý Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 10, bắt hơn 40 tên, thu nhiều vũ khí và quân trang, quân dụng, giải phóng hoàn toàn các khu vực Nasala, Na Ngôn, Na Nọng và Na Kềng. Chiến thắng

Nasala đã gây tiếng vang lớn, làm nức lòng quân dân hai tỉnh tập kết, đánh dấu bước trưởng thành về cách đánh gần, tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân đội Pathét Lào, gây nỗi khiếp sợ đối với quân đội trong phái hữu Viêng Chăn.

Đầu tháng 7/1955, Bộ Chỉ huy tối cao Lào tổ chức hội nghị tổng kết kinh nghiệm trận đánh Nasala. Hầu hết các vị lãnh đạo Đảng, Mặt trận và hơn 300 cán bộ các đơn vị bạn từ cấp trung đội trở lên đã tham dự hội nghị. Đồng chí Xixavạt Kẹo Bun Phăn, Tổng Tham mưu trưởng báo cáo cụ thể diễn biến và kết quả trận đánh, phân tích ý nghĩa thắng lợi, khẳng định bộ đội Pathét Lào có thể đánh và đánh thắng quân phái hữu Viêng Chăn; đồng thời rút ra bài học về xây dựng, huấn luyện, chiến đấu của các đơn vị, cơ quan. Đồng chí Cayxỏn Phômvihản, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân Lào phát biểu đánh giá cao tinh thần chiến đấu, ý nghĩa thắng lợi của trận đánh và kết luận khẳng định quân dân hai tỉnh Sầm Nưa, Phongxalỳ có đủ khả năng tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, đẩy lùi các đợt tiến công của chúng vào khu căn cứ. Đồng thời căn dặn các lực lượng Pathét Lào ở hai tỉnh tập kết nâng cao tinh thần độc lập tự chủ và ý thức tự cường, tập trung xây dựng quân đội Pathét Lào lớn mạnh, tự đảm đương nhiệm vụ công tác và khả năng chiến đấu độc lập.

Sau hội nghị này, các cơ quan, đơn vị tổ chức học tập bản báo cáo về trận đánh của đồng chí Tổng Tham mưu trưởng và bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đảng

bạn, tiến hành khen thưởng những tập thể và cá nhân lập công xuất sắc. Tiếp đó, Trung ương Đảng bạn chỉ đạo tổ chức một đợt tuyên truyền, giáo dục sâu rộng về ý nghĩa chiến thắng và phổ biến kinh nghiệm cho các cơ quan, đơn vị và nhân dân các bộ tộc Lào. Qua đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn này, các đơn vị quân đội Pathét Lào, lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các bộ tộc Lào tin tưởng vào đường lối cách mạng đúng đắn của Trung ương và Chính phủ kháng chiến Lào, quyết tâm chiến đấu bảo vệ vững chắc khu căn cứ tập kết hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalỳ.

Sau thất bại ở Nasala, quân địch thận trọng hơn trong việc sử dụng lực lượng mở các cuộc hành quân lấn chiếm; đồng thời tung các lực lượng biệt kích, thổ phỉ vào sâu trong vùng dân tộc và căn cứ của Pathét Lào hoạt động quấy phá. Ngày 25/7/1955, địch tập trung hai tiểu đoàn đánh chiếm khu vực Húa Mường, nhằm hỗ trợ, bảo vệ cho đồng bọn ở khu vực Húa Mường vừa bị thất bại. Tiếp đó, trong hai tháng 8 và 9/1955, địch tổ chức lấn chiếm khu vực Pa Thí và tiến công vào Huội Nhạ, uy hiếp thị xã Sầm Nưa từ phía tây và ngăn chặn đường liên lạc vào các huyện địch hậu Mường Xon, Húa Mường.

Trước tình hình đó, tháng 8/1955, Bộ Tổng tham mưu ta chỉ thị cho Đoàn 100: Cần phối hợp với lực lượng Pathét Lào hoạt động quân sự, ngăn chặn mọi âm mưu, hành động phá hoại của địch, kiên trì giữ vững hai tỉnh tập kết, củng cố bộ đội Pathét Lào. Chỉ thị quy định kế hoạch quân sự của Đoàn 100 và hình thức tác chiến của Đoàn.

Thực hiện chỉ thị của Bộ Tổng tham mưu ta, theo yêu cầu của bạn, Đoàn 100 đã nghiên cứu giúp bạn xây dựng phương án tác chiến đánh địch ở khu vực Huội Nhạ. Lực lượng bạn tham gia trận đánh có Tiểu đoàn 609, một đơn vị được trang bị mạnh (tổ cố vấn tiểu đoàn do đồng chí Bảo phụ trách); một đại đội của Tiểu đoàn 705 (tổ cố vấn do đồng chí Đảo phụ trách); một đại đội trợ chiến tăng cường của Tiểu đoàn 605 (tổ cố vấn do đồng chí Hồng phụ trách); một đại đội độc lập của tỉnh và một số đơn vị kỹ thuật phục vụ chiến đấu của Bộ Chỉ huy tối cao Lào.

Đồng chí Xixavạt Kẹo Bun Phăn, Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pathét Lào trực tiếp chỉ huy trận đánh này. Đoàn 100 cử các đồng chí Võ Quốc Vinh, cố vấn Phòng Tham mưu và đồng chí Ngọc Ánh, cố vấn ban tác chiến cùng các tổ cố vấn tiểu đoàn tham gia giúp bạn chỉ huy bộ đội Pathét Lào chiến đấu.

Quân địch tổ chức phòng ngự ở Huội Nhạ, một điểm cao nằm trên địa hình rừng núi hiểm trở, đường giao thông đi lại rất khó khăn. Để bảo đảm cho trận đánh thắng lợi, các đơn vị bạn tổ chức huấn luyện khá công phu trên sa bàn, tiếp đó học tập về kỹ thuật đánh bộc phá mở hàng rào, cách đánh hiệp đồng binh chủng, đánh giáp lá cà theo hiệu lệnh bằng kèn đồng và pháo hiệu thống nhất trên toàn mặt trận.

Theo kế hoạch, 8 giờ ngày 12/9/1955, Ban Chỉ huy tiền phương bạn ra lệnh cho các đơn vị nổ súng. Mở đầu là các cụm hỏa lực bố trí trên điểm cao bắn dồn dập vào các vị

trí, dồn quân địch cố thủ trong các cứ điểm. Ngay sau đó, đội kèn đồng phát lệnh xung phong, các đơn vị bộ binh luồn theo từng khe núi tiến vào. Một đơn vị bộ binh nhanh chóng chiếm điểm cao và dùng súng bắn liên tiếp vào cứ điểm địch. Bị đánh bất ngờ, quân địch hoảng sợ chống cự yếu ớt rồi rút chạy vào rừng. Các đơn vị bạn tiến vào làm chủ trận địa, thu được một số lương thực và quân dụng.

Cùng thời gian này, các lực lượng vũ trang bạn ở tỉnh Sầm Nưa đẩy mạnh các hoạt động đánh địch ở Huội Thầu, Mường Pơn và một số nơi khác, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Đến cuối tháng 10/1955, các đơn vị bạn có Đoàn 100 giúp đỡ tận tình đã đánh tan nhiều cuộc tiến công lấn chiếm trái phép của địch, buộc chúng phải rút khỏi các khu vực dọc bờ sông Nậm Pơn, điểm cao 1340 thuộc Mường Pơn. Ở hai huyện địch hậu Mường Xon và Húa Mường, bộ đội địa phương bạn phối hợp với một đại đội thuộc Tiểu đoàn 613 (tổ cố vấn do đồng chí Dũng phụ trách) đánh chặn bọn biệt kích xâm nhập vào một số bản, gây cho chúng thiệt hại, buộc phải rút lui. Các đơn vị bạn còn tiến hành vũ trang tuyên truyền, gây dựng được nhiều cơ sở ở các bản Lào Xủng, giáp vùng Pa Thí, góp phần tạo thế bảo vệ vững chắc khu căn cứ du kích của bạn.

Trong khi đó, ở tỉnh Phongxalỳ, địch cho quân nống ra xây dựng đồn Pha Chon để bảo vệ cho cứ điểm Pùng Nhang, nơi đặt cơ quan chỉ huy bọn phỉ và nhận lương thực, vũ khí tiếp tế bằng máy bay lên thẳng của địch. Đồn Pha Chon được xây dựng trên một điểm cao ở phía tả ngạn

sông Nậm Nua, chảy từ vùng Tây Bắc (Việt Nam) sang Lào qua ngã ba sông ở Mường Khoa chảy ra Nậm U. Đây cũng chính là con đường tiếp tế bằng đường thủy của Việt Nam sang giúp cách mạng Lào.

Tháng 9/1955, Bộ Chỉ huy tối cao Lào ra lệnh cho Tiểu đoàn 701 phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương tiến công đồn Pha Chon. Tổ cố vấn Tiểu đoàn 701 do đồng chí Tăng phụ trách giúp bạn huấn luyện bộ đội, xây dựng phương án tác chiến, chuẩn bị chiến trường. Nhờ chuẩn bị chu đáo, các đơn vị bạn tiến đánh Pha Chon giành thắng lợi, làm thất bại âm mưu lấn chiếm trái phép của địch, bảo vệ con đường tiếp tế cho bạn bằng đường thủy từ Việt Nam sang Lào.

Trước những thất bại cả về chính trị và quân sự, bị nhân dân các bộ tộc Lào lên án và dư luận quốc tế không đồng tình, nhưng các thế lực phản động trong quân đội phái hữu và Chính phủ Viêng Chăn vẫn chưa chịu từ bỏ âm mưu thâm độc. Chúng vẫn tiếp tục các hoạt động phá hoại, hòng làm suy yếu các lực lượng Pathét Lào, xóa bỏ hai tỉnh tập kết của cách mạng Lào.

Sau cuộc tổng tuyển cử riêng rẽ và gia nhập Liên hợp quốc (12/12/1955), phía Viêng Chăn gọi Pathét Lào là "phiến loạn" và tuyên bố công khai tiếp tục tiến công lấn chiếm trái phép các vùng căn cứ hai tỉnh tập kết. Thực hiện âm mưu đó, từ cuối tháng 12/1955, địch tập trung lực lượng mở các cuộc tiến công, chiếm đóng một số vùng ở huyện Húa Mường thuộc tỉnh Sầm Nưa và Bun Nưa,

U Tày thuộc tỉnh Phongxalỳ; đồng thời tung biệt kích, thám báo, thổ phỉ luồn sâu vào hậu phương của Pathét Lào tìm cách phá hoại cách mạng Lào.

Trước những diễn biến ngày càng phức tạp ở Lào, Bộ Tổng tham mưu ta chỉ thị Cục Tác chiến tổ chức một đoàn cán bộ gắng giúp bạn huấn luyện đơn vị đột phá (điểm) để xây dựng thành điển hình, trên cơ sở đó nhân rộng ra các đơn vị khác, nhằm nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật, đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalỳ.

Tuy nhiên, để Pathét Lào đảm đương được nhiệm vụ phá tan âm mưu của địch đối với cách mạng Lào nói chung và hai tỉnh Sầm Nưa, Phongxalỳ nói riêng, cần phải xây dựng một kế hoạch tác chiến cơ bản, phù hợp với khả năng và yêu cầu của cách mạng Lào. Theo tinh thần đó, ngày 13/01/1956, Bộ Tổng tham mưu ta báo cáo Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy, đề xuất kế hoạch xây dựng và tác chiến của bộ đội Pathét Lào để làm việc với Trung ương Đảng bạn.

Đề án được Bộ Chính trị, Tổng Quân ủy thông qua và thống nhất với bạn. Nội dung của đề án nêu rõ: Nhiệm vụ chung của bộ đội Pathét Lào là phá tan âm mưu của địch, kiên trì giữ vững hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalỳ, củng cố lực lượng vũ trang và bán vũ trang, giúp kiện toàn tổ chức chính quyền các cấp, phát triển cơ sở quần chúng, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng vùng tự do thành hậu phương vững chắc, vận động nhân dân tự túc và tham gia mọi công tác kháng chiến. Lực lượng vũ trang phải thâm nhập sâu vào

hậu phương của địch (10 tỉnh còn lại), xây dựng cơ sở quần chúng và phát triển chiến tranh du kích ở vùng địch chiếm và ngay trong lòng địch. Phương châm tác chiến là: "Đánh lâu dài, đánh du kích và tự lực cánh sinh". Việc xây dựng quân đội phải đi đôi với xây dựng kinh tế, chính trị của nhân dân, phải xây dựng nhân dân thành một khối vừa đánh địch, vừa sản xuất.

Bộ Tổng tham mưu cũng đề xuất số lượng đơn vị chủ lực, địa phương và cơ quan phải được xây dựng và bố trí ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalỳ, hướng tác chiến và huấn luyện cụ thể đối với bộ đội, vấn đề xây dựng căn cứ cách mạng Lào, tiễu phỉ, bảo vệ vùng biên giới Việt - Lào và việc cung cấp, tiếp tế cho bạn Lào. Đề án này đã được Trung ương Đảng ta và bạn thống nhất thông qua. Bộ Tổng tham mưu chỉ đạo Đoàn 100 phối hợp với bạn tổ chức thực hiện từ năm 1956 và những năm tiếp theo.

Về phía Pathét Lào, sau một năm được Đoàn 100 giúp đỡ trong việc xây dựng và chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ bạn đã có bước trưởng thành quan trọng, nhiều đơn vị đã có khả năng tự đảm đương chiến đấu độc lập giành thắng lợi. Đáp lại lời kêu gọi của Neo Lào Hắc Xạt (Mặt trận Lào yêu nước)(1), các lực lượng Pathét Lào ở hai tỉnh Sầm Nưa, Phongxalỳ đã nâng cao tinh thần cảnh giác, nắm chắc tay súng, phát huy thắng lợi giành được, quyết tâm chiến đấu,

---

(1) Ngày 06/01/1956, Mặt trận Lào Ítxala tổ chức đại hội, trong đó quyết định đổi tên Mặt trận Lào Ítxala thành Neo Lào Hắc Xạt (Mặt trận Lào yêu nước) và bầu Hoàng thân Xuphanuvông làm Chủ tịch.

đánh bại các cuộc tiến công lấn chiếm của địch, góp phần hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của nhân dân các bộ tộc trong cả nước Lào.

Ở tỉnh Sầm Nưa, ngày 13/01/1956, phía Viêng Chăn tập trung một lực lượng lớn quân đội mở cuộc tiến công đánh chiếm khu vực Na Nọng, cách thị xã Sầm Nưa 30 km về phía tây nam. Bộ Chỉ huy tối cao Lào ra lệnh cho Tiểu đoàn 609 (tổ cố vấn do đồng chí Bảo phụ trách), một bộ phận của Tiểu đoàn trợ chiến 605 (tổ cố vấn do đồng chí Hồng phụ trách) cùng bộ đội địa phương tỉnh Sầm Nưa đánh địch. Trước sức tiến công mạnh mẽ của các đơn vị bạn, địch bị tổn thất nặng, buộc phải rút quân khỏi khu vực Na Nọng.

Cuối tháng 01/1956, một đại đội chủ lực địch phối hợp với bọn phỉ mở cuộc tiến công chiếm đóng dãy núi Huội Thầu xây dựng thành cứ điểm chống chế, uy hiếp phía đông thị xã Sầm Nưa và con đường giao thông huyết mạch từ Sầm Nưa tới khu căn cứ các cơ quan trung ương Lào. Tiểu đoàn 601 bạn (tổ cố vấn tiểu đoàn do đồng chí Bổng phụ trách) được lệnh phối hợp với bộ đội địa phương huyện Mường Sầm bao vây, tổ chức bắn tỉa, kết hợp dùng áp lực quân sự và binh vận, làm cho địch hoang mang và chịu một số thiệt hại, buộc phải lui quân.

Tại tỉnh Phongxalỳ, sau thất bại buộc phải rút khỏi đồn Pha Chon, địch tập trung củng cố lực lượng và trở lại đóng chốt ở Xi Đa. Chúng xây dựng nơi đây thành một cứ điểm

có quân đông và hỏa lực mạnh, nhằm bảo vệ cứ điểm Pùng Nhang và ngăn chặn con đường tiếp tế quan trọng của Việt Nam từ Điện Biên sang Mường Khoa (Lào). Tháng 01/1956, Bộ Tư lệnh tối cao Lào lệnh cho Tỉnh đội Phongxalỳ và Tiểu đoàn 701 tiến công cứ điểm Xi Đa. Qua kinh nghiệm trận đánh Pha Chon, đồng chí Đinh Văn Tuy, cố vấn quân sự Tỉnh đội Phongxalỳ cùng tổ cố vấn Tiểu đoàn 701 do đồng chí Tăng phụ trách, trao đổi thống nhất kế hoạch giúp bạn chuẩn bị trận đánh từ xây dựng kế hoạch chiến đấu, sử dụng lực lượng đến tiến công bao vây, áp sát, đánh chia cắt, kết hợp dùng hỏa lực pháo kích tiêu diệt một số tên địch, buộc chúng phải rút quân.

Phát huy khí thế thắng lợi, giữa năm 1956, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Phongxalỳ và chỉ huy Tiểu đoàn 701 gặp gỡ, trao đổi với bộ phận cố vấn quân sự Đoàn 100. Trên cơ sở phân tích tình hình, hai bên thống nhất quyết định tập trung lực lượng tiến công địch ở đồn Pùng Nhang. Theo kế hoạch, các đơn vị bạn mở cuộc tiến công và đã gây cho địch một số thiệt hại, buộc chúng phải rút khỏi đồn Pùng Nhang về vùng giáp ranh. Tiếp đó bạn kết hợp tiến công quân sự với đấu tranh chính trị của quần chúng, đánh tan bọn phỉ ở khu vực nam Tha Leng (giáp vùng Bun Nưa).

Gần hai năm (tháng 10/1954 đến tháng 8/1956), Chính phủ phản động Lào, do Katày làm Thủ tướng đã nhiều lần đưa quân ồ ạt tiến công hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalỳ. Chúng đã sử dụng lực lượng của 11 tiểu đoàn mở 685 cuộc tiến công quy mô lớn, vừa và nhỏ vào các khu căn cứ của

cách mạng Lào ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalỳ. Các lực lượng Pathét Lào tập kết ở hai tỉnh được sự giúp đỡ của Đoàn 100 đã chiến đấu dũng cảm, loại khỏi vòng chiến đấu gần 4.000 tên địch, đẩy lùi các cuộc tiến công lấn chiếm trái phép của chúng, giữ vững vùng căn cứ cách mạng Lào. Quân địch bị hao tổn và phân tán lực lượng không đủ khả năng thực hiện các cuộc tiến công quy mô lớn. Âm mưu dùng sức mạnh quân sự, hòng làm suy yếu các lực lượng cách mạng, tiến tới xóa bỏ việc đàm phán với Pathét Lào và thôn tính hai tỉnh tập kết của các thế lực phản động Viêng Chăn đã bị phá sản.

Tình hình cách mạng Lào đứng trước những chuyển biến quan trọng. Nhân dân các bộ tộc Lào thêm tin tưởng, phấn khởi, tích cực tham gia các hoạt động xây dựng quân đội lớn mạnh, sẵn sàng chiến đấu. Các khu vực tập kết ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalỳ bảo vệ và xây dựng ngày càng vững mạnh, trở thành chỗ dựa vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện hòa hợp dân tộc của cả nước Lào.

Đạt được những thành tích to lớn đó là nhờ có đường lối đúng đắn và sự lãnh đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng và Quân ủy bạn; sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân các bộ tộc Lào và cán bộ, chiến sĩ quân đội Pathét Lào được giáo dục, huấn luyện nâng cao ý thức tự lực, tinh thần chiến đấu dũng cảm; đồng thời biết học tập kinh nghiệm và tranh thủ sự giúp đỡ tận tình của Đoàn 100. Vì thế, các đơn vị quân đội Pathét Lào đã phát huy được tiềm năng, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân bạn giao phó.

Đầu năm 1957, tình hình trên chiến trường Lào có phần lắng dịu do các thế lực phản động và quân đội phái hữu Viêng Chăn ít mở các cuộc tiến công vào vùng tập kết của Pathét Lào. Các lực lượng vũ trang Pathét Lào có thời gian và điều kiện thuận lợi để tập trung xây dựng, nâng cao sức mạnh chiến đấu.

Căn cứ vào tình hình phát triển của cách mạng Lào và những mặt còn khó khăn, hạn chế của bạn; đồng thời dự đoán tính chất quyết liệt của cuộc đấu tranh chính trị theo đường lối hòa bình, trung lập sắp tới với chính phủ và quân đội phái hữu Viêng Chăn, Đoàn ủy và đồng chí Đoàn trưởng Đoàn 100 đề xuất với bạn chủ trương: Tranh thủ thời gian chiến trường lắng dịu, tổ chức các đơn vị quân đội học tập nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, đạo đức cách mạng và vai trò nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang trong tình hình mới. Đặc biệt là, chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và các cấp ủy Đảng về công tác tuyên truyền vận động quần chúng xây dựng cơ sở cách mạng và thực hiện chính sách đoàn kết, hòa hợp dân tộc của Đảng nhân dân Lào; đồng thời tập trung huấn luyện quân sự cơ bản cho các đơn vị, nâng cao trình độ tổ chức chỉ huy cho cán bộ và khả năng chiến đấu cao của chiến sĩ bạn.

Trên cơ sở bạn đã có sự trưởng thành và tạo điều kiện cho bạn phấn đấu, từng bước nâng cao khả năng tự đảm đương nhiệm vụ, Đoàn 100 đề nghị với bạn rút dần các tổ cố vấn quân sự Việt Nam ở các tiểu đoàn tập trung về giúp các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần thuộc Bộ Chỉ huy

tối cao Lào, Trường Quân chính Cômmađăm và mở các lớp tập huấn ngắn ngày ở Bộ.

Sau một năm nỗ lực phấn đấu và được sự giúp đỡ tận tình của các tổ cố vấn quân sự, các cơ quan, đơn vị bạn được củng cố thêm vững chắc. Công tác giáo dục, huấn luyện và xây dựng hệ thống tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, tình hình chính trị tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ các cơ quan, đơn vị, địa phương ngày càng nâng cao, hoạt động nền nếp, hiệu quả. Các lực lượng vũ trang Pathét Lào từng bước khẳng định được là lực lượng nòng cốt, công cụ sắc bén của Trung ương Đảng và Chính phủ kháng chiến Lào trong cuộc đấu tranh thực hiện hòa hợp dân tộc.

Trước tình hình phát triển ngày càng thuận lợi cho cuộc đấu tranh vì hòa bình, trung lập, hòa hợp dân tộc ở Lào, đồng thời do "các lực lượng vũ trang Pathét Lào qua hơn ba năm xây dựng, chiến đấu đã có nhiều tiến bộ, phần lớn cán bộ đảm đương được nhiệm vụ, cho nên công việc của Đoàn cố vấn 100 không phải bận rộn như trước"[1], sau khi trao đổi với bạn, Tổng Quân ủy Việt Nam quyết định điều động đồng chí Chu Huy Mân - Đoàn trưởng về nước nhận nhiệm vụ mới; đồng thời chấn chỉnh tổ chức biên chế Đoàn 100 để giúp Tổng Quân ủy theo dõi và tổ chức việc giúp Lào. Thực hiện chủ trương đó, ngày 11/6/1957, Tổng Quân ủy ra Quyết định số 107/TQU xác định nhiệm vụ mới của Đoàn 100:

---

[1] *Lịch sử các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào (1945 -1975), Sđd*, tr. 81.

1. Đoàn vẫn là một đơn vị trực thuộc Tổng Quân ủy, các đồng chí trong Tổng cục có trách nhiệm chỉ đạo Đoàn 100 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giúp bạn.

2. Tổng Quân ủy giao cho Bộ Tổng tham mưu chịu trách nhiệm theo dõi chung, từng thời kỳ nghe báo cáo tình hình và giải quyết các công việc cho Đoàn 100, khi cần có thể triệu tập các đồng chí Tổng cục dự họp.

Về tổ chức, Tổng Quân ủy phân công đồng chí Văn Tiến Dũng - Tổng Tham mưu trưởng chịu trách nhiệm theo dõi Đoàn 100; cử đồng chí Đinh Văn Tuy làm Đoàn trưởng Đoàn 100 thay đồng chí Chu Huy Mân, đồng chí Lê Tự Lập làm Phó đoàn trưởng thứ nhất, đồng chí Đức Phương làm Phó đoàn trưởng thứ hai. Mặc dù tổ chức lãnh đạo của Đoàn 100 có sự thay đổi, nhưng tính chất nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giúp bạn cơ bản vẫn như trước đây. Trên cơ sở chủ trương, kế hoạch đã thống nhất giữa ta và bạn, Đoàn 100 tiếp tục giúp các đơn vị bộ đội Pathét - Lào đẩy mạnh các hoạt động xây dựng lực lượng, huấn luyện quân sự, sẵn sàng đối phó với âm mưu, thủ đoạn mới của địch, góp phần thúc đẩy cách mạng Lào phát triển.

Trích "Lịch sử quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)", Viện Lịch sử quân sự, NXB. Quân đội nhân dân, 2005.

NỮ CHIẾN SĨ TÌNH NGUYỆN QUÂN HẠ LÀO

Phương Lan

Tôi sinh ra và lớn lên trên đất nước Lào.

Khi Nhật đầu hàng Đồng minh, gia đình tôi cùng một số kiều bào vượt sông Mê Kông, từ Pạc Xê sang Mường Cầu (Thái Lan). Sang đây, một số chị em chúng tôi ở nhờ nhà bà Diên, tự nuôi sống nhau bằng nghề làm bánh bán buổi sáng, rồi đi tập quân sự, buổi chiều đi vận động xây dựng Hội Việt kiều cứu nước. Sau một thời gian, chúng tôi được tập trung vào chiến khu Kôn Chít học quân sự, học tiếng Miên, tập hành quân để theo chi đội Trần Phú do đồng chí Trần Văn Giàu phụ trách về Nam Bộ tham gia công cuộc kháng chiến cứu nước. Sau mười lăm ngày học tập, đoàn chuẩn bị lên đường thì chị em nữ chúng tôi được lệnh ở lại, vì công tác xây dựng phong trào ở đây chưa có ai thay thế. Ở Mường Cầu một thời gian tôi được điều đến Phi Mun rồi U Bôn, tham gia Ban Chấp hành tỉnh hội Việt kiều.

Tháng 5/1950, chiến trường Hạ Lào cần một số cán bộ phụ vận, tôi và các chị Nhung, Mùi, Dung, Trang, Tuy, Thời, Chắt, Vân được điều sang đó. Đến Hạ Lào, chúng tôi gặp các đồng chí Khuê, Nghiệp phụ trách tổ dân vận ở vùng Chămpaxăc. Sau khi được dặn dò những điều cần thiết, chúng tôi phân thành các nhóm lẻ phụ trách từng vùng.

Nơi tôi đến, nhân dân có người chưa phân rõ địch - ta. Tây và ngụy Lào đi càn, bộ đội Ítxala và bộ đội tình nguyện Việt Nam đánh địch, dân chúng đều sơ tán ra ngoài rẫy hoặc vào rừng. Chúng tôi có thuận lợi là nói thạo tiếng Lào, lại là nữ, nên cứ ăn mặc như chị em Lào, khó ai phân biệt được, dễ hòa vào nhân dân. Chúng tôi ăn ở với nhân dân, làm việc cùng nhân dân. Chúng tôi đã từng bước gợi lên trong người dân, đặc biệt là chị em phụ nữ, lòng căm thù giặc Pháp và tay sai, giải thích cho họ đường lối đánh giặc, cứu nước của Mặt trận Lào Ítxala, về mối quan hệ Lào - Việt Nam và nhiệm vụ của bộ đội Việt Nam sang cùng nhân dân Lào và bộ đội Ítxala đánh giặc.

Nhân dân ở đây cũng như nhân dân Lào nói chung, vốn theo đạo Phật, nên họ rất nhân hậu và tin lẽ phải, rất dễ đồng tình với chúng tôi. Qua một thời gian, kết quả đáng mừng là ở đây đã tổ chức được các nhóm nhỏ thanh niên, phụ nữ và tranh thủ được cả các bà mẹ, các cụ già. Tuy hoạt động phân tán, nhưng chúng tôi hàng tháng lại họp mặt báo cáo công tác, trao đổi kinh nghiệm, nhận chủ trương kế hoạch công tác mới.

Vùng hoạt động của chúng tôi tiếp giáp vùng địch cạnh đường quốc lộ 13, là vùng án ngữ cho căn cứ tây nam Attăpư nên cấp trên chủ trương phải mạnh dạn đưa phong trào lên, đồng thời phải xây dựng cốt cán trung kiên, xây dựng các tổ dân quân du kích bí mật. Mỗi lần đi họp về, các mẹ, các chị em Lào vui mừng đón chúng tôi như người thân đi xa về. Phong trào ở đây ngày càng phát triển. Bộ

đội ta hoặc bạn về làng nhân dân đón tiếp rất vui vẻ, thân mật. Các bà mẹ lo đi quyên góp đồ ăn, lo tổ chức lễ "phục khẻn" chúc mừng bộ đội. Anh em bị ốm đau được các mẹ, các chị thương yêu chăm sóc thuốc men, cơm cháo đầy đủ.

Công tác của chúng tôi lúc này là hòa mình vào quần chúng nhân dân, cùng ăn cùng ở với họ, không súng ống, không có ruột nghé gạo, chăn màn cũng không, chỉ vài ba cái áo, cái xịn (váy Lào), không lương bổng gì, được vài ba đồng sinh hoạt phí thì gửi mua xà phòng thơm gội đầu là xong. Lúc nào địch ra càn thì vào rừng trú ẩn với dân. Có lần, đêm phải nằm chung với đồng đội nam, hôm đầu cảm thấy xấu hổ quay lưng lại, nhưng nửa đêm ngủ say rúc đầu vào cổ bạn hồi nào chẳng hay. Tỉnh dậy ngượng ngùng, e thẹn nhưng rất cảm động, vì các bạn xứng đáng là anh bộ đội Cụ Hồ, đàng hoàng, đứng đắn, không có chuyện gì xảy ra đáng tiếc! Nghĩ mà thương đồng đội.

Chúng tôi, từ Thái Lan sang Hạ Lào còn có các chị Phương, Lựu, Thanh, Châu, Mai, Đang, Hoe, Liễu, Ninh. Ở đông bắc Campuchia có chị Hoa, Quỳ, Mai, Huyền, Hường. Số chị em bên nước sang có nhà văn Nguyễn Khoa Bội Lan, Hương, Liêu, Lành... Nhưng không phải tất cả đều làm công tác dân vận. Số chị em không biết tiếng Lào thì làm công tác hậu cần hay giúp việc ở các cơ quan của khu.

Năm 1952 - 1953, nhiều chị em được về Liên khu V học tập chỉnh huấn, chỉnh quân và nghỉ ngơi, có chị về Thái rồi trở lại Lào. Riêng phần tôi, tạm biệt các mẹ và bạn bè về

Liên khu V, vượt qua dải Trường Sơn ròng rã gần tháng trời, tưởng sẽ có dịp trở lại chiến trường, nhưng tình hình diễn biến khác với mơ tưởng của mình: "Đình chiến".

Tôi cùng đồng đội tập kết ra Bắc. Sự chia tay không định trước có điều kiện trở lại chiến trường xưa để thăm hỏi các mẹ, các chị và bạn bè. Giờ đây, mái đầu đã bạc với tuổi bảy mươi, song thời là quân tình nguyện ở Hạ Lào tôi không bao giờ quên. Lần gặp đồng chí Nguyễn Chính Giao - nguyên chính ủy quân tình nguyện Hạ Lào, đồng chí nói với tôi: "Các bà mẹ và chị em Lào đã gặp tôi và xin trả lại cho họ những người nữ phụ vận trong đó có Xẻng Chăn năm xưa". Xẻng Chăn là tên tôi đã được các bà mẹ Lào đặt cho hồi ấy - Xúc động vì hân hạnh và vinh dự được quần chúng nhân dân nhớ đến.

Tôi hiện sống ở Nha Trang, nhưng không bao giờ tôi quên đất nước Lào tươi đẹp, nơi chôn nhau cắt rốn của tôi.

NẬM THÀ 1962

Để thực hiện nhiệm vụ trên giao, cuối tháng 11/1959, lữ đoàn cử Tiểu đoàn 1 do Đại uý Đàm Văn Ngụy chỉ huy hành quân sang Lào nghiên cứu và tổ chức tiến công căn cứ Sốp Hùn, nhổ một cái chốt uy hiếp vùng kháng chiến của bạn.

Sau khi san bằng và làm chủ Sốp Hùn, tiểu đoàn bàn giao cho bạn và rút về nước củng cố. Lợi dụng lúc lực lượng Pathét - Lào đứng chân chưa vững, địch tổ chức lực lượng lớn chiếm lại, tiếp tục bao vây, uy hiếp nặng nề căn cứ kháng chiến Lào. Bộ Tư lệnh lữ đoàn cấp tốc cử Tiểu đoàn 3 do Đại úy Lý Long Quân chỉ huy và Tiểu đoàn 4 dưới quyền chỉ huy của đồng chí Lê Dị, được tăng cường Đại đội cối 120 sang đánh Sốp Hùn lần thứ hai. Lực lượng lữ đoàn đã bao vây, đánh tan quân địch, đuổi chúng chạy dài trên 50 km, giải phóng toàn bộ khu vực.

Để diệt trừ tận gốc âm mưu địch tiến chiếm vùng giải phóng, lữ đoàn lệnh cho hai tiểu đoàn 3 và 4 phối hợp với một trung đội du kích của bạn chuyển sang bao vây Nậm Bạc, một căn cứ lớn của địch che chở cho Sốp Hùn.

Nậm Bạc là một thị trấn và căn cứ quân sự lớn gồm năm cứ điểm có bảy đại đội địch chiếm giữ với hỏa lực mạnh. Mất Sốp Hùn, địch rất hoảng sợ, chúng tăng cường

đề phòng ta đánh Nậm Bạc. Chớp thời cơ địch đang hoang mang, tư lệnh lữ đoàn hạ lệnh dùng lực lượng hỗn hợp khoảng ba đại đội của hai tiểu đoàn 3 và 4 cùng trung đội du kích Mường Ngòi dưới quyền chỉ huy của đồng chí Lý Long Quân nhanh chóng tiến công Nậm Bạc. Sau một giờ chiến đấu quyết liệt, ta diệt 22 tên. Không chịu nổi sức tiến công của ta, nhất là đòn pháo kích chính xác, khủng khiếp của bốn khẩu cối 120, 117 địch phải hạ vũ khí đầu hàng. Quân ta thu toàn bộ vũ khí và làm chủ Nậm Bạc. Trung đội du kích Mường Ngòi cùng lực lượng ta quản lý thị trấn, tuyên truyền để ổn định tinh thần nhân dân vùng mới giải phóng.

Thừa thắng, Tiểu đoàn 4 được lệnh tách khỏi lực lượng hỗn hợp đi đánh Tông Sơ, một vị trí ở đông nam Nậm Bạc do một bộ phận lực lượng đặc biệt quân phỉ Vàng Pao chiếm giữ. Cán bộ Tiểu đoàn 4 phấn chấn sau chiến thắng, chủ quan khinh địch nên tuy điều tra nắm địch và địa hình còn sơ sài mà đã tổ chức tiến công. Sau 30 phút công kích căn cứ không có kết quả, địch dựa vào công sự chống trả quyết liệt. Tiểu đoàn trưởng phải xin lệnh rút lui, mang "mối hận Tông Sơ". Trận đánh không thành công này gây tâm trạng ấm ức trong cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 vì khi đánh căn cứ lớn thì thắng lợi nhanh chóng nhưng tiêu diệt vị trí nhỏ lại không dứt điểm được chỉ vì công tác chuẩn bị chiến đấu đơn giản, chủ quan, chấp hành mệnh lệnh không nghiêm. Đây là một bài học sâu sắc đối với cán bộ về đánh giá địch và công tác điều tra, nắm địch, tổ chức

chuẩn bị chiến trường. Không thể vì đánh căn cứ lớn thành công mà coi thường vị trí nhỏ dẫn tới điều tra địch qua loa, chuẩn bị thiếu tỉ mỉ, chu đáo.

Qua thời gian củng cố, rút kinh nghiệm, theo kế hoạch đã thống nhất giữa bạn và ta, lữ đoàn ra lệnh cho đơn vị tổ chức tiến đánh Mười Sài và Bàn Na.

Mường Sài là tỉnh lỵ có quân chủ lực địch chiếm giữ. Ở đây, chúng bố trí ba tiểu đoàn và ba đại đội dân vệ bán vũ trang. Trong căn cứ có hỏa lực mạnh gồm cối 120, ĐKZ 75, 57 và trọng, đại liên. Sau khi tiếp cận, lực lượng Tiểu đoàn 3 và Tiểu đoàn 4 bất ngờ tiến công bằng hai hướng. Rút được kinh nghiệm trận Tông Sơ, mọi công tác chuẩn bị, tổ chức chiến đấu được tiến hành tỉ mỉ. Ngay phút đầu nổ súng, ta đã diệt 25 tên, bắt sống và gọi hàng 450 tên. Số địch còn lại tan rã bỏ chạy. Ta giải phóng khu vực Mường Sài.

Nhiệm vụ vận động tiến công của Tiểu đoàn 3 căn bản hoàn thành thắng lợi, lữ đoàn chỉ thị chuyển lực lượng này sang cùng Tiểu đoàn 4 tiến công địch ở khu vực Nà Mỏ. Trước sức uy hiếp mạnh của ta, địch bỏ Nà Mỏ rút về xung quanh thị xã Nậm Thà cố thủ. Nắm thời cơ phát triển tiến công thuận lợi, ta chia làm hai cánh truy kích địch: cánh bắc theo hướng Nà Tươi, Sa Le, Nậm Boong. Cánh nam tiến chiếm Pắc Beng, điểm cao 1620, phá vỡ phòng tuyến Nậm Ke và tiến về Nậm Thà. Địch bị hai gọng kìm siết chặt phải co về chặn ta ở Nậm Bong, Toong Đi, Nậm Thoong, Nà Nọi, Bản Púng, cố giữ Nậm Thà chờ tăng viện.

Lực lượng ta tổ chức chốt chặn và hình thành thế bao vây quân địch.

Đến tháng 4/1961, lữ đoàn phối hợp với lực lượng bạn chiến đấu liên tục lần lượt giải phóng Chòm Cheng, Pác Bút, Giang Tơi, Sốp Cai, Mường Lá, Nà Mỏ, Mường Sài, Nậm Bạc, Mường Hùn... nối liền khu căn cứ kháng chiến từ miền tây Mường Sài đến sông Nậm Thà.

Bị thất bại lớn trong âm mưu lấn chiếm vùng giải phóng, bọn phản động Lào buộc phải ký hiệp định đình chiến ngày 03/5/1961, để tìm giải pháp chính trị cho vấn đề Lào. Sau khi hiệp định được ký kết, cuối tháng 5/1961, Lữ đoàn 316 rút bớt lực lượng về biên giới củng cố, xây dựng. Theo yêu cầu của bạn, Tiểu đoàn 3 được tăng cường một trung đội ĐKZ 57, một trung đội đại liên ở lại Mường Sài giúp bạn bảo vệ căn cứ, xây dựng lực lượng kháng chiến.

Suốt mùa hè 1961, tiểu đoàn vừa xây dựng lực lượng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vùng giải phóng bạn, vừa cử cán bộ, chiến sĩ phối hợp với bạn đi xây dựng cơ sở và lực lượng vũ trang. Đồng chí Đậu Đức Loan đã cùng bạn tham gia xây dựng Tiểu đoàn 701; thời kỳ đầu đồng chí được bạn cử làm chính trị viên. Anh em còn giúp địa phương xây dựng một đại đội du kích vừa đánh giặc giữ vững làng bản, vừa làm công tác địch vận. Đơn vị đã vận động được một đại đội của tướng Khăm Uẩn trở về với cách mạng. Bà con ở đây coi Đậu Đức Loan như con em mình và thân thiết đặt cho anh cái tên Lào rất đẹp là Thao Chơn.

Mùa mưa đến, ta gặp nhiều khó khăn về vận chuyển tiếp tế và cơ động lực lượng. Địch nống lấn ra vùng Nà Mỏ, tiến đánh tây bắc Mường La, âm mưu chiếm lại một phần vùng giải phóng, cải thiện thế chiếm đóng giành lợi thế khi có giải pháp chính trị. Tiểu đoàn 3 và lực lượng bạn hiệp đồng chiến đấu, liên tiếp bẻ gãy các mũi lấn chiếm của địch, gây cho chúng nhiều tổn thất. Không cam chịu thất bại, địch củng cố, tăng cường lực lượng tiến công đánh chiếm Mường Sài, từ đó làm bàn đạp đánh Mường Khoa, Pác Bút, Nậm Bạc, liên lạc với phía bắc và nối liền với Luông Phabăng.

Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh lữ đoàn cấp tốc điều Tiểu đoàn 4 trở lại Mường Sài, cùng Tiểu đoàn 3 và lực lượng Pathét Lào tiến công tiêu diệt một bộ phận lớn quân địch. Bị đánh mạnh và tổn thất, địch vội vã tháo chạy. Ta truy đuổi ráo riết, diệt thêm một số, thu hồi toàn bộ vùng giải phóng đã mất, khôi phục lại căn cứ kháng chiến, hình thành thế bao vây Nậm Thà.

Trong khi chờ chỉ thị của Bộ, lữ đoàn được lệnh tổ chức đợt hoạt động phối hợp với bạn tiêu hao sinh lực địch, tạo thế vây chặt, cô lập Nậm Thà.

Căn cứ vào mệnh lệnh tác chiến của Bộ và quân khu, Bộ Tư lệnh lữ đoàn chủ trương tập trung binh hỏa lực xuống phía nam (Nà Pá) tổ chức tiến công địch, khôi phục lại hình thái cũ. Tiểu đoàn 3 ở cánh tây bắc kiên quyết giữ vững trận địa không cho địch lấn chiếm. Cánh đông bắc (Mười La), một trung đội bộ binh Phongxalỳ của bạn được

đưa lên hoạt động gây cơ sở, bảo vệ đường liên lạc và hậu phương Mường La.

Lực lượng ta tổ chức tiến công địch trên các hướng, đã đánh địch tám trận ở Nà Luông, Mường Beng, Nà Vang, Nậm Ke, Nà Mỏ, Pắc Beng, diệt 50 tên địch, bắt sống 39 tên, thu hai đại liên, 16 trung liên, 54 tiểu liên, súng trường, một ĐKZ 57, ba súng cối 80 và 60. Ta và bạn không những khôi phục lại vùng đất bị địch chiếm mà còn giải phóng thêm từ Nà Vang đến Pắc Beng và từ Nậm Ke tới phía đông thung lũng Nậm Thà.

Sau thắng lợi này, lực lượng ta và bạn hình thành hai mũi vây chặt Nậm Thà.

Trải qua 41 ngày đêm cơ động liên tục chiến đấu trong điều kiện vận chuyển tiếp tế khó khăn; hơn nữa địch còn ưu thế quân số khá lớn và tiếp tục tăng viện, lại có nhiều phi pháo chi viện trực tiếp, Bộ Tổng Tham mưu chỉ thị cho Lữ đoàn 316 dừng lại ở thế hiện tại và chuyển vào phòng ngự để "bao vây, khống chế, giam chân và nắm địch, chuẩn bị tổng công kích Nậm Thà".

Thực hiện mệnh lệnh trên, lữ đoàn chuyển sang thế phòng ngự trực tiếp với địch xung quanh Nậm Thà, nhất là tổ chức phòng ngự vững chắc trên dãy điểm cao 1620, chờ lệnh sẵn sàng tham gia chiến dịch.

Sau những năm hòa bình huấn luyện, lao động sản xuất, lần đầu lữ đoàn tham gia chiến đấu, tuy quy mô chưa lớn nhưng đã giành thắng lợi giòn giã. Điều này chứng

tỏ sức chiến đấu, tinh thần, ý chí của đơn vị vẫn thường xuyên được nâng lên, khả năng chuyển trạng thái từ huấn luyện thời bình sang cơ động chiến đấu nhanh chóng, sớm thích ứng với hoàn cảnh chiến tranh và đặc điểm địa hình chiến trường nước bạn. Đơn vị hành quân xa, mang vác nặng, đường rừng núi, nhiều dốc cao, suối sâu, nhưng vẫn đến vị trí đúng thời gian, đủ quân số, trang bị. Bộ đội đã vượt qua mọi khó khăn, vất vả, chịu đựng mọi thiếu thốn, bền bỉ, liên tục chiến đấu. Chiến sĩ mới lần đầu ra trận cũng mau chóng thuần thục tác chiến và sinh hoạt chiến trường. Cán bộ các cấp, nhất là ở cơ sở, chỉ huy dũng cảm, gương mẫu, hoàn thành nhiệm vụ, từng đơn vị góp phần lập chiến công đầu, củng cố truyền thống "đã ra quân là đánh thắng" của lữ đoàn. Trong tổng kết chiến dịch, Thượng tướng Văn Tiến Dũng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam đã nhận xét: "Các đơn vị của ta và bạn vừa chiến đấu, vừa vận tải gạo, tiếp tế đạn dược đã đánh lùi các đợt phản kích của địch mặc dù số lượng địch đông gấp bội ta. Về căn bản, lữ đoàn đã cùng bạn giữ vững được trận địa, tiêu hao và tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch".

Qua đợt hoạt động, Lữ đoàn 316 cùng lực lượng Pathét Lào đã đánh bại một bước quan trọng âm mưu lấn chiếm của địch, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng, xây dựng thế chiến lược tiến công, phá thế uy hiếp của địch, chủ động nống lấn ra vùng kháng chiến.

Tuy thế, đợt hoạt động vừa qua, lữ đoàn chưa đạt được yêu cầu đánh tiêu diệt, do lúc đầu nắm địch không chắc,

có phân đội còn ngại truy kích địch, chấp hành mệnh lệnh còn chậm.

*

* *

Ngay từ đầu năm 1961, tình hình đấu tranh quân sự, chính trị ở Lào diễn biến rất phức tạp và gay gắt. Địch liên tiếp thất bại và lâm vào tình trạng nguy ngập: ngụy quân có nguy cơ tan rã, ngụy quyền cũng đang trên bờ vực thẳm sụp đổ. Sau khi buộc phải ký hiệp định đình chiến với các lực lượng cách mạng yêu nước Lào, chúng phải ngồi vào đàm phán trong hội nghị ba bên để bàn về các vấn đề hòa bình, trung lập và hòa hợp dân tộc. Nhưng với bản chất phản động, lại bị quan thầy Mỹ xúi giục, bọn tay sai Lào dùng mọi thủ đoạn kéo dài hội nghị, ngang ngược tranh chấp các ghế chủ chốt trong chính phủ liên hiệp, làm cho hội nghị giẫm chân tại chỗ, khiến cuộc đàm phán đi đến bế tắc, đứng với ý đồ của đế quốc Mỹ và bè lũ Phu Mi - Bun Ùm.

Lợi dụng tình hình phức tạp, ngụy quyền Viêng Chăn trắng trợn xé bỏ hiệp định đình chiến, ra sức phát triển lực lượng và tiến hành các cuộc tiến công lấn chiếm các vùng giải phóng của Pathét Lào. Có nơi địch lấn chiếm sâu vào hậu phương bạn tới hơn 100 km. Từ tháng 10/1961, chúng tiến công trên hầu khắp các chiến trường hòng làm chuyển biến tình thế, giành lợi thế cho đấu tranh chính trị. Chúng ráo riết tiến đánh các mục tiêu chiến lược ở Trung Lào, Hạ Lào, tạo thế cô lập cách mạng ba nước Đông Dương.

Trước tình hình đó, với kinh nghiệm đấu tranh của mình, Trung ương Đảng ta cùng với Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào xác định phải có biện pháp tích cực là đẩy mạnh hoạt động quân sự mới để thúc đẩy cuộc đấu tranh chính trị tiến lên.

Theo yêu cầu của bạn, để đánh bại âm mưu địch, Bộ Tổng tư lệnh quyết định cử thêm lực lượng quân tình nguyện Việt Nam sang Trung Lào và Thượng Lào cùng bạn đánh lui các cuộc tiến công của địch, thu lại các vùng bị chúng lấn chiếm.

Trong hình thái mới ở Nậm Thà, Bộ chủ trương dùng Lữ đoàn 316 bao vây, uy hiếp và tiếp tục đánh lấn, buộc địch phải tăng thêm lực lượng đối phó để các chiến trường khác hoạt động, đồng thời nắm chắc địa hình và lực lượng khi có điều kiện thì tiến công tiêu diệt địch, giải phóng Nậm Thà.

Từ chủ trương đó, Bộ Tổng Tham mưu giao nhiệm vụ cụ thể cho Lữ đoàn 316 là:

- Bố trí trên các điểm cao, dùng pháo, cối uy hiếp, khống chế sân bay, cắt mọi đường tiếp tế của địch.

- Tổ chức các phân đội nhỏ luồn sâu vào Luông Nậm Thà, phá hoại và tập kích những vị trí quan trọng trong thị xã và sân bay.

- Cùng với bạn làm công tác địch vận gọi hàng, tổ chức các đội hoạt động nhỏ sau lưng địch, nhất là con đường từ

Mương Sinh đi Luông Nậm Thà. Tăng cường công tác xây dựng cơ sở, vận động nhân dân.

- Nghiên cứu tổ chức đánh chiếm thêm các điểm cao xung quanh Nậm Thà để hình thành thế bao vây uy hiếp thường xuyên. Nếu địch hoang mang rút chạy thì nhanh chóng đánh chiếm Nậm Thà.

Trong thế bị vây ép, địch cố tập trung quân về Nậm Thà, quyết giữ Nậm Thà bằng bất cứ giá nào, vì đây là căn cứ chiến lược lợi hại để uy hiếp Thượng Lào, khống chế một phần biên giới Trung Quốc, đồng thời bảo vệ cho tuyến đông - bắc Thái Lan của khối xâm lược Đông Nam Á. Nậm Thà đã thu hút một số lớn binh đoàn tinh nhuệ của địch, ở các chiến trường khác, địch buộc phải chuyển sang phòng ngự hoặc hoạt động nhỏ lẻ vì thiếu lực lượng.

Nắm được điểm yếu của địch, ta chủ trương: "Bao vây, kiềm chế giam chân địch, buộc địch phải đưa lực lượng ở các chiến trường khác về chiếm giữ Nậm Thà, phá âm mưu gây lại chiến tranh trước mùa mưa, tạo điều kiện sơ hở cho ta đẩy mạnh hoạt động phía sau lưng địch. Phía chính diện tranh thủ xây dựng huấn luyện và quét phỉ, củng cố vùng giải phóng..."[1].

Là lực lượng chủ yếu của quân tình nguyện Việt Nam ở Thượng Lào, Lữ đoàn 316 bố trí một bộ phận chốt giữ

---

[1] Trích "*Báo cáo tổng kết chiến dịch Nậm Thà*" của Thượng tướng Văn Tiến Dũng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, ngày 04/3/1963.

các điểm xung yếu, củng cố công sự, trận địa phòng ngự, sẵn sàng đánh địch phản kích, giữ vững trận địa, khống chế sân bay, tiến hành địch vận, tăng cường nắm địch, địa hình, chuẩn bị chiến trường, sẵn sàng chờ lệnh tiến công giải phóng Nậm Thà.

Cho đến tháng 3/1962, hình thái quân sự trên chiến trường vẫn giằng co. Địch rất ngoan cố, quỷ quyệt trong mọi âm mưu và thủ đoạn quân sự. Để thành lập chính phủ liên hiệp, hòa bình giải quyết vấn đề Lào, tiến tới xây dựng một nước Lào hòa bình, trung lập, hòa hợp dân tộc, chỉ có một cách duy nhất là phải đánh bại hoàn toàn kế hoạch tiến công quân sự "Saysena"[1], làm sụp đổ hy vọng giành thế mạnh trên các chiến trường của địch, buộc chúng phải ngồi tiếp vào bàn thương lượng. Mặt khác, mùa mưa sắp đến, ta kéo dài phòng ngự sẽ gặp khó khăn, nhất là vận chuyển, tiếp tế. Do đó, Bộ ra lệnh cho các lực lượng quân tình nguyện nhanh chóng mở chiến dịch tiến công giải phóng Nậm Thà.

Ngày 28/3/1962, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam và Bộ Chỉ huy tối cao lực lượng yêu nước Lào thống nhất hạ quyết tâm mở chiến dịch. Chiến dịch Nậm Thà mang mật danh "Chiến dịch XYZ" nhằm mục đích tiêu diệt một bộ phận địch, giải phóng khu vực Nậm Thà - Mường Sinh, phá vỡ thế uy hiếp của địch ở Thượng Lào,

---

[1] Kế hoạch quân sự do đế quốc Mỹ giúp Chính phủ phản động Lào đề ra hồi tháng 10/1961, âm mưu phát động lại nội chiến ở Lào, đánh lấn ra các khu giải phóng Pathét Lào và lực lượng trung lập, nhằm tiêu diệt lực lượng Pathét Lào và Coongle.

mở ra thời cơ cho cách mạng Lào liên hệ với các nước anh em. Đối với quân tình nguyện Việt Nam, chiến dịch này là sự thể nghiệm cho cách đánh rừng núi sau tám năm xây dựng, huấn luyện trong hòa bình và tạo điều kiện cho bộ đội Pathét Lào tham gia tổ chức, chỉ huy chiến đấu, cùng nhau học tập, trưởng thành trong thực tế.

Nhiệm vụ cụ thể của chiến dịch là phải tiêu diệt được khoảng ba tiểu đoàn địch, giải phóng Nậm Thà - Mường Sinh, tiếp tục truy kích, chốt các điểm Mường Long, Viêng Phu Kha, nối liền tuyến đường Hùn - Nậm Ngà; làm cho địch không còn khả năng tiếp tục các cuộc lấn chiếm ra vùng giải phóng. Nhiệm vụ giải phóng Nậm Thà - Mường Sinh và tiêu diệt sinh lực địch là hai nhiệm vụ rất quan trọng, có quan hệ lẫn nhau. Nếu không tiêu diệt được sinh lực địch thì không thể nói đến giải phóng đất đai. Trái lại, nếu bộ phận quân địch bị tiêu diệt mà chúng vẫn chiếm giữ được Nậm Thà thì mục tiêu chiến dịch coi như chưa đạt.

Chiến dịch được tiến hành trên một vùng địa hình rừng núi trùng điệp, xa hậu phương ta, mùa mưa sắp đến sẽ hạn chế việc sử dụng trang bị kỹ thuật và vận chuyển. Tiêu diệt gọn quân địch có sở trường rút chạy nhanh lúc bị đánh mạnh trong điều kiện này rất khó khăn. Dân cư ở đây thưa thớt, trình độ giác ngộ chính trị chưa cao. Chiến dịch tiến hành trong điều kiện đấu tranh chính trị, quân sự xen kẽ và trong khuôn khổ hiệp định đình chiến nói chung; nhân dân Việt Nam đang tranh thủ hòa bình xây

dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh chống sự can thiệp của đế quốc Mỹ vào miền Nam. Vấn đề được đặt ra là chiến dịch phải mang lại hiệu quả cho cuộc đấu tranh chung của nhân dân hai nước Việt - Lào, nhưng loại trừ khả năng can thiệp của đế quốc Mỹ để mở rộng chiến tranh ở Lào và Đông Dương.

Chiến dịch XYZ mở ra tương đối quy mô, đánh vào một tập đoàn quân tinh nhuệ nhất của địch, thông thạo địa hình, có cố vấn Mỹ chỉ huy và phi pháo Mỹ yểm trợ tối đa.

Địch bố trí ở Nậm Thài tới trên 20 tiểu đoàn, gồm các binh đoàn sừng sỏ như GM 11[1], GM 13, GM 15, GM 18, 6 AC[2], 4 BV (13, 14, 15 và 18)[3] và 1 CV[4]. Căn cứ Nậm Thà được yểm trợ bằng sáu khẩu lựu pháo 105, bảy khẩu sơn pháo 75, nhiều súng cối các cỡ và trọng, đại liên.

Nậm Thà, Mường Sinh là hai cánh đồng lớn, đông người, nhiều của nhất ở Thượng Lào, sát biên giới các nước Trung Quốc, Myanma và Thái Lan, là thủ phủ tỉnh Hua Khoảng. Căn cứ Nậm Thà có vị trí trực tiếp uy hiếp khu giải phóng tỉnh Mường Sài, các huyện Mường Khoa, Mường Hài của bạn. Riêng Luông Nậm Thà là một khu lòng chảo ngang dọc gần 5 km, xung quanh có nhiều dãy núi cao trung bình hơn 1.000 m, phía đông có các mỏm cao tới 1.620 m, 1.820 m. Giữa thị trấn có sân bay nhỏ. Sông Nậm Thà ở phía tây sân bay, hẹp và nông, chạy theo hướng

---

[1] Groupement mobile: Binh đoàn cơ động.

[2] Armée clandestine: Quân địa phương (quân bí mật).

[3] Bàtillon voltigeur: Tiểu đoàn khinh binh.

[4] Compagnie voltigeur: Đại đội khinh binh.

bắc nam, bộ binh hoặc cơ giới đều qua lại được. Từ Nậm Thà có hai đường cái lớn đi Mường Sinh và Huổi Sài.

Ngày 15/4/1962, Quân ủy Trung ương quyết định tổ chức Đảng ủy chiến dịch XYZ của Bộ Tư lệnh chiến dịch, Thiếu tướng Trần Độ được chỉ định làm Bí thư Đảng ủy kiêm Chính ủy chiến dịch, Thiếu tướng Bằng Giang làm Tư lệnh. Các đồng chí Hùn Phen và Xixavát, cán bộ cục tác chiến Quân giải phóng nhân dân Lào tham gia Bộ Tư lệnh chiến dịch, cùng chỉ huy chiến dịch. Một bộ phận các cơ quan Quân khu Tây Bắc được tách ra giúp việc Đảng ủy và Bộ Tư lệnh.

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm Lữ đoàn 316, Lữ đoàn 335, một tiểu đoàn của Lữ đoàn 330, Tiểu đoàn 2 và Tiểu đoàn 701 Pathét Lào. Hỏa lực toàn mặt trận có tám khẩu cối 120, năm khẩu sơn pháo 75, 15 khẩu ĐKZ 75 và 20 khẩu cối 82.

Lữ đoàn 316 được chỉ định làm lực lượng chủ yếu của chiến dịch. Để tập trung chỉ huy, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định hai lữ đoàn 316 và 335 tạm thời thống nhất lãnh đạo, chỉ huy, coi như một đơn vị. Đồng chí Lê Vũ, bí thư đảng ủy Lữ đoàn 316 làm bí thư đảng ủy chung, đồng chí Chu Phương Đới, tư lệnh Lữ đoàn 316 chỉ huy thống nhất lực lượng hai đơn vị.

Từ yêu cầu nhiệm vụ chiến dịch, Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định sử dụng tập trung binh lực và binh khí chủ yếu đột phá tuyến phòng ngự quân địch ở Đồi Xanh đến bắc đồi Bun Chăn. Hướng phát triển là Nà Nọi, Nậm Thà cô

lập GM11, nhanh chóng bao vây tiêu diệt GM15 trước, chặn đường rút của địch về Huổi Sài.

Đội hình chiến dịch là một thê đội, có một đội dự bị mạnh Lữ đoàn 316 là lực lượng chủ yếu của thê đội 1, có các tiểu đoàn bố trí thành hai thê đội nhỏ. Thê đội nhỏ 1 có ba tiểu đoàn (Tiểu đoàn 1, 4 thuộc Lữ đoàn 316 và Tiểu đoàn 1 Lữ thuộc 335) đảm nhiệm đột phá chính diện, phát triển về Nà Nọi và tung thâm Nậm Thà. Thê đội 2 có hai tiểu đoàn (Tiểu đoàn 2 Pathét Lào và Tiểu đoàn 2 Lữ đoàn 335) có nhiệm vụ sau khi thê đội nhỏ 1 đột phá tiền duyên thì tiến vào Nậm Thung, vượt sông đánh vòng từ phía bắc sân bay, bao vây địch mặt phía tây; sau đó Tiểu đoàn 2 Pathét Lào chiếm lĩnh và quản lý thị trấn.

Tiểu đoàn 4 (Lữ đoàn 316) sau khi đột phá vào tung thâm Nậm Thà, cùng Tiểu đoàn 1 (Lữ đoàn 316), Tiểu đoàn 1 (Lữ đoàn 335) truy kích về phía nam, bao vây GM 15 và phát triển về Viêng Phu Kha, Tapa gặp Tiểu đoàn 3 Lữ đoàn 335) ở đấy.

Đội dự bị chiến dịch gồm Tiểu đoàn 3 Lữ đoàn 330 làm nhiệm vụ tiếp sức đột phá cho Lữ đoàn 316. Nếu Lữ đoàn 316 đột phá thuận lợi thì phát triển về phía đông, tiến công vào đội hình GM 11 ở Đồi Cháy, bức hàng, bảo đảm an toàn cho chiến dịch, đề phòng GM 11 rảnh tay đánh vào sườn đội hình tiến công của ta.

Tiểu đoàn 4 Lữ đoàn 335 có nhiệm vụ tiến công giải phóng Mường Sinh; sau đó nhanh chóng phát triển về Mường Long, Nậm Thà, đột phá vào mé tây bắc hình thành mũi vu

hồi phía tây phối hợp với lực lượng hướng đông tiêu diệt Nậm Thà. Ngoài ra, một đại đội được sử dụng chặn đường rút lui của địch từ Nậm Thà về Viêng Phu Kha.

Triển khai mệnh lệnh tác chiến của Tư lệnh chiến dịch, Đảng ủy lữ đoàn hạ quyết tâm lãnh đạo chiến đấu: "Tập trung binh hỏa lực tiêu diệt địch ở khu đông nam từ phía nam suối Nậm Thung đến sườn nam Đồi Xanh, Nà Nọi, Nậm Thà. Phối hợp cùng mũi thứ yếu ở hướng tây bắc và mũi thọc sâu ở tây nam tiêu diệt sinh lực địch, làm tan rã toàn bộ quân địch ở Nậm Thà, giải phóng Luông Nậm Thà"[(1)]. Đảng ủy xác định: "Nhiệm vụ của Lữ đoàn 316 ở hướng chủ yếu chiến dịch có vị trí rất quan trọng, quyết định thắng lợi chung của toàn mặt trận. Nó đánh mở màn đồng thời cũng là kết thúc chiến dịch cho nên toàn thể cán bộ, chiến sĩ đều phải nêu cao quyết tâm đã đánh là phải đảm bảo chắc thắng...".

Từ nhiệm vụ và mệnh lệnh chiến đấu của lữ đoàn, phòng chính trị tổ chức giáo dục, quán triệt ý nghĩa, mục đích chiến dịch, đặc biệt nhấn mạnh tính kiên quyết tiến công và tích cực tiêu diệt địch. Nội dung xây dựng quyết tâm chiến đấu tập trung vào các yêu cầu:

- Nâng cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

- Truy kích thật dẻo dai, mãnh liệt.

[(1)] Đảng ủy xác định: "Nhiệm vụ của Lữ đoàn 316 họp tối ngày 27/4/1962 tại điểm cao 1620", Hồ sơ lưu trữ Quân khu Tây Bắc số 103, ngày 27/6/1962.

- Tham gia vận tải, thực hành tiết kiệm đạn dược lương thực.

- Không coi thường địch, không đánh giá cao địch.

- Bảo đảm đoàn kết nội bộ và đoàn kết chiến đấu với bạn.

Chiến dịch được mở ra trên nước bạn, cách hậu phương ta hơn 500 km, công tác hậu cần bảo đảm là một yếu tố quan trọng, có ý nghĩa quyết định thắng lợi, nhưng lại gặp nhiều khó khăn lớn. Bộ Tư lệnh chiến dịch, lữ đoàn và cơ quan hậu cần các cấp cùng toàn thể cán bộ, chiến sĩ nhận thức rõ điều đó nên đã tập trung mọi khả năng giải quyết vấn đề này. Trước hết là huy động mọi lực lượng để vận chuyển lương thực, súng đạn từ bãi máy bay đổ hàng (máy bay Liên Xô giúp vận chuyển từ Việt Nam sang) ra mặt trận xa tới hai ngày đường. Máy bay dành phần lớn trọng tải chở vũ khí nên chỉ chở được ít lương thực. Chiến dịch còn dài, vì thế ngay từ ngày 25/4/1962, cán bộ, chiến sĩ toàn mặt trận đã tự nguyện rút bớt khẩu phần. Một ngày chiến sĩ đơn vị ăn năm lạng, cán bộ cơ quan bốn lạng gạo.

Bộ Tư lệnh sử dụng cán bộ cơ quan, rút bớt pháo thủ và bộ phận chốt giữ thay nhau chiến đấu để đi lấy gạo, đạn... Phòng hậu cần thu mua ngựa thồ, tập trung các loại xe ở hậu cứ sang, lập đội vận tải hỗn hợp, gồm ô tô, ngựa thồ, xe đạp với 900 chiến sĩ mới bổ sung sang chiến trường và hàng trăm dân công bạn đi vận tải gạo, đạn ra tận chiến hào tiền tuyến.

Trải qua những ngày đêm hành quân, chiến đấu, chuẩn bị chiến đấu và vận chuyển nặng nhọc, ăn uống thiếu thốn nhưng tinh thần cán bộ, chiến sĩ vẫn phấn chấn vững vàng. Chiến sĩ cũ dày dạn, tự tin; anh em mới bồn chồn chờ đón trận đánh đầu tiên trong đời chiến sĩ. Cán bộ tất bật đôn đốc công việc, kiểm tra từ cái dây buộc xẻng đến khẩu súng của từng chiến sĩ. Ba cơ quan làm việc tấp nập. Các trợ lý như những con thoi lao xuống từng đại đội nắm đơn vị, nhắc nhở bộ đội chuẩn bị chiến đấu.

Trước giờ xung trận, toàn lữ đoàn nô nức, lạc quan, sẵn sàng xông lên lập công, bừng bừng ý chí quyết chiến quyết thắng.

*

* *

Tuy chính diện của chiến dịch rộng từ bắc sông Mê Kông (Xiên Bo - Mường Hùn) đến Nậm Thà khoảng 130 km đường chim bay, tung thâm chiến dịch từ 100 đến 160 km đường bộ, nhưng Bộ Tổng tư lệnh xác định trận đánh vào Nậm Thà là trận đánh quyết định thắng lợi của toàn bộ chiến dịch. Hướng tiến công vào Mường Sinh là hướng phối hợp chặt chẽ với Nậm Thà và là chìa khoá mở cửa thắng lợi Nậm Thà.

Mở màn chiến dịch, các hướng phối hợp được lệnh nổ súng. Lực lượng toàn mặt trận chia làm nhiều hướng đánh Mường Hùn, Mường Ngà, Nà Khóc, Nậm Pích. Đặc công chia làm hai bộ phận đánh vào Viêng Phu Kha và tung thâm Nậm Thà.

Tiểu đoàn 4 Lữ đoàn 335 đánh Mường Sinh. Theo kế hoạch thì 3 giờ ngày 03/5/1962 nổ súng nhưng vì lạc đường, mãi 7 giờ 15 phút mới phát hỏa và 9 giờ 25 giải phóng Mường Sinh, diệt 35 tên địch, bắt sống 67 tên, trong đó có tên trung tá Phumanôsan chỉ huy GM11. Tiểu đoàn phát triển tấn công, vừa hành quân, vừa chiến đấu suốt dọc đường, tiến về chiếm lĩnh phía tây bắc Nậm Thà đúng thời gian quy định, phối hợp tích cực với hướng chính, tạo điều kiện thuận lợi cho hướng đột phá Nậm Thà.

Quán triệt mệnh lệnh của Bộ Tổng Tham mưu: "Tốt nhất là đánh Mường Sinh và Nậm Thà đồng thời, nếu không thể được thì cũng không nên để cách xa quá một, hai ngày"; vì đánh Mường Sinh và Nậm Thà cách xa nhau quá, dễ xảy ra những chuyển biến phức tạp, không phù hợp với phương châm chiến dịch theo kiểu "sét đánh không kịp bịt tai". Do đó, sau khi giải phóng Mường Sinh, Bộ Tư lệnh chiến dịch định ra lệnh đánh Nậm Thà ngay sáng ngày 05/5/1962, nhưng khi tính toán lại, công tác chuẩn bị và thời gian chuyển bộ đội từ Nà Mỏ vào trận địa không kịp, nên phải quyết định tiến công vào sáng ngày 06/5/1962.

Mất Mường Sinh, Bộ Chỉ huy địch ở Nậm Thà bắt đầu lo sợ. Ngày 03/5/1962, tướng Thamavông chỉ huy trưởng quân ngụy Lào ở Nậm Thà nhận định các cánh quân phía đông của ta có thể tiến công Nậm Thà vào ngày 05/5. Hắn điện về Luông Phabăng, đề nghị cấp trên đến Nậm Thà giải quyết vấn đề tại chỗ và khẩn cấp xin gạo, thuốc nổ, đạn các loại cùng máy bay để chuyển thương binh. Ngày

05/5/1962, trong tâm trạng hoang mang, một số sĩ quan cấp cao như đại tá Khămhu, chỉ huy GM 15, đại tá Phui, chỉ huy GM 13 xin đi nghỉ phép. Trước tình hình đó, chiều ngày 05/5, tướng Bun Lợt, Tổng Tham mưu trưởng quân ngụy Lào vội đáp máy bay đến Nậm Thà. Ngay trong đêm đó, Bun Lợt họp tay chân, cấp tốc làm cho xong kế hoạch và mệnh lệnh rút lui khỏi Nậm Thà vào sáng ngày 06/5/1962.

Trong mệnh lệnh, Bun Lợt quy định trước khi bộ binh rút lui, đúng 4 giờ sáng, dùng toàn bộ pháo binh bắn hết cơ số đạn vào các vị trí quân ta.

Tuy lúc bấy giờ không nắm được ý định cụ thể của địch, nhưng Bộ Tư lệnh chiến dịch hạ lệnh đúng 3 giờ sáng ngày 06/5 nổ súng tiến công. Song, do Tiểu đoàn 1 Lữ đoàn 335 chiếm lĩnh tuyến xuất phát tiến công chậm nên 3 giờ 32 phút, pháo ta mới bắt đầu bắn vào Nậm Thà.

Bị bất ngờ, địch ở Nậm Thà và tiền duyên đối phó yếu ớt, pháo 105 trong căn cứ bắn thưa thớt vào tiền duyên quân ta. Sau 20 phút, ở đồi Bun Chăn, địch dùng ĐKZ bắn trả làm hai chiến sĩ Tiểu đoàn 4 Lữ đoàn 316 bị thương. Các nơi khác súng nổ dè dặt. Đúng 4 giờ, ta nhận được tin chỉ huy trưởng Nậm Thà lệnh cho quân lính lấy ba lô nhưng chưa thấy dấu hiệu địch rút chạy. Bộ binh ta xung phong, 4 giờ 20 phút, Đại đội 17 Tiểu đoàn 4, Lữ đoàn 316 chiếm được tây bắc đồi Bun Chăn. Trong trận đánh, binh nhất Nguyễn Văn Lới mới một tuổi quân, lần đầu ra trận đã dũng cảm chiến đấu, mưu trí lập công. Đại đội đang

tiến đánh gặp hỏa điểm địch bắn rất căng thẳng, làm nhiều chiến sĩ thương vong. Căm thù giặc, thương xót đồng đội, Nguyễn Văn Lới xin được một mình tìm cách tiếp cận đại liên, dùng lựu đạn diệt hoả điểm mở thời cơ cho đơn vị xung phong đánh chiếm mục tiêu. Nguyễn Văn Lới đã hoàn thành nhiệm vụ và hy sinh anh dũng trong niềm tiếc thương vô hạn của đơn vị.

5 giờ 30, Tiểu đoàn 4 Lữ đoàn 316 chiếm toàn bộ đội Bun Chăn và tiếp tục phát triển về phía Đồi Xanh. Tiểu đoàn 1 Lữ đoàn 316 tiến nhầm hướng về tiền duyên ta nên phải quay trở lại.

Sau những phút bàng hoàng, địch trấn tĩnh lại, liên tiếp bắn pháo dữ dội vào đội hình ta. Một số chiến sĩ bị thương, Thiếu uý Phạm Quốc Ái, phó chính trị viên Đại đội 3 Tiểu đoàn 4 bình tĩnh băng bó cứu chữa thương binh dưới hỏa lực địch. Một quả pháo nổ kề bên, đồng chí lấy thân mình che cho thương binh và đã hy sinh oanh liệt, nêu tấm gương sáng ngời về tình thương yêu đồng đội.

Được pháo ta chi viện, chiến sĩ Tiểu đoàn 1 Lữ đoàn 316 lợi dụng địa hình, địa vật, vượt qua làn pháo hỏa địch dày đặc yểm hộ nhau dũng mãnh xông lên. Đến 6 giờ 45 phút, ta chiếm được tiền duyên địch và phát triển vào các mỏm đồi sát Nậm Thà.

8 giờ 20, Tiểu đoàn 4 Lữ đoàn 316 chiếm xong hai mỏm đồi sát Nậm Thà. Địch ở trận địa phía sau hoảng sợ bỏ chạy. Khi chiến đấu trong tung thâm, binh nhất Đoàn Kim

Mai, xạ thủ B40 liên tiếp diệt ba hoả điểm địch; hết đạn, Mai đã dùng các loại vũ khí lấy của địch tiếp tục chiến đấu diệt địch, chế áp hoả điểm cho đồng đội xông lên lập công.

Lúc này, Bộ Tư lệnh chiến dịch nhận định hướng tiến công chủ yếu của Lữ đoàn 316 phát triển thuận lợi. Địch có khả năng sẽ rút chạy, vì vậy, cần nhanh chóng thọc sâu vào tung thâm phòng ngự, chia cắt tiêu diệt địch. Trong tình huống nếu theo phương án cũ khi Tiểu đoàn 1 Lữ đoàn 335 gặp khó khăn thì sau khi đột phá tiền duyên, Tiểu đoàn 1 Lữ đoàn 316 phải cho một bộ phận đánh tạt sườn phối hợp hỗ trợ cùng bao vây tiêu diệt địch. Nhưng Bộ Tư lệnh đã linh hoạt thay đổi kế hoạch: ra lệnh cho Tiểu đoàn 1 Lữ đoàn 316 chọc thẳng vào tung tâm phòng thủ địch bao vây tiêu diệt, và kịp thời truy kích nếu chúng rút chạy. Đồi Xanh chưa đột phá được thì tiếp tục bao vây và tiêu diệt dần địch.

Nhận thấy địch có dấu hiệu tan rã và chuẩn bị rút chạy Bộ Tư lệnh chiến dịch lệnh cho Lữ đoàn 316 đưa thê đội 2 vào chiến đấu. Hồi 8 giờ 30 phút, tư lệnh Lữ đoàn 316 lập tức tung Tiểu đoàn 3 Lữ đoàn 335 tiến theo hướng Bun Chăn, Nà Nọi vào tung thâm Nậm Thà. Tiểu đoàn 1 Lữ đoàn 316 đánh chiếm khu hành chính. Địch phóng hoả đốt cháy nhà cửa, tài liệu, chống cự yếu ớt rồi bỏ chạy. Tư lệnh chiến dịch nhắc Tư lệnh Lữ đoàn 316 cho Tiểu đoàn 3 Lữ đoàn 335 bám sát truy kích GM 15, nếu không gặp địch thì chiếm địa hình có lợi phục, chặn và tiêu diệt khi chúng rút chạy về Viêng Phu Kha.

Đến 9 giờ 23 phút, Tiểu đoàn 1 Lữ đoàn 335 giải quyết xong Đồi Xanh. GM 18 tan rã tháo chạy về phía nam. Cả hai tiểu đoàn thê đội 2 Lữ đoàn 316 đều đã tiến vào tung thâm Nậm Thà. Lúc này trừ 2BI (2 tiểu đoàn bộ binh) chiếm giữ Đồi Cháy, Sa La, còn lại ta đã chiếm toàn bộ Nậm Thà. 9 giờ 30, Tư lệnh Lữ đoàn 316 cho Tiểu đoàn 1 Lữ đoàn 316 và Tiểu đoàn 3 Lữ đoàn 335 truy kích địch về Viêng Phu Kha. Tiểu đoàn 2 Pathét Lào được lệnh tiến vào tiếp quản thị xã Nậm Thà. Địch tan rã khắp nơi, ta bắt đầu lùng sục.

Đúng 12 giờ 30, Bộ Tư lệnh chiến dịch dời vào Nậm Thà. Thường vụ họp chớp nhoáng, nhận định: ta giải phóng Nậm Thà tương đối nhanh, nhưng chưa tiêu diệt được sinh lực địch; song cơ hội diệt địch vẫn còn và xác định nhiệm vụ khẩn trương truy kích địch là nhiệm vụ chủ yếu lúc này đồng thời chỉ thị cho cán bộ, chiến sĩ toàn mặt trận nhanh chóng, kiên quyết truy quét địch, hoàn thành nhiệm vụ chiến dịch. Bộ Tư lệnh chỉ định ban chỉ huy truy kích: Thượng tá Nguyễn Hữu An, Tham mưu trưởng mặt trận được cử làm chỉ huy trưởng cùng với Bộ Tư lệnh Lữ đoàn 316, đồng thời tăng cường cho Lữ đoàn 316 Tiểu đoàn 3 Lữ đoàn 330 trong lực lượng dự bị của mặt trận. Giao nhiệm vụ truy quét tàn quân địch ở Luông Nậm Thà cho các đơn vị Lữ đoàn 335.

Nhanh chóng chấp hành mệnh lệnh truy kích, Bộ Tư lệnh Lữ đoàn 316 sử dụng Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 4 và Tiểu đoàn 3 Lữ đoàn 330, cử Trung tá Ngô Trung, phó tham mưu trưởng chỉ huy cấp tốc lên đường đuổi địch ngay chiều hôm

đó với phương châm: "khẩn trương đuổi địch, thời gian là lực lượng và chiến công".

Đến 16 giờ 30, ta đuổi kịp CV 137, diệt và bắt 13 tên trong đó có một đại úy. Sáng sớm ngày 07/5, tư lệnh và chính ủy lữ đoàn cùng một số cán bộ cơ quan tiếp tục tiến theo đội hình truy kích để tăng cường chỉ huy chung. Cũng trong ngày 07/5, trên đường cùng đuổi địch với bộ đội, chính ủy lữ đoàn động viên anh em "hãy đuổi địch dũng mãnh như khí thế giải phóng Điện Biên Phủ". Sự có mặt của các đồng chí lãnh đạo và chỉ huy lữ đoàn trong đội hình truy kích đã tạo nên tinh thần phấn khởi, quyết tâm mới trong đơn vị. Bộ đội bất chấp đói mệt, đường xa vất vả, thần tốc đuổi địch, 7 giờ ta bắt kịp BP 11[1], lập tức đánh tan chúng ở Sa La, San Hốp, bắt sống 21 tên. Trên đà thắng, bộ đội phấn đấu đuổi địch nhanh hơn, đến 11 giờ tiến kịp BI 28[2] ở Nậm Sinh, diệt 12 tên, bắt sống 9 tên và tên phó chỉ huy tiểu đoàn, thu một khẩu sơn pháo 75, một ô tô vận tải, một xe. Đến 15 giờ 50, ta bao vây Viêng Phu Kha và gọi địch hàng. Chúng ngoan cố chống lại. Bộ đội ta tiến công tiêu diệt một lượng lớn địch. Đến 17 giờ ta giải phóng Viêng Phu Kha.

Ngày 08/5, phần lớn địch đã chạy đến Tapha; đại bộ phận GM 18 đã về Huổi Sài; mãi 17 giờ tướng Bun Lợt thoát chết mới về được đến đây. 17 giờ 15, ta bắt kịp địch. Bộ đội nhanh chóng vận động, hình thành thế bao vây, nổ

---

[1] Bataillon parachutiste: Tiểu đoàn dù.

[2] Bataillon d'infanterie: Tiểu đoàn bộ binh.

tung diệt gọn bộ phận đi sau của GM 18 ở Mường Ngùn, thấy nguy cơ bị tiêu diệt, bọn tàn quân hỗn hợp các đơn vị 11 BP, BV 150, CV 137 ẩn núp ở Mộc Tiên (đông Viêng Phu Kha) khẩn cấp xin cấp trên cứu viện. Địch vội cho đại đội lính dù Si Hồ nhảy xuống Tapha chặn đường truy kích của ta. Chúng điều từ Huổi Sài lên Tapha hai đại đội của BV 18 và từ Luông Phabăng lên Huổi Sài một đại đội của BV 12 cứu nguy cho bọn tàn quân.

Địch tăng viện, ta càng có cơ hội diệt địch. Sau khi nhận điện của mặt trận, tư lệnh lữ đoàn trực tiếp chỉ huy một mũi tiến nhanh lên Tapha và chốt ở gần đó, chặn các ngả đường ra tới Huổi Nam.

9 giờ 40 phút ngày 09 tháng 5, Tiểu đoàn 1 chiếm Bản Sơn, 12 giờ 05 phút, Tiểu đoàn 4 vận động về Tapha tiếp cận địch. Bọn tàn quân ở đây rất đông, phần lớn là lính của 1 BP 15 và CV 184. Trung đội trưởng Lò Văn Muôn linh hoạt chỉ huy đơn vị đuổi địch, bất chấp đường xa, đói mệt, khôn khéo cắt đường, tóm gọn 38 tên địch không tốn một viên đạn. Trong khi đó, lực lượng ta tạo thành thế vây ép từ nhiều mũi bất ngờ tiến công. Bị đánh mạnh, địch hoảng sợ chạy tán loạn, trà trộn lẫn vào dân. Sợ bắn nhầm phải bà con, bộ đội không dám nổ súng. Lợi dụng phút quân ta chững lại, địch chạy vào rừng, một bộ phận chạy theo đường cái về Huổi Sài. Ta xốc lại đội hình kiên quyết đánh đuổi đến cùng.

Ở phía Mường Hùn, Đại đội 1 Tiểu đoàn 3 đánh địch tại Ta Nam, diệt và bắt 20 tên, thu một số vũ khí nhẹ và

điện đài. Địch hốt hoảng chạy qua sông Mê Kông sang Thái Lan.

Ngày 10/5/1962, ta truy quét ráo riết. Địch cố vơ vét tàn quân, vứt bỏ vũ khí, trang bị, liều mạng chạy sang Xiêng Không (Thái Lan). Nhiều tên không còn sức vượt biên giới chịu bị bắt làm tù binh. Số đông hỗn loạn chạy thoát sang Thái Lan. Cơ hội diệt và bắt địch dễ dàng, nhưng bộ đội ta tôn trọng pháp luật quốc tế, dừng lại bên này biên giới, bảo vệ vùng mới giải phóng của bạn.

Ở Huổi Sài, địch biết không thể cứu vãn tình thế, chúng phá cơ sở vật chất trong căn cứ. Ngay đêm 10/5, tướng Bun Lợt đi Băng Cốc cầu cứu Thái Lan. Chính quyền nước này vội điều Trung đoàn biệt động số 7 thuộc Quân khu 38 tới Xiêng Không bảo vệ bọn tàn quân ngụy Lào ẩn náu ở đây.

Đến 10 giờ 30 phút ngày 11/5, mũi truy kích Tiểu đoàn 1 đuổi kịp GM 15 và CV 138 ở dưới Bản Peng cách Huổi Sài 20 km. Đơn vị bao vây gọi hàng, địch bắn trả và liều chết chạy sang Thái Lan. Ta nổ súng mãnh liệt đuổi đánh diệt 16 tên, bắt sống 22 tên rồi tiến chiếm Xiêng Kon.

Đến ngày 12/5/1962, toàn bộ quân địch ở mặt trận Nậm Thà đã bị tiêu diệt, bị bắt hoặc quét khỏi lãnh thổ Lào. Các mũi truy kích của lữ đoàn dừng lại ở Tapha, Xiêng Kon, chuẩn bị làm nhiệm vụ củng cố vùng giải phóng. Tư lệnh lữ đoàn cử Tiểu đoàn 1 bố trí lực lượng sẵn sàng đánh địch đề phòng bất trắc. Các đơn vị khác chia thành nhiều mũi đi lùng sục, truy quét địch còn lẩn trốn trong rừng. Khi phát hiện lực lượng phản động Tưởng Giới Thạch ẩn náu

ở biên giới Lào - Myanma âm mưu câu kết cùng các thế lực phản động chống phá cách mạng, Tiểu đoàn 4 lập tức bao vây tiến công tiêu diệt 52 tên, hầu hết là quân Quốc dân Đảng thuộc BS11 lực lượng đặc nhiệm của Tưởng Giới Thạch. Bọn còn lại tháo chạy qua biên giới. Ta san bằng hang ổ địch, diệt trừ một lực lượng phản động chống phá cách mạng.

Đến ngày 13/5/1962, chiến dịch Nậm Thà mang mật danh XYZ kết thúc toàn thắng. Bộ đội ta chuyển sang làm nhiệm vụ giúp bạn xây dựng, củng cố cơ sở.

Trích Sư đoàn 316, tập 2,
NXB. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1986.

CÁNH ĐỒNG CHUM 1969

Sau khi chiếm được toàn bộ Cánh Đồng Chum, địch bắt đầu tổ chức các tuyến phòng ngự nhằm mục đích chiếm đóng Cánh Đồng Chum lâu dài, đồng thời xúc tiến đẩy mạnh hoạt động lấn chiếm Sê Pôn, Mường Xìn, Nậm Thà, Nậm Bạc... làm cho tình hình Lào càng trở nên nghiêm trọng.

Để làm thất bại âm mưu đen tối của đế quốc Mỹ và tay sai, Trung ương Đảng ta và Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào thống nhất chủ trương mở chiến dịch phản công đánh bại cuộc hành quân "Cù Kiệt" của địch, thu hồi vùng chiến lược Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng.

Sau tuần lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 13/9/1969, đại diện các đơn vị tham gia chiến đấu được lệnh về Hà Nội nhận nhiệm vụ, gồm các cán bộ chỉ huy Quân khu 4, Quân khu Tây Bắc, Sư đoàn 316, Sư đoàn 312 và Trung đoàn 866, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Quốc phòng thay mặt Quân ủy Trung ương giao nhiệm vụ cho các lực lượng ta phối hợp tham gia chiến dịch. Dự buổi họp trao nhiệm vụ còn có đồng chí Thiếu tướng, Phó Tổng tham mưu trưởng Lê Trọng Tấn và Thiếu tướng Nguyễn Đôn. Trong hội nghị này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã phân tích tình hình và âm mưu của địch trên các chiến trường, ân cần nhắc nhở,

dặn dò các đơn vị thực hiện tốt liên minh chiến đấu với bạn, làm tròn nghĩa vụ quốc tế vẻ vang của Đảng. Đại diện các đơn vị đã hứa trước Quân ủy Trung ương kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Tổ quốc giao phó.

Lực lượng tham gia chiến dịch lần này có Sư đoàn 316, Sư đoàn 312, Trung đoàn 866, Trung đoàn 16 pháo binh, Tiểu đoàn 20 đặc công, Tiểu đoàn 25A, 25B và Tiểu đoàn 45 công binh, một đại đội xe tăng và binh trạm 11.

Về phía lực lượng bạn có các tiểu đoàn 1, 2, 13, 15, 24, 46.701, 47B1 và tiểu đoàn Com Pa Chay.

Trung tuần tháng 9/1969, các lực lượng tham chiến hành quân lần lượt sang chiến trường. Sư đoàn 312, trừ Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 165 đã sang trước, còn lại toàn đơn vị đến tháng 10 đã hành quân tới chiến trường. Lực lượng binh trạm 11 gồm 12 đại đội xe, 9 tiểu đoàn và 3 đại đội cao xạ, 9 tiểu đoàn công binh cùng bắt đầu triển khai vận tải, bảo đảm đường sá, tổ chức phòng không... từ Nghệ An sang Cánh Đồng Chum; đồng thời xúc tiến việc mở thêm đường 7B từ Mường Xén qua Tha Đo, Then Phun, Na Lan tới thị xã Xiêng Khoảng.

Bộ Tư lệnh chiến dịch được hình thành và bắt đầu hoạt động gồm các đồng chí Vũ Lập, tư lệnh; Huỳnh Đắc Hương, chính ủy; Lê Linh, Phó Chính ủy kiêm đoàn trưởng Sư đoàn 312; đồng chí Lê Hoàn, sư đoàn trưởng Sư đoàn 316 làm phó tư lệnh. Cơ quan chiến dịch gồm cơ quan Quân khu Tây Bắc cùng một số đồng chí của Sư đoàn

312 tăng cường giúp Bộ Tư lệnh chiến dịch triển khai thực hiện nhiệm vụ. Chiến dịch phản công được mang tên chiến dịch 139[1].

*

* *

Cuối tháng 10/1969, tiếng súng phản công của ta bắt đầu nổ giòn giã trên mặt trận Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng.

Trung đoàn 174 vừa ra củng cố được 20 ngày, thì có lệnh trở lại tham gia chiến đấu đợt một. Các chiến sĩ mang truyền thống Cao - Bắc - Lạng lại khoác ba lô, súng đạn lên vai, lao vào cuộc chiến đấu mới. Trên đường hành quân từ Bản Ban trở vào, Trung đoàn 174 nhận được tin vui của Tiểu đoàn 3 từ phía trong truyền ra, đã cùng với Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 141 tập kích đánh bật địch khỏi Phu Phựng và Lạt Buột, tiêu hao ba BV 21, 24 và 27, đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn BI 12 của địch. Tin chiến thắng đó như thôi thúc, giục giã mọi người tiến lên phía trước.

Vừa hành quân tới Bản Son, Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 174 lao vào cuộc chiến đấu đánh địch nống lấn cùng một bộ phận Trung đoàn 866 và Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 165 Sư đoàn 312 diệt 161 tên, làm thiệt hại nặng BV 27, buộc chúng phải rút về ngã ba Noọng Pẹt củng cố.

Từ ngày 10 đến 15 tháng 12, Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 174 lại lập được chiến công mới, liên tục bám

---

[1] Chiến dịch mang số hiệu 139 được ghép bởi ngày 13 tháng 9, tức là ngày Bộ giao nhiệm vụ cho các đơn vị.

đánh quân địch khi chúng hành quân ra khu vực đông bắc Noọng Pẹt, diệt 65 tên, buộc BS 206 phải tháo chạy.

Trước nguy cơ một cuộc phản công lớn ở Cánh Đồng Chum, địch điều thêm quân ở Viêng Chăn đến Cánh Đồng Chum, chuẩn bị đối phó với ta.

Cuối tháng 9, tại Khe Tì thuộc huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, Bộ Tư lệnh chiến dịch tổ chức hội nghị phổ biến tình hình, nhiệm vụ. Để hiệp đồng chiến đấu, đồng chí Khămtày Xiphănđon và đồng chí Xi Phon, Tư lệnh quân khu Cánh Đồng Chum đã đến dự hội nghị. Ngoài ra còn có các đồng chí Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần tới dự. Hội nghị đã diễn ra trong bầu không khí đoàn kết liên minh chiến đấu giữa hai quân đội và hai dân tộc Lào - Việt anh em.

Đồng chí Vũ Lập, Tư lệnh chiến dịch trình bày phương án tác chiến chiến dịch.

Nhiệm vụ của chiến dịch là tiêu diệt quân địch lấn chiếm vùng giải phóng Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng, chủ yếu là lực lượng đặc biệt Vàng Pao, tạo thế đấu tranh mới cho bạn. Khôi phục, mở rộng và củng cố vùng giải phóng của bạn, góp phần phối hợp với chiến trường miền Nam.

Ngày 06/10/1969, tại hang 50[1], Đảng ủy chiến dịch họp để thảo luận và thông qua ý định tác chiến chiến dịch

---

[1] Một vị trí ở gần khu vực Khăm Pha Niên trên đất Lào.

do Bộ Tư lệnh chiến dịch đề nghị. Hội nghị đã nhất trí chia chiến dịch ra làm ba đợt.

Đợt một, từ ngày 25/10/1969 đến 10/02/1970 là đợt tạo thế, mở đường, triển khai lực lượng và chuẩn bị vật chất. Tiêu diệt một bộ phận quân địch, ngăn chặn không cho chúng nống thêm ra vùng tự do, mở thông đường 7 Bản Son - Noọng Pẹt và đường 7B vào Xiêng Khoảng. Khôi phục một phần địa bàn để chuẩn bị cho đợt hai.

Đợt hai, từ ngày 10/02/1970 đến cuối tháng 02 là đợt chủ yếu của chiến dịch, có nhiệm vụ chính giải phóng Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng.

Đợt ba, từ cuối tháng 02 đến 25/4/1970 nhằm phát triển thắng lợi, giải phóng thêm một số vùng mới như Sảm Thông, Long Chẹng, Mường Sủi. Sau đó thanh toán nốt các cụm phỉ chống phá nhiều năm ở Keo Bon, Buôm Lọng, cùng lực lượng bạn củng cố, xây dựng các vùng được giải phóng.

Chiến dịch phát triển theo hai trục đường 7A và 7B, gọi là hai cánh: Cánh Bắc và cánh Nam. Bộ Tư lệnh chiến dịch trực tiếp chỉ huy cả hai cánh. Mỗi cánh tổ chức ban cán sự để lãnh đạo Đảng ủy chiến dịch chỉ định các ủy viên. Ngoài ra còn sử dụng lực lượng tinh nhuệ luồn sâu đánh từ trong ra để phối hợp với hai cánh chính từ bên ngoài đánh vào.

Cánh Bắc đánh theo đường 7A từ Bản Ban vào Cánh Đồng Chum, gồm lực lượng Trung đoàn 174, Trung đoàn

148 Sư đoàn 316, Trung đoàn 141 và Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 165 Sư đoàn 312 do đồng chí Lê Hoàn, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 316 chỉ huy.

Cánh Nam đánh theo đường 7B mới mở từ biên giới vào thẳng thị xã Xiêng Khoảng gồm Trung đoàn 165, Trung đoàn 209 Sư đoàn 312 và Trung đoàn 866 do đồng chí Nguyễn Năng, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 312 chỉ huy.

Về phương châm hoạt động chung, Đảng ủy chiến dịch đã thống nhất: trên cơ sở tư tưởng tác chiến lấy ít thắng nhiều mà vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật tập kích, phục kích, bao vây, triệt tiếp tế, đón lõng tiêu diệt địch, kết hợp đánh vận động và đánh điểm, đánh đặc công kết hợp với bộ binh, bộ binh - hỏa lực - đặc công... đánh nhỏ, đánh vừa kết hợp đánh lớn. Dùng lực lượng hợp lý nhằm đánh thẳng vào cơ quan đầu não, thực hiện đánh nhanh, gọn, đánh liên tục, kết hợp chặt chẽ giữa tác chiến và địch vận.

Sở Chỉ huy chiến dịch ở Thẳm Hoa (nam Bản Ban) để chỉ huy trực tiếp các cánh.

Thực hiện ngoài đánh vào, trong đánh ra, nhằm làm rối loạn hậu phương địch, đêm 18/12/1969, đội 6 đặc công Quân khu Tây Bắc và đội 5 đặc công của Bộ bí mật tập kích dứt điểm 13 vị trí ở Cánh Đồng Chum, tiêu diệt 320 tên, bắt sống 26 tên, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Đây là một trận đánh trúng, đánh hiểm, gây cho địch choáng váng trong những ngày đầu của chiến dịch phản công.

Địch phải điều một đại đội công binh đến giải quyết hậu quả trong nhiều ngày.

Cùng lúc, đội 17 đặc công của Bộ và bộ phận Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 165 tập kích điểm cao 1176, đồng thời dùng hỏa lực bắn phá các điểm cao 1300 (Xiêng Khoảng), Mô Phương (đường 7). Các lực lượng còn lại của Trung đoàn 174 và Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 866 bám đánh địch ở quanh khu bàn đạp Bản Son.

Bị một số đòn đau và trước nguy cơ bị tiến công, ngày 20 tháng 12, bọn cố vấn Mỹ, Thái Lan và bọn tay sai Lào đã phải họp bàn để giữ Cánh Đồng Chum, Sảm Thông, Long Chẹng. Chúng đưa PC/GT Xiêng Khoảng[1], ban chỉ huy RI 305[2], ban tham mưu quân khu 2, CV 25/BC 25[3], BS 207 cùng các dụng cụ thiết bị chướng ngại tới Cánh Đồng Chum, điều BV 24 về phòng thủ ở tây nam Cánh Đồng Chum 10 km.

Tháng 01 năm 1970, ta tiếp tục đánh địch nống lấn và đánh chiếm một số bàn đạp. Phối hợp với Sư đoàn 312 đánh địch ở Phu Nốc Cốc, Cò Luông, Trung đoàn 174 liên tục hoạt động ở Phu Mu Lao, Đèo Vưởi, Mô Phương, bẻ gãy mũi nống ra của địch ở hướng này.

Kết quả trong đợt một, Trung đoàn 174 đã đánh 45 trận lớn nhỏ, tiêu diệt 308 tên địch, bắt sống và gọi hàng

---

(1) Poste de commandement/groupement tactique: Sở Chỉ huy binh đoàn chiến thuật.

(2) Régiment d'infanterie: Trung đoàn bộ binh.

(3) Compagnic voltigeur: Đại đội khinh binh.

128 tên, thu 20 súng các loại, 20 máy vô tuyến điện, bắn rơi 3 máy bay và phá hủy một số phương tiện chiến tranh khác. Trung đoàn đã cùng các đơn vị tham chiến tiêu diệt một lực lượng địch lấn chiếm, bẻ gãy tất cả các mũi nống ra của địch, đánh chiếm một số bàn đạp, chuyển từ thế bị động sang thế chủ động trên chiến trường, buộc địch phải co về phòng ngự, tạo điều kiện giải quyết một phần vận chuyển tiếp tế, đưa lực lượng vào luồn sâu, lót sẵn phía trong tạo thế cho đợt hai.

Trước ngày chiến dịch bước sang đợt hai, địch đã có một số cố gắng để ngăn chặn cuộc tiến công của ta. Mỹ tiếp tục tăng cường máy bay đánh phá, hỗ trợ cho bọn bộ binh giữ chốt và cơ động lực lượng. Địch ráo riết tổ chức hình thành dần từng tuyến, từng cụm và từng khu vực phòng ngự có chiều sâu nối liền với hậu cứ của chúng. Sau đó tăng cường lực lượng ra tuyến phòng ngự vòng ngoài ở ngã ba Noọng Pẹt, tranh chấp với ta một số điểm cao, nhằm bịt đường tiếp tế và ngăn chặn lực lượng ta thâm nhập vào phía trong. Hướng phòng ngự chủ yếu của địch là đường 7 - đoạn ngã ba Noọng Pẹt gồm chín tiểu đoàn, bốn AC. Chúng ra sức tăng cường công sự, thay đổi một số quy luật hoạt động với nhiều thủ đoạn đối phó phức tạp.

Trước tình hình trên, Bộ Tư lệnh chiến dịch nhận định: Nếu ta đánh tốt, địch sẽ nhanh chóng rút khỏi Cánh Đồng

Chum co về khu vực trung gian[1] để bảo toàn lực lượng và giữ Sảm Thông, Long Chẹng. Ngược lại, nếu ta đánh chưa nhanh, chưa gọn thì địch sẽ trụ lại ở những khu vực có lợi, cố giữ kéo dài tới mùa mưa, sau đó tăng cường lực lượng khôi phục lại những vị trí đã mất, thực hiện chiếm đóng Cánh Đồng Chum lâu dài.

Từ nhận định trên, kế hoạch của ta trong đợt hai là phải tiêu diệt từ bốn đến năm tiểu đoàn địch, đánh thiệt hại nặng bốn đến năm tiểu đoàn khác, khôi phục nhanh chóng Cánh Đồng Chum. Giải phóng đến đâu giữ vững đến đó. Tích cực giành, giữ dân, vừa chiến đấu vừa xây dựng lực lượng, vừa chuẩn bị cho đợt ba. Trong đó, nhiệm vụ tiêu diệt là then chốt, có tầm quan trọng quyết định đến việc hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ chiến dịch. Tuy nhiên, do tầm quan trọng của vị trí chiến lược Cánh Đồng Chum nên yêu cầu khôi phục lại toàn bộ địa bàn này có tác dụng rất lớn đến tình hình chính trị lúc đó ở Lào mà ta phải tiến hành nhanh, không thể kéo dài đến mùa mưa.

Để thực hiện được kế hoạch trên, phương án tác chiến của ta là phát huy sức mạnh tổng hợp của các binh chủng, nhanh chóng đập tan hệ thống phòng ngự của địch; tiến công liên tục, dồn dập bằng nhiều trận đánh nhỏ kế tiếp nhau, đánh tập trung, đánh phân tán bên trong, đánh phía trước, đánh thọc sâu vu hồi vào sở chỉ huy địch.

---

[1] Là khu vực tiếp giáp giữa Cánh Đồng Chum với các căn cứ của địch ở Sảm Thông, Long Chẹng.

Nhiệm vụ của chiến dịch phản công đang bước vào giai đoạn chính cần phải huy động cao độ mọi khả năng, lực lượng, giáng một đòn mạnh mẽ vào kẻ địch, tạo nên chuyển biến mới có ý nghĩa quyết định hoàn thành nhiệm vụ của cả chiến dịch. Vì vậy, Bộ Tư lệnh chiến dịch hạ lệnh cho Trung đoàn 148 và Sư đoàn bộ Sư đoàn 316 trở lại chiến trường.

Con đường Pa Háng - Sầm Nưa - Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng lại một lần nữa in dấu chân những người chiến sĩ sư đoàn đi làm nhiệm vụ quốc tế.

Giữa những ngày khẩn trương sôi nổi này, một tin vui đã đến. Năm 1970, Quốc hội và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định tặng thưởng Sư đoàn 316 Huân chương Quân công hạng Nhất và Chủ tịch Tôn Đức Thắng gửi tặng lẵng hoa xuân tươi đẹp. Đây là phần thưởng cao quý, niềm vinh dự lớn lao, thể hiện sự quan tâm chăm sóc của Đảng, của Bác Tôn đối với Sư đoàn.

Bước vào giai đoạn đầu của đợt hai, Sư đoàn 316 được Bộ Tư lệnh chiến dịch giao nhiệm vụ đánh địch ở phía nam đường 7, tiêu diệt cụm phòng ngự Noọng Pẹt. Cụ thể: Sư đoàn bao vây tiêu diệt vị trí Phu Huội, đồi đá Bản Son, kiềm chế Phu Quạt, nhằm chia cắt quân địch ra từng mảng, tạo điều kiện mở tung cánh cửa vào Cánh Đồng Chum.

Trong đợt tiến công này, Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 148 được giao nhiệm vụ vây ép đánh lấn, tiến tới tiêu diệt BS 204 ở Phu Huội, sau đó chốt giữ chặn địch từ ngã ba Noọng Pẹt, Phu Học chạy về hướng Lạt Buộc, Khang Khay, Tiểu đoàn 4, Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 148 và Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 174 làm lực lượng dự bị chiến dịch tập kết ở khu vực Bản Ban, Phu Nốc Cốc.

Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 174 tiêu diệt BS 206 ở Đồi Đá, K2, dùng một bộ phận vây ép địch ở đồi Nương Lúa sau đó cho lực lượng phát triển xuống đường 7.

Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 174 đánh địch ở điểm cao 1440, 1265, đồng thời dùng một lực lượng thích hợp bao vây tiêu diệt AC 4C ở "Đồi 12,7".

Các đơn vị trực thuộc được tăng cường cho hai trung đoàn và phục vụ cho sở chỉ huy sư đoàn[1].

Trong hội nghị này, ban cán sự cũng đã thỏa thuận tập trung mọi khả năng, điều kiện để cho Tiểu đoàn 2 và Tiểu đoàn 6 hoàn thành nhiệm vụ, bàn biện pháp đưa lực lượng vào vị trí bí mật, an toàn.

---

[1] Căn cứ vào nhiệm vụ trên giao, ngày 04/02/1970, tại dốc Chum, ban cán sự khu vực họp ra nghị quyết lãnh đạo sư đoàn và các phân đội phối thuộc tiêu diệt BS 204, BS 206 và AC 4C, phối hợp với đơn vị bạn tiêu diệt địch ở ngã ba Noọng Pẹt, đồng thời bố trí lực lượng thích hợp vây lõng đánh địch rút chạy.

Để bảo đảm cho chiến đấu thắng lợi, sư đoàn cử các đồng chí Hoàng Chim, trung đoàn trưởng, Phạm Trân, Phó Chính ủy Trung đoàn 148 đi cùng với Tiểu đoàn 6, Hồng Tân, Trung đoàn trưởng, Lý Lâm Bảo, Chính ủy Trung đoàn 174 đi cùng với Tiểu đoàn 2 để chỉ đạo trực tiếp. Mặt khác, tăng cường đồng chí Trần Lâm, Phó Tham mưu trưởng, Trần Thái, Chủ nhiệm chính trị Trung đoàn 148 xuống Tiểu đoàn 6, đồng chí Nguyễn Tường, Tham mưu trưởng, Dinh Thuận, Chủ nhiệm chính trị Trung đoàn 174 xuống Tiểu đoàn 2 trực tiếp chỉ huy, lãnh đạo đơn vị cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu đợt hai.

Trích "Sư đoàn 316", tập 2

NXB. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1986.

CÁNH ĐỒNG CHUM 1972

Sau hai tháng tiến công vào Cánh Đồng Chum không kết quả, lại bị thiệt hại nặng nề, thời gian mùa mưa sắp hết, hy vọng đánh chiếm Cánh Đồng Chum của địch bị lung lay. Nhưng bị thúc ép trước tình hình chính trị đang hết sức khẩn trương, Mỹ và bọn tay sai tập trung mọi cố gắng, dốc tất cả lực lượng để mở đợt tấn công cuối cùng với mục tiêu hạn chế là đánh chiếm một phần phía nam Cánh Đồng Chum, tạo điều kiện có lợi cho việc đàm phán giữa Mặt trận yêu nước Lào và chính quyền Viêng Chăn vào ngày 15/10/1970 như đã thỏa thuận. Trong cuộc tiến công ấy, địch tập trung mọi biện pháp tác động tâm lý sĩ quan binh lính như treo cờ, gắn huy hiệu Cánh Đồng Chum, đặt tiền thưởng cho mỗi đơn vị đánh chiếm được một mục tiêu là năm vạn kíp...

Địch huy động 60 tiểu đoàn quân ngụy Lào và quân đánh thuê Thái Lan vào cuộc hành quân này. Trên hướng chủ yếu ở phía nam, chúng tập trung trên 20 tiểu đoàn.

Về phía ta, lúc này Bộ mới tăng cường thêm Trung đoàn 88 thuộc Sư đoàn 308C đã tới chiến trường và đang tập kết ở Bản Ban.

Dựa vào bàn đạp đã chiếm được trong đợt tiến công lần trước, địch lần lượt điều thêm lực lượng đến phía nam Cánh Đồng Chum. Từ hai trung đoàn, chúng tăng lên tới sáu trung đoàn, hai tiểu đoàn Thái Lan và hai đại đội pháo.

Ngày 05 tháng 10, địch bắt đầu mở cuộc tiến công, GM 23 ở giữa đánh chiếm Phu Huột, điểm cao 1236, phát triển lên điểm cao 1299. GM 30 ở bên trái đánh chiếm điểm cao 1172, Bản Xưa, phát triển lên điểm cao 1228, chuẩn bị tiến công Phu Xeo. GM 15 ở bên phải từ 1243 đánh chiếm Cha Hô, hiệp đồng với GM 23 phát triển lên Phu Tâng và một mũi uy hiếp phía tây Phu Hụa Sạng. GM 21 ở 1243, Keo Khoang làm dự bị. Còn lại GM 26 và hai tiểu đoàn Thái Lan, một số tiểu đoàn độc lập chiếm giữ Nậm Cọ, Phu Vai, Khang Kho, tổ chức một mũi tiến công qua Phu Luông uy hiếp sườn đông Phu Hụa Sạng.

Đã dự kiến từ trước, Bộ Tư lệnh mặt trận quyết định sử dụng lực lượng thích hợp tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch ngăn chặn, tạo điều kiện mở trận phản đột kích đánh bại hoàn toàn cuộc tiến công của địch.

Với chủ trương đó, Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 148, Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 335 cùng với lực lượng phòng giữ tại chỗ được lệnh triển khai đánh nhỏ, lẻ, ngăn chặn địch và tạo thế. Trung đoàn 148 và Trung đoàn 335 còn lại được lệnh nhanh chóng tập kết ở hai phía đông và tây cánh đồng Cang Xẻng cùng với các đơn vị khác chuẩn bị mở trận phản đột kích.

Ngày 12, trận đánh bắt đầu. Tiểu đoàn 924 Trung đoàn 866 có xe tăng chi viện tiến công chính diện đánh bật địch khỏi các điểm cao 1239, 1228. Địch dùng không quân, pháo binh chi viện chiếm lại 1228.

Trung đoàn 148 được lệnh xuất kích tiến đánh Bản Xua, điểm cao 1236, sau đó phát triển đánh chiếm 1172, thừa thắng tiến công tiêu diệt sở chỉ huy GM 23 ở Phu Huội rồi cho một bộ phận thọc xuống chốt Bản Phồn chặn địch.

Trung đoàn 335 đánh chiếm Cha Hô, chặn địch từ 1239 chạy về và ngay trong đêm, cùng với Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 148 tập kích địch co cụm ở Nậm Cọ, Khang Kho, Keo Khoang, 1243, sau đó tổ chức vây địch. Ngày hôm sau, ta tổ chức tiến công đẩy lùi bốn GM về Khang Kho, Nậm Cọ, ngày 14, trận đánh kết thúc với những thắng lợi giòn giã: 635 tên bị diệt, ba máy bay bị bắn rơi, một trung đoàn bị thiệt hại nặng.

Mặc dầu bị tổn thất nặng nề, địch vẫn cay cú bổ sung quân, đưa thêm hai tiểu đoàn Thái Lan ra Nậm Cọ và tăng cường không quân mở đợt tiến công mới. Từ ngày 21 đến 25/10, chúng lại từng bước lấn chiếm các điểm cao 1172, 1236, 1239, 1228, 1214, Xiêng Nưa, Bản Xua và dự định chiếm Phu Xeo tiến lên Bản Ngua để chiếm Phu Tâng.

Các đơn vị ta lại tiếp tục chiến đấu ngăn chặn quân địch. Trung đoàn 148, Trung đoàn 335 được trên giao nhiệm vụ phối hợp đánh một trận quyết định, bẻ gãy cuộc tiến công mới của chúng.

Trong đợt tiến công này, Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 148 được giao nhiệm vụ đánh một trận then chốt vào điểm cao 1236, cùng với các đơn vị trong trung đoàn phát triển đánh địch ở 1172, Bản Xua, Na Van, cắt đứt đường, không cho

địch chạy về Phu Huột. Một khó khăn lớn đối với Tiểu đoàn 6 lúc này là đơn vị làm nhiệm vụ phân tán địch vừa ra, chưa được chuẩn bị.

Để bảo đảm kịp thời gian nổ súng, cán bộ chỉ huy trung đoàn đã huy động lực lượng của toàn cơ quan làm công tác vận chuyển đạn, gạo cho trận đánh. Tiểu đoàn 6 tập trung nhanh chóng về khu vực Phu Xeo, tổ chức cho đơn vị bí mật luồn lách, bỏ qua các vị trí phía ngoài của địch vào tiếp cận điểm cao 1236. Đồng chí Trương Danh Hiệu, phó trung đoàn trưởng được cử đi cùng, trực tiếp chỉ đạo trận đánh.

Ngày 25/10/1972, khi mặt trời vừa lặn cũng là lúc Tiểu đoàn 6 lên đường. Một số đồng chí không còn giày, tất, đã lấy giẻ rách, bao gạo buộc vào bàn chân đi tạm. Chiến sĩ Nguyễn Văn Chiến bị thương vừa ra viện cũng xin đi bằng được. Các chiến sĩ thông tin Đại đội 18, các chiến sĩ hỏa lực các đại đội 16, 17, 21 cũng bám sát bộ binh chiếm lĩnh trận địa.

Đêm càng về khuya, trời càng tối, từng người dò dẫm, dán mắt vào những miếng lân tinh được gắn sau lưng người đi trước tiến vào vị trí địch. Toàn đơn vị lặng lẽ bước đi không phát ra một tiếng động.

Sau một đêm hành quân căng thẳng, Tiểu đoàn 6 vào tới vị trí chiến đấu lúc 3 giờ 40 phút ngày 26 tháng 10, cũng là lúc Bộ Tư lệnh mặt trận ra lệnh nổ súng. Không kịp đào công sự, các chiến sĩ cối, ĐK, 12,7 giá súng trên mặt đất bắn dồn dập vào điểm cao 1236. Các cụm pháo binh chiến dịch bố trí trên các hướng cũng kịp thời bắn phá các mục

tiêu để chi viện cho bộ binh chiến đấu. Lợi dụng lúc pháo bắn, địch chưa kịp ngóc đầu dậy, các chiến sĩ lao lên áp sát các mục tiêu. Khi pháo ngừng bắn, bộ đội nhảy vào công sự, chiến hào đánh địch. Lê Biên, phó trung đội trưởng Đại đội 9 dẫn một bộ phận đánh thẳng vào mỏm 1, sau 15 phút làm chủ vị trí, diệt 5 tên địch. Chiến sĩ Lò Văn Sinh, dân tộc Thái, mới ra trận lần đầu, xông xáo chẳng kém đồng đội, diệt 5 tên, bắt sống 1 tên. Nguyễn Văn Chiến vừa đi viện về cũng lập công xuất sắc, diệt 7 tên. Chỉ sau 10 phút chiến đấu, Tiểu đoàn 6 đã làm chủ hoàn toàn điểm cao 1236. Số địch còn lại tháo chạy tán loạn. Toàn đơn vị bước vào truy kích. Một cuộc đuổi địch diễn ra vô cùng sôi nổi.

Ở vị trí đón lõng của Đại đội 10, Đại đội 11 bắt đầu vang lên tiếng súng. Các chiến sĩ ở đây giành giật với địch từng công sự, khe suối, diệt hết toán này đến toán khác, có lúc diệt gọn cả toán 35 tên. Tiểu đội trưởng Quang của Đại đội 11 dẫn tiểu đội xuất kích, súng hết đạn, Quang dùng ngay súng của địch vừa thu được diệt bảy tên. Tất cả các bộ phận thông tin, trinh sát, quân y, anh nuôi đều tham gia đánh địch, ai cũng lập được chiến công.

Phối hợp chiến đấu với bộ binh, Đại đội 21 nhanh chóng đưa súng 12,7 lên chốt điểm cao 1236. Một khẩu đội lên trước vừa kịp giá súng thì cũng là lúc hai chiếc T.28 từ hướng Long Chẹng lao tới. Từ vị trí chỉ huy, trung đội trưởng Đùng nhảy vào siết cò nhả đạn. Bằng 25 viên đạn, anh đã bắn rơi tại chỗ một chiếc. Chiếc còn lại vội vàng chuồn thẳng. Cả đơn vị hò reo phấn khởi chạy nhanh

lên điểm cao triển khai trận địa sẵn sàng đánh máy bay địch. Vừa lúc ấy, tiểu đội trưởng Thức chạy tới quần áo ướt sũng, nói trong hơi thở gấp: "Báo cáo đại đội, địch chạy ở phía bên trái rất đông, đề nghị cho chúng tôi truy kích". Chính trị viên Côi ra lệnh: "Phát huy hỏa lực phòng không đánh địch mặt đất. Khẩu đội 3 vận động bên trái, khẩu đội 1 vòng bên phải truy kích diệt tàn binh địch".

Cả đơn vị lao vào đuổi đánh địch. Hai chiến sĩ Kiên và Hiệu đang đào công sự vội chạy vào hầm địch vơ thêm lựu đạn, chạy theo đơn vị. Xạ thủ số 1 Đỗ Đình Tức không kịp tháo súng vác cả cái bầu nòng nặng hơn 30kg chạy lên phía trước. Địch mỗi lúc một gần, không kịp làm giá súng, các khẩu đội đặt lên từng mô đất cao ghìm nòng bắn vào đội hình địch, diệt tại chỗ 33 tên. Bất chấp máy bay địch thi nhau quần đảo trút bom và bắn rốc két, khẩu đội 1 vượt qua khe suối diệt thêm 30 tên nữa. Những tên sống sót tháo chạy bị các chiến sĩ khẩu đội 3 dùng tiểu liên, lựu đạn tiêu diệt.

Trên các hướng khác, Trung đoàn 335 cùng với Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 88 từ Phu Hụa Sạng đánh vào Cha Hô, Bản Hai, Bản Phồn, 1388, chia cắt quân địch không cho chúng chạy về Nậm Cọ, Khang Kho.

Tiểu đoàn 924 được sự chi viện của xe tăng từ Phu Tâng đánh chiếm các điểm cao 1239, 1228, sau đó thọc xuống phía nam, phá vỡ đội hình, dồn địch vào điểm quyết chiến Cha Hô, Bản Hai, Bản Phồn cùng với các đơn vị hợp vây, diệt địch.

Trước sức tiến công như vũ bão của quân ta, đội hình địch rối loạn; chúng tăng cường máy bay ngăn chặn và bảo vệ cho đồng bọn tháo chạy. Ta bám sát, xen kẽ đánh địch quyết liệt. Bất chấp bom đạn địch, các chiến sĩ Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 148 tiếp tục chặn đánh địch, diệt thêm một số tên nữa tại Na Van, Na Hung.

Kết quả trận này, Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 148 đã diệt và bắt 260 tên địch, thu bốn cối 106,7, một cối 81, hai ĐKZ **75** và nhiều phương tiện chiến tranh khác. Đại đội 21 Trung đoàn 148 diệt 71 tên, bắn rơi 2 máy bay, góp phần cùng các đơn vị bạn tiêu diệt 1210 tên địch, thu 1500 súng các loại, đánh bại hoàn toàn cuộc tiến công lấn chiếm Cánh Đồng Chum của địch.

Được tin chiến thắng, ngày 26/10, Bộ Chỉ huy tối cao quân đội giải phóng nhân dân Lào gửi điện khen ngợi cán bộ, chiến sĩ các đơn vị tham gia trận đánh đã nêu cao truyền thống anh hùng, giành thắng lợi to lớn, bảo vệ vững chắc địa bàn chiến lược.

Sau khi cánh quân chủ yếu bị bẻ gãy, địch co cụm lại phía nam Cánh Đồng Chum chờ thời cơ. Để bồi thêm một đòn nữa, Bộ Tư lệnh mặt trận lệnh cho Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 148, Trung đoàn 335, Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 88, hai đội đặc công và một đại đội xe tăng thực hành bao vây, tiến công quân địch co cụm. Các đơn vị Trung đoàn 148 còn lại về đứng chân ở Phu Xen Luông, Xiêng Nưa làm lực lượng dự bị.

Đêm ngày 02/11, các đơn vị triển khai chiếm lĩnh trận địa tiến công, 3 giờ ngày 3, Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 148 tiến đánh điểm cao 1513, sau đó phát triển tiêu diệt sở chỉ huy BC 612 ở nam Nậm Cọ. Cuộc chiến đấu diễn ra tới 7 giờ sáng vẫn chưa kết thúc. Địch ngoan cố dựa vào công sự, chiến hào, chống trả quyết liệt. Lúc trận đánh đang ở vào thời điểm gay go thì sở chỉ huy mặt trận nhận được tin qua đài kỹ thuật, địch yêu cầu máy bay ném bom vào vị trí chỉ huy Tiểu đoàn 5. Để tránh tổn thất, Bộ Tư lệnh đã gợi ý Tiểu đoàn 5 có thể di chuyển sở chỉ huy. Đồng chí Đào Trọng Lịch, Phó Tham mưu trưởng Trung đoàn, người trực tiếp chỉ huy trận đánh, sau khi hội ý với cán bộ chỉ huy Tiểu đoàn 5 đã điện về báo cáo xin được ở lại vì nếu di chuyển thì sự chỉ huy sẽ gián đoạn và do đó trận đánh sẽ không thành. Được cấp trên chấp nhận, tại đây lại tiếp tục truyền đi mệnh lệnh chỉ huy đơn vị đánh địch. Sau một giờ tiếp tục chiến đấu, điểm cao 1513 và sở chỉ huy BC 612 bị quân ta tiêu diệt. Lúc ấy sở chỉ huy Tiểu đoàn 5 cũng bắt đầu thu dây và tiến lên phía trước cùng toàn đơn vị truy kích địch.

Cùng thời gian trên, Trung đoàn 335 đánh chiếm Nậm Cọ, Phu Vai; lực lượng đặc công tập kích vị trí Khang Kho, tạo nên thế trận đánh địch rộng khắp, đẩy địch vào tình trạng lúng túng, bị động. Ngày 14 tháng 11, ta tiếp tục đánh địch co cụm. Lực lượng đặc công tập kích Khang Kho; Trung đoàn 335 đánh chiếm điểm cao 1608 và Phu Xa Coi; Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 88 truy kích địch chạy về

Tom Tiêng; Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 148 bao vây đón lõng ở nam Khang Kho đánh địch rút chạy. Một trận đánh giáp lá cà diễn ra. Hà Văn Cắng, tiểu đội trưởng Đại đội 7 bất chấp địch đông gấp bội, dẫn đầu tiểu đội lao thẳng vào đội hình địch diệt nhiều tên, thu được nhiều vũ khí. Đang đuổi đánh địch thì súng hết đạn, không do dự, Hà Văn Cắng xông vào vật nhau với địch, bắt sống ba tên. Anh đã được tặng danh hiệu Dũng sĩ quyết thắng, góp phần cùng với toàn tiểu đoàn diệt 126 tên, bắt sống 25 tên. Ngày 05/11, ta khôi phục lại toàn bộ khu vực này và kết thúc trận đánh ở hướng đông nam Cánh Đồng Chum.

Trong khi ta tập trung lực lượng đánh bại mũi tiến công chủ yếu của địch trên hướng đông bắc, hướng tây và Mường Sủi, Trung đoàn 866, Trung đoàn 88 và lực lượng của bạn đã phối hợp chặt chẽ, liên tục tổ chức phản kích bẻ gãy hoàn toàn các mũi tiến công của địch, buộc chúng phải rút chạy.

*

* *

Trong lúc các đơn vị tập trung đánh bại quân địch lấn chiếm Cánh Đồng Chum thì Trung đoàn 174 khắc phục mọi khó khăn, kiên trì bám trụ, tổ chức hàng trăm trận đánh bảo vệ khu trung gian, loại khỏi vòng chiến đấu gần 600 tên địch, bắn rơi 11 máy bay, thu và phá hủy nhiều vũ khí, giữ vững địa bàn uy hiếp Sảm Thông, Long Chẹng, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó, tạo điều kiện cho bộ đội ta đánh thắng địch trên hướng chủ yếu. Tuy

vậy, trong suốt thời gian tranh chấp, địch đã cố gắng lấn chiếm được Hin Đăm, Thẩm Lửng và Phu Lũng Mạt.

Để phát huy thắng lợi vừa giành được, cải thiện thế phòng ngự của ta ở khu vực trung gian, chấp hành mệnh lệnh của trên, Trung đoàn 148 sử dụng Tiểu đoàn 6 mở cuộc tiến công vào Hin Đăm.

Đêm 04/12/1972, trời tối đen như mực, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 6 cùng nhau bí mật hành quân tiếp cận địch, 5 giờ 55 phút ngày 05/12, khi hỏa lực của trung đoàn chuyển làn, các chiến sĩ Đại đội 9 lao qua cửa mở đánh địch. Tiếng B.40, tiếng lựu đạn, tiểu liên nổ giòn giã. Trung đội trưởng Khâm và Trung đội trưởng Ngọc Anh dẫn đầu một mũi đánh chiếm mỏm Đồi Tròn rồi nhanh chóng phát triển sang mỏm 2 và mỏm 3. Chiến sĩ liên lạc Lò Văn Miên nhanh như sóc, vừa bắn từng loạt AK vừa nhằm thẳng chiếc hầm chỉ huy địch lao tới, cùng đồng đội bắt sống hai tên, có tên đại uý thuộc BC 609.

Tại dãy đồi "Quan sát", cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt hơn. Địch lợi dụng vách đá ngoan cố chống lại. Các chiến sĩ Đại đội 11 dìu nhau vượt qua những mỏm đá cao hiểm trở, tiêu diệt từng công sự, từng nơi địch ẩn nấp. Trung đội trưởng Lê Biên sau khi vượt qua vách đá cao, dẫn một tiểu đội đánh chiếm mỏm 4. Tiểu đội trưởng Hoàng Chủng dẫn tiểu đội mình đánh sang mỏm 5 rồi phát triển đánh chiếm mỏm 6 và mỏm 7. Sở chỉ huy của Tiểu đoàn Thái Lan BC 609 bị xóa sổ. Sau đó, đơn vị phát triển tiến công Phu Lũng Mạt và truy kích quân địch rút chạy.

Phối hợp chiến đấu, cùng đêm hôm đó, Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 174 tiêu diệt vị trí Thẩm Lửng. Ngày 08/12, Tiểu đoàn 6 và Tiểu đoàn 3 kết thúc trận đánh, tiêu diệt 378 tên, chiếm lại ba vị trí và một phần của dãy điểm cao 1800, cải thiện thế phòng ngự ở khu vực này.

*

* *

Mùa mưa đã chấm dứt. Ánh nắng đang bừng lên trên Cánh Đồng Chum, báo hiệu một mùa khô đang đến. Trải qua gần 200 ngày đêm chiến đấu gian khổ, Sư đoàn 316 đã cùng với các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam và lực lượng Pathét Lào tiêu diệt 6.137 tên địch, đánh thiệt hại nặng ba GM (21, 23, 26), ba tiểu đoàn Thái Lan (các BC 618, 619, 609), đánh thiệt hại năm GM khác (15, 22, 24, 30, 32), góp phần đánh bại hoàn toàn cuộc tiến công quy mô lớn của địch, bảo vệ thắng lợi địa bàn chiến lược Cánh Đồng Chum, làm thay đổi cục diện chiến trường có lợi cho cách mạng Lào và có tác dụng phối hợp tích cực với cuộc tiến công chiến lược năm 1972 trên chiến trường miền Nam nước ta cũng như ở chiến trường Campuchia.

Thắng lợi của chiến dịch phòng ngự Cánh Đồng Chum mùa mưa 1972 đã góp phần đánh bại thêm một bước "học thuyết Níchxơn" ở Lào, làm cho lực lượng đặc biệt Vàng Pao bị tổn thất nặng nề, làm cho quân đánh thuê Thái Lan không còn làm nổi chức năng là chỗ dựa chủ yếu của quân ngụy Lào như địch mong muốn.

Thành công của ta trong chiến dịch phòng ngự Cánh Đồng Chum mùa mưa 1972 là tổng hợp của nhiều nguyên nhân, trong đó có sự lãnh đạo, chỉ huy chặt chẽ, sáng tạo, mưu trí của trên mà trực tiếp là Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Mặt trận 31. Qua thành công của chiến dịch, ta đã rút được nhiều kinh nghiệm thực tiễn, góp phần làm phong phú thêm khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam. Đó là nghệ thuật phân tích, đánh giá đúng đắn, khách quan, khoa học âm mưu, thủ đoạn của địch, có tư tưởng chỉ đạo tác chiến đúng đắn và có hiệu quả.

Từ những kinh nghiệm trước đây và nhất là qua thực tiễn chiến đấu phòng ngự với địch trên địa bàn này, ta đã rút ra được quy luật về âm mưu và hành động tiến công lấn chiếm của chúng. Thường thường sau cuộc tiến công mùa khô của ta, bước vào mùa mưa, lợi dụng lúc ta gặp khó khăn về tiếp tế, vận chuyển và dựa vào ưu thế không quân, địch tổ chức tiến công đánh chiếm Cánh Đồng Chum. Địch tiến công Cánh Đồng Chum không những trong lúc chúng có thể mạnh mà ngay cả khi đang bị thất bại, suy yếu cũng liều lĩnh tiến hành, nhằm phối hợp chiến trường và phục vụ cho mưu đồ chính trị đen tối của chúng.

Đặc biệt trong thời điểm lịch sử của năm 1972, khi cuộc đấu tranh giữa ta và địch trên các mặt quân sự, chính trị, ngoại giao đang diễn ra quyết liệt, thì kẻ địch lại càng có tham vọng tạo ra "thế mạnh" để gây áp lực với ta. Do đó, tất yếu dẫn đến việc tiến công đánh chiếm địa bàn chiến lược mà ở đó chúng cho là có điều kiện. Cánh Đồng

Chum là nơi chúng sẽ lựa chọn. Từ những phân tích đúng đắn đó, ta đã xác định rõ hình thức chiến dịch, chuyển về phòng ngự kịp thời, đúng lúc, tổ chức lực lượng, xây dựng trận địa, xây dựng kế hoạch tác chiến, hình thành thế trận sẵn sàng đánh địch. Đồng thời, chủ động quán triệt tình hình, nhiệm vụ, tư tưởng chỉ đạo tác chiến cho bộ đội, làm chuyển biến cơ bản những tư tưởng nhận thức lệch lạc, thỏa mãn, chủ quan coi thường địch để xây dựng quyết tâm chiến đấu.

Ngoài việc nắm chắc âm mưu chung của địch, ta còn nắm chắc từng đối tượng tác chiến mà địch sử dụng vào cuộc hành quân này, gồm quân đặc biệt Vàng Pao, quân phái hữu Lào, quân đánh thuê Thái Lan… Căn cứ vào khả năng, sở trường, mạnh, yếu, tính chất nhiệm vụ, sự xuất hiện của mỗi thành phần đối tượng ở từng mũi, từng hướng mà Bộ Tư lệnh mặt trận dự kiến được thời gian tiến công, mũi tiến công chủ yếu của địch, để từ đó hạ quyết tâm chính xác, sử dụng lực lượng hợp lý, tạo ra những đòn đánh trả mạnh mẽ và có hiệu quả. Thực tế hoạt động chiến đấu của sư đoàn trong các mùa mưa trước đây mặc dầu đã có nhiều cố gắng cùng với lực lượng của ta và của bạn tổ chức chốt giữ tích cực đánh địch lấn chiếm, song nhìn chung việc đánh giá địch chưa thật chính xác và còn bộc lộ tư tưởng cho rằng địch đã kiệt sức không còn khả năng tiến công, do đó hình thức chiến thuật, tư tưởng chỉ đạo tác chiến phòng ngự chưa được xác định rõ, chưa tạo ra được hệ thống trận địa vững chắc, các mặt bảo đảm cho chiến đấu phòng ngự chưa chu đáo, nên mặc dầu tuy tiêu

diệt được một bộ phận sinh lực địch nhưng vẫn không ngăn chặn được chúng, buộc ta phải mở chiến dịch tấn công.

Lần này do quán triệt được quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị Trung ương Đảng trong tình hình mới, được sự chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời của Bộ Tư lệnh mặt trận, cán bộ, chiến sĩ sư đoàn đã nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn, chịu đựng gian khổ, tích cực, chủ động mọi mặt cả về tư tưởng và tổ chức cho yêu cầu chiến đấu phòng ngự một cách chu đáo, nên đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự thành công chung của chiến dịch.

Trong những mùa mưa trước, việc chiến đấu bảo vệ địa bàn Cánh Đồng Chum chúng ta chỉ tập trung vào khu vực trung gian và những nơi khác tiếp giáp với địch là chính, còn ở trung tâm Cánh Đồng Chum, tuy ta có lực lượng nhưng mỏng. Ở những nơi tiếp giáp với địch, bộ đội ta cũng tổ chức chốt giữ một số điểm cao, hình thành từng cục chốt, song nhìn chung thế trận thiếu vững chắc, và bảo vệ địa bàn chiến lược gặp rất nhiều khó khăn. Trong chiến dịch này, với sự chỉ đạo chặt chẽ của Bộ, sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Bộ Tư lệnh mặt trận, những thiếu sót, nhược điểm trên đã được khắc phục. Căn cứ vào âm mưu địch, vào giá trị địa hình và vào nhiệm vụ chiến dịch, ta đã xác định chính xác từng khu vực phòng ngự, tạo thành thế trận hoàn chỉnh, vững chắc, có chiều sâu, đánh địch ở nhiều hướng, bảo đảm được phía trước, phía sau và cạnh sườn. Trong vấn đề này, ta đã chọn khu trung tâm Cánh Đồng Chum, mục tiêu đánh chiếm của địch mà ta phải bảo vệ

bằng bất cứ giá nào, làm khu vực phòng ngự chủ yếu là sự lựa chọn chính xác và có tầm quan trọng quyết định. Trên cơ sở đó, ta đã triển khai xây dựng hệ thống trận địa vững chắc, dự kiến đúng các hướng tiến công chủ yếu của địch, các khu vực có thể diễn ra các trận phản đột kích lớn để có sự chuẩn bị trước và có phương án tác chiến hoàn chỉnh.

Trong quá trình chiến đấu, ta đã biết kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngự và tiến công, giữa đánh nhỏ, đánh vừa và đánh lớn, đánh địch rộng khắp, phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng trong chiến dịch. Chính do quán triệt được tư tưởng tích cực tiến công trong phòng ngự nên bộ đội ta đã thực hiện được nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch, nâng cao hiệu suất chiến đấu, hạn chế thương vong đến mức thấp nhất, bảo vệ được mục tiêu của chiến dịch đề ra. Lực lượng phòng giữ đã ngoan cường chiến đấu dựa vào thế trận vững chắc, hiểm hóc của công sự chốt để đánh địch một cách rộng khắp, ngăn chặn sức tiến công của chúng, đồng thời tạo ra thời cơ để lực lượng cơ động chuẩn bị có điều kiện tập trung thực hành các trận đánh then chốt bằng hiệp đồng binh chủng, đập tan các đợt tiến công lớn của địch.

Một vấn đề khác không kém phần quan trọng, là sự hợp lý hóa về mặt tổ chức, chỉ huy để tăng thêm sức mạnh chiến đấu trong toàn mặt trận. Bộ Tư lệnh mặt trận đã lựa chọn các đơn vị có sở trường và kinh nghiệm chiến đấu phòng ngự hoặc tiến công để giao nhiệm vụ. Từng đơn vị được tổ chức, biên chế thích hợp cả về xung lực, hỏa lực và

đặt dưới sự lãnh đạo chỉ huy trực tiếp của một đầu mối để bảo đảm tính thống nhất, kịp thời và có hiệu lực.

Sự thành công của chiến dịch này còn là kết quả của sự liên minh chiến đấu giữa bộ đội tình nguyện Việt Minh và lực lượng vũ trang cách mạng Lào. Thành công của việc bảo vệ khu vực Mường Sủi và thị xã Xiêng Khoảng của bạn, sự phối hợp chiến đấu chặt chẽ của bộ đội địa phương và dân quân du kích bạn ở Bản Ban, Noọng Pẹt… với bộ đội ta đã đẩy lùi mũi tiến công của địch xuất phát từ căn cứ Buôm Lọng vào Cánh Đồng Chum. Sự hiệp đồng binh chủng giữa ta và bạn trong trận phản đột kích then chốt ở hướng tây bắc là những biểu hiện sinh động của tình đoàn kết chiến đấu giữa quân đội hai nước, dẫn đến thắng lợi to lớn của chiến dịch phòng ngự.

Là một bộ phận tham gia chiến dịch, Sư đoàn 316 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ địa bàn và cơ động đánh bại địch để bảo vệ địa bàn. Trong suốt 179 ngày đêm chiến đấu liên tục, cán bộ, chiến sĩ đã quán triệt sâu sắc quan điểm phòng ngự tích cực, dũng cảm, ngoan cường, đẩy lùi mọi cuộc tiến công của địch. Trong cuộc chiến đấu gian khổ và ác liệt đó, đơn vị đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, vận dụng sáng tạo nhiều hình thức, cách đánh, đánh địch cả ban ngày lẫn ban đêm với khẩu hiệu "tìm địch mà diệt", nắm thời cơ dùng lực lượng cơ động xuất kích đánh vào đội hình tiến công của địch, bẻ gãy tất cả các cuộc hành quân của chúng kéo dài suốt ba tháng liền vào khu vực trung gian. Cuối cùng, địch buộc phải mở cuộc tiến công vào Cánh Đồng Chum theo hướng khác…

Trong quá trình thực hành chiến dịch, sư đoàn đã luôn chăm lo bồi dưỡng lực lượng của mình, vừa đánh địch, vừa củng cố hệ thống trận địa, tổ chức rút kinh nghiệm, tranh thủ huấn luyện cho mọi chiến sĩ trên chốt biết sử dụng thành thạo các loại vũ khí, trang bị để nâng cao sức mạnh chiến đấu. Do vậy, đơn vị đã đứng vững trong suốt quá trình chiến dịch.

Lực lượng cơ động chiến dịch của sư đoàn cũng nêu cao tinh thần bền bỉ, dẻo dai, lúc phân tán, lúc tập trung, liên tục hành quân cơ động trên một địa bàn rộng lớn theo yêu cầu và ý định tác chiến chiến dịch. Trong quá trình đó, đơn vị đã tham gia nhiều trận đánh với quy mô, hình thức khác nhau, cùng với các đơn vị bạn đập tan mọi cuộc tiến công quy mô lớn của địch. Thành công đó, ngoài sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt của trên, còn do đơn vị coi trọng công tác giáo dục chính trị - tư tưởng một cách đúng mức, biết bám vào nhiệm vụ của đơn vị để làm cho mọi người hiểu rõ tình thế cách mạng mới, ý nghĩa, vị trí, tầm quan trọng của việc bảo vệ địa bàn chiến lược, trên cơ sở đó xây dựng, nâng cao quyết tâm chiến đấu. Công tác giáo dục chính trị - tư tưởng đã biết đi vào chiều sâu trong việc quán triệt tư tưởng chỉ đạo tác chiến phòng ngự, đồng thời kết hợp chặt chẽ với công tác tổ chức, do đó đã bảo đảm cho bộ đội lạc quan, tin tưởng vào thắng lợi, ngoan cường, dũng cảm trong chiến đấu. Mặt khác, công tác bảo đảm cho chiến đấu phòng ngự về tổ chức xây dựng trận địa. về lương thực, đạn dược cũng được chuẩn bị chu đáo. Bộ đội cơ động tới đâu là ở đó có gạo, đạn lót sẵn. Nhờ đó,

đơn vị tổ chức chiến đấu được nhanh chóng, kịp thời và có hiệu quả.

Lần đầu tiên trong lịch sử chiến đấu của mình, Sư đoàn 316 đã cùng với các đơn vị bạn trên mặt trận Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng tổ chức tiến hành một chiến dịch phòng ngự hoàn chỉnh và giành được thắng lợi về mọi mặt. Đó là sự trưởng thành mới của đơn vị về nhận thức tư tưởng cũng như về tổ chức thực hiện vận dụng các hình thức chiến thuật trong chiến dịch phòng ngự.

Sự thành công của chiến dịch lần này đã góp phần làm phong phú thêm lý luận về nghệ thuật chiến dịch Việt Nam và khẳng định: Chiến dịch phòng ngự là một hình thức chiến dịch mang tính tất yếu khách quan không thể thiếu được trong quá trình chiến tranh nhằm bảo đảm thực hiện những yêu cầu về bảo vệ đất đai, giữ vững các địa bàn chiến lược ở những thời điểm nhất định; trên cơ sở đó, tạo điều kiện để tiếp tục mở chiến dịch phản công hoặc chiến dịch tiến công giành thắng lợi lớn hơn.

Những bài học đó mãi mãi ghi sâu trong tâm trí mỗi cán bộ, chiến sĩ sư đoàn trên chặng đường đi tới.

*

* *

Trong lúc trên chiến trường Lào, ta và bạn liên tục đánh bại các cuộc hành quân của địch thì cuộc tiến công chiến lược của ta ở miền Nam đang tiếp tục phát triển và giành được thắng lợi to lớn, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch,

giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn, tạo thành những căn cứ liên hoàn, đẩy Mỹ - ngụy vào tình trạng khốn đốn. Cuộc đấu tranh giữa ta và địch trên bàn hội nghị cũng đang trong thời điểm gay go, phức tạp. Để cứu vãn tình thế, từ tháng 4/1972, Mỹ đã huy động lực lượng lớn không quân và hải quân ồ ạt tham chiến ở miền Nam và đánh phá trở lại miền Bắc nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta tiếp tục đẩy mạnh cuộc tiến công trên chiến trường. Tháng 5 năm 1972, Níchxơn ra lệnh phong tỏa các cảng và vùng biển miền Bắc, tăng cường ném bom hệ thống giao thông vận tải và đánh phá tất cả các cơ sở kinh tế, quốc phòng của ta. Chúng hy vọng trong một thời gian ngắn, ta sẽ không chịu nổi và phải thương lượng trên thế yếu. Nhưng mọi cố gắng của địch đều bị quân dân ta giáng trả những đòn nặng nề.

Để tranh thủ dư luận trong nước và thế giới, hỗ trợ cho Níchxơn tranh cử tổng thống, ngày 22/10/1972, y ra lệnh ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra.

Ngày 08/11/1972, sau khi tái đắc cử tổng thống, Níchxơn và vây cánh trở giọng đe dọa, phá ngang làm cho cuộc đàm phán bị bỏ dở.

Đêm 01/12/1972, đế quốc Mỹ trắng trợn mở chiến dịch tập kích không quân chiến lược vào miền Bắc nước ta lấy tên là "chiến lược Lainơbếchơ 2", đặc biệt nghiêm trọng là từ ngày 17/12, chúng dùng B.52 làm lực lượng đột kích chủ yếu đánh phá dã man Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi khác nhằm làm cho ta hoang mang phải trở lại thương

lượng trên thế yếu, gây cho ta kiệt quệ và đe dọa các nước đang đấu tranh chống đế quốc. Song âm mưu đó của Mỹ bị thất bại thảm hại. Quân và dân ta đã anh dũng đánh trả, bắn tan xác 81 máy bay trong đó có 34 B.52, năm F.111, bắt sống 44 giặc lái. Thắng lợi oanh liệt của ta trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận việc ngừng ném bom bắn phá phía bắc vĩ tuyến 20 từ ngày 30/12/1972 và trở lại hội nghị Paris trên thế bị cô lập.

Ngày 27/01/1972, Mỹ phải chấp nhận thất bại, Hiệp định Paris về Việt Nam được ký kết, cách mạng miền Nam nước ta bước vào giai đoạn mới, tạo ra những điều kiện rất thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở miền Nam Việt Nam gắn liền với cuộc chiến tranh xâm lược nước Lào. Nhân dân hai nước Việt - Lào từ lâu đã đoàn kết gắn bó với nhau chống kẻ thù chung, vui buồn, gian khó có nhau, cùng nhau chiến đấu và cùng nhau giành thắng lợi. Vì vậy trước những thất bại của Mỹ và tay sai trên chiến trường Đông Dương, đặc biệt là ở miền Nam Việt Nam đã tác động mạnh mẽ đến tình hình chính trị, quân sự ở Lào. Thắng lợi liên tiếp của các lực lượng vũ trang yêu nước Lào và quân tình nguyện Việt Nam ở Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng, Atôpơ, Xarávăn, Bôlôven, đường 9, Nam Lào... buộc địch phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận đàm phán với lực lượng cách mạng Lào. Từ tháng 10 /1972, cuộc thương lượng ở Viêng Chăn đã được tiến hành giữa

một bên là đoàn đại biểu các lực lượng yêu nước Lào thay mặt cho Mặt trận Lào yêu nước và lực lượng trung lập yêu nước Lào, một bên là đoàn đại biểu Chính phủ Viêng Chăn.

Để phối hợp và hỗ trợ cho cuộc đấu tranh ngoại giao trên bàn hội nghị, lực lượng vũ trang yêu nước Lào và quân tình nguyện Việt Nam đã tích cực đẩy mạnh hoạt động trên khắp các chiến trường. Tháng 12/1972, ta và bạn tổ chức tiến công Buôm Lọng, một vị trí ở phía bắc Cánh Đồng Chum. Tại đây, địch có 5 tiểu đoàn. Vị trí này nằm sâu trong vùng giải phóng và là nơi xuất phát các cuộc hành quân phối hợp với cánh quân khác lấn chiếm Cánh Đồng Chum. Chủ trương của ta, tranh thủ giải quyết và thanh toán cụm cứ điểm lâu đời này là nhổ đi một cái gai trước khi tình hình Lào đi tới một giải pháp, tạo điều kiện cho cách mạng bạn phát triển.

Tham gia cuộc tiến công này gồm Tiểu đoàn 4, Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 148, Trung đoàn 335, Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 88 và một số đơn vị trực thuộc mặt trận. Trung đoàn 174 và Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 148 lúc này vẫn hoạt động ở khu vực trung gian, đánh địch bảo vệ địa bàn.

Trung tuần tháng 12, Tiểu đoàn 4 và Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 148 từ Phu Xeo gấp rút hành quân vượt Cánh Đồng Chum chiếu hướng đi về phía Pôn Xa Vẳn qua đường 7 tiến vào Buôm Lọng. Vừa vào tới vị trí tập kết, cán bộ, chiến sĩ trung đoàn phấn khởi nhận được tin: cuộc tiến công của ta vào căn cứ Buôm Lọng đã bắt đầu. Trung đoàn 335 vừa hoàn thành nhiệm vụ bao vây đánh chiếm Phu Thèn, Phu

Nha Thầu là hai điểm cao then chốt bảo vệ vòng ngoài của địch. Các chiến sĩ đặc công cũng bí mật luồn sâu tập kích đánh phá khu trung tâm gây cho địch nhiều thiệt hại. Tin vui đó đã thôi thúc chiến sĩ Trung đoàn 148 nhanh chóng thực hiện nhiệm vụ.

Bước vào đợt hai, để tăng sức mạnh đột phá, theo một kế hoạch đã định, Trung đoàn 148 đã thay thế Trung đoàn 335 đưa lực lượng lên chốt giữ Phu Thèn và Phu Nha Thầu, từ đó làm bàn đạp tiến công vào hang ổ cuối cùng của địch.

Với truyền thống "Trung đoàn Sơn La anh dũng", cán bộ, chiến sĩ ngày đêm chịu đựng phi pháo ác liệt của địch, tích cực triển khai công sự, bao vây, đánh lấn điểm cao 1622 và một số vị trí bên trong. Song sự chuẩn bị và quyết tâm chiến đấu đó của trung đoàn chưa kịp thực hiện thì tình hình chính trị ở Lào đang diễn ra rất khẩn trương. Cuộc đấu tranh trên bàn hội nghị giữa ta và địch cũng bước vào giai đoạn cuối. Âm mưu của địch rất thâm độc, chúng cố gắng tập trung, huy động lực lượng lấn chiếm vùng giải phóng, đặc biệt là cố sức lấn chiếm Cánh Đồng Chum trước khi tình hình Lào đi tới một giải pháp chính trị. Chúng tổ chức nhiều cánh quân một mặt lấn chiếm Mường Sủi, mặt khác tranh chấp, giành giật với ta ở khu trung gian, tạo điều kiện thời cơ đánh chiếm một phần phía nam Cánh Đồng Chum. Chúng mở chiến dịch cắm cờ, treo giải thưởng để kích động binh lính một cách cuồng nhiệt.

Âm mưu thâm độc ấy của địch đã thất bại. Để bảo vệ vững chắc vùng giải phóng, Bộ Tư lệnh Mặt trận 31 quyết

định để lại một lực lượng bao vây, giam chân địch ở Buôm Lọng, còn đại bộ phận rút ra nhanh chóng cơ động đánh địch không cho chúng chiếm thêm một tấc đất của vùng giải phóng, đồng thời tranh thủ giải phóng thêm đất đai, thu hẹp vùng tạm chiếm của địch.

Chấp hành mệnh lệnh trên, giữa tháng 01/1973, Trung đoàn 148 hành quân gấp rút trở ra, vượt qua Cánh Đồng Chum về Phu Keng, sau đó vượt sông Nậm Ngừm tiến vào Mường Sủi. Một cuộc tiến quân khẩn trương và gian khổ đúng vào dịp Tết cổ truyền của dân tộc đang đến. Bầu trời tối đen như mực, trên không những ánh đèn lập loè của các loại máy bay địch thi nhau quần đảo, thả từng chùm pháo sáng và trút xuống từng tràng đạn lửa để yểm trợ cho bọn lấn chiếm. Thỉnh thoảng từng loạt bom B.52 của địch làm rung chuyển núi rừng. Bất chấp bom đạn, đêm tối, các chiến sĩ 148 tiến về phía tây sông Nậm Ngừm. Đang trên đường hành quân thì giờ phút giao thừa đến, đơn vị tạm dừng chân tại chỗ mở đài thu thanh nghe lời chúc tết từ Tổ quốc vọng sang qua làn sóng điện. Sau đó, cả trung đoàn lại tiếp tục tiến quân.

Đến nơi, Trung đoàn 148 nhanh chóng tổ chức liên hệ cùng với các đơn vị Pathét Lào xây dựng một kế hoạch phối hợp tác chiến chung. Qua gần một tháng, trung đoàn đã đánh một số trận, cùng bạn đẩy lùi cuộc hành quân lấn chiếm của địch ra Mường Sủi.

Cùng thời gian, Trung đoàn 174, Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 148 cùng các đơn vị bạn tích cực đánh địch, bẻ

gãy mọi cuộc tiến công lấn chiếm của chúng ở khu vực trung gian.

Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng, Mường Sủi, một địa bàn chiến lược quan trọng đã được bảo vệ tới giờ phút cuối cùng.

Qua năm tháng đàm phán thương lượng tại Viêng Chăn, do thất bại trên các chiến trường, kẻ địch buộc phải xuống thang chiến tranh. Ngày 21/02/1973, Hiệp định về lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào đã được ký kết. Hiệp định thừa nhận những quyền cơ bản của nhân dân Lào là độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của nhân dân Lào, chấm dứt mọi hành động quân sự và xâm lược của Mỹ và bọn tay sai Thái Lan ở Lào, rút hết quân đội Mỹ và Thái Lan ra khỏi Lào.

Việc ký kết hiệp định này đã đánh dấu một thất bại rất căn bản của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" tăng cường của đế quốc Mỹ, là sự phá sản nghiêm trọng của chính sách người Đông Dương đánh người Đông Dương, dùng người châu Á đánh người châu Á của "học thuyết Níchxơn" ở Lào. Đồng thời là một thắng lợi to lớn của nhân dân Lào. Đó là kết quả của sự đoàn kết liên minh chiến đấu giữa hai dân tộc và hai quân đội Lào - Việt, trong đó có sự hy sinh đóng góp của cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 316, từng kề vai sát cánh với quân và dân bạn hàng chục năm trên chiến trường quốc tế.

Từ nay, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Lào anh hùng đã chuyển sang bước ngoặt mới, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn.

Tin thắng lợi được truyền đi nhanh chóng làm nức lòng mọi người.

Tại Cánh Đồng Chum mênh mông một màu xanh trải rộng, chiến sĩ Pathét Lào ôm chặt lấy chiến sĩ 316 với những lời chúc mừng chiến thắng. Những tiếng "xamakhi, xamkhi, xampaiđi"[1] hòa vào nhau và lan ra khắp cao nguyên.

Những buổi liên hoan mừng chiến thắng với những điệu múa lăm vông bên đống lửa bập bùng giữa quân dân bạn với các chiến sĩ sư đoàn diễn ra sôi nổi, rộn rã thâu đêm.

Từ buổi ra đi năm xưa cây rừng đã bao lần thay lá, hoa chămpa bao lần khoe sắc và rừng Lào đã mấy mùa mắc coọc[2] chín mọng người, chiến sĩ 316 cũng bấy nhiêu mùa tắm nắng, gội mưa, lặn lội qua từng đỉnh núi cao, suối sâu, vực thẳm, kề vai sát cánh cùng quân dân bạn vượt mọi khó khăn, thiếu thốn, gian khổ, hy sinh, hoàn thành mọi nhiệm vụ. Người chiến sĩ sư đoàn đã bao lần vui Tết Bunpimây[3] cổ truyền của nhân dân Lào, bao lần múa hát những ca khúc dân gian của đất nước Triệu Voi, song chưa có lần nào vui bằng đêm nay bởi vì sư đoàn đã hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ quốc tế vinh quang mà Đảng và Tổ quốc giao

---

(1) Đoàn kết, đoàn kết, chào mạnh khỏe.

(2) Một loại quả như quả lê ở Việt Nam.

(3) Từ ngày 13 đến 15 tháng 4 hàng năm, nhân dân Lào có phong tục té nước vào bất kỳ ai dù là lạ hay quen. Ai được té nước nhiều là trong năm được nhiều phúc lành.

phó, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của hai dân tộc Việt - Lào.

Không khí chiến trường đã trở lại yên tĩnh. Bầu trời Cánh Đồng Chum ngày đêm đã vắng bóng những đàn máy bay Mỹ quần đảo, không còn những tiếng gầm rú man rợ. Đó đây, những xác xe tăng bẹp rúm, cong queo, những nòng đại bác gãy gục, những vỏ đạn, những bao cát đắp thành lô cốt, công sự ngổn ngang, những hố đạn, bom lở loét, nham nhở rải rác khắp cao nguyên, đánh dấu sự thất bại thảm hại của kẻ thù. Sự sống mới bắt đầu nảy nở. Từng đoàn người đang bồng bế con cái tấp nập, hối hả tìm về bản cũ. Những con vật lạc lõng sống sót đã tìm thấy đàn và đang mải miết gặm cỏ. Dòng sông Nậm Ngừm trong xanh hiền hòa lững lờ trôi xuôi. Cuộc sống thanh bình đã dần dần trở lại với nhân dân Lào anh hùng.

Trong những ngày hòa bình đầu tiên này, các đơn vị trong sư đoàn đã cùng các đơn vị bạn tiến hành sửa sang, làm nhà tại thị trấn Pôn Xa Vẳn, làm sân bay để biến nơi đây thành địa điểm giao dịch quốc tế, trao trả tù binh theo như hiệp định đã ký kết, đồng thời tham gia hàn gắn vết thương chiến tranh làm thay đổi bộ mặt của chiến trường, được nhân dân bạn yêu mến và cảm phục.

*

* *

Tháng 5/1973, một niềm vui lớn đã đến, đáp ứng nguyện vọng của cán bộ, chiến sĩ sư đoàn. Trước yêu cầu

của tình hình, nhiệm vụ, Bộ quyết định khôi phục hoàn chỉnh Sư đoàn 316 thành một sư đoàn chủ lực cơ động. Tháng 7, Bộ điều Trung đoàn 88 của Sư đoàn 308C về đội hình sư đoàn và đổi phiên hiệu thành Trung đoàn 149. Trong thời gian ấy, Trung đoàn 187 pháo binh được thành lập gồm Tiểu đoàn pháo cao xạ 37 thuộc binh trạm 11, Tiểu đoàn lựu pháo 122 của Bộ Tư lệnh pháo binh và Tiểu đoàn pháo hỗn hợp của sư đoàn. Các đơn vị trực thuộc cũ được lệnh tách khỏi Mặt trận 31 trở về đội hình sư đoàn.

Sư đoàn 316 lúc này gồm ba trung đoàn bộ binh là Trung đoàn 174, Trung đoàn 148, Trung đoàn 149 và Trung đoàn 187 pháo binh cùng với các tiểu đoàn, đại đội trực thuộc. Thượng tá Đàm Văn Ngụy, anh hùng quân đội, trung đoàn trưởng Trung đoàn 174 cũ sau một thời gian vào Nam chiến đấu trở về được giữ chức sư đoàn trưởng. Thượng tá Hải Bằng và trung tá Nguyễn Hữu Thơi giữ chức phó sư đoàn trưởng. Thượng tá Hà Quốc Toản giữ chức chính ủy, thượng tá Đoàn Độ - phó chính ủy sư đoàn.

Tháng 12/1973, được lệnh của Bộ, sư đoàn hành quân về nước, trừ Trung đoàn 174 theo yêu cầu của bạn ở lại thêm sáu tháng nữa cùng bạn làm áp lực đấu tranh thi hành hiệp định.

Một buổi sáng trời đẹp, ánh nắng bừng lên khắp núi đồi, Chiến sĩ Sư đoàn 316 đội ngũ chỉnh tề từ các cánh rừng đổ ra đường 7, tiến về phía phương trời Tổ quốc. Nhân

dân Lào ở hai bên đường nô nức kéo ra lưu luyến tiễn đưa anh Bộ đội Cụ Hồ hoàn thành nhiệm vụ quốc tế trở về. Các mẹ, các chị rưng rưng giọt lệ, ân cần thăm hỏi các chiến sĩ và chúc "côn tháp"[1]. Việt Nam lên đường mạnh khỏe. Những bàn tay siết chặt, những cánh tay giơ cao, vẫy vẫy, đậm đà tình nghĩa thủy chung, trong sáng cùng những lời chào tạm biệt:

- Pa xa xôn Lào, Pa xa xộn Việt Nam xa ma khi[2].

- Côn tháp Lào, côn tháp Việt Nam xa ma khi[3].

Những câu nói chí tình của những người đại diện cho các dân tộc Lào anh em trong buổi chia tay như hòa vào bước chân của đoàn quân thành một giai điệu nhiều âm sắc vang xa, vang xa mãi...

Trên đường về Tổ quốc, trong giờ phút đầy lưu luyến này, lòng mọi người rộn lên nỗi nhớ nhung con người và đất nước Triệu Voi với bao kỷ niệm khó quên trong những ngày sát cánh bên nhau chiến đấu chống kẻ thù chung. Hơn mười năm nhân dân Lào chở che, đùm bọc, thương yêu và coi chiến sĩ sư đoàn như con em của mình. Biết bao hình ảnh xúc động nhường cơm, sẻ áo, hạt gạo cắn đôi, sống chết, vui buồn, hoạn nạn có nhau giữa hai dân tộc, hai quân đội, rất đúng với hình tượng mà Chủ tịch Xuphanuvông

---

[1] Bộ đội.

[2] Nhân dân Lào, nhân dân Việt Nam đoàn kết.

[3] Bộ đội Lào, bộ đội Việt Nam đoàn kết.

đã khái quát: "Mối tình Lào - Việt là mối tình thủy chung, trong sáng, cao hơn núi, dài hơn sông, rộng hơn biển cả, đẹp hơn trăng rằm và ngát thơm hơn bất cứ đoá hoa nào thơm nhất...".

Từ năm 1969 đến năm 1973 là những năm đầy thử thách đối với Sư đoàn 316 trên chiến trường Lào, song cũng là những năm thể hiện rõ bản chất cách mạng triệt để, ý chí chiến đấu kiên cường và sự trưởng thành lớn mạnh không ngừng của đơn vị về trình độ sẵn sàng chiến đấu, khả năng cơ động, sức chiến đấu bền bỉ, dẻo dai, liên tục với nhịp độ các chiến dịch, các trận đánh ngày càng tăng, hiệu suất chiến đấu ngày càng cao. Trình độ tác chiến của sư đoàn với việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức chiến thuật vào từng trận đánh trên các địa hình, thời tiết và đối tượng khác nhau là cơ sở cho chiến đấu thắng lợi. Trình độ chiến đấu hiệp đồng binh chủng ngày một tiến bộ và có hiệu quả. Từ những trận chiến đấu hiệp đồng binh chủng quy mô nhỏ lúc đầu còn nhiều bỡ ngỡ, thiếu sót, mang tính chất du kích, sư đoàn đã tiến lên hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, đáp ứng yêu cầu của chiến tranh ngày càng phát triển. Do đó, sư đoàn từ chỗ đánh tiêu hao, tiêu diệt nhỏ, đã tiến lên đánh tiêu diệt từng tiểu đoàn, trung đoàn địch, đánh thắng mọi đối tượng tác chiến từ quân phái hữu Lào, quân đặc biệt Vàng Pao đến quân đánh thuê Thái Lan...

Trong quá trình chiến đấu, sư đoàn đã thường xuyên chăm lo bồi dưỡng lực lượng mình, kết hợp chặt chẽ giữa chiến đấu và xây dựng tại chiến trường trên các mặt quân sự, chính trị, hậu cần, trong mọi nơi mọi lúc, mọi điều kiện, hoàn cảnh, bằng các biện pháp tổ chức rút kinh nghiệm chiến đấu, huấn luyện bổ sung, nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, củng cố kiện toàn tổ chức; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của đơn vị; động viên mọi người nêu cao tinh thần tự lực tự cường, khắc phục mọi khó khăn thiếu thốn để đáp ứng với yêu cầu chiến đấu liên tục. Vì vậy, Sư đoàn 316 đã hoàn thành được nhiệm vụ chiến đấu của mình, góp phần vào thắng lợi to lớn trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của hai dân tộc Việt - Lào trong những năm qua.

Từ khi làm nhiệm vụ quốc tế trên chiến trường Lào tới hết năm 1973, Sư đoàn 316 đã tham gia 10 chiến dịch và năm đợt hoạt động, đánh 700 trận lớn nhỏ, tiêu diệt và bắt sống trên 22.000 tên địch, trong đó có 1.254 tên lính Thái Lan, 10 tên Mỹ, bắn rơi 159 máy bay các loại, bắn bị thương 108 chiếc khác, giải phóng 24.500 km^2 đất đai và hàng vạn dân thuộc bốn tỉnh Nậm Thà, Nậm Bạc, Sầm Nưa, Xiêng Khoảng.

Sư đoàn được Quốc hội, Chính phủ tặng thưởng một Huân chương Quân công hạng Nhất, được Bộ Chỉ huy tối cao Quân đội giải phóng nhân dân Lào tặng thưởng một Huân chương Giải phóng hạng Nhất và một bức trướng.

Bảy đơn vị được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân[1]. Sáu đồng chí được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân[2].

Các đơn vị và cá nhân trong sư đoàn được tặng thưởng trên 1.000 huân chương các loại và hàng ngàn huân chương Ítxala và Xalalợt của Chính phủ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, 2.756 đồng chí được bầu là chiến sĩ thi đua, 56 chiến sĩ quyết thắng và 26 đại đội quyết thắng. Đó là niềm tự hào của cả sư đoàn, đồng thời, còn là nguồn động viên khích lệ cán bộ, chiến sĩ đơn vị tiến lên hoàn thành mọi nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

---

[1] Trung đoàn 174.
Đại đội 11 Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 174.
Đại đội 3 Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 148.
Đại đội 9 Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 148.
Đại đội 21 Trung đoàn 148.
Đại đội 2 Tiểu đoàn 14.
Đại đội 5 Tiểu đoàn 11.

[2] Liệt sĩ Lương Sơn Tuyết Trung đoàn 174.
Liệt sĩ Đèo Văn Khổ Trung đoàn 174.
Liệt sĩ Hoàng Văn Vinh Trung đoàn 174.
Liệt sĩ Đỗ Văn Tri Trung đoàn 174.
Liệt sĩ Vi Văn Pụn Trung đoàn 118.
Nguyễn Như Hành Trung đoàn 148.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG MỐI QUAN HỆ ĐOÀN KẾT CHIẾN ĐẤU VIỆT - LÀO THỜI KỲ CẬN ĐẠI (1858 - 1930)

Đinh Xuân Lâm

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước giữ nước lâu dài và anh dũng của hai dân tộc Việt - Lào, do hoàn cảnh địa lý liền kề bên nhau, môi hở răng lạnh, nhân dân hai nước đã có nhiều mối quan hệ khăng khít, vô cùng gắn bó về mọi mặt (chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội). Bài viết này không có tham vọng đề cập đầy đủ các mặt trên, mà chỉ đứng về phía Việt Nam, trên góc độ một người Việt Nam nghiên cứu lịch sử Việt Nam để tìm hiểu một số vấn đề trong mối quan hệ đoàn kết chiến đấu Việt - Lào thuộc giai đoạn lịch sử từ 1858 (khi thực dân Pháp bắt đầu nổ súng xâm lược Việt Nam) đến 1930 khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, đánh dấu một bước ngoặt căn bản trong lịch sử đấu tranh cách mạng của cả ba nước trên bán đảo Đông Dương.

I. TRONG PHONG TRÀO CUỐI THẾ KỶ XIX

1. Như tất cả chúng ta đều biết, sau khi dùng áp lực quân sự buộc triều đình phong kiến Huế ký bản hàng ước Hác măng (Harmand) ngày 25/8/1883 xác định quyền bảo

hộ của chúng ở Việt Nam, thực dân Pháp hùng hổ kéo quân ra Bắc, mở rộng phạm vi đánh chiếm nhiều nơi, định gấp rút hoàn thành công cuộc xâm lược trong phạm vi cả nước. Tính đến tháng 3/1884 hầu hết Bắc Kỳ đã lọt vào tay giặc, chỉ còn lại thành Hưng Hoá án ngữ trên con đường sông Thao, thành này từ sau ngày Sơn Tây thất thủ đã là tỉnh lỵ của Tam Tuyên (Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang). Nhưng trước sức tấn công dồn dập của quân Pháp, thành Hưng Hoá cuối cũng bị chiếm (12/4/1884). Trên đà thắng lợi đó, thực dân Pháp một mặt tiếp tục gây áp lực buộc triều đình Huế ký hàng ước Patơnốt (06/6/1884) xác định quyền thống trị lâu dài của chúng ở Việt Nam, mặt khác, dùng áp lực quân sự và chính trị buộc phong kiến triều Thanh lần lượt ký Quy ước Thiên Tân (11/5/1984), Hiệp ước đình chiến (01/4/1885), Điều ước Thiên Tân (09/6/1885), cam kết rút hết số quân có mặt trên chiến trường Việt Nam về nước, không để quân lính vượt qua biên giới, không phản đối những hiệp ước đã hay sẽ ký kết giữa Pháp và Huế. Từ nay bè lũ tư bản Pháp có điều kiện để dốc toàn lực vào việc giải quyết gấp vấn đề Việt Nam. Ngày 27/6/1885, Cuốcxy (De Courcy) kéo quân vào Huế định bóp chết lực lượng yêu nước chống Pháp còn sót lại của triều đình do Tôn Thất Thuyết cầm đầu. Trước âm mưu lộ liễu của giặc Pháp, Tôn Thất Thuyết muốn giành phần chủ động nên đêm mồng 4 rạng sáng mồng 05/7/1885 (tức ngày 22 tháng 5 âm lịch) đã ra lệnh nổ súng tấn công vào lực lượng chiếm đóng của

Pháp. Nhưng do sự chuẩn bị chưa được đầy đủ, lực lượng và vũ khí chiến đấu còn yếu, cuộc tấn công bị thất bại nhanh chóng. Tôn Thất Thuyết cùng vua Hàm Nghi chạy ra phía Bắc, để lại sau lưng kinh thành Huế ngập trong máu lửa. Ra đến Sơn Phùng tỉnh Quảng Trị (Tân Sở), để đẩy mạnh phong trào kháng chiến trong toàn quốc, Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương kêu gọi nhân dân trong nước đứng dậy đấu tranh chống Pháp (13/7/1985). Đồng thời, ông còn thừa mệnh nhà vua xuống dụ khai phục nguyên hàm và thăng chức cho các văn thần võ tướng ngoài Bắc để phụ trách phong trào chống Pháp ở các địa phương. Đặc biệt, đối với nguyên tuần phủ kiêm trấn thủ Hưng Hoá là Nguyễn Quang Bích, sau khi thành Hưng Hoá thất thủ đã rút quân về hoạt động trong vùng Phú Thọ, Tôn Thất Thuyết thừa mệnh vua phong chức lớn (Lễ bộ thượng thư sung Hiệp thống Bắc Kỳ quân vụ đại thần, tước Thuần Trung), ban quyền rộng cho phép được tùy tiện đề bạt sử dụng quan văn từ tham tán, quan võ từ đề đốc trở xuống để đặc trách phong trào vùng Tây Bắc.

Cũng lúc này, sau khi đã đè bẹp được phái kháng chiến trong triều đình và nắm chặt được bọn phong kiến bán nước bù nhìn (do Đồng Khánh cầm đầu), giặc Pháp đẩy mạnh hoạt động quân sự trên chiến trường ngoài Bắc. Chúng tiến quân dần lên vùng Tây Bắc, lần lượt chiếm Than Mai, Tuần Quán, Lào Cai, Phong Thổ, Lai Châu, Điện Biên Phủ, Sơn La. Trước tình hình đó, Nguyễn Quang Bích cùng

nghĩa quân của ông đã di chuyển hoạt động trên một vùng rộng lớn, dựa vào sự ủng hộ của nhân dân địa phương, lợi dụng địa thế hiểm trở trong vùng để duy trì cuộc chiến đấu. Căn cứ vào *Tập tấu của tổng đốc Văn Quý Sầm Dục Anh* (4/1885) thì có lúc ông đã phải lùi nghĩa quân vào vùng Tam Mãnh, đất Tam Mãnh thập châu bắc giáp các huyện Mông Tự, Kiến Thủy, phủ Lâm An, tỉnh Vân Nam, chạy dọc sang phía tây bắc đến tận Nguyên Giang (tức thượng lưu sông Hồng), phía tây nam giáp Thượng Lào. Như vậy là địa bàn hoạt động của nghĩa quân Nguyễn Quang Bích bao gồm cả một vùng rộng lớn ở miền Tây Bắc nước ta, và phong trào chống Pháp lúc đó đã lôi cuốn đông đảo người Thái, Dao cư trú xen kẽ trên cả hai vùng biên giới, có nhiều quan hệ với nhau về nguồn gốc, và có chung một kẻ thù là thực dân Pháp xâm lược. Sự đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung là đế quốc Pháp ở đây chỉ mới bắt đầu và có tính chất tự phát, nhưng rất đáng trân trọng tìm hiểu vì nó báo hiệu những trang sử đoàn kết đấu tranh rực rỡ của hai dân tộc Việt - Lào trong những thời kỳ sắp tới.

2. Trong lúc chiến sự đang diễn ra ác liệt trên chiến trường ngoài Bắc như vậy thì tình hình miền Trung ra sao?

Như trên đã trình bày, sau cuộc tấn công thất bại vào lực lượng chiếm đóng của Pháp tại kinh thành Huế (ngày 04 và 05/7/1885), Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi đã chạy ra vùng sơn phòng tỉnh Quảng Trị, sát biên giới Việt - Lào, từ hai năm trước đã được chuẩn bị làm nơi rút lui

nếu tình hình ở Huế không vững. Lên tới Tân Sở, Tôn Thất Thuyết nhận thấy địa thế nơi đây không thuận lợi cho một cuộc chiến đấu lâu dài bèn quyết định chạy ra vùng Thanh Hoá - Nghệ An nhưng dọc đường bị quân Pháp chặn lại ở Đồng Hới nên phải quay về Tân Sở. Tại đây, sau khi nhanh chóng chấn chỉnh lại đội ngũ và tổ chức, cả đoàn vượt đèo Mai Lĩnh lên Lao Bảo (27/7/1885), rồi xuyên đường rừng núi qua các vùng dân tộc thiểu số phía bên kia Trường Sơn, đi qua Bản Kiên, Hàm Than tới vùng Mảhasay (giáp giới Quảng Bình), tới đất Cửu Châu (tên một làng thuộc địa phận tỉnh Savannakhẹt của Lào) vào ngày 02/8/1885, rồi dời về vùng Bản Tong, đợi hết mùa mưa mới vượt đèo Quỳ Hợp vào sơn phòng tỉnh Hà Tĩnh (vào khoảng cuối tháng 8/1885) để sau đó di động linh hoạt trong mấy khu rừng tiếp giáp hai tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh và tỉnh Khăm Muộn (Lào). Mãi cho đến khi vua Hàm Nghi bị thực dân Pháp bắt (11/1888) thì phong trào vùng này mới chấm dứt. Trước đó, vào tháng 02/1886, trước những khó khăn ngày càng lớn của phong trào, Tôn Thất Thuyết đã phải tìm đường vượt biên sang Trung Quốc cầu viện. Thất bại trong ý định này, lại nhân việc Hàm Nghi đã bị bắt và phong trào đang có nguy cơ tan rã (1888), hơn nữa thực dân Pháp ngày càng tăng cường kiểm soát đường biên giới nên việc đi lại rất khó khăn, Tôn Thất Thuyết đành phải ở lại trên đất Trung Quốc. Tài liệu còn lại cho biết trong những ngày trên đất Trung Quốc, có lúc Tôn Thất Thuyết định nhân vấn đề

Lào để gây xung đột giữa Pháp và Xiêm với mục đích đỡ một phần sức ép cho nghĩa quân trong nước, nhưng không thành vì hai đế quốc Anh - Pháp đã vội hòa hoãn với nhau để chia phần trong khu vực này của lục địa châu Á.

3. Cũng trong thời gian này, nghĩa quân Hương Sơn - Hương Khê dưới sự lãnh đạo của Phan Đình Phùng đã đẩy mạnh hoạt động tại miền rừng núi phía tây tỉnh Hà Tĩnh. Từ căn cứ chính ở Vụ Quang (thuộc khu Ngàn Trươi, huyện Hương Khê, Hà Tĩnh), nghĩa quân có lần đã bắt liên lạc và phối hợp với nghĩa quân Lào để chặn đánh quân Pháp từ đèo Ai Lao, và đèo Qui Hợp vượt Trường Sơn sang đánh chiếm vùng Kemmarát (Lào). Sau khi phong trào Hà Tĩnh tan rã, một số chỉ huy và nghĩa quân chạy sang Lào nương náu làm ăn để trốn tránh sự khủng bố của đế quốc và tay sai. Như một tướng của nghĩa quân là Cao Đạt (quê ở làng Bàu Thượng, nay thuộc xã Sơn Quang, huyện Hương Sơn) vượt biên giới sang Lào, rồi đi Xiêm, nhưng bị mật thám Pháp bố trí bắt giải về nước giam giữ. Hiện nay tại tỉnh Bôlikhămxay của Lào còn một số gia đình con cháu những người đã tham gia phong trào Cần Vương trước kia.

Phong trào Cần Vương tỉnh Thanh Hoá cũng có nhiều sự kiện đáng được nghiên cứu, tìm hiểu thấu đáo hơn để góp phần sáng tỏ thêm mối quan hệ chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân dân hai nước Việt - Lào. Hưởng ứng chiếu Cần Vương, phong trào tỉnh Thanh Hoá sôi nổi ngay từ những ngày đầu. Các đội nghĩa quân được thành lập ở

hầu khắp các huyện trong tỉnh để rồi quy tụ dần vào một số trung tâm, trong số các trung tâm đó có căn cứ Mã Cao do Hà Văn Mao chỉ huy ở phía tây tỉnh Thanh Hoá. Địa thế nơi này rất hiểm yếu, rừng núi trùng trùng điệp điệp, có đường xuyên sơn sang Lào và Vân Nam (Trung Quốc). Qua đó, chúng ta thấy các sĩ phu yêu nước chống Pháp luôn luôn dự kiến Lào là hậu phương vững chắc, là hậu cứ an toàn. Nhưng sau đó, Mã Cao thất thủ, một trong những chỉ huy xuất sắc của phong trào Thanh Hoá là Đinh Công Tráng phải bỏ Thanh Hoá đi vào phủ Tương Dương (Nghệ An) để tìm đường sang Lào, nhưng rồi bị giặc Pháp bắt (1887). Phong trào Thanh Hoá tạm lắng xuống một thời gian để rồi lại cháy bùng lên với Tống Duy Tân và Cao Điển (1892).

Trong phong trào Thanh Hoá hồi này có một vấn đề địa lý lịch sử cần được xác minh để soi sáng thêm quan hệ đồng minh chiến đấu Việt - Lào: xác định vị trí của căn cứ Hùng Lĩnh. Về địa điểm này, từ *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam* (Trần Huy Liệu, Nguyễn Công Bình, Ca Văn Thinh, Hướng Tân, Tập 1, Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa, Hà Nội, 1955) qua *Phong trào văn thân khởi nghĩa* (In lần thứ hai có bổ sung của cuốn trên, Hà Nội, 1957) đến *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, tập 1 (Trần Huy Liệu, Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa, Hà Nội, 1956) đều có giới thiệu căn cứ Hùng Lĩnh khi nói tới phong trào Thanh Hoá, nhưng không xác định cụ thể vị trí ở đâu. *Lịch sử cận*

đại Việt Nam, tập 2 (Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm..., Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1962) lần đầu tiên xác định vị trí Hùng Lĩnh ở Nông Cống, nhưng cũng không nói rõ là dựa vào cơ sở nào. Tiếp đến *Lược sử tên phố Hà Nội* (Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội xuất bản, 1964) lấy lại ý kiến đó!

Những điều tra trên thực địa kết hợp với nghiên cứu thư mục cho phép bác bỏ ý kiến trên. Không có lý do gì Tống Duy Tân lại chọn Nông Cống là một nơi địa thế cách trở, ở đó ông cũng như đội nghĩa quân chưa có cơ sở, làm căn cứ khởi nghĩa buổi đầu mà không chọn ngay Vĩnh Lộc là chính quê hương thông thuộc của ông, lại là nơi có địa thế rất lợi hại, có đường chạy đi tứ phía, đường phía tây có thể "do châu Quan Hoá đi đến các châu Trình Cố, Man Duy ở Trấn Man rồi mới có thể thông ra châu Mai, Châu Mộc của tỉnh Hưng Hoá ở phương Bắc, và mới thông sang biên giới Nam Chướng, Ai Lao ở phía tây", đường phía Nam có thể "do huyện Nông Cống đi sang châu Quỳ, châu Lân ở Nghệ An..." (*Thanh Hoá tỉnh chí).* Trong khi đó, các sách địa dư chí như *Đại Nam nhất thống chí* (tỉnh Thanh Hoá), *Hoàng Trung thi sao* của Đặng Huy Trứ đều nói rõ Hùng Lĩnh thuộc huyện Vĩnh Lộc. Đóng chốt ở Hùng Lĩnh, nghĩa quân của Tống Duy Tân tiến xuống có thể liên lạc với nghĩa quân Ba Đình (Nga Sơn), lùi về có thể phối hợp với nghĩa quân Hà Văn Mao, Cầm Bá Thước trên vùng rừng núi, và từ đó có thể rút sang Lào nếu cần thiết.

Một căn cứ khác cần được xác định là Sầm Sơn, nơi đóng quân của Cầm Bá Thước. Các tài liệu cũ đã nhắc tới trên đều xác định căn cứ Sầm Sơn ở huyện Quảng Xương, thuộc miền biển tỉnh Thanh Hoá. Nhưng một chỉ huy nghĩa quân miền núi như Cầm Bá Thước không thể dễ dàng rời bỏ vùng rừng núi quê hương quen thuộc của ông (Thường Xuân và Quan Hoá) có tác dụng hỗ trợ mặt sau cho căn cứ Mã Cao (Yên Định) để kéo xuống đóng quân dưới miền biển. Các thư tịch và bản đồ cũ đều có nhắc đến tên Sầm Châu (Khầm Châu). Từ sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi đến *Bản đồ Hồng Đức,* cũng như theo danh sách ở *Thiên nam dư hạ tập,* đều có ghi châu Sầm của người Man - Lão. *Đại Nam nhất thống chí* (tỉnh Thanh Hoá) còn cho biết: "Năm Minh Mạng thứ hai, vua đi tuần miền Bắc ra Thanh Hoá, tù trưởng châu Khầm Tứ là Xỷ Vu Hâm sai thổ mục là bọn Xỷ Đức Hạt đem các phương vật đến thành trấn xin phép đến hành cung để lạy dâng". *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cũng chép: "Châu Sầm ở miền tây nam đất Thanh Hoá, người Man (có lẽ là Mường Hổ, Ai Lao) ở đây. Khoảng năm Gia Long, người Man chịu nộp cống, nhưng lại chịu phục dịch cho Vạn Tượng. Năm Minh Mạng thứ 8 (1827), Vạn Tượng bị Xiêm La phản, xin nội phụ (Việt Nam), đổi tên là huyện Sầm Na (đất Sầm Nưa ở Lào hiện nay), đổi lệ thuộc vào phủ Trấn Biên của Nghệ An. Năm thứ 9 (1828) cho đất đó gần Thanh Hoá, theo man dân, nên lại đổi lệ thuộc vào phủ Trấn Man". *Đại Nam nhất thống*

chí (tỉnh Nghệ An) nói rõ thêm Sầm Nưa tức châu Sầm cũ. *Thanh Hoá tỉnh chí* xác định cụ thể vị trí phủ Trấn Man thuộc vùng thượng du sông Mã, phía tây tỉnh Thanh Hoá, trên đầu nguồn sông Lương, giáp phủ Điện Biên (Hưng Hoá) phía tây bắc, phủ Trấn Biên của Nghệ An phía tây nam, hai châu Quan Hoá và huyện Thọ Xuân phía đông, và nói rõ phủ Trấn Man gồm ba huyện Trình Cố, Man Duy và Sầm Nưa, hai huyện Trình Cố và Man Duy đều lấy khe Sầm (Khầm) làm giới hạn phía đông và phía nam.

Sách *Bản triều bạn nghịch liệt truyện* của Kiều Oánh Mậu lại có chép việc năm Gia Long thứ 18, Lê Văn Duyệt ra kinh lược trấn Thanh Hoá để đàn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân trong trấn như sau: "10 động thuộc châu Khầm (Sầm) Tứ ở thượng du, trước thuộc Vạn Tượng chưa có lệ cống, nay nghe Duyệt đến kinh lược, tù trưởng mọi ấy là Phi Xỉ Vu Hâm đến cửa quân xin hàng, xin làm nội phụ, Duyệt đem việc ấy tâu lên, cho liệt vào hàng cống man".

Căn cứ vào các cứ liệu trên, núi Sầm (Khầm) nhất định phải nằm trong vùng thượng du phía tây Thanh Hoá, rất có nhiều khả năng là nằm ngay trong địa hạt châu Quan Hoá và huyện Thọ Xuân là quê hương của Hà Văn Mao và Cầm Bá Thước. Do đó cái hướng tìm cứ điểm Sầm Sơn phải là vùng thượng du phía tây Thanh Hoá, có thể mở rộng xuống phía nam giáp Nghệ An và sang phía tây vượt biên giới Việt - Lào.

Vấn đề cuối cùng cần giải quyết là mối quan hệ giữa Hùng Lĩnh và Sầm Sơn. Về vấn đề này, sách *Bài ngoại mậu kiến liệt truyện* khi chép về Tống Duy Tân đã viết: "Gặp khi trong nước có việc, bỏ quan về khởi nghĩa, cùng bọn man tù là Mao - Thước (tức Hà Văn Mao và Cầm Bá Thước - TG.) đắp đồn ở Khầm Tứ huyết chiến với quân Pháp hơn bảy năm". Cũng sách đó chép về Hà Văn Mao "khi nghe tin Tống Duy Tân khởi nghĩa ở núi Khầm bèn đem quân tới phụ", cũng như về Cầm Bá Thước "khi nghe được Tống Duy Tân khởi nghĩa ở Sầm Sơn ông đem quân tới giúp". Như vậy là chính ngay Tống Duy Tân cũng phất cờ khởi nghĩa đầu tiên ở núi Khầm là nơi ông đóng đồn sơn phong, sau đó mới dời về Hùng Lĩnh ở quê nhà.

Qua các tài liệu cũ để lại thấy nói rõ là nghĩa quân của Hà Văn Mao, Cầm Bá Thước và Tống Duy Tân tập hợp người thuộc các dân tộc khác nhau trong vùng, sinh sống trên một địa bàn rộng lớn có quan hệ mật thiết với nhau. Sau này, phong trào Trung Bắc Kỳ sở dĩ duy trì được lâu dài, chính một phần nhờ có con đường Lào để rút sang bên đó tạm trú khi cần thiết, hay đi sang Xiêm mua thuốc súng.

II. TRONG PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP ĐẦU THẾ KỶ XX (1897 - 1918)

1. Từ cuối năm 1896, thực dân Pháp đã hoàn thành công cuộc xâm lược và bình định quân sự Việt Nam. Đợt khai thác thuộc địa lần thứ nhất của chúng ở Việt Nam

bắt đầu từ năm 1897. Cần thấy rõ thực dân Pháp chỉ có điều kiện hoàn thành bình định Việt Nam sau khi đã chiếm được nước Lào phía sau lưng Việt Nam (1893). Từ nay trở đi, hai dân tộc Việt - Lào (cũng như dân tộc Miên) cùng chung một thân phận nô lệ dưới ách thống trị tàn khốc của một kẻ thù chung, nên càng thêm gắn bó trong sự nghiệp đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc Pháp.

2. Ở đây không nói tới những phong trào đấu tranh của từng dân tộc riêng rẽ như phong trào đấu tranh đầu tiên của nông dân Lào Lùm - dân tộc đa số - do Phò Cà Đuột Cầm đầu (1901 - 1903) ở vùng Trung Lào và Nam Lào (Savannạkhẹt), hay phong trào khởi nghĩa vũ trang Phumibun (người có đạo đức). Ở đây chỉ nói tới những phong trào có quan hệ trực tiếp đến nhau: Ông Kẹo và Cômađăm đã lãnh đạo các dân tộc Lào Thơng nổi dậy suốt trong 36 năm trường từ cuối năm 1901 đến năm 1937 trên vùng cao nguyên Bôlôven - Xarávăn. Phong trào này đã ảnh hưởng lớn đến các bộ lạc người Thượng ở Tây Nguyên, tù trưởng I Rê của người Xêđăng liền lãnh đạo bộ lạc mình cùng các bộ lạc khác nổi dậy đánh Pháp. Nghĩa quân Xêđăng đã liên hệ chặt chẽ với người Lào Thơng để phối hợp hành động. Mở đầu là sự phối hợp tác chiến của nhân dân miền núi hai nước Việt - Lào tấn công san bằng các bốt canh kiểm soát ngã ba sông Krong Poko và sông Dak Psi do đồn trưởng Robe (Robert) chỉ huy (5/1901).

3. Trong phong trào Phan Bội Châu, con đường Lào có một vị trí quan trọng đặc biệt, một số nhà cách mạng bí mật xuất dương phải đi qua Lào sang Thái Lan để từ đó đi các nơi hoạt động cứu nước. Sau khi phong trào Đông Du thất bại và Phan Bội Châu bị trục xuất khỏi đất Nhật có một thời gian ông về Thái Lan làm ruộng chờ thời, đến khi nghe tin cách mạng Tân Hợi thành công (1911) mới gấp rút lên đường sang Trung Quốc phối hợp với các đồng chí thành lập Việt Nam Quang Phục Hội (1912) Ngay sau khi ra đời, Việt Nam Quang Phục Hội đã có một số hành động "kinh thiên động địa" nhằm "thức tỉnh hồn nước", như ném bom ở thị xã Thái Bình, ở Hà Nội, giết chết một số thực dân và tay sai, nhưng sau đó bị kẻ thù khủng bố ác liệt làm cho phong trào phải tạm lắng xuống. Chính vào lúc này Trần Hữu Lực được phân công đi Xiêm (Thái Lan) đảm nhiệm "Tây lộ" (con đường phía Tây) với dự định mượn con đường Lào bí mật đưa khí giới về Trung Kỳ, liên lạc với cơ sở Việt Nam Quang Phục: Hội thuộc hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi chuẩn bị bạo động.

4. Chỉ hơn một năm sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ thì xảy ra cuộc phá ngục Lao Bảo ở miền núi tỉnh Quảng Trị. Đây là nơi đế quốc giam giữ những người bị bắt vì hoạt động chính trị. Tuy bị tù đày, những người này vẫn nuôi chí bạo động chống thực dân Pháp và vẫn tìm mọi cách bí mật liên lạc với cách mạng bên ngoài. Trước đó, hồi tháng 8/1913, các tù nhân ở đây phần lớn bị bắt

trong phong trào chống thuế Trung Kỳ năm 1908 - đã khởi nghĩa. Ngày 28/9/1915, 200 tù nhân bị giam giữ ở đây được Liêu Thanh (trước đây đã từng hoạt động trong phong trào Đông Du và là một hội viên của Việt Nam Quang Phục Hội) cùng Hồ Bá Kiện (thân sinh Hồ Tùng Mậu) cầm đầu, đã nổi dậy phá ngục cướp khí giới đánh chiếm thành Lao Bảo, sau đó kịp thời rút vào rừng theo đường Làng Cơn - Lao Bảo tiến lên phía tây bắc Sêpôn, rồi cứ hiểm trong làng của vùng bản Tacha thuộc tỉnh Savannakhẹt. Giặc Pháp ở Quảng Trị và Huế tức tốc điều quân lính tới đàn áp, càn quét các vùng, và tới ngày 08/10 thì bao vây được nghĩa quân tại bản Tacha. Nghĩa quân chạy về bản Tasoi, rồi rút về vùng Axối. Nhưng sau đó, trước sự truy lùng ác liệt của quân thù, nghĩa quân tan rã, các chỉ huy Liêu Thanh và Hồ Bá Kiện đều hy sinh.

5. Sau cuộc khủng bố trắng của giặc Pháp từ năm 1908, phong trào miền Nam Trung Kỳ bị tổn thất nặng và chìm xuống một thời gian, mãi đến tận năm 1913 mới dần dần hồi phục lại. Nhưng suốt thời gian đó, những người yêu nước không bị sa vào lưới giặc Pháp vẫn bí mật tìm cách liên lạc với bên ngoài, chủ yếu với Thái Lan qua con đường Lào. Mọi công việc lúc đó đều do Thái Phiên, một nhân vật quan trọng của Duy Tân Hội và là một đồng chí tin cậy của Phan Bội Châu lo liệu.

Sau khi Việt Nam Quang Phục Hội thành lập (1912), trong khi có một số người tìm cách vượt biên giới sang

Trung Quốc tập hợp xung quanh Phan Bội Châu thì những người cũ của Duy Tân Hội, của các hội buôn, hội học và của phong trào chống thuế trong những năm 1904 - 1908 đều chuyển sang hoạt động cho tổ chức mới (Kỳ hội Quang Phục Trung Kỳ), về sau lại có một số người từ các nhà tù Côn Đảo và Lao Bảo về, như Trần Cao Vân. Tất cả đều vẫn trung thành theo đường lối bạo động kiểu "nội công ngoại ứng" và đặt nhiều hy vọng vào đội quân Quang Phục vượt biên giới đánh về trong nước. Trong việc thực hiện kế hoạch này, biên giới Việt - Lào cũng như biên giới Việt - Trung đều được xem như là những vùng bàn đạp trọng yếu. Đầu năm 1913, tiếp được thư của Trần Hữu Lực ở Tây Lộ gửi về báo cho biết đã chuẩn bị xong các mặt, đang chờ cơ hội để hoạt động mạnh và yêu cầu trong nước tiếp tế sang Xiêm (Thái Lan) qua con đường Lào, nhiều người đã được cử đi ra ngoài để bắt liên lạc. Cuối năm 1913, Nguyễn Công Mậu và Bùi Phu Thiệu theo đường Trung Lào sang Xiêm gặp Trần Hữu Lực bàn bạc công việc cứu nước. Đầu năm 1914, họ về nước xúc tiến công việc chuẩn bị lực lượng bên trong, và tiến gấp tới cuộc nổi dậy đêm mồng 3 rạng sáng mồng 04/5/1916 của binh lính và nhân dân các tỉnh miền Nam Trung Kỳ và ở Huế (trước đây thường được gọi là cuộc khởi nghĩa Duy Tân vì vua Duy Tân có tham gia), nhưng đã thất bại nhanh chóng trước sự khủng bố, đàn áp ác liệt của quân thù. Đến năm 1917, vì cuộc đánh chiếm

đồn Hin Bun (một huyện ở tả ngạn sông Mê Kông thuộc đất Lào) bị thất bại, tiếp đó là việc chuyển vũ khí về Nam Bộ bị lộ, Trần Hữu Lực bị bắt, phải tự tử, rồi đến lượt đầu xứ Dực bị bắt đưa về Việt Nam.

6. Dân cư của hai quân khu 4 và 5 gồm đại bộ phận tỉnh Phongxalỳ (bắc Thượng Lào) và Lai Châu (tây bắc Việt Nam) phần lớn là người Thái. Tuy thuộc hai quốc gia khác nhau, nhưng vì có chung một kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc Pháp nên trong quá trình lịch sử tinh thần đoàn kết chiến đấu có điều kiện phát triển gắn bó. Hơn nữa địa hình hiểm trở của miền thượng lưu sông Nậm U chi lưu tả ngạn sông Mê Kông) với núi cao lũng sâu cũng rất thuận lợi cho hoạt động quân sự.

Mùa thu năm 1914, lợi dụng việc thực dân Pháp ở Đông Dương còn đang hốt hoảng vì cuộc chiến tranh đế quốc thứ nhất mới bùng nổ ở châu Âu và đang có nguy cơ lan tràn rộng khắp, nhiều nhóm cách mạng Việt Nam đã từ Xiêm và Trung Quốc tìm đường vượt biên giới về nước hoạt động. Trong số các nhóm đó có một bộ phận qua đường Lào, đột nhập rniền cao nguyên Trấn Ninh tuyên truyền gây cơ sở trong các dân tộc thiểu số ở Tây Bắc và trong số người Hoa vốn là dòng dõi các toán quân của Lưu Vĩnh Phúc trước kia nên vẫn căm thù thực dân da trắng và sẵn sàng nổi dậy khi có người cầm đầu và có thời cơ thuận lợi.

Cuộc khởi nghĩa của đồng bào Tây Bắc bùng nổ vào thượng tuần tháng 11/1914 do Lương Bảo Định cầm đầu. Nghĩa quân đã đột nhập Sầm Nưa, giết tên đại úy Pháp Lambe (Lambert), phá hủy công sở, kho tàng, tịch thu súng đạn và tiền kho, rồi rút vào rừng để bảo toàn lực lượng sau khi đã tuyên bố xóa bỏ nền thống trị của đế quốc Pháp trong vùng.

Giặc Pháp ngay sau đó phản công mạnh mẽ, nghĩa quân phải rút về phía Điện Biên Phủ (Mường Thanh) rồi đi sâu lên phía bắc về mạn Mường U, Chiềng U (trên bờ sông Nậm U) tìm đường sang Lào. Ngày 03/8/1915, trên đường hành quân, nghĩa quân đã bất thần đột nhập Phongxalỳ, chiếm luôn Bun Nưa, Mộc Pha... Cuối cùng đến tháng 3/1916, trước sự phản công dữ dội của kẻ thù, cuộc khởi nghĩa đã thất bại, một bộ phận lớn nghĩa quân bị đánh bật sang bên kia biên giới Trung Quốc rồi tan rã sau 16 tháng trời chiến đấu quyết liệt.

7. Ngọn lửa yêu nước chống Pháp của nhân dân Tây Bắc không vì khủng bố của kẻ thù mà bị dập tắt. Nó chỉ tạm lắng xuống một thời gian, âm ỉ cháy trong lòng đồng bào các dân tộc, chờ khi thời cơ tới lại bùng cháy với một sức mạnh phi thường làm cho kẻ thù và bè lũ tay sai thất điên bát đảo, Ngay từ đầu năm 1918, hưởng ứng lời kêu gọi của người thanh niên Giàng Tả Chay thuộc dân tộc Mông, quê ở Điện Biên, dân tộc Mông và các dân tộc khác ở Tây Bắc đã sôi nổi đứng dậy đánh Pháp. Tháng 7 năm đó,

đã nổ ra cuộc bạo động của người Mông và người Dao ở Tả Phềnh (Tủa Chùa), nhưng vì lực lượng còn non yếu nên bị đàn áp ngay. Tiếp sau đó, đến cuối tháng 10, người Mông vùng Điện Biên Phủ lại nổi dậy, trực tiếp do Giàng Tả Chay cầm đầu. Phong trào chống Pháp vùng cao ngày một phát triển, nhanh chóng lan rộng khắp vùng Sơn La, Lai Châu rồi cả miền Thượng Lào, ngay trên địa bàn hoạt động cũ của nghĩa quân Lương Bảo Định. Đến mùa hè năm 1919, và suốt trong năm 1920, phong trào đã tỏa khắp một vùng rộng lớn, bao gồm thượng lưu sông Nậm U, Trấn Ninh, Sầm Nưa và Điện Biên Phủ. Phong trào mất dần tính chất địa phương để trở thành một cuộc khởi nghĩa rộng lớn của cả một dân tộc đứng dậy chống Pháp. Để đối phó lại, giặc Pháp phải tập trung binh lực mở nhiều đợt tấn công quy mô lớn vào căn cứ nghĩa quân, kết hợp chặt chẽ các thủ đoạn càn quét quân sự, phá hoại kinh tế với mua chuộc, dụ dỗ, chia rẽ về chính trị. Lực lượng nghĩa quân vì vậy ngày càng bị hao mòn, suy yếu rồi tan rã dần sau gần ba năm chiến đấu kiên cường bất khuất (3/1921), Còn người thủ lĩnh tối cao của phong trào là Giàng Tả Chay thì mất tích, có lẽ đã được nhân dân hết lòng che chở, bảo vệ nên vẫn giữ được bí mật cho đến lúc mất.

III. QUAN HỆ CHIẾN ĐẤU TRONG THỜI KỲ 1919 - 1930

1. Dưới thời phong kiến, việc đi lại giao thiệp giữa hai nước Việt - Lào chỉ thuộc về phương diện bang giao của

các triều đại vua chúa. Còn nhân dân Việt Nam sang Lào làm ăn, cư trú và trở thành kiều dân, hiện tượng đó chỉ mới có từ sau khi hai nước rơi vào tay đế quốc Pháp, nhất là từ khi chúng ra sức đẩy mạnh đợt khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng, rồi bắt đầu mở đường chiến lược sang Lào nhằm đàn áp các phong trào đấu tranh của nhân dân hai nước (đường số 13 Sài Gòn - Crachiê - Pắcxế; đường số 9 Đông Hà Savannakhẹt; đường số 8 Vinh - Thà Khẹc; đường số 7 Phủ Diễn - Luông Pha Băng.

2. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp càng tăng cường khai thác thuộc địa trên một quy mô lớn hơn, với một tốc độ nhanh hơn nhiều so với trước chiến tranh. Từ năm 1919 trở đi, trong hoàn cảnh ráo riết xúc tiến hoàn thành các con đường trên, đồng thời phát triển đồn điền trồng lúa và cây công nghiệp, mở rộng khai mỏ (mỏ chì ở Phong Chiêu, Bò Neng...), xây dựng một số xí nghiệp, chúng đã phải tuyển mộ nguồn nhân công chủ yếu ở Việt Nam. Những người Việt Nam sang Lào làm ăn một thời gian, nhưng sau đó không có điều kiện trở về nước nên ở lại trên đất Lào, sống đoàn kết với nhân dân Lào và xem nước Lào như quê hương thứ hai.

3. Từ sau khi Hội Thanh niên cách mạng Việt Nam được thành lập (1925), phong trào cứu quốc của kiều bào Việt Nam ở Thái Lan đi vào tổ chức. Học xong lớp huấn luyện ở Quảng Châu (Trung Quốc), các đảng viên Thanh

niên tìm đường về nước hoạt động. Năm 1926, chi bộ Thanh niên đầu tiên được thành lập ở Phìchịt, đến hai năm 1927 - 1928 các chi bộ khác lần lượt ra đời ở mấy tỉnh phía đông bắc Thái Lan. Chi bộ Phìchịt là trung tâm lãnh đạo Việt kiều ở Thái Lan, trực thuộc sự chỉ đạo của Tổng bộ ở Quảng Châu (sau rời về Hương Cảng). Nhiệm vụ của chi bộ là tổ chức, giáo dục kiều bào đoàn kết yêu nước, theo sự ủy nhiệm của Tổng bộ giúp một phần công tác liên lạc với trong nước, mà chủ yếu là công tác vận động kiều bào ở Lào. Phong trào vận động cứu quốc của kiều bào ở Thái Lan vì vậy đã ảnh hưởng mạnh đến kiều bào ở Lào. Chi bộ Hội Thanh niên cách mạng Việt Nam và Hội Thân ái của Việt kiều ở Lào được bí mật thành lập, qua đó mối liên lạc với trong nước cũng được nối liền, và chính nhờ cơ sở đó mà có điều kiện hưởng ứng kịp thời khi cách mạng Lào bùng nổ.

*

* *

Trên đây là một vài nét về mối tình đoàn kết chiến đấu giữa hai dân tộc Việt - Lào chống kẻ thù chung là đế quốc Pháp xâm lược từ giữa thế kỷ XIX đến những năm 30 của thế kỷ XX.

Qua việc tìm hiểu những trang lịch sử đoàn kết đấu tranh của hai dân tộc Việt - Lào, bước đầu có thể rút ra một vài nhận định như sau:

1. Dưới thời kỳ phong kiến độc quyền thống trị, quan hệ giữa hai nước chỉ đóng khung chật hẹp giữa bọn vua chúa, còn nhân dân lao động hai nước nói chung đều bị xô đẩy vào những cuộc chém giết để thỏa mãn lòng tham không đáy của chúng, và vì vậy trong mối quan hệ đó không tránh khỏi có mặt xấu, tiêu cực. Còn ở thời kỳ này mối quan hệ đó ngày càng phát triển, ngày càng chiếm ưu thế.

2. Hơn thế, trong mối quan hệ Việt - Lào ngày càng được tăng cường theo chiều hướng tích cực, tiến bộ đó, từ yếu tố "*tự phát*" đến khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, quá trình chuyển sang "*tự giác*" đã được hoàn thành, tạo điều kiện cơ bản cho sự phát triển lâu dài và vững chắc của mối tình đoàn kết chiến đấu anh em giữa nhân dân hai nước, bảo đảm cho sự thắng lợi cuối cùng của nhân dân hai nước trong việc chiến thắng đế quốc Pháp cũng như đế quốc Mỹ.

Trích "Thông báo khoa học sử học", tập 2,
Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1975.

CÙNG CHUNG THẮNG LỢI TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP 1945 - 1954

Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt - Lào chống thực dân Pháp xâm lược đã giành được thắng lợi vẻ vang. Theo Hiệp định Giơnevơ quy định cuối tháng 7/1954, các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam hoạt động ở Lào đã rút về nước.

Chín năm (8/1945 - 7/1954) hoạt động của quân tình Việt Nam trên chiến trường Lào là một trong những trang sử hào hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam. Với tinh thần quốc tế vô sản, xác định giúp bạn cũng như tự giúp mình, bộ đội tình nguyện Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, trên những nội dung chính sau đây:

1. Giúp bạn xây dựng cơ sở kháng chiến từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, phát động và tổ chức nhân dân Lào đứng lên chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược

Mùa thu năm 1945, triệt để lợi dụng thời cơ Đồng minh đánh tan chủ nghĩa phát xít và Việt Nam tiến hành Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, bộ phận Việt kiều (một phần nội lực của cách mạng Lào) đã tự nguyện giúp nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền, gây mầm mống cho phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Lào.

Giữa năm 1946, Chấp hành chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương[(1)], các đơn vị vũ trang yêu nước Việt - Lào đã rút khỏi các đô thị, trở về nông thôn, miền núi, xây dựng chỗ đứng chân để phát động và tổ chức nhân dân đứng lên kháng chiến. Các đơn vị tình nguyện từ Việt Nam được cử sang chiến trường Lào cũng phải thực hiện chủ trương này. Đây là nhiệm vụ chiến lược vừa lâu dài lại vừa cấp thiết, vì lúc đó cả một vùng nông thôn, miền núi rộng lớn của Lào hầu như chưa có cơ sở chính trị - quần chúng. Để đi vào nhân dân ở nông thôn, miền núi, các đơn vị vũ trang tình nguyện phải phân nhỏ lực lượng, thành lập các tổ (đội) vũ trang tuyên truyền thâm nhập các bản mường; tuyên truyền, giáo dục đường lối kháng chiến, giác ngộ và tổ chức nhân dân vào các đoàn thể yêu nước, từng bước đưa dân đứng lên đấu tranh với địch từ thấp lên cao. Trong điều kiện dân trí thấp, phong tục tập quán còn lạc hậu, kinh tế quá nghèo, lại bị các thế lực phản động kìm kẹp lâu ngày; công việc tuyên truyền, giác ngộ và tổ chức nhân dân lúc đầu hết sức khó khăn. Cán bộ, chiến sĩ tình nguyện phải khắc phục khó khăn, gian khổ kể cả sự truy lùng, bắn giết của kẻ thù, thực hiện "ba cùng" với dân, quyết tâm bám trụ kiên cường. Rất nhiều cán bộ, chiến sĩ được phân công vận động từng bản đã "quần chúng hoá" triệt để: cà răng, ở trần đóng khố, nuôi tóc dài, nằm không chiếu, ngủ không màn, học tiếng bộ tộc..., và từng bước chiếm được lòng tin của dân bản,

(1) Trong chỉ thị *"Kháng chiến kiến quốc"* của Trung ương Đảng ra ngày 25/11/1945 đã chỉ đạo cách mạng Lào phải chuyển về nắm nông thôn để tổ chức toàn dân kháng chiến.

rồi trở thành con em của họ. Nhưng cũng không ít đồng chí đã bị bọn phản động sát hại, hoặc bị đói rét và bệnh tật quật ngã.

Công tác xây dựng cơ sở kháng chiến, xây dựng căn cứ kháng chiến ngày càng mở rộng với nội dung phong phú, thiết thực. Không chỉ xây dựng và tổ chức các đoàn thể, chính quyền kháng chiến, dân quân du kích, mà còn chú trọng đến cả sản xuất, đời sống, văn hoá, y tế và đoàn kết các dân tộc.

Với những nỗ lực bền bỉ của các đơn vị, phong trào kháng chiến được nhen nhóm và đến cuối năm 1949, chiến tranh du kích đã xuất hiện trên nhiều vùng nông thôn, miền núi, hạn chế các cuộc lùng sục tự do của địch và các bản mường. Cuối năm 1949, chính quyền kháng chiến được thiết lập không chỉ ở cơ sở, mà cả ở cấp khu (Thượng, Trung, Hạ Lào), và đến tháng 8/1950, Chính phủ Kháng chiến Trung ương được thành lập.

Giúp bạn xây dựng cơ sở và phong trào kháng chiến từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, từ cơ sở đến từng vùng và toàn quốc, là đóng góp quan trọng của bộ đội tình nguyện Việt Nam đối với sự nghiệp kháng chiến của bạn.

2. Bồi dưỡng, đào tạo cho bạn một đội ngũ cán bộ trung kiên, được tôi luyện trong cuộc kháng chiến là vốn quý của cách mạng Lào

Khi cuộc kháng chiến bắt đầu, đội ngũ cán bộ của bạn còn rất mỏng, số đảng viên người Lào lại càng hiếm. Để

giúp bạn làm chủ sự nghiệp cách mạng của mình, tự đảm nhiệm mọi cương vị lãnh đạo, chỉ huy chính quyền cũng như lực lượng vũ trang, các đơn vị quân tình nguyện đã coi nhiệm vụ bồi dưỡng, đào tạo cán bộ cho bạn là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết.

Với tinh thần đồng chí, đồng đội, cán bộ và chiến sĩ tình nguyện đã sát cánh cùng với bạn chiến đấu - công tác. Từ hoạt động hàng ngày mà kèm cặp bạn cùng làm, hướng dẫn bạn nhưng luôn luôn tôn trọng, nâng cao lòng tự tin của bạn. Sau mỗi đợt công tác ở cơ sở hoặc sau mỗi trận (đợt) chiến đấu, ta cùng bạn tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm để bạn tự nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy một cách thiết thực. Trong quá trình kháng chiến khẩn trương và ác liệt, chúng ta vẫn tranh thủ tới các lớp học, lấy địa điểm ở Việt Nam (khu vực tự do giáp biên giới) để huấn luyện cán bộ cho bạn, đáp ứng yêu cầu cho bạn ở từng thời kỳ kháng chiến.

Công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ giúp bạn đã được bộ đội tình nguyện triển khai tích cực và hiệu quả. Khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, các đơn vị của bạn tập kết về hai tỉnh đã có gần 1.000 cán bộ trung - sơ cấp[1] đủ để tổ chức hàng chục tiểu đoàn chiến đấu (bộ binh và binh chủng), chưa kể số cán bộ nằm lại ở các vùng kháng chiến phải bàn giao cho địch. Cũng vào cuối năm 1953, đầu năm 1954, số đảng viên người Lào có hơn 300 đồng chí, ngoài

[1] Theo *Lịch sử Quân đội nhân dân Lào,* khi bộ đội Ítxala tập kết về hai tỉnh (11/1954), đội ngũ cán bộ trung - sơ cấp có gần 900 đồng chí.

ra còn có tới 600 cán bộ trung kiên đủ điều kiện để phát triển Đảng.[1]

Đội ngũ cán bộ, đảng viên trưởng thành qua cuộc kháng chiến là vốn quý của cách mạng Lào. Nhiều đồng chí trong số này đã trở thành cán bộ lãnh đạo, chỉ huy cao cấp, giữ những trọng trách của Đảng, Nhà nước và Quân đội nhân dân Lào hiện nay.

3. Dìu dắt, sát cánh với lực lượng vũ trang yêu nước Lào cùng chiến đấu, xây dựng, đánh bại chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp

Cuộc kháng chiến của nhân dân Lào chống thực dân Pháp xâm lược diễn ra rất sớm, hầu như cùng lúc với khởi nghĩa tháng Tám 1945, nên bạn không có thời gian để xây dựng, tổ chức lực lượng vũ trang yêu nước. Bởi vậy, ngoài một số đơn vị vũ trang yêu nước Lào hình thành ở thành phố và thị xã, còn trên toàn bộ vùng nông thôn, miền núi rộng lớn chưa có một đơn vị vũ trang yêu nước nào hoạt động. Để phát động, tổ chức nhân dân đứng lên kháng chiến, nhất thiết phải có lực lượng vũ trang yêu nước đủ mạnh làm nòng cốt. Cho nên việc giúp bạn xây dựng và rèn luyện lực lượng vũ trang cách mạng là nhiệm vụ quan trọng của quân tình nguyện Việt Nam hoạt động ở Lào.

Các đơn vị tình nguyện khi chuyển về xây dựng cơ sở kháng chiến trên vùng nông thôn, miền núi đều rất coi trọng nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân du kích. Và khi đã

[1] *Lịch sử các đoàn quân Tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào (1945 - 1945)*, NXB. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999, tr. 43.

hình thành được dân quân du kích từ bản mường, tà xẻng thì phải dìu dắt các đơn vị dân quân du kích này chiến đấu để bảo vệ bản mường ngày càng có hiệu quả. Trên cơ sở lực lượng dân quân du kích phát triển mà giúp bạn chọn lựa để xây dựng các đơn vị bộ đội tập trung của tỉnh và vùng chiến lược.

Khi đưa các đơn vị bạn vào chiến đấu, bộ đội tình nguyện Việt Nam đã vận dụng từng mức với phương pháp và hình thức tổ chức phù hợp. Lúc đầu tổ chức các đơn vị chiến đấu hỗn hợp Việt - Lào, Lào - Việt, sau đó, khi có đủ điều kiện mới tách riêng thành đơn vị tình nguyện Việt và đơn vị vũ trang Lào Ítxala; lúc đầu thực hiện đánh nhỏ từng tổ (đội) sau tiến lên đánh quy mô trung đội và đại đội; lúc đầu chọn cách đánh bí mật, bất ngờ - thường là phục kích, sau mới đánh đồn bốt và đánh càn; từ đánh từng trận riêng rẽ, sau đánh nhiều trận liên kết thành một đợt tác chiến. Về tổ chức lực lượng, từ những năm 1948 - 1949, trên cơ sở phong trào dân quân du kích phát triển rộng mà xây dựng các đơn vị vũ trang để đến những năm 1951 - 1952 đã hình thành lực lượng vũ trang ba thứ quân (có dân quân du kích ở bản mường, trung đội vũ trang ở huyện, đại đội ở tỉnh và các đại đội của vùng chiến lược). Tuy nhiên, đến khi kết thúc kháng chiến, bộ đội Lào Itxala vẫn chưa tổ chức tiểu đoàn tập trung. Từ những năm 1951 - 1952, địch tập trung lực lượng hành quân càn quét ác liệt quy mô cấp tiểu đoàn hoặc nhiều tiểu đoàn vào các cơ sở kháng chiến và căn cứ kháng chiến của bạn. Thủ đoạn của chúng là tập trung càn từng vùng, chà đi sát lại nhiều lần đi đôi với việc

lập thêm đồn bốt ở những địa bàn quan trọng. Sát cánh với bạn, quân tình nguyện đã cùng bạn chiến đấu, làm thất bại âm mưu bình định của địch; bảo toàn lực lượng cho bạn. Tính đến tháng 7 năm 1954, không kể lực lượng dân quân du kích đông hàng vạn đội viên được triển khai trên tất cả các vùng nông thôn, miền núi, kể cả trong vùng địch còn tạm kiểm soát; chỉ tính số cán bộ, chiến sĩ của các đơn vị vũ trang Lào Ítxala tập kết về hai tỉnh đã có gần một vạn người.

Sự lớn mạnh về lực lượng cũng như khả năng tác chiến của lực lượng vũ trang yêu nước Lào là một thắng lợi quan trọng của bạn, đồng thời cũng là thành tựu to lớn trong việc giúp bạn của bộ đội tình nguyện Việt Nam.

4. Xây dựng chiến trường Lào thành chiến trường phối hợp đắc lực với chiến trường chính (Bắc Việt Nam), góp phần tích cực vào thắng lợi to lớn của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954, kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

Nhằm nâng cao khả năng phối hợp với chiến trường chính Việt Nam, từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (02/1951), bộ đội tình nguyện đã cùng với bạn ra sức chuẩn bị các điều kiện để bảo đảm cho tác chiến quy mô lớn sẽ diễn ra trên chiến trường Lào. Ngoài ra, khi có thời cơ chiến lược mà chiến trường chính yêu cầu thì chiến trường Lào chẳng những phải đủ sức để tự giải phóng mình mà còn phải đủ sức phối hợp nhịp nhàng với chiến trường chính. Đây là nhiệm vụ chiến lược, đòi hỏi bộ đội tình nguyện phải cùng với bạn nỗ lực phấn đấu.

Trong hai năm 1951 - 1952, ta và bạn phải đối phó với âm mưu và thủ đoạn bình định ác liệt của địch. Vừa chống địch càn quét, vừa phải tiến hành các mặt chuẩn bị, làm sao giữ vững được các khu căn cứ, tiếp tục xây dựng và phát triển lực lượng, đồng thời bảo toàn được lực lượng của ta và bạn. Do những cố gắng to lớn, vượt qua những thử thách gian khổ, ác liệt, bộ đội tình nguyện Việt Nam đã cùng với bộ đội Lào Ítxala sát cánh chiến đấu ngoan cường, đánh bại mọi âm mưu và thủ đoạn bình định của địch. Các khu căn cứ kháng chiến của Lào được giữ vững, chính quyền kháng chiến tiếp tục được củng cố, chiến tranh du kích phát triển, mạnh mẽ; uy hiếp cả vùng địch còn tạm kiểm soát, kể cả vùng nông thôn trù phú, đông dân và giáp các đô thị.

Song song với chống âm mưu bình định của địch, ta và bạn đã tích cực triển khai các mặt chuẩn bị chiến trường: điều chỉnh và bố trí lực lượng trên các khu vực tác chiến, theo dõi nắm địch, làm binh yếu địa chí, chuẩn bị cơ sở quần chúng, cố gắng trữ lương thực... Nhờ sự chuẩn bị tích cực của bộ đội tình nguyện và các lực lượng vũ trang Lào Ítxala, đến cuối năm 1952 - đầu năm 1953, cục diện chiến tranh trên chiến trường Lào đã được chuẩn bị, bảo đảm cho tác chiến liên tục, quy mô lớn. Chính tướng Hăngri Nava, Tổng Chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương khi mới sang nhậm chức (5/1953) đã phải thú nhận: ...“Chúng ta đã gặp khó khăn ghê gớm khi bắt đầu từ mùa thu 1952, Việt Minh quyết định đưa khối chủ lực khả năng tác chiến ở tất cả mọi nơi của họ lên xứ Thái (Tây Bắc Việt

Nam), Thượng Lào, Trung Lào và cao nguyên Trung Bộ Việt Nam"[1]. Còn ở Lào thì "Do đối phương chiếm Điện Biên Phủ và Sầm Nưa, nên Thượng Lào cũng bị uy hiếp. Chúng ta chỉ còn làm chủ được vùng ven sát gần với Luông Pha Băng, Viêng Chăn, Cánh Đồng Chum và Pạc San. Chỉ thời gian ngắn nữa là có nguy cơ Việt Minh tiến đến vùng thượng sông Mê Kông". [2]

Quả đúng như vậy, tháng 4/1953, ta và bạn phối hợp mở chiến dịch Thượng Lào lần thứ nhất giành thắng lợi lớn. Bước vào Đông - Xuân 1953 - 1954, chiến trường Lào được giao nhiệm vụ thu hút và giam chân quân cơ động Pháp, tiêu diệt một bộ phận sinh lực tinh nhuệ của địch, mở rộng và củng cố vùng giải phóng, phối hợp chặt chẽ với chiến trường chính (Tây Bắc Việt Nam). Tháng 12/1953, ta và bạn phối hợp mở chiến dịch Trung, Hạ Lào, tiếp đó mở chiến dịch Thượng Lào lần thứ hai và đã giành thắng lợi lớn: hoàn thành nhiệm vụ thu hút và giam chân gần 30 tiểu đoàn cơ động của địch[3], tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu 8.300 tên địch, giải phóng một vùng đất đai rộng lớn gần 100.000 km^2, cô lập và tạo điều kiện cho các binh đoàn chủ lực Việt Nam tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

---

[1] Hăngri Nava: *Thời điểm của những sự thật*, NXB. Công an nhân dân và Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 1994, tr. 53, 55, 56.

[2] Hăngri Nava: *Thời điểm của những sự thật*, NXB. Công an nhân dân và Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 1994, tr. 53, 55, 56.

[3] Địch phải điều lực lượng cơ động từ Việt Nam sang Lào, thành lập hai tập đoàn cứ điểm ở Sê Nô - Savannakhẹt (Trung Lào) và Luông Pha Băng - Mường Sủi (Thượng Lào).

Nhờ có sự chuẩn bị khá chu đáo, nên trong các chiến dịch tiến công trên chiến trường Lào, quy mô lực lượng của ta và bạn tham gia lớn hơn bất kỳ thời kỳ nào trước đó: bộ đội chủ lực cơ động của Việt Nam từ 1 - 2 đại đoàn, còn bộ đội tình nguyện Việt Nam và bộ đội Lào Ítxala hoạt động phối hợp trên địa bàn chiến dịch có lúc lên tới 20 đại đội tập trung. Ngoài ra còn hàng chục trung đội vũ trang tuyên truyền, hàng chục tổ dân vận và hàng nghìn dân quân du kích.

Chiến trường Lào vào giai đoạn cuối của chiến tranh đã thực sự là một chiến trường phối hợp rất đắc lực với chiến trường chính, góp phần quan trọng để chiến trường chính giành thắng lợi.

*

* *

Chín năm hoạt động trên chiến trường Lào, cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam đã nêu cao tinh thần quốc tế trong sáng, chiến đấu kiên cường, anh dũng, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, sát cánh với bộ đội Lào Ítxala cùng chiến đấu bền bỉ cho đến ngày thắng lợi. Thông qua hoạt động cụ thể của bộ đội tình nguyện Việt Nam, nhân dân Lào và lực lượng vũ trang Lào Ítxala càng hiểu rõ hơn bản chất cao đẹp của "Bộ đội Cụ Hồ", những con người rất bình dị, nhân ái, thủy chung nhưng vô cùng anh dũng và kiên cường. Các chiến sĩ và cán bộ tình nguyện đã chiếm được lòng tin của nhân dân các bộ tộc Lào, được nhân dân coi như con em của bộ tộc mình. Chính hoạt động của quân

tình nguyện Việt Nam *đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng và củng cố vững chắc tình đoàn kết keo sơn giữa hai dân tộc và hai quân đội Việt - Lào.*

Được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giáo dục, rèn luyện cán bộ và chiến sĩ bộ đội tình nguyện nêu cao truyền thống vẻ vang của quân đội trong chiến đấu, công tác, nhiều đồng chí đã lập được chiến công oanh liệt. Đại hội Chiến sĩ Thi đua trên các chiến trường Thượng, Trung và Hạ Lào đã chọn và bầu được hàng trăm gương mặt tiêu biểu. Nổi bật là Chiến sĩ Thi đua: Nguyễn Riềng (bộ đội Tình nguyện Hạ Lào), Lò Văn Bường (Đoàn 81 tình nguyện ở Xiêng Khoảng, Trung Thượng Lào) sau này đã được Đảng và Nhà nước ta tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Bộ đội Tình nguyện Việt Nam lập được những thành tích vẻ vang, đó là do đã chấp hành nghiêm đường lối quốc tế của Đảng, được sự lãnh đạo và chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, của Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam. Đồng thời còn do tinh thần chiến đấu, công tác anh dũng, quên mình vì sự nghiệp cách mạng của cán bộ và chiến sĩ tình nguyện, sự thương yêu đùm bọc và giúp đỡ hết lòng của nhân dân các bộ tộc Lào anh em đối với bộ đội tình nguyện.

Qua thực tiễn hoạt động trên chiến trường Lào của quân tình nguyện Việt Nam, chúng ta đã tổng kết được một số bài học chính sau đây:

1. Phải luôn luôn nắm vững đường lối, quan điểm quốc tế theo chủ nghĩa Mác - Lênin của Đảng trong thực hiện liên minh và hợp tác với bạn Lào

Để củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết, liên minh chiến đấu giữa hai dân tộc, hai quân đội, vấn đề quan trọng đầu tiên là phải nắm vững đường lối, quan điểm quốc tế của chủ nghĩa Mác - Lênin trong suốt quá trình liên minh hợp tác giúp bạn. Đây là nguyên tắc quan trọng nhất trong quan hệ giữa các dân tộc trong cuộc đấu tranh do Đảng Cộng sản lãnh đạo chống chủ nghĩa đế quốc.

Trong tác phẩm *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* xuất bản năm 1925 ở Paris, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã gắn chặt cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cuộc cách mạng vô sản ở các nước đế quốc, nhằm thực hiện khẩu hiệu chiến lược của Lênin: "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!"... Tuy nhiên, để giải phóng dân tộc mình, trước hết phải dựa vào sức mạnh đoàn kết đấu tranh của quần chúng nhân dân trong nước và hai lực lượng quan trọng nhất của công cuộc giải phóng là công nhân và nông dân, trong đó công nhân là lực lượng lãnh đạo. Như vậy, ngay từ đầu, vấn đề đoàn kết liên minh cách mạng của các dân tộc thuộc địa ở Đông Dương chống kẻ thù chung đã thấm nhuần chủ nghĩa quốc tế vô sản: Đoàn kết liên minh giữa các dân tộc trên bán đảo Đông Dương và giữa các dân tộc thuộc địa ở Đông Dương với giai cấp công nhân của các nước đế quốc, nhưng cách mạng của mỗi nước phải do nhân dân nước đó tự làm lấy;

sự giúp đỡ từ bên ngoài là quan trọng nhưng không thể coi là nhân tố quyết định.

Nắm vững nguyên tắc liên minh, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau giữa ba nước Đông Dương, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thường xuyên giáo dục cho toàn Đảng, toàn quân phải quán triệt và vận dụng đúng đắn những nguyên tắc. Trong thời gian hoạt động trên chiến trường Lào, cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam đã không ngừng đấu tranh với tư tưởng, tác phong bao biện làm thay, thiếu kiên trì, bồi dưỡng giúp bạn nâng cao khả năng tự lực. Do lực lượng kháng chiến ở Lào lúc đầu chưa phát triển, nên ta phải giúp bạn từ việc lớn đến việc cụ thể với mục tiêu cơ bản là: giúp bạn để bạn mạnh lên làm chủ vận mệnh của mình.

Tháng 3/1948, khi quyết định mở hướng vũ trang tuyên truyền vào vùng Tây Bắc Việt Nam để tiến sang Thượng Lào, Bộ Tổng chỉ huy Quân đội nhân dân Việt Nam ra Chỉ thị số 110/TCU và nêu rõ quan điểm giúp bạn là: "Chúng ta đứng trên lập trường giúp nhân dân Lào và Miên giải phóng khỏi ách thực dân Pháp, cho nên: Về chính trị, công việc vận động dân tộc Lào, Miên phải đi đến chỗ để cho anh em cán bộ Lào, Miên tự phụ trách. Về quân sự nên đi đến chỗ thành lập đội quân Lào - Việt hay Miên - Việt; cán bộ ta sẽ hết sức giúp đỡ các đội quân ấy..., về chủ trương cũng như về hành động, tuyệt đối không có điều gì làm cho anh em Lào, Miên hiểu lầm là người Việt Nam có dã tâm xâm lược"[1].

---

[1] *Lịch sử Bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954).* Ban Tổng kết Bộ Tổng tham mưu xuất bản, 1991, tr. 244 - 245.

Tháng 9/1952, cục diện kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương phát triển mạnh mẽ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở quân Tình nguyện về nội dung thực chất của việc giúp cách mạng Lào: *"Sự thật thì chưa tìm ra chữ gì để thay chữ giúp, thực ra không phải là giúp mà là làm một nhiệm vụ quốc tế"*[1]. Đó là quan điểm, tư tưởng chỉ đạo liên minh chiến đấu Việt - Lào trên cơ sở của chủ nghĩa quốc tế vô sản, đã xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động của quân tình nguyện, và là một trong những nguyên nhân tạo nên sức mạnh để giành thắng lợi.

Kinh nghiệm củng cố liên minh chiến đấu Việt - Lào không chỉ dừng lại trên nhận thức mà còn thể hiện phong phú trong thực tiễn hoạt động của quân Tình nguyện. Từ việc phối hợp và giúp bạn xây dựng cơ sở kháng chiến, xây dựng căn cứ địa đến bồi dưỡng đào tạo cán bộ, phát triển Đảng,... đã được duy trì và đẩy mạnh trong suốt cuộc kháng chiến của nhân dân Lào. Qua thực hiện liên minh giữa hai dân tộc Việt - Lào cho thấy: Khi lực lượng kháng chiến của bạn chưa mạnh thì hiệu quả của liên minh bị hạn chế, mà cụ thể là việc phối hợp chiến trường khó khăn. Tuy chiến trường Lào vốn là nơi yếu và sơ hở của quân xâm lược Pháp, nhưng trước năm 1950, bản thân các hoạt động chiến đấu trên chiến trường này chưa thu hút đáng kể sự đối phó của địch và khả năng phối hợp đánh lớn của ta và bạn với chiến trường chính còn rất hạn chế. Phải từ cuối năm 1950 trở đi, khi chiến tranh du kích ở Lào phát triển tương đối đồng đều trên các khu vực, căn cứ kháng chiến

[1] Tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

đã liên hoàn với nhau, Chính phủ kháng chiến Lào ra đời và chỉ đạo thống nhất toàn chiến trường, thì khả năng phối hợp tác chiến với chiến trường chính bắt đầu xuất hiện. Từ năm 1953 trở đi, chiến trường Lào thật sự trở thành một chiến trường phối hợp đắc lực với chiến trường chính miền Bắc Việt Nam, thu hút và giam chân một bộ phận quan trọng lực lượng cơ động của địch, góp phần quan trọng vào thắng lợi to lớn của chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954, đi đến kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến của nhân dân hai nước.

Thực tiễn chứng minh rằng: Chiến trường Lào chỉ phát huy được tác dụng phối hợp hiệu quả với chiến trường chính khi lực lượng kháng chiến tại chỗ lớn mạnh, đủ sức phối hợp với các chiến trường khác, biến tư tưởng chỉ đạo chiến lược "Đông Dương là một chiến trường" thành hiện thực.

Trong khi thực hiện liên minh, cần nhận thức và giải quyết đúng đắn quan hệ giữa hai bên. Nếu chỉ nhận thức một chiều cho rằng phía ta là chính còn phía bạn là phụ, ta quyết định còn bạn chỉ là bổ trợ, sẽ khó tránh khỏi những vấp váp, thậm chí dẫn đến bất đồng làm tổn hại đến tinh thần hợp tác trong chiến đấu và công tác. Về quan hệ giữa ta và bạn, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định rõ: "Kháng chiến của Việt Nam - Miên - Lào là chung của chúng ta, là bổn phận của chúng ta. Việt Nam kháng chiến có thành công thì kháng chiến Miên - Lào mới thắng lợi và kháng chiến Miên - Lào có thắng lợi thì kháng chiến Việt Nam mới hoàn toàn thắng lợi"[1]. Tháng 4/1953,

[1] Tư liệu lưu trữ ở Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

báo cáo được trình bày tại Hội nghị lần thứ tư của Trung ương Đảng, khẳng định: "Ta phải nhận thức rõ rằng: hai dân tộc anh em Miên - Lào được giải phóng thì nước ta mới được giải phóng thực sự và hoàn toàn"[2].

Như vậy, trong mối quan hệ của liên minh chiến đấu Việt - Lào cũng như của ba nước Đông Dương, Đảng ta với đường lối quốc tế đúng đắn luôn coi sự nghiệp kháng chiến của ba nước là sự nghiệp chung, hỗ trợ lẫn nhau cùng phát triển và giành thắng lợi.

Xuất phát từ tư tưởng, quan điểm liên minh đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mọi hoạt động của quân tình nguyện Việt Nam ở Lào, từ xây dựng đến chiến đấu, lúc khó khăn cũng như khi thuận lợi đều phải thực hiện đúng đắn những chỉ thị của Trung ương Đảng, thường xuyên kiểm điểm khắc phục những biểu hiện lệch lạc, chống tư tưởng dân tộc lớn và trong hoạt động cụ thể thì tránh tác phong bao biện, làm thay. Với bạn, phải ra sức giúp bạn vươn lên làm chủ, tránh tự ti, đồng thời cũng tránh ỷ lại. Cán bộ và chiến sĩ quân tình nguyện cần luôn ghi nhớ lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là:

"Thật thà đoàn kết về tinh thần và trong công tác.

Thật thà tự phê bình và phê bình lẫn nhau.

Cán bộ Việt tuyệt đối tránh bao biện.

Cán bộ Lào thì nên tránh khách khí"[(1)].

[(1)] Tư liệu lưu trữ ở Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

2. Xây dựng tình đoàn kết chiến đấu và liên minh hợp tác Việt - Lào trên cơ sở nhất trí về đường lối và các quan điểm cơ *bản trong xây dựng và chiến đấu*

Mặc dầu cùng chung một Đảng lãnh đạo, nhưng do điều kiện cụ thể của mỗi nước, và do phong trào cách mạng phát triển chưa đồng đều, nên việc vận dụng đường lối cũng như các quan điểm phải được nghiên cứu để có những bước đi thích hợp.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tôn trọng và tranh thủ ý kiến của các nhà yêu nước Lào nhằm tạo nên sự nhất trí cao về đường lối và các quan điểm cơ bản về xây dựng và chiến đấu.

Về đường lối cách mạng, ngay từ khi ra đời (1930), Đảng Cộng sản Đông Dương đã phân tích kỹ đặc điểm xã hội các nước Đông Dương, đề ra *Luận cương chính trị*, xác định cách mạng ở Đông Dương phải là cách mạng tư sản dân quyền (sau này gọi là cách mạng dân tộc dân chủ) tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Vận dụng đường lối cách mạng đó, Trung ương Đảng đã có sự chỉ đạo chiến lược và sách lược đúng đắn cho từng giai đoạn phát triển của phong trào cách mạng suốt từ năm 1930 đến năm 1945. Đường lối cách mạng đúng đắn đã nhanh chóng quy tụ được những người yêu nước của ba nước Đông Dương vào cuộc đấu tranh chống

kẻ thù chung là thực dân Pháp. Đây là tiền đề chính trị quan trọng nhất để hình thành sự liên minh cách mạng của ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia; là cơ sở để đoàn kết thống nhất các lực lượng yêu nước tiến bộ của ba dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho dân tộc mình.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám 1945 giành thắng lợi, Chính phủ độc lập lâm thời Lào Ítxala được thành lập (12/10/1945), Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa là nước đầu tiên công nhận nền độc lập của Lào (14/10/1945) và cử đại diện của mình ở Lào. Nhận thức sớm sự cần thiết của liên minh Việt - Lào, hai nước đã ký "Hiệp ước hợp tác tương trợ Lào - Việt Nam" (ngày 16/10/1945), và thỏa thuận tổ chức liên quân Lào - Việt (30/10/1945). Đây là cơ sở pháp lý đặt nền móng cho liên minh chiến đấu Việt - Lào trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Nhưng muốn củng cố sự liên minh ngày càng bền chặt, trong suốt quá trình kháng chiến, ban lãnh đạo hai nước đã rất coi trọng việc trao đổi để kịp thời thống nhất chủ trương, quan điểm trong xây dựng và chiến đấu, đặc biệt là ở những thời điểm phát triển quan trọng của sự nghiệp kháng chiến của hai nước. Mặc dù trong một thời gian dài, sau khi Chính phủ độc lập lâm thời Lào Ítxala sơ tán sang Thái Lan (4/1946) cho đến giữa năm 1950, ở Lào chưa thành lập được Chính phủ kháng chiến, nhưng Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh mỗi khi có những quyết định về Lào vẫn tìm mọi cách thông qua các cán bộ lãnh đạo Lào trong

chỉ đạo ở các khu vực[1]. Nhờ đó mà tạo được sự thống nhất về đường lối, chủ trương và các quan điểm cơ bản để chỉ đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ xây dựng chiến đấu. Đây là kinh nghiệm sâu sắc để không ngừng củng cố mối quan hệ đoàn kết liên minh chiến đấu Việt - Lào.

Giữa năm 1946, khi quân xâm lược Pháp chiếm đóng nhiều thành phố, thị xã ở Lào, Trung ương Đảng chủ trương các lực lượng vũ trang ở Lào phải chuyển hướng về nông thôn miền núi để tổ chức phát động toàn dân kháng chiến, xây dựng căn cứ, tiến hành chiến tranh du kích. Chủ trương này đã nhận được sự nhất trí nhanh chóng và được các đơn vị tình nguyện cũng như Lào thực hiện tích cực. "Nhờ vậy mà kháng chiến Lào kịp thời bảo toàn được lực lượng, vượt qua được những khó khăn lớn trong những năm đầu kháng chiến, đã trụ vững được trên các vùng biên giới phía đông và tây Lào, tạo được bước chuyển biến quan trọng về củng cố lực lượng và phát triển phong trào, đưa cuộc kháng chiến chuyển lên một thời kỳ mới"[2]. Trên cơ sở đó, Hội nghị cán bộ Trung ương (01/1949) đã quyết

---

(1) Tháng 10/1946 "Ủy ban kháng chiến Đông Lào thành lập do đồng chí Nuhắc Phumxavẳn làm Chủ tịch. Tháng 9/1947, Ủy ban kháng chiến Tây Bắc Lào thành lập, do đồng chí Phumi Vôngvichít làm Chủ tịch. Cuối năm 1947 đến giữa năm 1948, đồng chí Phạm Văn Đồng đại diện Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa ở cực Nam Trung Bộ đã gặp gỡ đồng chí Khămtày Xiphăndon, đại diện Chính phủ độc lập lâm thời Lào Ítxala để bàn và tổ chức huấn luyện, trang bị cho một số đơn vị vũ trang Lào. Tháng 5/1948, Liên khu 10 Việt Nam theo chỉ thị của Trung ương đã tổ chức "*Ban Xung phong Lào Bắc*" do đồng chí Cayxỏn Phômvihản chi huy.

(2) Lịch sử Quân đội nhân dân Lào, *Sđd*, tr. 40 và 83.

định: Mở rộng mặt trận Lào và Miên để tiêu diệt địch, tạo điều kiện đón thời cơ giành thắng lợi lớn[2]. Chủ trương này đã được thực hiện có kết quả bằng các hoạt động mạnh mẽ của các đơn vị tình nguyện Việt Nam và các đơn vị vũ trang Lào Ítxala. Tham khảo kinh nghiệm của Việt Nam, các đơn vị vũ trang trên chiến trường Lào đã vận dụng phương thức hoạt động "đại đội tập trung, trung đội phân tán", nhằm đẩy mạnh chiến tranh du kích, xây dựng cơ sở quần chúng, buộc địch phải đối phó lúng túng, còn lực lượng vũ trang của ta có điều kiện tiến sâu xuống vùng đồng bằng đông dân, trù phú.

Sau khi Chính phủ độc lập lâm thời Lào Ítxala do các phần tử thiếu kiên định chi phối, tuyên bố tự giải thể (26/10/1949), Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn xác định: Phải đẩy mạnh cuộc kháng chiến ở Lào - Miên, giúp bạn xây dựng căn cứ địa chính, xây dựng quân đội quốc gia và đào tạo cán bộ[1]. Điều đó đáp ứng nguyện vọng kiên định kháng chiến của những người yêu nước Lào chân chính trong Chính phủ độc lập lâm thời Ítxala, tiêu biểu là Hoàng thân Xuphanuvông. Tháng 11/1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời Hoàng thân từ Thái Lan sang Việt Nam gặp Người ở căn cứ Việt Bắc để bàn bạc và thống nhất chủ trương xây dựng một tổ chức lãnh đạo kháng chiến đại diện cho nhân dân các bộ tộc Lào. Với sự chuẩn

---

[1] *Văn kiện Đảng về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp*, NXB. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 353.

bị tích cực, trung tuần tháng 8/1950, trên cơ sở phong trào kháng chiến ở Lào đang phát triển mạnh mẽ, những người yêu nước Lào gồm cả đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương (người Lào) đã triệu tập Đại hội toàn quốc các lực lượng kháng chiến Lào. Đại hội đã thông qua "Cương lĩnh chính trị 12 điểm", thành lập "Mặt trận Neo Lào Ítxala" và "Chính phủ kháng chiến Lào". Đại hội bầu Hoàng thân Xuphanuvông làm Chủ tịch Mặt trận và Thủ tướng Chính phủ kháng chiến, đồng chí Cayxỏn Phômvihản làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Đây là mốc lịch sử quan trọng, đánh dấu sự lớn mạnh của sự nghiệp kháng chiến của Lào, đồng thời đưa liên minh đoàn kết chiến đấu Việt - Lào lên trình độ mới, cao hơn trước. Từ khi xuất hiện Chính phủ kháng chiến Lào, sự bàn bạc và thống nhất về đường lối, chủ trương cho đến các biện pháp đẩy mạnh kháng chiến của hai dân tộc đã được thực hiện đều đặn, kịp thời.

Sau chiến thắng thu - đông 1950 ở biên giới phía bắc Việt Nam, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương được triệu tập tại căn cứ địa Việt Bắc (02/1951). Nhận định về cuộc kháng chiến của Lào - Miên đối với Lào, Đại hội khẳng định: Nhân dân Lào đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược. Nước Lào đã có những khu giải phóng rộng lớn, đã có Chính phủ kháng chiến, có Mặt trận Dân tộc thống nhất và có lực lượng vũ trang nhân dân. Chiến tranh du kích ở Lào đã phát triển

rộng trên các địa phương, gây cho địch nhiều tổn thất, buộc chúng phải phân tán lực lượng đối phó. Đại hội xác định quyết tâm đẩy mạnh kháng chiến và tăng cường liên minh chiến đấu ba nước. Trên cơ sở nhiệm vụ trong giai đoạn mới đã được xác định, Đại hội cũng nêu rõ yêu cầu đối với chiến trường Lào và Miên: Giai đoạn mới có những đòi hỏi cao hơn, chiến trường Lào và Miên không những phải đủ sức để tự giải phóng mà còn có sức để phối hợp chặt chẽ với chiến trường Việt Nam. Đại hội còn có quyết định lịch sử, đó là xây dựng ở mỗi nước Việt Nam, Lào và Campuchia một đảng cách mạng thích hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước, để lãnh đạo kháng chiến đến thắng lợi. Ở Việt Nam là Đảng Lao động, ở Campuchia là Đảng Nhân dân, và ở Lào thì tích cực chuẩn bị để thành lập Đảng Mác - Lênin của mình[1].

Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đúng đắn, kịp thời của Đại hội Đảng đã nhận được sự đồng tình, thống nhất của các đảng viên thuộc Đảng bộ Lào, phù hợp với nguyện vọng của những người yêu nước Lào. Nó còn phát huy được tinh thần độc lập, tự chủ của mỗi nước, đồng thời tăng cường được khối liên minh ba nước.

---

[1] Sau Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương, ở Việt Nam, Đảng Lao động Việt Nam ra hoạt động công khai, ở Campuchia thành lập Đảng Nhân dân cách mạng Khơme (26/01/1951), còn ở Lào đến tháng 3/1955 mới thành lập Đảng Nhà nước Lào, sau đổi thành Đảng Nhân dân cách mạng Lào (1972). Khi chưa thành lập Đảng, các đảng viên cộng sản Lào vẫn sinh hoạt trong cùng chi bộ với các đảng viên cộng sản Việt Nam.

Trên cơ sở nhất trí cao về các chủ trương và biện pháp chỉ đạo chiến lược, từ giữa năm 1953, Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam và Bộ Quốc phòng Chính phủ kháng chiến Lào Ítxala đã bàn bạc thống nhất mở liên tiếp các chiến dịch tiến công quân Pháp trên chiến trường Lào, vốn là một chiến trường sơ hở và rất yếu của địch. Các chiến dịch tiến công này đã giành được thắng lợi lớn, tiêu diệt được một bộ phận sinh lực quan trọng của địch, mở rộng vùng giải phóng ở Trung, Hạ Lào. Đặc biệt trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954, chiến trường Lào đã phát huy tác dụng là chiến trường phối hợp rất có hiệu quả với chiến trường chính Việt Nam, góp phần vào chiến thắng Điện Biên Phủ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp.

Từ thực tiễn của liên minh chiến đấu Việt - Lào trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cho chúng ta thấy: Muốn củng cố và nâng cao hiệu quả của liên minh thì trước hết phải có sự nhất trí cao về đường lối, quan điểm, chủ trương cho đến các biện pháp chỉ đạo, và chỉ trên cơ sở sự nhất trí đó mới tạo ra những điều kiện thuận lợi để quân tình nguyện Việt Nam xây dựng và chiến đấu thắng lợi.

3. Thường xuyên nắm vững và thực hiện đúng đắn chức năng nhiệm vụ của quân tình nguyện Việt Nam hoạt động trên đất nước bạn

Quân tình nguyện Việt Nam ở Lào ra đời từ rất sớm, ngay trong thời kỳ chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa tháng

Tám 1945. Các đơn vị tiền thân của nó là các đội vũ trang tự vệ của Việt kiều yêu nước sinh sống, gắn bó, đoàn kết với những người yêu nước Lào trong cuộc đấu tranh chống chế độ thuộc địa của thực dân Pháp. Trong quá trình phát triển của cuộc kháng chiến, lực lượng quân tình nguyện được bổ sung lớn mạnh từ nhiều nguồn tại chỗ (Việt kiều yêu nước ở Lào) và từ Việt Nam tăng cường sang. Ngay từ khi mới ra đời, các đơn vị tình nguyện đã gắn bó chặt chẽ với các đơn vị vũ trang yêu nước Lào trong mọi hoạt động chiến đấu và xây dựng, thậm chí trong một thời gian khá dài, cán bộ, chiến sĩ Việt - Lào đã sinh hoạt trong cùng một đơn vị. Mấy năm đầu kháng chiến, lực lượng còn hoạt động phân tán với quy mô nhỏ (tổ, đội), cho đến năm 1950 đã thực sự hình thành tổ chức chỉ huy từng vùng (Thượng, Trung, Hạ Lào) với các đơn vị độc lập của Lào, phổ biến là trung đội, đại đội và các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam với quy mô đai đội, tiểu đoàn, sau phát triển thành đoàn (tương đương trung đoàn). Các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam hoạt động và bám trụ lâu dài trên chiến trường Lào được nhân dân các bộ tộc Lào yêu mến coi như anh em trong gia đình, được ban lãnh đạo Lào đánh giá như một lực lượng bên trong (nội lực) cuộc kháng chiến của Lào. Bởi lẽ đó, mọi hoạt động của quân tình nguyện Việt Nam ở Lào có vị trí và ý nghĩa tích cực đối với việc xây dựng tình đoàn kết liên minh Việt - Lào càng bền vững.

Qua thực tiễn hoạt động có thể rút ra một kinh nghiệm quý báu là: *Dù lúc gặp khó khăn cũng như khi thuận lợi, các đơn vị tình nguyện phải luôn luôn nắm vững và thực hiện đúng chức năng - nhiệm vụ cơ bản của mình để chỉ đạo mọi hoạt động.*

Trước hết, phải luôn quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Đảng ta là phải phát huy được nội lực của cách mạng Lào, coi đó là nhân tố quyết định trực tiếp thắng lợi. Vì vậy, ngay từ đầu, chức năng - nhiệm vụ của quân tình nguyện đã được xác định là: *Giúp bạn chiến đấu; tham gia xây dựng cơ sở kháng chiến, xây dựng lực lượng vũ trang.* Những nhiệm vụ này được nhận thức ngày càng sâu sắc qua quá trình hoạt động trên đất nước bạn.

Hoạt động trên chiến trường Lào phải luôn kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng cơ sở (lực lượng) kháng chiến. Nếu nghiêng về một nhiệm vụ nào thì đều dẫn đến tổn thất, thậm chí không thể tồn tại được. Đó là do điều kiện kinh tế - xã hội và phong trào cách mạng ở Lào có những đặc điểm riêng: địa hình chiến trường Lào là núi rừng và cao nguyên (80% diện tích), khí hậu khắc nghiệt hai mùa (khô, mưa), nhiều sông suối, đường sá ít, mật độ dân cư rất thưa, kinh tế còn rất nghèo, dễ bị chia cắt. Phong trào và cơ sở cách mạng tập trung ở một số đô thị, còn vùng nông thôn miền núi lúc đầu kháng chiến hầu như chưa có. Sau khi Nhật đảo chính Pháp (09/3/1945), một bộ phận tàn quân Pháp - ngụy vẫn lẩn trốn, phân tán ở

nhiều khu vực nông thôn - miền núi, khống chế và dựa vào bọn phản động nội địa để tồn tại; khi phát xít Nhật đầu hàng cách mạng, chúng đã nhanh chóng tập hợp lại để đánh chiếm một số nơi, trước hết là ở Hạ Lào. Vì vậy, trong khởi nghĩa tháng Tám 1945, lực lượng yêu nước Lào mới chỉ giành được chính quyền ở một số đô thị, thị trấn và liên quân Lào - Việt vừa mới hình thành đã phải đối phó ngay với quân Pháp xâm lược trở lại. Việc xây dựng cơ sở, phát động toàn dân kháng chiến là công việc hàng đầu của các lực lượng yêu nước Lào.

Nhận thức rõ tình hình của phong trào cách mạng Lào, trong Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc", ngày 25/11/1945, khi đề cập nhiệm vụ của Đảng bộ Lào, đã viết: "Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương xác định: Ở Lào thì nhiệm vụ là phải *gia tăng công việc võ trang tuyên truyền, vận động nhân dân ở thôn quê*, làm cho Mặt trận thống nhất kháng Pháp của Lào - Việt lan rộng và chiến tranh du kích nảy nở ở thôn quê, đặng bao vậy lại quân Pháp ở những nơi sào huyệt của chúng và quét sạch chúng khỏi đất Lào"[1].

Xuất phát từ tình hình thực tế của cách mạng Lào, muốn tiến hành kháng chiến nhất thiết phải phát động và tổ chức nhân dân đoàn kết đứng lên chống quân xâm lược Pháp nên từ giữa năm 1946, khi quân xâm lược Pháp đánh chiếm các thị xã và Thủ đô Viêng Chăn, Đảng quyết

---

[1] *Văn kiện Đảng về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Sđd,* tr. 37.

định chuyển hướng về xây dựng cơ sở, xây dựng lực lượng kháng chiến ở nông thôn miền núi là hết sức đúng đắn. Các đơn vị vũ trang cách mạng lúc này phải coi xây dựng cơ sở là một trọng tâm công tác không lúc nào được lơi lỏng. Những *nội dung của xây dựng cơ sở kháng chiến* phải trải qua hoạt động thực tiễn mới nhận thức ngày một đầy đủ. Đó là: Xây dựng các đoàn thể quần chúng yêu nước, xây dựng chính quyền kháng chiến, xây dựng lực lượng vũ trang (dân quân du kích, bộ đội địa phương, bộ đội tập trung) và xây dựng, phát triển Đảng. Công tác xây dựng cơ sở kháng chiến phải gắn chặt với việc vận động nhân dân tham gia các phong trào: Xây dựng làng kháng chiến, đoàn kết tương trợ sản xuất, ủng hộ lực lượng vũ trang...

Quan hệ giữa chiến đấu và xây dựng cơ sở là quan hệ hữu cơ, gắn bó và hỗ trợ lẫn nhau. Thực tiễn cho thấy, trên cơ sở phong trào kháng chiến được phát động, các đoàn thể quần chúng và chính quyền nhân dân được xây dựng và củng cố thì các đơn vị vũ trang mới có chỗ đứng chân, có nguồn bổ sung lực lượng và giải quyết được những khó khăn về hậu cần để tồn tại và chiến đấu thắng lợi. Ngược lại, có đẩy mạnh được chiến tranh du kích, tiêu diệt được sinh lực địch, trừng trị bọn phản động gian ác ở địa phương, từng bước hạn chế được các cuộc càn quét của địch thì mới động viên, cổ vũ được quần chúng, bảo vệ được các cơ sở kháng chiến.

Những năm đầu kháng chiến, các đơn vị vũ trang đã phải vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, ác liệt nhưng nhờ biết kiên trì vận động quần chúng, kết hợp xây dựng cơ sở kháng chiến với chiến đấu mà đã vượt qua được mọi thử thách. Trên chiến trường Lào thiếu sự ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân các bộ tộc Lào, của Việt kiều yêu nước thì dù có chiến đấu ngoan cường đến đâu cùng không thể bám trụ được địa bàn để hoạt động. Chính nhờ có cơ sở kháng chiến và sự đùm bọc của quần chúng yêu nước mà nhiều đơn vị Việt - Lào sau khi rút khỏi các đô thị vẫn duy trì được hoạt động ở phía tây và tây bắc Lào, Nhiều cán bộ, chiến sĩ tình nguyện đã sống hòa vào dân, được nhân dân che chở, đùm bọc, hoạt động không mệt mỏi, nhen nhóm lại phong trào kháng chiến, dần dần làm chủ địa bàn.

Nhờ kiên trì nắm vững và kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến đấu với xây dựng cơ sở mà cục diện kháng chiến đã được cải thiện. Cuối năm 1949, các đơn vị vũ trang Việt - Lào ở khu Hạ Lào đã tiến vào vùng sau lưng địch, đánh địch trên quốc lộ 13, tiến sát sông Mê Kông. Ở Trung Lào, ta và bạn đã xây dựng được các khu căn cứ kháng chiến, gồm cả chính quyền và các đơn vị vũ trang địa phương. Còn ở vùng phía tây và tây bắc Lào, nhiều cơ sở kháng chiến bắt đầu hoạt động, bộ đội Việt - Lào đã phục kích đánh địch gần cố đô Luông Phabăng.

Biết kết hợp chiến đấu với xây dựng cơ sở là một thành công có ý nghĩa quan trọng đối với quân tình nguyện, nó bảo đảm cho các đơn vị tồn tại, bám trụ vững chắc để tiến lên làm chủ địa bàn hoạt động.

Trong sự phát triển của kháng chiến, nhiệm vụ của các chiến trường ở Đông Dương luôn được cân nhắc và kịp thời bổ sung, và sự thay đổi nhiệm vụ chiến lược của chiến trường tất yếu có liên quan đến nhiệm vụ của lực lượng vũ trang. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương (21/01/1950 - 03/02/1950) khi bàn việc chuẩn bị chuyển mạnh sang giai đoạn mới (tổng phản công) đã xác định: "Chiến trường chính hiện nay là Bắc Việt Nam. Nhưng việc tập trung lực lượng vào chiến trường chính phải đi đôi với việc tăng cường đúng mức cho chiến trường miền Nam để sự phối hợp có hiệu lực"[(1)] và "Chiến trường Miên, Lào cần áp dụng các nhiệm vụ trên một cách thích hợp"[(2)]. Điều đó có nghĩa là, chiến trường Lào đã đến lúc phải tăng cường lực lượng và khả năng chiến đấu, đủ sức phối hợp tác chiến có hiệu quả với chiến trường chính.

Xuất phát từ yêu cầu chiến lược đó, nhiệm vụ của quân tình nguyện Việt Nam ở Lào đã được bổ sung, không chỉ là chiến đấu, xây dựng cơ sở và giúp xây dựng lực lượng vũ trang của bạn để tiến lên làm chủ chiến trường, mà còn

---

(1) Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp, Sđd, t. l. tr. 353, 357.

phải-chuẩn bị tích cực về mọi mặt để sẵn sàng phối hợp và giúp đỡ quân chủ lực Việt Nam tiến đánh địch trên chiến trường Lào khi thời cơ chiến lược xuất hiện.

Việc bổ sung nhiệm vụ mới này cũng nói lên yêu cầu có tính quy luật trong quá trình phát triển chiến tranh giải phóng của ba dân tộc trong khuôn khổ một chiến trường chung.

Thực tiễn chiến trường đã diễn ra đúng như vậy. Sau chiến thắng Tây Bắc (10/02/1952), toàn bộ các căn cứ của địch ở vùng rừng núi Bắc Đông Dương bao gồm cả Thượng Lào bị uy hiếp nghiêm trọng. Quân Pháp buộc phải rút lực lượng từ Việt Nam để tăng cường phòng thủ Bắc Lào, nhưng chúng đã sa lầy vào thế trận chiến tranh nhân dân đang phát triển mạnh mẽ ở Lào. Nhiều khu căn cứ kháng chiến ở Lào đã được xây dựng liên hoàn, nối liền với vùng tự do ở Tây Bắc, Liên khu IV và Liên khu V của Việt Nam.

Với sự chuẩn bị tích cực của ta và bạn, khả năng phối hợp tác chiến của chiến trường Lào đã xuất hiện. Vào đầu năm 1953, Bộ Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam và Bộ Quốc phòng Chính phủ kháng chiến Lào Ítxala đã thống nhất mở chiến dịch Thượng Lào từ 08/4/1953 - 03/5/1953 - nhằm đẩy địch lún sâu hơn nữa vào thế bị động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Đông Dương. Chiến dịch Thượng Lào đã giành được thắng lợi lớn, giải phóng toàn bộ tỉnh Hủa Phăn, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và một số huyện dọc sông

Nậm U thuộc tỉnh Luông Phabăng, chiếm một phần năm diện tích Bắc Lào với hàng vạn dân. Từ đó, căn cứ Trung ương của Chính phủ kháng chiến Lào Ítxala đã có điều kiện để xây dựng vững mạnh, cũng như phối hợp với chiến trường chính.

Trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954, lực lượng vũ trang Việt - Lào đã phối hợp mở liên tiếp các chiến dịch tiến công giành thắng lợi ở Trung Lào (11/1953), Thượng Lào lần hai (02/1954) và Hạ Lào (4/1954), cô lập hoàn toàn và tiến tới tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến. Trong các chiến dịch trên chiến trường Lào, các đơn vị chủ lực Việt Nam cỡ trung đoàn, đại đoàn đã được phối hợp chặt chẽ của quân tình nguyện Việt Nam và các đơn vị quân đội Lào Ítxala tiến đánh địch hiệu quả. Các đơn vị tình nguyện và các đơn vị Lào Ítxala nắm chắc chiến trường đã dẫn đường và phối hợp chiến đấu rất hiệu quả với các đơn vị chủ lực Việt Nam. Các đội công tác cơ sở của quân tình nguyện cùng với cán bộ Lào vận động nhân dân các địa phương giúp đỡ bộ đội tích cực và giành một phần lương thực để cung cấp cho các đơn vị khi cần thiết.

Việc bổ sung nhiệm vụ kịp thời cho quân tình nguyện đã có hiệu quả lớn. Quá trình chuẩn bị tích cực cho chiến trường Lào từ sau Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ II (02/1951) chứng tỏ sự nhạy cảm về chiến lược và tầm

nhìn xa đúng đắn của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Rõ ràng việc nắm vững chức năng, nhiệm vụ cơ bản của quân Tình nguyện Việt Nam hoạt động ở Lào qua các thời kỳ và việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng cơ sở (lực lượng) kháng chiến, giữa nỗ lực vươn lên làm chủ chiến trường với tích cực chuẩn bị, sẵn sàng phối hợp và giúp đỡ bộ đội chủ lực mở các chiến dịch tiến công đã được quân tình nguyện Việt Nam thường xuyên chú ý, là một trong những điều kiện quan trọng bảo đảm giành thắng lợi.

4. Không ngừng chăm lo xây dựng quân tình nguyện trở thành đội quân chiến đấu, công tác và sản xuất giỏi; xây dựng đội ngũ cán bộ giác ngộ cách mạng vô sản, có lòng yêu nước sâu sắc, có tinh thần trách nhiệm và nhiệt tình, sống hết sức mình cho sự nghiệp cách mạng Lào, không ngừng trau dồi phẩm chất, năng lực, đủ sức hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ được giao

Để tồn tại vững chắc trên một chiến trường xa hậu phương, địa hình hiểm trở, kinh tế khó khăn, cơ sở kháng chiến lúc đầu chưa mạnh, các đơn vị quân tình nguyện phải được xây dựng trở thành những đơn vị có bản lĩnh hoạt động độc lập rất cao, có năng lực công tác chính trị thật tốt; đồng thời phải có tinh thần bền bỉ, chịu đựng gian khổ cao. Do đó, việc xây dựng quân tình nguyện trở

thành đội quân chiến đấu, công tác và sản xuất giỏi vừa là yêu cầu, vừa là điều kiện để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ.

Quả thật, những năm đầu kháng chiến (1945 - 1947), khi phong trào quần chúng phát triển chưa đều, chưa mạnh, nếu không coi trọng việc đi vào quần chúng, vận động tuyên truyền quần chúng ủng hộ và tham gia kháng chiến thì làm sao bám trụ được địa bàn, tồn tại để hoạt động. Các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam đã hiểu rõ được thực tế đó, tự phân nhỏ lực lượng, biến thành các tổ, đội công tác, đội vũ trang tuyên truyền đi sâu xuống cơ sở, hòa vào quần chúng để vận động và xây dựng phong trào kháng chiến từ thấp lên cao. Nhiều đơn vị đã làm như vậy, thu được kết quả rõ rệt, và từ đó mà bám trụ, tồn tại, tiến lên làm chủ địa bàn hoạt động.

Tháng 5/1948, Liên khu X (Việt Nam) phái các đơn vị vũ trang tuyên truyền tiến lên vùng biên giới Lào - Việt, lúc đó là "vùng trắng". Do điều kiện khách quan và chủ quan, đặc biệt là cơ sở quần chúng chưa có, nên các đơn vị không trụ lại được, phải rút về. Đến cuối năm 1948, sau khi đã chuẩn bị kỹ, đưa lên cùng một số đội công tác, biết kết hợp các mặt chiến đấu và vận động quần chúng, đồng thời giải quyết được việc cung cấp, nên các đội vũ trang tuyên truyền mới bám trụ được địa bàn, từng bước thâm nhập vào vùng Thượng Lào. Qua kinh nghiệm của Liên khu X

cho thấy: Các đội vũ trang muốn bám trụ và hoạt động trên một chiến trường chưa có phong trào kháng chiến, hoặc phong trào còn yếu thì nhất thiết phải đồng thời giải quyết được ba nội dung: đánh địch, vận động nhân dân và tự nuôi mình, phải coi trọng chính trị hơn quân sự. Nghĩa là lấy vận động, giáo dục, tổ chức nhân dân đứng lên kháng chiến làm điều kiện đầu tiên, điều kiện sống còn. Khi có dân thì mới có điều kiện đánh địch và dựa vào dân mà khắc phục vận để nuôi dưỡng lực lượng. Đây cũng là kinh nghiệm sâu sắc mà các đơn vị quân tình nguyện ở Lào cảm nhận được.

Việc giáo dục chính trị, làm cho cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện hiểu rõ nghĩa vụ quốc tế cao đẹp của mình có ý nghĩa rất quan trọng, đòi hỏi phải tiến hành thường xuyên, phải kết hợp với việc học tập, truyền thông tốt đẹp của Quân đội nhân dân Việt Nam. Phải coi đó là nguồn sức mạnh tinh thần để cán bộ, chiến sĩ dám hy sinh vì nghĩa lớn, tôi luyện tinh thần chịu đựng gian khổ, bền bỉ vượt qua mọi trở lực, kiên định lập trường, quyết tâm bám trụ lâu dài trên một chiến trường xa hậu phương, đầy khó khăn và ác liệt. Đối với mọi người, sự hiểu biết về cộng đồng các dân tộc Lào, phong tục tập quán của các bộ tộc nơi mình hoạt động là cần thiết để việc vận động tuyên truyền đạt kết quả, để dễ dàng hòa mình vào cuộc sống cộng đồng. Với cán bộ lãnh đạo, chỉ huy thì việc nghiên

cứu các đặc điểm chính trị, kinh tế - xã hội, địa hình thời tiết ở Lào phải đặt ra cấp thiết, và trên cơ sở hiểu biết đó mới tìm ra được phương pháp hoạt động, giúp bạn thích hợp, đem lại kết quả thiết thực.

Nhờ tăng cường công tác giáo dục chính trị, các đơn vị quân tình nguyện đã thực sự hiểu rõ nhiệm vụ của mình càng gắn bó với chiến trường. Cán bộ, chiến sĩ các đơn vị hoạt động độc lập ở sâu trong vùng địch tạm chiếm đã nhanh chóng hòa mình vào phong trào đấu tranh của nhân dân các bộ tộc Lào. Nhiều đồng chí đã cống hiến hầu như toàn bộ tuổi trẻ của mình cho hoạt động trên chiến trường Lào. Họ trở thành những cán bộ, bám trụ cơ sở, thông thạo địa hình, phong tục tập quán, giỏi tiếng địa phương, được nhân dân bản làng yêu mến, tin tưởng. Không ít trong số họ theo yêu cầu của nhiệm vụ quốc tế đã trở lại chiến trường Lào trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Về mặt tổ chức lực lượng, phải căn cứ vào nhiệm vụ của từng thời kỳ mà xác định cơ cấu và quy mô. Ngoài ra tổ chức phải thích ứng với trình độ phát triển của phong trào kháng chiến và khả năng bảo đảm của từng vùng. Ví như trong thời kỳ chuyển hướng về nông thôn, miền núi, để phát động và tổ chức nhân dân kháng chiến, các đơn vị vũ trang phải phân tán thành các đội vũ trang tuyên truyền, các tổ công tác nhỏ, lẻ để đi sâu vào dân, tiến hành rộng rãi công tác tuyên truyền, giáo dục đường lối kháng chiến

của Đảng. Từ đó mà nhen nhóm phong trào và tổ chức lực lượng kháng chiến. *Nhiều đơn vị quân tình nguyện Việt Nam đã kiên cường bám trụ lâu dài trên từng địa bàn, hình thành lực lượng tại chỗ,* được bạn coi như một bộ phận lực lượng vũ trang của bạn. Trong những năm 1946 - 1948, lực lượng quân tình nguyện trên đất Lào chưa lớn, tuy đã được bổ sung từ Việt Nam sang, nhưng số lượng hạn chế, nên quy mô tổ chức và hoạt động vẫn lấy "đại đội tập trung, trung đội phân tán" là chính.

Đến năm 1950, nhất là sau chiến dịch biên giới ở Việt Nam giành thắng lợi và ở Lào lực lượng kháng chiến đã phát triển khá mạnh, chiến trường Lào mới từng bước có sự phối hợp với Việt Nam. Lúc này, việc chuẩn bị để chiến trường Lào trở thành chiến trường phối hợp tác chiến được đặt ra và triển khai tích cực. Chính từ yêu cầu chiến lược này, nhiệm vụ và tổ chức lực lượng của quân tình nguyện Việt Nam ở Lào được bổ sung kịp thời. Các tiểu đoàn, trung đoàn[1] quân Tình nguyện Việt Nam được xây dựng ở chiến trường Trung, Hạ và Thượng Lào. Cuối năm 1949, đầu năm 1950, lực lượng vũ trang Việt - Lào đã phối hợp mở chiến dịch Sông Mã (11/1949), tiêu diệt vị trí Xiềng Khọ, giải phóng một khu vực rộng tới 2.000 km^2, với hơn một vạn dân. Về phía Việt Nam, một số đơn vị chủ lực của

---

[1] Ngày 19/5/1950, Liên khu IV thành lập Trung đoàn 120 làm nhiệm vụ quốc tế tại Trung Lào.

Liên khu X đã tiến vào Thượng Lào để phát triển thắng lợi của chiến dịch. Đến đây bắt đầu xuất hiện một hình thức hoạt động mới của quân Tình nguyện Việt Nam, đó là các đơn vị chủ lực Việt Nam tiến vào chiến trường Lào, mở đợt tác chiến trong một thời gian nhất định, có sự phối hợp với các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam đang bám trụ hoạt đông tại địa bàn tác chiến. Các đơn vị chủ lực sẽ rút về Việt Nam sau khi đợt tác chiến phối hợp kết thúc.

Để chỉ huy thống nhất các đơn vị tình nguyện trong các đợt tác chiến tập trung, phối hợp với chiến trường chính, từ cuối năm 1949, Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã quyết định thành lập Bộ Tư lệnh quân tình nguyện mặt trận Thượng Lào (có tính chất như một Bộ Tư lệnh liên quân Lào - Việt). Còn các đơn vị quân tình nguyện ở Trung và Hạ Lào sẽ đặt dưới quyền Ban Chỉ huy Mặt trận Trung Đông Dương[1]. Đây là bước tăng cường tổ chức chỉ huy nhằm chuẩn bị cho các hoạt động tác chiến phối hợp các chiến trường với quy mô ngày càng lớn. Trên cơ sở chuẩn bị lực lượng và tổ chức chỉ huy mới, từ giữa năm 1953, *quân tình nguyện Việt Nam bao gồm lực lượng đang bám trụ ở chiến trường Lào và lực lượng chủ lực từ Việt Nam tiến sang*, đã phối hợp với lực lượng vũ trang Lào Ítxala mở liên tiếp nhiều chiến dịch tiến công giành thắng lợi lớn. Rõ

[1] Trích huấn lệnh về nhiệm vụ quân sự cho chiến trường Lào trong thời kỳ tiến tới tổng phản công của Bộ Tổng Tư lệnh (Tài liệu chỉ đạo đấu tranh vũ trang, tập 2, tr. 27).

ràng việc mở rộng, bổ sung lực lượng, cải tiến tổ chức chỉ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ từng thời kỳ là điều kiện quan trọng để giành thắng lợi.

Để tăng cường hoạt động của lực lượng quân tình nguyện Việt Nam ở chiến trường Lào, phải có phương hướng giải quyết tốt vấn đề hậu cần cho các đơn vị. Do chiến trường hậu phương địa hình phức tạp, dân cư thưa, kinh tế còn nghèo, nên khả năng cung cấp lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm còn rất hạn chế.

Những năm đầu kháng chiến, cơ sở quần chúng chưa mạnh, địch kiểm soát gắt gao, *việc cung cấp - nuôi dưỡng bộ đội tình nguyện hầu như dựa vào sự ủng hộ của nhân dân Lào và Việt kiều.* Tuy nhiên, do lực lượng vũ trang lúc này còn nhỏ, nhu cầu sinh hoạt, chiến đấu còn đơn giản, nên nguồn cung cấp tại chỗ dựa vào dân có thể đáp ứng được. Mặc dầu vậy, việc khai thác nguồn cung cấp tại chỗ nhiều lúc cũng rất khó khăn, nhất là đối với các đơn vị tình nguyện hoạt động độc lập ở vùng sâu, dân cư quá nghèo. Trong hoàn cảnh khó khăn gian khổ đó, bộ đội tình nguyện đã thực hiện "ba cùng" với dân, hướng dẫn và cùng dân sản xuất, vượt qua những ngày tháng đói rét, từng bước tạo được nguồn cung cấp tự túc, tại chỗ. Một số đơn vị tình nguyện hoạt động ở vùng biên giới Lào - Thái đã biết tranh thủ sự giúp đỡ của kiều bào Việt Nam yêu nước sinh sống trên đất Thái cả về lương thực, tiền bạc để giải quyết việc

nuôi dưỡng bộ đội. Muốn bám trụ chiến trường, dù có sự ủng hộ của dân, các đơn vị tình nguyện khi đã lập được căn cứ đứng chân thì nhất thiết phải tổ chức sản xuất để ổn định dần nguồn cung cấp tại chỗ. Nguồn cung cấp tại chỗ bao gồm nguồn do dân ủng hộ và đóng góp, nguồn lấy được của địch và nguồn tự sản xuất, trong đó phải dựa vào nguồn tự sản xuất là chính.

Theo sự phát triển của cuộc kháng chiến, nguồn cung cấp tại chỗ cũng chỉ đáp ứng cho các đơn vị nhỏ, hoạt động du kích chứ không thể bảo đảm được nhu cầu to lớn về nhiều mặt cho bộ đội chủ lực tập trung. Vì vậy, từ năm 1951 trở đi, việc tổ chức vận chuyển, tiếp tế từ hậu phương Việt Nam sang bắt đầu triển khai và ngày càng chiếm khối lượng lớn. Trong các chiến dịch tiến công từ giữa năm 1953 trở đi, trên chiến trường Lào, nguồn cung cấp cho bộ đội chủ lực dựa vào nguồn đưa từ hậu phương sang là chính, nguồn huy động tại chỗ chỉ chiếm tỷ lệ thấp. Trong các chiến dịch Thượng, Trung và Hạ Lào ta đã phải huy động hàng vạn dân công hoả tuyến từ Tây Bắc và Thanh - Nghệ - Tĩnh tham gia phục vụ.

Có thể khẳng định rằng, để giải quyết hậu cần cho quân tình nguyện Việt Nam hoạt động ở Lào thì phải biết kết hợp chặt chẽ hai nguồn cung cấp: nguồn cung cấp tại chỗ và nguồn cung cấp từ hậu phương. Trong từng thời kỳ kháng chiến, đối với từng quy mô hoạt động tác chiến

mà trong hai nguồn cung cấp đó, có nguồn giữ vị trí chủ yếu. Tuy nhiên, cả hai nguồn cung cấp đó đều phát huy tác dụng và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động của quân tình nguyện.

*

* *

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược tại Lào đã giành thắng lợi vẻ vang. Được Đảng và nhân dân giao phó, quân tình nguyện Việt Nam đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc tế với bạn Lào. Đó là thắng lợi to lớn của tình đoàn kết chiến đấu Việt - Lào, đồng thời cũng là thắng lợi chung của cách mạng ba nước Đông Dương. Kinh nghiệm về giúp bạn Lào trong kháng chiến chống Pháp là vốn quý được giữ gìn và tiếp tục được quân tình nguyện Việt Nam phát huy với sức mạnh mới, ghi thêm những trang sử chói lọi trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược tại Lào, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

Trích "Quân tình nguyện Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại Lào 1945 - 1954", NXB. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002.

MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG CỦA MỐI QUAN HỆ VIỆT - LÀO TRONG CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC THỜI KỲ 1954 - 1975

Lê Đình Chính[1]

1. Trước hết cần khẳng định, mối quan hệ đoàn kết Việt - Lào không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên và không phải là quan hệ nhất thời mà có cội nguồn tự nhiên, xã hội và lịch sử. Cùng với thời gian, mối quan hệ này được hai đảng, hai nhà nước và nhân dân hai nước hết sức chăm lo, dày công vun đắp thành mối quan hệ truyền thống đoàn kết hữu nghị đặc biệt.

Về địa lý, Lào và Việt Nam là hai nước láng giềng gần gũi chung sống lâu đời trên bán đảo Đông Dương, cùng chung nguồn nước Mê Kông và mái nhà Trường Sơn. Một trong những đặc điểm lớn nhất hình thành nên mối quan hệ đoàn kết chiến đấu Việt - Lào đó là trong lịch sử, hai nước luôn luôn phải đương đầu với các thế lực xâm lược có tiềm lực kinh tế, quân sự to lớn.

Từ những vấn đề nêu trên có thể khẳng định, quan hệ Việt Nam - Lào là mối quan hệ mang tính đặc thù rõ rệt. Nét đặc thù này không giống bất cứ một nước nào, một

---

[1] Đại học Quốc gia Hà Nội.

khu vực nào và là trường hợp ít thấy ở những nước có chung đường biên giới tự nhiên sát nhau. Nó được hình thành và phát triển không phải do ý muốn chủ quan của một cá nhân, hay một tổ chức nào áp đặt, mà là do ý nghĩa sống còn, một yêu cầu khách quan của lịch sử trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm để giành, giữ và xây dựng đất nước của mỗi nước. Điều mà thực dân Pháp và Mỹ không ngờ được rằng sức mạnh đoàn kết truyền thống cùng chiến đấu trên một chiến trường không chỉ của một dân tộc mà cả ba dân tộc Đông Dương, kết hợp với sức mạnh thời đại thành sức mạnh tổng hợp làm chúng thất bại.

2. Nhìn một cách tổng quát, trải qua gần nửa thế kỷ (1930 - 1975) đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, quan hệ đoàn kết Việt - Lào đã tồn tại và trải qua một quá trình phát triển biện chứng từ thấp đến cao xuyên suốt trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc. Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời là một tất yếu lịch sử, đáp ứng nguyện vọng chung trong cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc trên bán đảo Đông Dương. Với đường lối chiến lược đúng đắn: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, trong thời kỳ 1930 - 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã từng bước dẫn dắt phong trào cách mạng ở hai nước phát triển, lần lượt vượt qua những thử thách, khó khăn khi cách mạng đang còn ở trong thời kỳ non trẻ. Trong điều kiện chưa giành được chính quyền, liên minh đoàn kết Việt - Lào được thể

hiện trong sự nhất quán chủ trương, đường lối lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thực tế cho thấy, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Việt Nam đã có ảnh hưởng trực tiếp tới sự thành công của Cách mạng tháng Tám ở Lào. Việc Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ kháng chiến lâm thời Lào ký Hiệp định xây dựng liên quân Lào - Việt (10/1945) là một biểu hiện sinh động của tình đoàn kết chiến đấu Việt - Lào. Và cũng từ đó, quan hệ Việt Nam - Lào được chính thức xác lập về mặt nhà nước[1]. Nhận định về vai trò của Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam đối với Cách mạng Tháng Tám ở Lào, đồng chí Cayxỏn Phômvihản, Chủ tịch Đảng Nhân dân cách mạng Lào khẳng định: "Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam thành công đã tạo nên bước ngoặt mới và trở thành chỗ dựa vững chắc cho cách mạng Lào và Campuchia"[2]. Từ sau năm 1945, nước Lào trở thành nước độc lập, tự do, Việt Nam đã trở thành nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, quan hệ đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân hai nước là quan hệ trực tiếp, biểu hiện bằng sự hiệp đồng chiến đấu giữa lực lượng vũ trang cách mạng hai nước, tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng với quy mô ngày càng mở rộng và trình độ tác chiến ngày càng cao,

(1) *Liên minh đoàn kết chiến đấu Việt Nam - Lào - Campuchia*, NXB. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 17.

(2) *Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*, NXB. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 45.

hiệu quả ngày càng lớn, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp năm 1954. Nhận xét về mối đoàn kết của ba nước Đông Dương trong kháng chiến chống Pháp, một tác giả nước ngoài đã viết: "Không nghi ngờ gì nữa, chính trình độ đoàn kết có hiệu quả thực sự ấy đã dẫn tới sự thất bại của Pháp ở Đông Dương mà tượng trưng là chiến thắng lịch sử của Quân đội nhân dân Việt Nam tại Điện Biên Phủ. Chiến thắng đó là sản phẩm của những nỗ lực quân sự thống nhất và có phối hợp"[1]. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, quan hệ Việt - Lào phát triển tới đỉnh cao, kết hợp với phong trào cách mạng ở mỗi nước và sự ủng hộ của nhân dân thế giới, tạo thành sức mạnh tổng hợp làm nên thắng lợi vĩ đại mùa Xuân 1975, đập tan chiến tranh phản cách mạng của đế quốc Mỹ và các thế lực thân Mỹ.

Quan hệ đoàn kết đặc biệt Lào - Việt được tồn tại và phát triển trong cuộc khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng diễn ra ở một khu vực đất không rộng, người không đông, có vị trí tự nhiên gắn bó mật thiết và có điều kiện kinh tế xã hội tương đối giống nhau. Trong từng giai đoạn, mối quan hệ có những biểu hiện cụ thể khác nhau về mặt hình thức, nhưng nhìn chung quan hệ đoàn kết chiến đấu đó được tạo ra trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng chính trị với

---

[1] *Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*, NXB. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 45.

lực lượng vũ trang, đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang trong phạm vi ở mỗi nước và trên cả hai nước. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, miền Nam Việt Nam luôn là chiến trường chính, Lào là chiến trường phối hợp quan trọng, Campuchia là chiến trường mới mở nhưng có vị trí quan trọng với cách mạng miền Nam Việt Nam và Lào. Miền Bắc không những là hậu phương lớn đối với cách mạng miền Nam mà còn là hậu phương của cách mạng Lào và Campuchia. Theo yêu cầu của Đảng và nhân dân Lào, Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam không những có trách nhiệm giúp đỡ và phối hợp chiến đấu với quân giải phóng Lào đánh địch trên khắp các chiến trường mà còn giúp đỡ cơ sở vật chất và phương tiện chiến đấu cho nhân dân Lào, giúp đỡ nhân dân Lào xây dựng vùng giải phóng, xây dựng Đảng Mác - Lênin và các lực lượng vũ trang cách mạng Lào. Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Giúp bạn là tự giúp mình", mỗi cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyên và các đoàn chuyên gia Việt Nam trong quá trình làm nhiệm vụ giúp Lào luôn luôn ghi nhớ lời căn dặn đó.

Trải qua cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, khối đoàn kết Việt - Lào - Campuchia đã vượt lên và chiến thắng các âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù, thể hiện sức mạnh của mình, làm nên các thắng lợi to lớn, toàn

diện trọng sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do ở bán đảo Đông Dương.

3. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhân dân hai nước Việt Nam và Lào không chỉ thắng lợi bằng truyền thống yêu nước, bằng sự ủng hộ giúp đỡ lẫn nhau trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự mà còn thắng Mỹ bằng sức mạnh đại đoàn kết của các tổ chức mặt trận dân tộc ở hai nước. Chiến lược đại đoàn kết toàn dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh dựa trên cơ sở liên minh công, nông, trí thức được phát huy cao độ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ ở cả hai nước Việt Nam và Lào, đem lại hiệu quả to lớn, giành toàn thắng trong cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Ở Việt Nam, với tinh thần "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", hơn 30 triệu người cùng một ý chí đánh Mỹ, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã thu hút, cảm hoá mạnh mẽ mọi tầng lớp nhân dân trong nước cùng quyết tâm ra trận.

Ở Lào, dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Neo Lào Hắc Xạt - một tổ chức hoạt động công khai của Đảng đã tuyên truyền sâu rộng chính sách của Đảng, thu hút được đông đảo các tầng lớp quần chúng

nhân dân đoàn kết xung quanh mặt trận đấu tranh chống Mỹ và "tay sai". Nhờ có đường lối, chính sách đúng đắn và sự đoàn kết toàn dân mà cách mạng Lào đã giành được thắng lợi to lớn trong cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tháng 5/1975, kết thúc tốt đẹp sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ vẻ vang của mình.

Cùng chia sẻ với cuộc đấu tranh chống Mỹ của nhân dân Đông Dương, các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc vừa là hậu phương quốc tế vững chắc, vừa là trụ cột của Mặt trận thống nhất quốc tế chống Mỹ[1], đã lên tiếng kịch liệt phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam và Đông Dương.

Cả nhân loại tiến bộ, yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới đều lên tiếng ủng hộ Việt Nam, phản đối cuộc chiến tranh phi nghĩa của Mỹ. Bạn bè khắp năm châu hướng về Việt Nam và Đông Dương. Nhân dân tiến bộ Mỹ phản đối cuộc chiến tranh và đòi nhà cầm quyền Mỹ phải rút hết quân Mỹ về nước, chấm dứt chiến tranh. Có thể thấy, chưa bao giờ cả thế giới đứng về phía nhân dân Việt Nam và Đông Dương với lực lượng đông đảo và sự ủng hộ lớn như vậy.

---

[1] Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 2, tr. 750.

Đảng Nhân dân cách mạng Lào trong khi lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cũng đã có nhiều chủ trương tranh thủ lôi kéo các tầng lớp trung gian yêu nước vào mặt trận chung chống Mỹ. Vì vậy, trong kháng chiến, quân đội trung lập yêu nước Lào đã trở thành một bộ phận quan trọng của Mặt trận dân tộc thống nhất sau sự kiện tháng 9/1960. Các chủ trương: xây dựng một nước Lào hòa bình, độc lập, trung lập thống nhất và thịnh vượng ở Lào và khẩu hiệu hòa bình, trung lập, độc lập của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đều có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tập hợp lực lượng của các tầng lớp nhân dân ở hai hước và nhân loại tiến bộ trên thế giới vào một mặt trận chung chống Mỹ.

4. Khi đề cập mối quan hệ đoàn kết chiến đấu Việt Nam - Lào, đồng chí Cayxỏn Phômvihản nêu rõ: "Trên cơ sở hoàn toàn nhất trí về đường lối giữa hai đảng, cách mạng hai nước dựa hẳn vào nhau, tận tình giúp đỡ nhau, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau, giành phần khó khăn về mình, phối hợp đấu tranh trên các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao... Để bảo vệ và không ngừng phát huy thành quả cách mạng, nhân dân và quân đội hai nước đã kề vai sát cánh đoàn kết chiến đấu sống chết bên nhau, đánh bại mọi âm mưu thủ đoạn của đế quốc Mỹ xâm lược, giành thắng lợi hoàn toàn cho mỗi dân tộc"[1].

---

[1] *Một vài kinh nghiệm chính và một số vấn đề về phương hướng mới của cách mạng Lào,* NXB. Sự thật, Hà Nội, 1979, tr. 135.

Nhìn lại toàn bộ quá trình kháng chiến 21 năm chống Mỹ, hai dân tộc Việt - Lào không chỉ thắng Mỹ bằng sức mạnh của yếu tố truyền thống mà thắng Mỹ bằng sức mạnh tự thân vận động của cả hai dân tộc, kết hợp với sức mạnh của thời đại. Có thể thấy, sức mạnh tự thân vận động ở đây chính là sự phối hợp đoàn kết đấu tranh toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao của cả hai nước vào một mặt trận chung chống Mỹ.

Về quân sự: trên quan điểm Đông Dương là một chiến trường, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, do có sự nhất trí về đường lối chiến lược và hợp đồng tác chiến đạt hiệu quả cao nên cách mạng hai nước đã từng bước đánh thắng chiến tranh xâm lược của địch trên khắp chiến trường Đông Dương. Mỗi thắng lợi trên chiến trường Việt Nam đều có ảnh hưởng đến hai nước Lào, Campuchia và ngược lại. Thực tế chiến trường cho thấy, do có sự phối hợp tác chiến trên từng địa bàn, trong từng chiến dịch, quân và dân Việt Nam đã liên tiếp giành thắng lợi giòn giã trong mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967 và cuộc tổng tấn công nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968 cùng với đòn quân sự có tính chất quyết định trong trận Nậm Bạc đầu năm 1968 ở Lào đã làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc chính quyền Giônxơn phải tuyên bố chấm dứt ném bom ở miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, chấp nhận đàm phán với Việt Nam ở Hội nghị Paris. Do bị thất bại trên khắp chiến trường hai nước Việt Nam và Lào, các chiến lược "chiến tranh cục bộ"

của Mỹ ở Việt Nam đã lần lượt bị phá sản. Từ năm 1969 đến năm 1973, đế quốc Mỹ liều lĩnh mở rộng chiến tranh sang Campuchia, chiến tranh ở giai đoạn này không chỉ bó hẹp trong phạm vi hai nước mà đã lan rộng ra toàn cõi Đông Dương. Cũng trong thời gian này, cùng với nhân dân Campuchia, phát huy truyền thống đoàn kết chiến đấu, hai nước Việt - Lào lại tiếp tục phối hợp tác chiến đánh địch trên khắp các chiến trường. Trải qua các chiến dịch lớn ở Việt Nam từ năm 1969 đến cuối năm 1972, và các chiến dịch Cù Kiệt (1969) ở Lào, chiến dịch Lam Sơn 719 ở đường 9 Nam Lào, cuộc hành quân Chen La I, II ở Campuchia và nhất là cuộc đọ sức quân sự cuối cùng trong chiến dịch 12 ngày đêm ném bom bắn phá Hà Nội, Hải Phòng, quân và dân ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia đã giành toàn thắng, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp nghị Paris (1973) chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và sau đó buộc phải đồng ý để Chính phủ Viêng Chăn ký Hiệp định Viêng Chăn lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào.

Trong suốt cuộc kháng chiến, theo yêu cầu của cách mạng Lào, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã cử hàng vạn cán bộ, chiến sĩ sang trực tiếp chiến đấu và làm chuyên gia giúp cách mạng Lào. Trong khi làm nhiệm vụ, nhiều đồng chí đã anh dũng hy sinh, vĩnh viễn nằm lại trên chiến trường Lào.

Đi đôi với chi viện về sức người ngày càng cao, Đảng Nhà nước và nhân dân ta với tinh thần đồng cam cộng

khổ, chia ngọt sẻ bùi, đáp ứng phần lớn yêu cầu về vật chất của cách mạng Lào, tạo điều kiện cần thiết cho nhân tố bên trong của Lào phát triển.

Về phía Lào, ngoài việc phối hợp tác chiến trên các chiến trường, Đảng và nhân dân Lào cũng đã hết lòng giúp đỡ, nuôi dưỡng và bảo vệ cán bộ chiến sĩ Việt Nam làm nhiệm vụ tại Lào. Đặc biệt, sự hy sinh, chịu đựng của nhân dân vùng Trung và Hạ Lào đóng góp cùng Việt Nam xây dựng tuyến vận tải chiến lược Trường Sơn là vô giá.

Trên các mặt trận chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ta với Đảng và nhân dân Lào cũng đạt được nhiều thành tựu to lớn. Trong những năm đánh Mỹ, Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào thường xuyên tiến hành cuộc hội đàm cấp cao để kịp thời chỉ đạo cuộc kháng chiến trong từng giai đoạn cụ thể. Cuộc hội đàm cấp cao tháng 5/1965 là một trong những cuộc hội đàm quan trọng giữa hai đảng trong việc góp ý kiến giúp cách mạng Lào, đề ra chủ trương xây dựng vùng giải phóng Lào như quy mô quốc gia là những đóng góp quan trọng giúp cách mạng Lào từng bước xây dựng thực lực của mình.

Ngoài việc giúp cách mạng Lào về viện trợ hậu cần, Việt Nam còn cử các phái đoàn chuyên gia kinh tế, chính trị, văn hoá sang vùng giải phóng Lào trực tiếp làm nhiệm vụ giúp cách mạng Lào. Nhiều cấp bộ, ngành thuộc các cơ

quan kinh tế, văn hoá của Việt Nam đã trực tiếp ký kết các hiệp định hợp tác xây dựng và phát triển vùng giải phóng Lào. Công tác văn hoá, giáo dục cũng thường xuyên được coi trọng. Ngoài việc cử các chuyên gia sang trực tiếp giúp Lào xây dựng hệ thống giáo dục, xây dựng các trường tiểu học, trung học, phía Việt Nam còn đảm nhận đào tạo giúp Lào hàng vạn cán bộ, học sinh, sinh viên tại Việt Nam.

Quan hệ toàn diện Việt - Lào trong giai đoạn 1954 - 1975 chính là điều kiện cơ bản để hai dân tộc giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Mối quan hệ đoàn kết và sự phối hợp toàn diện, đó là những bài học kinh nghiệm quý báu giúp cho hai nước tiếp tục phát triển quan hệ đặc biệt và sự hợp tác toàn diện trong giai đoạn hiện nay.

Như vậy, trong quá khứ và hiện tại, quan hệ đoàn kết hữu nghị và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào luôn là sự nghiệp chung của hai đảng, hai nhà nước và nhân dân hai nước. Bài học kinh nghiệm trong đấu tranh cách mạng dân tộc cho thấy chỉ có đoàn kết thì sự nghiệp cách mạng mới giành được thắng lợi. Mối quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt - Lào luôn luôn là biểu tượng cao đẹp của tình đoàn kết giữa các dân tộc vì hòa bình và phát triển. Một lần nữa, chân lý đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh lại sáng ngời. *Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công.*

Tạp chí Đông Nam Á, số tháng 01/2001.

NHỮNG NGÀY ẤY

Trần Công Tấn [1]

Bác Xuphanuvông năm nay đã 85 tuổi. Bác là kỹ sư đầu tiên ở Đông Dương tốt nghiệp đại học quốc gia về cầu đường Paris. Bác đã xây dựng biết bao đập nước, đường sá, cầu cống trên khắp ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia như cầu Xêrêpốc, đường 23, đập thủy điện Đa Nhim, đập nước Tri Nội, Bái Thượng... Khi Bác ở Vinh thì Cách mạng tháng Tám bùng nổ. Ở Lào nhân dân cũng đứng dậy đánh đuổi Nhật, Pháp. Hoàng thân Phetxarạt, anh ruột của Bác gửi điện mời Bác trở về gấp tham gia chính quyền cách mạng. Cũng lúc đó, ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh mời Hoàng thân Xuphanuvông ra Hà Nội để bàn việc liên minh tương trợ lẫn nhau giữa hai nước Việt - Lào. Sau cuộc gặp đó Bác đã trở về Lào tham gia Chính phủ, làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao kiêm Tổng Tư lệnh các lực lượng vũ trang, trực tiếp chỉ huy Liên quân Lào - Việt ở Mặt trận Savannakhẹt, Thà Khẹc. Tại nơi đây, Bác có nhiều kỷ niệm với những người lính tình nguyện Việt Nam. Trong một vài đoạn hồi ức, Bác kể: "... Tháng 10/1945 trên đường trở về Lào, đến Huế tôi đã được gặp các anh Nguyễn Chí Thanh, Hồ Tùng Mậu, Trần Hữu Dực... Các anh đã cử một đơn vị

[1] Nhà báo.

bộ đội theo tôi về nước. Trong những người đó, tôi vẫn còn nhớ tên các anh Lê Phùng Thơi, Đoàn Thuần, Trần Văn Dinh, Trần Ngọc Quế... Đó là những người chiến sĩ tình nguyện quân đầu tiên đến giúp Lào. Tháng 11/1945, Đại tướng Võ Nguyên Giáp lại cử thêm bốn sĩ quan đặc phái qua giúp chúng tôi, đó là anh Lê Thiệu Huy, Nguyễn Trọng Thưởng, Hoàng Xuân Bình, Dương Cự Tẫm. Mặt trận Thà Khẹc vào những ngày cuối năm 1945 đầu năm 1946 vô cùng ác liệt. Quân tình nguyện Việt Nam từ mặt trận đường số 9 đã bổ sung thêm cho chúng tôi, Liên quân Lào - Việt lúc này đã có trên 600 tay súng. Nhưng giặc Pháp đông gấp đôi lại có xe bọc thép, đại bác, máy bay yểm trợ. Liên quân Lào - Việt chiến đấu rất dũng cảm. Các chiến sĩ cán bộ Việt Nam chiến đấu và chỉ huy xuất sắc, như các đồng chí Nguyễn Chánh, Nguyễn Tử Quý... Đến ngày 21/3/1946 thì giặc Pháp đánh hủy diệt thành phố Thà Khẹc. Chúng cho máy bay ném bom xuống nhà thương, trường học, chợ búa, nơi tập trung đông dân. Chúng đã giết hại hàng ngàn người vượt sông Mê Kông tản cư qua Thái Lan. Thuyền máy của chúng tôi qua sông sau cùng, cũng bị trúng đạn, người lái thuyền và anh Lê Thiệu Huy hy sinh. Tôi và anh Thuần, anh Quế cũng bị thương. Tôi bảo anh em còn lại hãy bơi ngay vào bờ, tránh hy sinh không cần thiết để còn sống mà tiếp tục chiến đấu. Nhưng mọi người vẫn xúm lại băng bó, cứu chữa cho chúng tôi và không ai chịu rời thuyền. Hình ảnh sống chết có nhau đó, không bao giờ tôi quên được...

Sau này, chúng tôi được xem bức thư hiện còn được lưu giữ trong Viện Bảo tàng cách mạng của Bác Xuphanuvông gửi cảm ơn giáo sư Lê Thước - nhà Hán học lớn Việt Nam - đã cho con trai là Lê Thiệu Huy qua chiến đấu giúp Lào và đã anh dũng hy sinh ở mặt trận Thà Khẹc, trên dòng Mê Kông. Năm 1990, theo lời mời của Ủy ban Khoa học xã hội Lào, tôi đã đến Viêng Chăn vài tháng để dịch một cuốn sách do các nhân vật nổi tiếng trên thế giới viết về Bác Xuphanuvông. Thời gian này, tôi được gần gũi Bác. Lúc rảnh rỗi, Bác cháu thường chuyện trò, Bác luôn hỏi thăm tin tức những người đồng đội năm xưa, kể từ người lính bảo vệ, chị y tá, anh lái xe... "Con có biết ông Nạt Cơ, người lái thuyền cho Bác hồi ở Thà Khẹc, anh Lư chỉ huy dân công đào hầm trú ẩn cho Bác ở Sầm Nưa bây giờ còn sống hay không? Ở đâu"... Lúc về nghỉ ở thành phố Hồ Chí Minh, được tin người vợ chưa cưới của anh Huy vẫn còn sống và khi biết tin anh Huy mất, chị đã đi tu, Bác rất xúc động và đã tìm đến thăm, cảm ơn và chia buồn cùng người phụ nữ đó.

Sau những câu chuyện kể về những nỗi gian khổ, mất mát hy sinh của những người lính tình nguyện lúc chiến đấu ở Lào, Bác thường ngồi trầm ngâm suy nghĩ. Có khi Bác nói như để cho mình nghe: "Những người mẹ, người vợ anh hùng Việt Nam đã gửi hàng sư đoàn quân tinh nhuệ đến giúp Lào. Hàng trăm ngàn chiến sĩ Việt Nam đã hy sinh trên đất Lào mà các người vợ, bà mẹ ấy vẫn âm

thầm chịu đựng hàng chục năm trời..." Bác thường bỏ dở lời tự thoại ấy rồi ngồi lặng đi, chìm đắm trong ưu tư...

Năm 1991, Bác về thăm Việt Nam, nghỉ ở thành phố Hồ Chí Minh, Bác bảo tôi tìm, mời các anh tình nguyện Việt Nam tham gia kháng chiến ở mặt trận Thà Khẹc hiện còn sống ở thành phố đến cho Bác thăm. Cố gắng lắm, tôi cũng chỉ tìm được mấy người như Thiếu tướng Lê Quốc Sản (nguyên Phó Tư lệnh Quân khu 9), anh Hoàng Xuân Bình, Hoàng Phúc và Trung tướng Dương Cự Tẫm (nguyên Phó Tư lệnh Quân khu 7). Các anh đến, Bác đã thắm thiết ôm hôn những người lính già này, những mái tóc bạc gục vào nhau, nước mắt rưng rưng không nói nên lời...

Lần này, tôi ở lại Viêng Chăn được một tuần thì Bác ra viện. Tôi đến thăm và cũng để từ giã Bác. Bác bảo Vinaythong, Cục trưởng Cục Lễ tân và Quan hệ quốc tế của Văn phòng Chủ tịch nước Lào đưa ra hai bức ảnh Bác tặng Quân đội nhân dân Việt Nam. Bác nói: "Tình nghĩa đối với nhân dân và quân đội Việt Nam thì nói làm sao cho hết". Rồi Bác cầm những bức ảnh Bác chụp với Bác Hồ và quân tình nguyện, chậm rãi đọc lời đề tặng: "Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng bất khuất, tôi xin gửi lời chúc mừng thắm thiết và tình hữu nghị sâu đậm nhất đến với các bạn, các đồng chí và anh em Việt Nam thân yêu".

Đặc san báo Quân đội nhân dân, số 11, năm 1994.

KẾT THÚC MỘT THẾ KỶ

Sau chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 -1954), quân và dân hai nước Việt - Lào đã giành được thắng lợi vẻ vang. Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ năm 1954, Lào có hai tỉnh tập kết là Sầm Nưa và Phongxalỳ, lực lượng vũ trang cách mạng trong cả nước chuyển về đứng chân ở hai tỉnh, chờ một giải pháp chính trị hiệp thương thông qua đàm phán giữa Pathét Lào và Chính phủ Vương quốc Lào để đến năm 1955 sẽ tổ chức tổng tuyển cử thành lập một nhà nước Lào độc lập, thống nhất trên toàn vẹn lãnh thổ của Lào.

Song đế quốc Mỹ với bản chất ngoan cố, nhân cơ hội thực dân Pháp rút khỏi Lào, Việt Nam, Campuchia đã từng bước can thiệp, tiến tới xâm lược và thống trị các nước Đông Dương bằng chủ nghĩa thực dân kiểu mới, hòng ngăn chặn và đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Dương, Đông Nam châu Á và trên thế giới, uy hiếp các nước xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam, Lào cũng như Campuchia còn phải tiếp tục.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kéo dài đến chín năm, nhưng cuộc đọ sức lần này của quân dân hai nước Việt - Lào chống đế quốc Mỹ xâm lược diễn ra còn

lâu dài và ác liệt hơn nhiều. Quân Mỹ, quân ngụy và quân các nước đồng minh của Mỹ tìm mọi cách sử dụng hầu hết các loại vũ khí và kỹ thuật hiện đại với hàng chục triệu tấn bom đạn (trừ vũ khí hạt nhân), mở rộng chiến tranh xâm lược các nước Đông Dương, hòng gây chia rẽ, phá hoại tình đoàn kết chiến đấu của quân và dân hai nước Việt - Lào.

Trên cơ sở mối quan hệ đoàn kết đặc biệt, vì lợi ích của hai dân tộc, nhân dân Việt Nam và nhân dân các bộ tộc Lào cùng giúp đỡ nhau kiên quyết kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả, quân và dân ta vừa dồn sức xây dựng, chiến đấu bảo vệ miền Bắc và tiến hành kháng chiến để giải phóng miền Nam, vừa dành cho quân và dân Lào sự giúp đỡ hết sức to lớn, toàn diện để đánh Mỹ. Theo yêu cầu của Đảng, Chính phủ kháng chiến Lào và thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình"[1], một bộ phận Quân đội nhân dân Việt Nam gồm một số đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự đã lần lượt nhận nhiệm vụ sang giúp bạn tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Kinh nghiệm về giúp bạn Lào trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là vốn quý, tiếp tục được quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam phát huy mạnh mẽ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ với sức mạnh mới.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 7, tr. 64.

Trong những năm 1954 - 1959, phương thức hợp tác giúp đỡ của ta đối với cách mạng Lào có sự thay đổi so với thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Trên cơ sở bàn bạc thống nhất với Đảng bạn, Đảng ta chủ trương chuyển từ chế độ quân tình nguyện như trong cuộc kháng chiến chống Pháp sang chế độ cố vấn quân sự (từ năm 1959 đổi gọi là chuyên gia quân sự), về mặt quân sự, Trung ương Đảng ta đặt chế độ cố vấn tách khỏi hệ thống quân tình nguyện, thực hiện ở ba cấp: Bộ Quốc phòng, Trường quân chính và các đơn vị, địa phương. Thực hiện chủ trương đó, Trung ương Đảng ta cử Đoàn Cố vấn quân sự 100 sang giúp bạn, mở đầu mối quan hệ đoàn kết chiến đấu giữa quân đội và nhân dân hai nước Việt - Lào trong cuộc kháng chiến chống Mỹ ở Lào.

Từ năm 1960, khi đế quốc Mỹ can thiệp ngày càng trắng trợn vào công việc nội bộ của Lào, thực hiện chiến lược "chiến tranh đặc biệt", mối quan hệ đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của quân đội và nhân dân hai nước Việt - Lào càng được củng cố và phát triển. Trong những năm 1960 - 1968, theo đề nghị của bạn, Trung ương Đảng và Bộ Quốc phòng nước ta lần lượt cử các đoàn chuyên gia quân sự 959, 463, 565 và các đoàn quân tình nguyện 335, 316, 763, 766, 866, 968 sang giúp quân và dân Lào xây dựng lực lượng, củng cố khu căn cứ, vùng giải phóng để kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Năm 1969, đế quốc Mỹ thực hiện "chiến tranh đặc biệt tăng cường" ở Lào, yêu cầu nhiệm vụ giúp cách mạng Lào đòi hỏi ngày càng lớn. Để đáp ứng tình hình mới của bạn, Trung ương Đảng và Bộ Quốc phòng nước ta chấn chinh tổ chức, biên chế các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự đang làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào. Năm 1970, Bộ Tư lệnh quân tình nguyện Việt Nam tại Lào được thành lập trên cơ sở Đoàn 959 được chấn chỉnh nâng cấp tổ chức tương đương quân khu mang phiên hiệu Bộ Tư lệnh 959. Năm 1971, tách ra thành Đoàn chuyên gia quân sự 959 và Bộ Tư lệnh Mặt trận 31 (Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng). Năm 1972, Bộ Quốc phòng ta quyết định hợp nhất Sư đoàn 316 vào lực lượng Bộ Tư lệnh Mặt trận 31 để thành lập Bộ Tư lệnh Mặt trận Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng, mang phiên hiệu Bộ Tư lệnh Mặt trận 316, quyền hạn tương đương cấp quân khu. Đến năm 1973, Bộ Quốc phòng lại quyết định chấn chỉnh Bộ Tư lệnh 316 thành Bộ Tư lệnh Mặt trận 31 và Sư đoàn 316, cùng các đơn vị quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tiếp tục làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào đến năm 1975.

Mặc dù các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự hoạt động trên một số địa bàn khác nhau, chức năng nhiệm vụ từng đoàn cũng có sự khác nhau ở chừng mực nhất định, nhưng đều chung mục đích là giúp bạn trưởng thành từ nhỏ đến lớn, từng bước tự đảm nhận được nhiệm vụ cách mạng của bạn. Trong quá trình giúp bạn, các đoàn

quân tình nguyện cũng như chuyên gia quân sự đều bắt đầu từ đề xuất, kiến nghị những vấn đề quan trọng, giúp bạn xem xét đề ra chủ trương, chính sách lãnh đạo kháng chiến, xây dựng và chiến đấu của quân đội; sau đó, bám sát các nghị quyết của Đảng và Bộ Quốc phòng bạn, giúp tổ chức triển khai xây dựng lực lượng, đề xuất phương án tác chiến, phối hợp chiến đấu, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, coi đó là tổng thể hoàn chỉnh trong nhiệm vụ giúp bạn.

Trải qua 21 năm làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào, quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam đã vận dụng sáng tạo đường lối, phương châm, nguyên tắc của Đảng tận tình giúp bạn đạt được những thành tựu to lớn trên một số mặt chủ yếu sau đây:

Giúp bạn xây dựng lực lượng vũ trang và các khu căn cứ để tiến hành kháng chiến

Trong giúp bạn, một trong những nhiệm vụ quan trọng làm quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Narn thực hiện là giúp bạn về quân sự, xây dựng lực lượng vũ trang, trong đó chú trọng xây dựng quân đội Páthét Lào (năm 1966 đổi là Quân giải phóng nhân dân Lào, năm 1975 đổi thành Quân đội nhân dân Lào), làm nòng cốt cho các lực lượng vũ trang và nhân dân các bộ tộc Lào kháng chiến; đồng thời quan tâm giúp đỡ xây dựng các đơn vị trung lập yêu nước cùng đoàn kết phối hợp chiến đấu với

quân đội Pathét - Lào. Trong những năm 1954 - 1965, các đoàn 100, 959, 463, 565 làm nhiệm vụ chuyên gia (cố vấn) quân sự bên cạnh quân và dân bạn đã vận dụng sáng tạo kinh nghiệm về xây dựng quân đội ta, xác định đề án tổ chức biên chế, giúp bạn xây dựng, hình thành cơ cấu tổ chức lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân (các tiểu đoàn trực thuộc Bộ; các đại đội tập trung ở tỉnh, trung đội tập trung ở huyện; các đội du kích ở xã, bản, tự vệ chiến đấu ở các cơ quan, xí nghiệp) phù hợp với hoàn cảnh, tình hình cách mạng Lào.

Suốt những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cùng với việc xây dựng lực lượng vũ trang, quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam thường xuyên giúp bạn xây dựng các khu căn cứ, vùng giải phóng, làm chỗ dựa để tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài. Giúp bạn xây dựng, củng cố các khu căn cứ, vùng giải phóng là nhiệm vụ quan trọng. Theo yêu cầu của bạn, lãnh đạo, chỉ huy các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam thường xuyên cử các tổ cố vấn (chuyên gia), các đội vũ trang công tác cùng cán bộ, chiến sĩ bạn đi sâu sát cơ sở, tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân các bộ tộc Lào ủng hộ sức người, sức của cho kháng chiến. Vượt qua những khó khăn trở ngại, cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện, chuyên gia quân sự đã giúp bạn xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố các khu căn cứ, vùng giải phóng ngày càng vững chắc để kháng chiến lâu dài và đi đến thắng lợi cuối cùng.

Bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ giúp bạn nâng cao ý chí độc lập tự chủ, tinh thần tự lực tự cường, từng bước tự đảm nhiệm công việc của bạn

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đội ngũ cán bộ và số đảng viên người Lào còn ít. Để giúp bạn tự đảm nhiệm mọi cương vị về chính quyền cũng như lãnh đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang và làm chủ sự nghiệp cách mạng của bạn, các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự ta hết sức coi trọng việc bồi dưỡng, đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên cho bạn ở các đơn vị, địa phương.

Với tinh thần đồng chí, đồng đội, cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện và chuyên gia quân sự ta đã sát cánh cùng với bạn xây dựng, chiến đấu và công tác. Sau mỗi trận (đợt) chiến đấu, hoặc công tác, ta cùng bạn tổng kết rút kinh nghiệm để bạn tự nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy. Trong quá trình kháng chiến, ta còn giúp bạn mở các lớp huấn luyện cán bộ ngắn ngày về chính trị, quân sự, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cho bạn ở từng giai đoạn cách mạng. Công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ giúp bạn được triển khai tích cực và hiệu quả. Đội ngũ cán bộ làm cách mạng trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Riêng lực lượng vũ trang đến cuối năm 1975 phát triển lên đến hơn 3 vạn quân tập trung và hơn 5 vạn dân quân du kích. Tổng số đảng viên trong bộ đội là 5.965 người, chiếm gần 18% quân số. Đội ngũ cán bộ, đảng viên trưởng thành là vốn quý của

cách mạng Lào. Nhiều cán bộ, đảng viên bạn được ta bồi dưỡng, đào tạo sau này đã trở thành những cán bộ lãnh đạo, chỉ huy cao cấp của Đảng, Nhà nước và quân đội Lào.

Giúp bạn huấn luyện, xây dựng Đảng, tăng cường công tác chính trị, nâng cao trình độ và năng lực chiến đấu, công tác.

Trong quá trình kháng chiến, các đơn vị quân đội Lào hoạt động phân tán trên các chiến trường nên ít có thời gian tập trung xây dựng, huấn luyện. Vì thế, bộ đội tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam phải từng bước giúp bạn huấn luyện nâng cao trình độ quân sự. Việc huấn luyện gồm bốn kỹ thuật lớn, trong đó chú trọng kỹ thuật bắn súng và nguyên tắc vận dụng các hình thức chiến thuật đánh địch trong mọi tình huống. Sau mỗi khoá huấn luyện, ta và bạn đều tổ chức bắn đạn thật đạt kết quả tốt.

Cùng với việc giúp bạn đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự, bộ đội tình nguyện và chuyên gia quân sự ta rất chú trọng giúp bạn xây dựng phát triển Đảng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân sự, coi đó là nhân tố quyết định bước phát triển của việc xây dựng lực lượng vũ trang và thắng lợi của cách mạng Lào. Đồng thời giúp bạn bảo đảm công tác hậu cần, kỹ thuật, phục vụ tốt các yêu cầu xây dựng, chiến đấu, sản xuất và công tác. Nhờ sự giúp đỡ tận tình, có hiệu quả của quân tình nguyện và chuyên gia quân sự ta, bạn đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị và

trình độ quân sự, từng bước tự đảm đương nhiệm vụ xây dựng, chiến đấu và công tác, đạt những thành tích ngày càng to lớn.

Sát cánh cùng với quân và dân Lào chiến đấu, từng bước đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai.

Xác định kẻ thù của nhân dân Lào cũng chính là kẻ thù chung của nhân dân Việt Nam và nhân dân Campuchia, quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam đã luôn sát cánh cùng với bạn chiến đấu, giúp bạn tổ chức chuẩn bị và thực hành chiến đấu, từ nghiên cứu nắm địch, chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất đến vận dụng các hình thức đánh địch.

Lúc đầu tổ chức các đơn vị chiến đấu hỗn hợp Việt, Lào, Lào - Việt thực hiện đánh nhỏ, đánh phục kích. Sau đó, khi bạn trưởng thành, có khả năng độc lập tác chiến mới tách riêng đơn vị tình nguyện, chuyên gia và đơn vị của Lào, đánh các đồn bốt, đánh ngăn chặn các cuộc càn quét, tiêu hao và tiêu diệt từng bộ phận quân địch, từ đánh từng trận riêng lẻ, sau chuyển đánh nhiều trận liên kết thành một đợt tác chiến, thành chiến dịch, đồng thời phối hợp với các đơn vị chủ lực Việt Nam sang các chiến dịch lớn như các chiến dịch Nậm Thà (năm 1962), 128, 74A (năm 1964), Nậm Bạc (năm 1968), *Mường Sủi* (năm 1969), Toàn Thắng (năm 1970), Đường 9 - Nam Lào (năm 1971), Cánh Đồng Chum - *Mường Sủi*, Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng

(1972), tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giành thắng lợi từng bước về quân sự, hỗ trợ cuộc đấu tranh chung của nhân dân cả nước Lào, đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt", tiến tới đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt tăng cường" của đế quốc Mỹ ở Lào.

Xây dựng chiến trường Lào thành chiến trường phối hợp với các chiến trường đặc biệt là chiến trường chính miền Nam, góp phần vào thắng lợi chung của cách mạng ba nước Đông Dương.

Thực hiện giúp bạn xây dựng, trưởng thành về mọi mặt và chiến đấu giành thắng lợi trên chiến trường Lào cũng là một nhiệm vụ chiến lược đòi hỏi quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam nỗ lực phấn đấu để phối hợp với các chiến trường, nhất là chiến trường miền Nam.

Ngay từ khi đế quốc Mỹ can thiệp và xâm lược Lào, ta và bạn đã tích cực triển khai các mặt chuẩn bị chiến trường (điều chỉnh thế bố trí lực lượng trên các địa bàn chiến lược, theo dõi nắm địch, chuẩn bị cơ sở quần chúng, dự trữ lương thực, thực phẩm, vũ khí đạn dược, xây dựng hệ thống đường sá, nhất là ở phía tây Trường Sơn). Nhờ chuẩn bị chiến trường chu đáo, trong các chiến dịch tiến công trên chiến trường Lào những năm 1962 - 1972, lực lượng quân tình nguyện, quân chủ lực của ta và bạn tham gia ngày càng lớn. Ngoài ra còn có hàng nghìn đội dân quân du kích và dân công phục vụ trên địa bàn chiến dịch. Thực tiễn quá

trình kháng chiến cho thấy, chiến trường Lào thực sự là một chiến trường phối hợp rất đắc lực với chiến trường chính, những thắng lợi của cách mạng Lào trong cuộc kháng chiến chống Mỹ đã góp phần vào thắng lợi chung của cách mạng Việt Nam cũng như Campuchia.

Trong những năm hoạt động trên chiến trường Lào, cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện, chuyên gia quân sự Việt Nam đã phải chịu đựng biết bao khó khăn, thiếu thốn, gian khổ, ác liệt, phải quyết tâm phấn đấu mới vượt qua được. Nhờ có sự giúp đỡ hết sức to lớn, hiệu quả của quân dân Lào và tinh thần phấn đấu theo đường lối quốc tế vô sản trong sáng, quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam đã phát huy được khả năng của mình để hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, lập nhiều chiến công trên chiến trường Lào. Một số đơn vị và nhiều cá nhân tiêu biểu của quân tình nguyện và chuyên gia quân sự ta đã được Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Quân ủy Trung ương Lào tặng thưởng nhiều huân chương cao quý, đồng thời được Đảng và Nhà nước ta tặng Huân chương Sao Vàng, nhiều huấn chương các loại[1] Một số tập thể và cá nhân được tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện, chuyên gia quân sự Việt Nam lập được thành tích vẻ vang, đó là do đã chấp

[1] Năm 2000, quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam đã vinh dự được Đảng và Nhà nước ta tặng thưởng Huân chương Sao Vàng, do đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế ở Lào.

hành nghiêm đường lối quốc tế trong sáng của đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam; đồng thời do tinh thần phấn đấu quên mình vì sự nghiệp quốc tế cao cả của cán bộ, chiến sĩ ta, sự thương yêu đùm bọc, giúp đỡ hết mình của quân đội và nhân dân các bộ tộc Lào đối với bộ đội tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam. Qua hơn 20 năm quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam thực hiện nhiệm vụ quốc tế giúp bạn trên chiến trường Lào có thể rút ra một số kinh nghiệm chính sau đây:

1. Thực hiện hợp tác giúp cách mạng Lào theo đường lối, quan điểm quốc tế của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh

Nhằm củng cố và tăng cường mối quan hệ đoàn kết, liên minh chiến đấu giữa quân đội và nhân dân hai nước Việt - Lào, vấn đề quan trọng đầu tiên là phải nắm vững quan điểm, đường lối quốc tế và chủ trương giúp cách mạng Lào của Đảng ta trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đây là nguyên tắc quan trọng nhất trong quan hệ liên minh, hợp tác chiến đấu giữa Việt Nam và Lào.

Trên cơ sở mối quan hệ đặc biệt vốn có truyền thống từ lâu trong lịch sử, Đảng ta xác định giúp đỡ cách mạng Lào một cách toàn diện và bằng nhiều phương thức, trong đó về quân sự có hai phương thức chủ yếu là chuyên gia quân sự và quân tình nguyện. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược của quân và dân Lào là một bộ phận của chiến

tranh liên minh, mà Đông Dương là một chiến trường, trong đó Việt Nam và Lào là hai chiến trường gắn bó chặt chẽ với nhau.

Trong bối cảnh cách mạng Lào còn non yếu, phải tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ gấp nhiều lần, việc giúp bạn về quân sự của ta đòi hỏi phải nỗ lực rất lớn. Nắm vững nguyên tắc liên minh, đoàn kết và giúp đỡ nhau, Đảng ta đã thường xuyên giáo dục, quán triệt cho quân tình nguyện và chuyên gia quân sự phải nắm vững quan điểm đường lối quốc tế của Đảng để vận dụng giúp bạn đúng đắn. Mọi hoạt động của quân tình nguyện và chuyên gia quân sự ở Lào, từ xây dựng đến chiến đấu, lúc khó khăn cũng như khi thuận lợi đều phải thống nhất theo quan điểm "giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình", giúp bạn để bạn tự đảm đương được sự nghiệp cách mạng, ra sức giúp bạn từng bước vươn lên tự làm chủ trong xây dựng, chiến đấu, công tác, không ngừng trưởng thành và giành thắng lợi, tránh tự ty, tác phong bao biện, làm thay. Quán triệt sâu sắc tinh thần đó, cán bộ, chiến sĩ ta đã kiên quyết đấu tranh khắc phục những quan điểm, hành động sai trái, sớm đưa công tác giúp bạn theo đúng quỹ đạo.

Phương châm, phương pháp giúp bạn được xác định: "Bạn chưa biết ta làm giúp, tiến tới ta và bạn cùng làm, cuối cùng bạn làm ta giúp". Quán triệt quan điểm, đường lối quốc tế đúng đắn của Đảng và theo tư tưởng Hồ Chí Minh,

sự giúp đỡ của quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam ngày càng chất lượng và hiệu quả, được bạn hoan nghênh, cùng phấn đấu thực hiện, giành thắng lợi từng bước, tiến tới thắng lợi cuối cùng.

2. Tăng cường đoàn kết giúp bạn xây dựng và chiến đấu theo đường lối, chủ trương thống nhất giữa ta và bạn

Mặc dù cùng chung nhiệm vụ chống đế quốc Mỹ xâm lược, nhưng do cách mạng mỗi nước phát triển không đều, nên việc vận dụng đường lối cũng như các quan điểm giúp bạn phải được nghiên cứu, bàn bạc thống nhất phù hợp với tình hình của cách mạng Lào. Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương ta luôn đề xuất, trao đổi, tôn trọng ý kiến quyết định của bạn, thống nhất quan điểm, đường lối giúp bạn xây dựng và chiến đấu. Trong thực hiện nhiệm vụ giúp bạn, vấn đề quan trọng là phải nắm được đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng bạn đề ra, trên cơ sở đó thực hiện giúp bạn về quân sự, về xây dựng và chiến đấu theo đúng chức năng của mình.

Trong thực hiện nhiệm vụ giúp bạn, lãnh đạo quân tình nguyện và chuyên gia quân sự của ta luôn quan tâm giáo dục cán bộ, chiến sĩ nhận thức rõ quan điểm: "Cách mạng Lào phải do nhân dân Lào tự làm lấy. Việt Nam giúp Lào là tạo điều kiện để từng bước bạn đảm nhận được sứ mệnh lịch sử của đất nước mình". Trong giúp bạn, phải

"thực sự tôn trọng quyền làm chủ" của bạn, giúp bạn theo phương châm: "cơ bản, toàn diện, liên tục và có hiệu quả". Lúc đầu giúp bạn, cán bộ, chiến sĩ ta còn lúng túng, nhưng sau một thời gian thực hiện đã từng bước theo đúng chức năng của mình, giúp bạn hiệu quả.

Quá trình giúp bạn, ta thường bắt đầu từ đề xuất, kiến nghị những vấn đề chiến lược có tính chất quan trọng theo tinh thần tôn trọng độc lập chủ quyền của bạn để Trung ương và Quân ủy bạn xem xét, trao đổi đi đến thống nhất đề ra đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn về lãnh đạo chiến tranh, về xây dựng và chiến đấu của quân đội. Trên cơ sở đường lối cách mạng, các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng và Quân ủy bạn đã xác định rõ phương hướng lãnh đạo các lực lượng vũ trang bạn xây dựng và chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện và chuyên gia quân sự ta tích cực giúp bạn, được bạn đồng tình đã đạt được những thành tựu rất đáng kể trong xây dựng, từng bước trưởng thành và chiến đấu thắng lợi.

Như vậy, trên cơ sở nhất trí cao về quan điểm, đường lối, chủ trương và các biện pháp thực hiện giữa ta và bạn, cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện và chuyên gia quân sự ta với tinh thần trách nhiệm cao, ý thức tôn trọng độc lập chủ quyền của bạn đã vươn lên mạnh mẽ cùng với bạn xây dựng và chiến đấu, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng do Đảng Nhân dân cách mạng Lào đề ra, góp phần vào thắng lợi chung của nhân dân ba nước Đông Dương.

3. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của chuyên gia quân sự và quân tình nguyện giúp bạn trên các mặt công tác

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quốc tế giúp bạn, lực lượng chuyên gia quân sự ra đời từ rất sớm, ngay trong những năm quân và dân Lào đấu tranh vì hòa bình, trung lập, hòa hợp dân tộc (1954 - 1959). Mở đầu là sự ra đời của Đoàn cố vấn quân sự 100 (năm 1954) với nhiệm vụ giúp xây dựng quân đội Pathét Lào về mọi mặt, đáp ứng tình hình mới. Trong quá trình phát triển của cuộc kháng chiến, lực lượng chuyên gia quân sự được bổ sung lớn mạnh từ nhiều nguồn, lần lượt hình thành. Năm 1959, Đoàn chuyên gia quân sự 959 hình thành, làm chuyên gia giúp bạn bên cạnh Trung ương Đảng và Quân ủy Lào; giúp các cơ quan Trung ương, các quân khu, tỉnh và đơn vị quân đội Pathét – Lào, cụ thể là giúp về đường lối, chính sách, kinh nghiệm và vật chất, tham gia chiến đấu khi cần thiết. Năm 1963, Đoàn chuyên gia quân sự 463 thành lập, giúp Quân khu Cánh Đồng Chum – Xiêng Khoảng chiến đấu, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng; giúp lực lượng trung lập yêu nước đoàn kết với Pathét Lào chiến đấu cho độc lập Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân.

Năm 1965, Đoàn chuyên gia quân sự và quân tình nguyện 565 thành lập (năm 1968 tách ra thành hai đoàn: Đoàn chuyên gia quân sự 565 và Đoàn quân tình nguyện

968), làm chuyên gia giúp các địa phương ở Nam Lào xây dựng lực lượng từ tỉnh đến các đại đội, xây dựng cơ sở ở vùng giải phóng và vùng địch hậu; phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương đánh địch lấn chiếm, diệt phỉ ở Khăm Muộn, bắc Savannakhẹt, bảo vệ địa bàn, bảo vệ tuyến hành lang 559. Các đoàn chuyên gia quân sự 959, 463 bám trụ hoạt động trên chiến trường Lào cho đến khi kết thúc cuộc kháng chiến.

Từ năm 1960, khi đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược "chiến tranh đặc biệt", liên tiếp mở các cuộc tiến công lấn chiếm vùng giải phóng, nhiệm vụ giúp bạn giữ vững thành quả cách mạng trở nên cấp thiết. Theo yêu cầu của bạn, năm 1962, ta cử Lữ đoàn 335 quân tình nguyện sang phối hợp với một số đơn vị bạn mở chiến dịch Nậm Thà, mở rộng vùng giải phóng Thượng Lào. Năm 1963, Bộ Quốc phòng nước ta thành lập Đoàn 763 quân tình nguyện giúp Quân khu Hạ Lào xây dựng căn cứ địa, xây dựng lực lượng vũ trang. Năm 1966, ta tổ chức Đoàn 766 quân tình nguyện giúp bạn xây dựng lực lượng, phối hợp với bạn chiến đấu ở khu vực Sầm Nưa; đồng thời thành lập Đoàn 866 quân tình nguyện giúp bạn chiến đấu ở Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng. Năm 1968, Đoàn 968 quân tình nguyện thành lập làm nhiệm vụ phối hợp với bạn xây dựng, chiến đấu ở vùng Nam Lào.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển cách mạng Lào, năm 1970, Bộ Quốc phòng nước ta quyết định thành lập Bộ Tư

lệnh quân tình nguyện Việt Nam ở Lào (Bộ Tư lệnh 959) có quyền hạn tương đương Bộ Tư lệnh Quân khu. Nhiệm vụ là thống nhất lãnh đạo, chỉ huy quản lý mọi lực lượng vũ trang và chuyên gia quân sự của ta ở các tỉnh Sầm Nưa, Xiêng Khoảng, Viêng Chăn, *Bô Li Khăm Xay*; làm chuyên gia quân sự bên cạnh Bộ Chỉ huy tối cao quân giải phóng nhân dân. Năm 1971, Bộ Quốc phòng quyết định tách Bộ Tư lệnh quân tình nguyện Việt Nam ở Lào thành Đoàn 959 chuyên gia quân sự bên cạnh Bộ Chỉ huy tối cao Lào, trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy bộ phận chuyên gia ở Quân khu Cánh Đồng Chum, các đơn vị chủ lực và tỉnh đội bạn thuộc khu trung tâm; đồng thời thành lập Bộ Tư lệnh Mặt trận 31 (Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng) trực thuộc Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh ta. Năm 1972, Bộ Quốc phòng ta quyết định hợp nhất Sư đoàn 316 vào lực lượng của Bộ Tư lệnh Mặt trận 31 để thành lập Bộ Tư lệnh Mặt trận Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng, mang phiên hiệu Bộ Tư lệnh Mặt trận 316, quyền hạn tương đương cấp quân khu. Đến năm 1973, Bộ Quốc phòng lại quyết định chấn chỉnh Bộ Tư lệnh Mặt trận 316 thành Bộ Tư lệnh Mặt trận 31 và Sư đoàn 316 trực thuộc Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trong quá trình giúp bạn, quân tình nguyên và chuyên gia quân sự thường xuyên nắm vững và thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trên đất bạn, từ tham gia giúp bạn xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng cơ sở

kháng chiến đến phối hợp với bạn, phối hợp với các đơn vị chủ lực ta sang chiến đấu. Với tinh thần quốc tế trong sáng, quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam luôn được quân và dân Lào yêu mến, coi như anh em trong gia đình, được Đảng và Chính phủ kháng chiến Lào đánh giá như một lực lượng bên trong (nội lực) cuộc kháng chiến của bạn.

4. Thường xuyên xây dựng quân tình nguyện và chuyên gia quân sự, đặc biệt là xây dựng đội ngũ cán bộ đủ sức hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao

Trong điều kiện hoạt động ở chiến trường xa hậu phương, ta lãnh đạo, chỉ huy các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự hết sức chú trọng xây dựng quân tình nguyện về mọi mặt để trở thành những đơn vị có bản lĩnh hoạt động độc lập, có năng lực công tác chính trị vững vàng trình độ quân sự giỏi; đồng thời có tinh thần bền bỉ, khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, thiếu thốn, sức chịu đựng cao, ý chí tự vươn lên mạnh mẽ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó. Vì thế, việc xây dựng các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự, đặc biệt là xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực lãnh đạo, chỉ huy, có bản lĩnh hoạt động độc lập cao, năng lực công tác tốt, sống hết mình vì sự nghiệp cách mạng Lào, không ngừng nâng cao tinh thần quốc tế cao cả vừa là yêu cầu, vừa là điều kiện để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ.

Nhận thức được tầm quan trọng, trách nhiệm, vinh dự và những mặt mạnh, mặt yếu của mình, ngay từ những ngày đầu sang đất bạn, mỗi đoàn quân tình nguyện cũng như chuyên gia quân sự rất coi trọng công tác xây dựng nội bộ, coi đó là một nhiệm vụ quan trọng phải được quan tâm lãnh đạo, quản lý chặt chẽ, thường xuyên. Nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ vừa lãnh đạo công tác giúp bạn, vừa chăm lo xây dựng nội bộ, lãnh đạo, chỉ huy các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự tổ chức các bộ phận, các ngành tham mưu, chính trị, hậu cần chuyên trách và công tác nội bộ, thực hiện chính sách thương binh, liệt sĩ; chính sách gia đình hậu phương của cán bộ, chiến sĩ đang làm nhiệm vụ quốc tế trên chiến trường Lào.

Nhờ lãnh đạo, chỉ huy thường xuyên giáo dục và tinh thần nỗ lực tự vươn lên của mỗi cán bộ, chiến sĩ, công tác giúp bạn của các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam trưởng thành nhiều mặt, hoàn thành tốt nhiệm vụ, được bạn yêu mến, tin cậy, góp phần tô thắm truyền thống đoàn kết quốc tế cao cả, trong sáng, thủy chung son sắt, chí nghĩa, chí tình của Quân đội nhân dân Việt Nam với Quân đội nhân dân Lào anh em.

*

* *

Cuộc kháng chiến chống Mỹ tại Lào đã giành được thắng lợi. Được Đảng, Nhà nước, quân đội và nhân dân

giao nhiệm vụ, quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam, một bộ phận của Quân đội nhân dân Việt Nam đã có những đóng góp rất to lớn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế đối với cách mạng Lào. Đó là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu đặc biệt Việt - Lào; đồng thời là thắng lợi chung của nhân dân ba nước Đông Dương. Sự giúp đỡ của quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam đối với quân và dân Lào trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là sự hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa quân đội hai nước Việt - Lào. Đó là một tất yếu khách quan, một điển hình mẫu mực về quan hệ đoàn kết, liên minh chiến đấu và hợp tác giữa quân đội hai nước độc lập có chủ quyền, tôn trọng và tin cậy lẫn nhau trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ xâm lược.

Mối quan hệ đoàn kết chiến đấu đặc biệt, giữa quân đội hai nước Việt - Lào được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản thật là "mối quan hệ mẫu mực, hiếm có, vô cùng trong sáng, rất mực thủy chung, gian khó không đổi thay, đạn bom không lay chuyển", như đồng chí Lê Duẩn - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam đã nói rõ. Mối quan hệ đặc biệt ấy "hơn 30 năm đã qua mà vẫn trong sáng như xưa", là "di sản vô giá mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dày công vun đắp, để lại cho hai Đảng, hai dân tộc chúng ta ngày càng phát triển với chất lượng mới, mà không thế lực phản động nào có thể phá vỡ nổi", như đồng chí Cayxỏn Phômvihản - Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã khẳng định.

Ngày nay, kinh nghiệm của quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam về giúp bạn và cùng với bạn tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ cũng như kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ quốc tế trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trước đó là di sản vô cùng quý báu. Nó mãi mãi được giữ gìn và tiếp tục phát huy, góp phần đưa quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa quân đội và nhân dân hai nước Việt - Lào phát triển lên tầm cao mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

Trích "Lịch sử quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)", NXB. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản 3

1. Một tư liệu quý về tình hữu nghị Việt - Lào 6

2. Mối tình sâu đậm 12

3. Việt - Lào cần phải đoàn kết 25

4. Đường biên giới Việt - Lào ngày nay - sản phẩm của truyền thống hữu nghị giữa hai dân tộc và tư tưởng Hồ Chí Minh 43

5. Hội "Việt Nam thanh niên" với việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Lào (1925 - 1935).....56

6. Thà Khẹc năm 1943 75

7. Một kỷ nguyên mới 85

8. Cuộc chiến đấu ở Thà Khẹc năm 1946 109

9. Một tài liệu quan trọng.....127

10. Chuyến đi lịch sử 134

11. Trên chiến trường Hạ Lào.....144

12. Vào vùng địch tạm chiếm trên đất Lào 168

13. Một gia đình có năm anh em là quân tình nguyện ...180

14. Vợ chồng "ÁtNha" Xỏn 185

15. Con gái hai nước Việt - Lào 189

16. Bà mẹ Lào 195

17. Hồi ký của cô y tá Việt.....208

18. Sát cánh bên nhau 212

19. Nữ chiến sĩ tình nguyện quân Hạ Lào.....244

20. Nậm Thà 1962.....248

21. Cánh đồng Chum 1969.....275

22. Cánh đồng Chum 1972.....287

23. Một số vấn đề trong mối quan hệ đoàn kết
chiến đấu Việt - Lào thời kỳ cận đại (1858 - 1930).....318

24. Cùng chung thắng lợi trong kháng chiến
chống Pháp 1945 – 1954.....339

25. Một số đặc trưng của mối quan hệ Việt - Lào
trong cách mạng giải phóng dân tộc
thời kỳ 1954 - 1975.....379

26. Những ngày ấy.....391

27. Kết thúc một thế kỷ.....395

Việt - Lào
Hai nước chúng ta

9 786048 035549
8 935217 109258

SÁCH KHÔNG BÁN